

# SƠN NAM

& Tô Nguyệt Đình  
Chuyện xưa tích cũ



HOA KHUẤT NAM TRÍ

Sưu tầm và ghi chép lại



# SƠN NIAM

SUBAM  
&  
GÓI THÊU

& TÔ NGUYỆT ĐÌNH

• Chuyện Xưa  
Tích Cũ



NGHĨA XUẤT BẢN TRẺ

# Table of Contents

[Chuyện Xưa Tích Củ - Sơn Nam](#)

[Ông Khổng Lò đúc chuông](#)

[Cây mắc cỡ](#)

[Người chồng bất nghĩa](#)

[Con trâu bay](#)

[Ông địa làng Bình Sùng](#)

[Người vợ bé tài đức](#)

[Săn chuột](#)

[Núi Thị Vải](#)

[Vì con gà mà giết mẹ](#)

[Ma Thần Vòng](#)

[Con ong và con tu hú](#)

[Người chết trả nợ cũ](#)

[Cọp thối sừng trâu](#)

[Chùa Thầy Thiêm ở Núi Sập](#)

[Thương nước thương dân](#)

[Lộc Giác Chơn Nhơn](#)

[Tham thì thâm](#)

[Bà Kiêm Giao](#)

[Cây Kỳ Nam](#)

Nhân tài của làng Ông Văn

Cụ Đồ Chiêu giả điếc

Ông Tăng Chủ nuôi cạp bạch

Tích Bà Đen ở núi Tây Ninh

Con gián, con nhên nhện

Con vạc ăn đêm

Theo thơ vận từ thứ

Công chúa Mai Châu

Hoàng hậu Tàu ở Việt Nam

Xã Định kiện Bà Cố

Ma rừng

Bài thơ Chợ Quán

Truyện Nghĩa Hổ

Người rừng

Đưa con thần

Lọt sổ Diêm đình

Người chết trả ơn

Vợ khôn chồng dại

Chồng giết vợ

Con dơi

Bộ râu còi

Ông vua heo

Thằng làm biếng gặp thời

Thần linh phò hộ

Con ngỗng có mòng trắng

Sao Hôm Sao Mai

La Sơn Phu Tử

Bão lụt năm Thìn

Cô hồn đèn ơ

Bông Thủy Tiên

Ông Thần xã Đình Lập

Con thỏ, con chim nắc nước, con muỗi

Rụng lông vịt

Hai ông quan thanh liêm

Ăn mày xin vàng

Anh bán vải

Tích con chim Hít Cô

Tích chùa Long Giáng

Ông Vu Công trừ tà

Con cọp và cậu học trò

Tên trộm vịt

Chuyện Thầy Thím

Nữ anh hùng Bùi Thị Xuân

Ăn trâu ngắt đuôi

Kép Hứa Văn Hát Bội

Thần Phạm Nhĩ hóa ra cọp

Tích cây nhơn sâm

Rắn già rắn lột

Ông Huỳnh Mẫn Đạt

Con cá nước

Sự tích cá he hay cá nước

Chó mực, ngựa ô

Vần thơ yêu nước

Núi Yên Tử ở Hải Dương

Ông Nguyễn Mại xử án

Thần đồng đầu thai

Ông tiên sư làm nghề lọng

Tích về cái yên ngựa

Vương Thập xuống âm phủ

Anh em họ Trương

Thằng Cuội, Cây Đa

Cá hóa long

Tích con rệp

Cái chuông, cái trống, cái mõ

Kiểm Bạc Kiên Giang

Thập Bát La Hán

Sự tích Vững Tàu

Hồ huyết

Đưa con ăn mày

Chợ Mảnh Ma Nam Định

Bà Châu Thị Phú

Giai ngẫu tự nhiên thành

Ác báo

Con rắn thần

Ma chó

Ông thầy tiên tri

Tiên hóa thành ... trâu

Đôi sam

Cọp được phong thần

Loài khỉ chai dít

Con kiến vàng

Cô gái nhà giàu hóa thành con muỗi

Rắn và rùa

Tại sao nước biển mặn

Mẹ gà con vịt

Hầm vàng, hầm bạc

Kiếp con tằm

Sự tích trái thơm

Tại sao con voi có vòi

Cái bình voi

Thần chết và thần sống đánh cờ

Ông trạng lấy rùa

Nàng chuột trình tiết

Gió biết tương tư

Ba anh dốt làm thơ

Con chó đá

Giết chó khuyên chồng

Người con chí hiếu

Sinh con rồi mới sinh cha

Anh khờ đi buôn

Ba phần gia tài

Chim bắt cô trói cột

Cứu vật - vật trả ơn, cứu nhân - nhân trả oán

Cái chân vịt

Tích chim đa đa

Cua, rùa, cá đuối

Tích trái sầu riêng

Ông tiến sĩ mọc lông dê

Con mèo của Công Quỳnh

Chữ Đồng Tử

Bầy thiêu thân

Trái dưa hấu

Chuyện quạ sói đầu

Ông trạng mười hai tuổi

Chim chèo bẻo

Trạng Trình

Cây khế bằng vàng

Sự tích chùa Một Cột

Thằng Lía

Sự tích Hòn Vọng Phu

Người thiếu phụ Nam Xương

Cây đa bến cũ

Truyện người lấy cóc

Cái cân và cục máu

Thần núi Tản Viên

Kẻ trộm thành Phật

[Con rùa vàng](#)

[Tích cái ống nhỏ](#)

[Bà Huyện Thủy Đường](#)

[Cây tre trăm mắt](#)

[Ông quan tuổi tỵ và con chuột bằng vàng](#)

[Truyện con chó đá](#)

[Tại sao cọp ghét mèo](#)

[Sóng thần ở Phá Tam Giang](#)

[Anh đánh cá và công chúa Thủy Tề](#)

[Nhà sư và con cá kình](#)

[Chuyện cá trê và con cóc](#)

[Tù Thức gặp tiên](#)

[Tích Nguyệt Lão tơ hồng](#)

[Sự tích Tháp Bà](#)

[Chuyện Thương Công Lê Văn Duyệt chém Lãnh Tạo](#)

[Chuyện ông Cống Quỳnh](#)

[Tích cây mía và lễ chiêu hồn](#)

[Viên ngọc quạ](#)

[Cọp hút á phiện](#)

[Anh cả và anh hai](#)

[Ông Cọp đình Tân Kiểng](#)

Ông Nguyễn Chát

Bãi Ông Nam ở Cà Mau

Sự tích Bà Mã Châu

Đức hạnh của bà Thái Hậu Từ Dũ

Chàng rể khờ

Cọp không biết trèo cây

Mãng xà vương ở Tân Bằng

Tiếng hát của Hà Ô Lôi

Mạnh mẫu dạy con

Truyện Phù Đồng Thiên Vương

Thầy pháp sợ ma

Dốt đặc hơn chữ lỏng

Muôn sự của chung

Con bạch trĩ

Sự tích cây phượng

Quẻ tử vi tốt xấu

Lý Ông Trọng đánh giặc Hung Nô

Người bán dầu

Tích ông Bồn

Ông Thổ địa Đằng Châu

Truyện Phạm Tử Hư

Sự Tích Mả Ngụy

Truyện Ngọc Vân công chúa

Người cỡi trần xuống thăm địa ngục

Hoàng đế bán hành

Ông tổ nghề in là ai?

Trạng Bùng, ông tổ nghề dệt Việt Nam

Chuyện Phật Thích Ca và sự tích cây Nêu

Ông Hoàng Tử Cam

Huyền Trân công chúa và hai châu Ô, Lý

Sự tích cây pháo

Sự tích bông thủy tiên

Truyện hai con ngỗng chung tình

Hồn Trương Hoa, ma hàng thịt

Ông Công Quỳnh tiếp vua và sứ Tàu

Người ăn khỏe nhất nước Nam

Con thằng mỗ làm quan trạng

Cao nhân tất hữu cao nhân trị

Truyện công chúa Liễu Hạnh

Truyện thằng trời đánh

Vì cười mà chết

Sự tích chùa Thủ Huồn

Ông tổ làm da ở Việt Nam

Truyện kho vàng ở tỉnh Sơn Tây

Người hóa thành chim

Chuyện ni cô Tuệ Không

Mài dao dạy vợ

Núi Hàm Rồng ở Thanh Hóa

Voi tập trận

Đầm Tôm ở Thanh Hóa

Hiền Vương giết người đẹp

Con Trĩ, loài chim quý của Việt Nam

Con tôm đèn ớn

Người khuất mặt ở rừng U Minh

Gương vỡ lại lành

Người đàn bà ghen tuông

Đạo sĩ núi Na

Cá thần và cá ma

Con ranh, con lộn

Quỷ thần bắt trắc

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

# Chuyện Xưa Tích Củ

## Sơn Nam & Tô Nguyệt Đình

# ÔNG KHỔNG LỒ ĐÚC CHUÔNG

Nghề đúc chuông bắt đầu có ở Việt Nam vào khoảng năm 1220 đời nhà Lý.

Lúc ấy, Ngọc Hoàng ra lệnh cho ông Khổng Lồ xuống giúp dân Việt. Ban đầu, ông Khổng Lồ vào chùa tu.

Một hôm, ông tâu với vua nhà Lý rằng: -Xin bệ hạ cho phép bần tăng qua bên Tàu, lấy ngọc ngà châu báu.

Vua nhà Lý bằng lòng. Ông Khổng Lồ bèn mang bị, mang gậy đi qua nước Tàu, đến đâu ăn xin đến đó. Ngày nọ đi tới kinh đô, ông nài nỉ vào bái yết vua Tàu.

Vua Tàu hỏi: -Hòa Thượng vào đây có việc chi?

Ông Khổng Lồ đáp: -Tâu bệ hạ, bần tăng xin phép được vào kho tàng để thỉnh chút ít đồng đen đem về đúc chuông thờ Phật. Bần tăng không lấy nhiều, chỉ xin đây bị nhỏ này.

Thấy cái bị của ông Khổng Lồ không lớn mấy, vua bằng lòng cho phép ông vào kho.

Trước cửa kho, có tượng một con trâu to lớn đúc bằng vàng ròng. Quan Tàu giữ kho nói với ông Khổng Lồ, giọng mỉa mai: -Tôi cho Hòa thượng con trâu vàng này, nếu Hòa thượng vác nổi đem về An Nam.

Biết rằng quan giữ kho khinh khi mình, ông Khổng Lồ đáp: -Bần đạo làm sao vác nổi nó. Là người tu hành, bần đạo chỉ muốn thỉnh chút ít đồng đen đem về đúc chuông.

Vào tới kho đồng đen, ông Khổng Lồ hốt đồng bỏ vào bị. Bỏ vào rất nhiều mà không thấy đầy vì bị của ông có phép. Chừng đầy bị thì kho của vua Tàu đã lừng hơn phân nửa. Quan giữ kho hoảng sợ biết ông Khổng Lồ là kẻ dị thường, bèn cấp báo cho vua hay. Lập tức, vua Tàu sai quân sĩ tới vây. Vì số đồng đen mang nhiều quá, ông Khổng Lồ không thể nào hóa phép thành con chim để bay được. Ông phải chạy rất nặng nhọc, vất vả. Quân Tàu đuổi theo gần kịp, nhờ họ cưỡi ngựa. Nguy hiểm làm sao, ông Khổng Lồ chạy tới sông Hồng Hà. Lập tức, ông lấy cái nón thả xuống nước, đứng trên nón. Nón ấy hóa ra chiếc thuyền chở ông và bị đồng đen đến bên kia sông. Quân Tàu hoảng sợ, không dám đuổi theo.

Thành Hà Nội thuở ấy gọi là Bắc Thành. Về tới đó, ông Khổng Lồ nhờ mấy người thợ rèn thụt ông bễ lên để rèn một cái chuông thật lớn. Ông căn dặn: rèn thế nào cho chuông này giống hình cái bông sen nở, khi đánh vào thì kêu rền lên khắp nơi, khắp chốn ai cũng nghe.

Vì họ là thợ rèn không chuyên môn đúc đồng nên cái chuông không được như ý muốn. Rốt cuộc ông Khổng Lồ dùng đất sét nắn kiểu khuôn trước, rồi đổ đồng vào sau. Nhờ vậy, cái chuông hoàn thành.

Ông Khổng Lồ bèn sửa sang cuộc lễ tạ ơn Phật Trời. Đúng ngày ông đánh chuông. Máy tiếng đầu vang rền ngân nga Đông, Tây, Nam, Bắc ai nấy đều hay biết ... Đến đổi con trâu bằng vàng đứng giữ kho bên Tàu cũng giết mình. Ngỡ rằng trâu mẹ gọi mình, tượng trâu vàng nọ chạy một mạch từ kinh đô nước Tàu qua tới kinh đô nước Việt Nam thời ấy.

Ông Khổng Lồ vừa mừng, vừa sợ hãi. Mừng vì thấy cửa cải mà người Tàu vơ vét của dân Việt Nam bấy giờ trở về Việt Nam. Sợ vì e vua Tàu cử đại binh qua xâm chiếm nước nhà phen nữa. Bởi vậy, ông liệng cái chuông nọ xuống Hồ Tây. Con trâu vàng nọ cũng nhảy xuống nước theo mẹ.

Đời sau, ông Khổng Lồ được tôn thờ là Thần đúc chuông.

# CÂY MẮC CỜ

Ngày xưa, có một cô gái rất đẹp. Xóm làng ai cũng trầm trồ khen ngợi. Cô nàng tên là Trinh, hình vóc mảnh mai, tướng đi yêu điệu. Đặc biệt cô có đôi mắt đen huyền che khuất sau đôi hàng lông nheo vừa dài, vừa sậm.

Hàng ngày cô Trinh phải buôn tảo bán tần, gánh rau ra chợ bán để nuôi mẹ già, em dại. Hễ gặp cậu trai nào dòm ngó, cô luôn luôn e thẹn cúi đầu. Hai hàng lông nheo sụp xuống che khuất đôi mắt.

Đã có sắc đẹp lại có hạnh kiểm tốt ai mà không yêu!

Trong xóm có cậu công tử nọ tên Xinh. Cậu Xinh đem lòng yêu mến cô Trinh, mỗi ngày đón đường để mong thốt với cô vài lời tâm sự. Cô Trinh từ chối: -Trăm sự, phải nhờ sự ưng thuận của mẹ tôi ở nhà.

Nhuốm bệnh tương tư, một hôm cậu Xinh đi tò tò sau lưng cô mà trộm ngắm. Thừa lúc vô ý, cậu chạy lại nắm tay cô. Cô nói: -Cậu đừng làm vậy mà thất giáo. Tôi đây thà chết chứ không bao giờ để hoen ố ...

Bệnh tương tư của cậu Xinh ngày càng thêm trầm trọng. Ông bá hộ, cha của cậu, biết rằng con trai mình lớn tuổi, cần phải cưới vợ. Ông tìm nơi môn đăng hộ đối để định gia thất cho con.

Cậu Xinh không giải được cơn sầu. Phải chi cô Trinh là con nhà giàu có thì cậu cưới được. Ngặt cô rất nghèo khó. Sống với người vợ không vừa ý, cậu vô cùng phẫn chí, đi tới đi lui như xác không hồn.

Sau đó cậu đi học phương xa.

Thời gian thấm thoát không biết mấy thu qua xuân lại rồi mà hình ảnh cô Trinh vẫn còn ghi trong tâm não của cậu. Một hôm trở về làng cũ, cậu Xinh đi thần thờ ra sau vườn mé sông.

Bỗng nhiên, từ trong bụi rậm, cô Trinh bước ra. Cậu đứng nhìn, kìa cô Trinh cất tiếng hát, giọng trong trẻo, mê ly lạ thường. Chợt thấy cậu, cô Trinh run rẩy, day mặt lại toan chạy trốn. Cậu Xinh vội nắm tay cô rồi ôm vóc ngọc vào lòng. Rõ ràng là đôi mắt đen huyền ngày xưa khuất sau hai hàng lông nheo dài sậm. Cậu cúi mặt xuống để hôn. Nhưng hỡi ôi nàng tắt thở. Cậu giật mình, mới biết này giờ mình đang cúi xuống đất mà hôn một đóa hoa màu hường<sup>[1]</sup>, xung quanh đầy lá nhỏ mịn, thứ lá xếp lại khi có hơi gió, hoặc hơi thở nào động tới.

Hỏi ra thì cô Trinh đã tự tử từ hai năm nay, vì có kẻ tham quan ô lại dùng quyền lực toan cưỡng bức cô. Cho hay! Chữ Trinh đáng giá biết mấy. Dầu chết xuống âm cảnh, người thiếu nữ vẫn giữ được sự trong sạch của tâm hồn mình.

-----

1. Hường: hồng.

# NGƯỜI CHỒNG BẤT NGHĨA

Đời nhà Đường, người Tàu đến ở thành Đại La (Hà Nội) rất đông.

Quan Tàu thấy một thiếu nữ Việt Nam tên Liên Anh có nhan sắc nét na bèn cưới cho con trai của mình.

Về nhà sống chung với cậu công tử nọ, Liên Anh tỏ ra đảm đương, hiền hậu. Đôi vợ chồng trẻ năm sau có đứa con trai đầu lòng.

Hai năm qua, đời sống gia đình họ rất hạnh phúc.

Nhưng bỗng đâu có người bạn học cũ tới thăm. Anh chồng bèn thiết tiệc linh đình cùng với vài vị quan Tàu khác. Buổi tiệc sắp đặt tại vườn hoa.

Họ uống rượu rất nhiều. Chừng ai nấy ngà ngà say, người bạn nọ có ý nghĩ trớ trêu: -Bản cùng mới biết hiếu tử. Nước loạn mới rõ tôi trung. Có gặp sự cảm dỗ, ve vãn của bạn bè, mình mới biết vợ mình có thiệt lòng yêu mình không?

Anh chàng nọ gật đầu: -Phải! Phải lắm. Như vợ tôi đây thương tôi lắm. Ngặt chưa bạn bè nào tới cảm dỗ để tôi dò xét thử ...

Người bạn rót rượu thêm: -Vậy thì ông nên cho phép anh em ở đây tới cảm dỗ thử. Nếu không xong thì rõ ràng là người đàn bà tốt.

Anh chồng nọ say rượu không kịp nghĩ suy bèn cho phép bạn bè tới ve vãn vợ mình.

Nàng Liên Anh đang ngồi trong phòng the ru con ngủ. Bỗng nhiên một vị quan trai trẻ đến, buông lời đường mật.

Nàng từ khước đuổi ra.

Lại một vị khác bước vào, buông ra bao nhiêu là giọng kèn tiếng yến<sup>[1]</sup>. Nàng Liên Anh không đồng ý. Lại có vị quan thứ ba, thứ tư bước vào.

Sau cùng nàng Liên Anh nhìn đứa con trai mà khóc: -Hồi nào đến giờ, mẹ là người nét na đoạn trang. Nay bỗng dưng nhiều người tới đây toan làm điều bất nhã. Chắc mẹ có sơ sót điều gì về hạnh kiểm nên thiên hạ mới suồng sã như vậy. Hay là họ khinh khi người đàn bà Việt Nam không biết giữ lòng chung thủy?

Nàng thất cổ tự tử.

Sau đó quan trên điều tra chuyện này, ra lệnh xử tử người chồng nàng Liên Anh. Chính hắn mới là chánh phạm trong vụ giết người vợ hiền.

1. Trong sách viết sai chữ yến, phải là uyển mới đúng.

# CON TRÂU BAY

Có anh nông phu nọ mua được một con trâu tơ mười hai đồng bạc, đem về cày ruộng. Trâu mạnh khỏe, dai sức lắm.

Đêm ngủ, anh ta nằm chiêm bao thấy trâu nọ mọc hai cái cánh bên hông, bay bổng đi mất. Lúc thức dậy anh ta nghĩ rằng: “Đó là điềm bất lành. Mình phải bán con trâu này. Không thì nó cũng mất.”

Hôm sau anh dắt trâu ra chợ, bán được sáu đồng bạc. Bèn lấy dây thắt lưng buộc số tiền ấy lại.

Đến nửa đường, anh thấy một con chim lớn đang đứng mổ vào xác con chuột chết. Lại gần thử xem, thì chim nọ dạn dĩ, không bay. Anh vồ con chim nọ, dùng dây thắt lưng buộc vào chân chim.

Đi được một lát, chim nọ vùng vẫy, mổ vào tay đau điếng. Vô ý anh buông con chim ra. Chim bay bổng, mang theo cái thắt lưng buộc bạc.

Về tới nhà, vợ hỏi: -Con trâu đâu?

Anh thở dài: -Nó bay mất rồi! ...

# ÔNG ĐỊA LÀNG BÌNH SÙNG

Làng Bình Sùng có gốc cây đa to. Kế bên là miếu thờ ông Địa. Dân làng đồn rằng, ông Địa này linh lắm, nên họ hằng tới lui cúng kiến, khấn vái. Họ phải lãng phí rất nhiều tiền bạc để mua gà vịt, nhang đèn.

Có một anh nọ không tin như vậy, thề không bao giờ cúng vái ông Địa. Lắm khi đi ngang qua miếu, anh nói giả ngợ: “Ông Địa ơi! Có rảnh chiều nay lại nhà uống rượu với tôi chơi.” Ai rầy la cũng mặc, anh không bỏ thói đó.

Hôm nọ bỗng dưng anh ngã lăn ra ôm bụng mà rên la dữ dội. Vợ chạy thuốc đủ điều mà bệnh không thuyên giảm. Sau rốt có người bàn nói: -Chắc là chồng bị ông Địa quở, chị lên ra miếu van vái, xin tha tội thử coi!

Y như lời, vợ anh đem nhang đèn ra miếu lạy. Về tới nhà, anh nọ hết đau.

Bữa sau, chị vợ khuyên chồng làm thịt heo trả lễ ông Địa. Anh đổ quạu: -Ai biểu mình vái. Ông Địa cứu tôi, đó là bốn phận của ông. Ơn nghĩa gì.

Hôm sau, anh nọ phát đau dữ dội lần nữa.

Xóm giềng bàn tán: -Chắc ông Địa quở rồi! Hôm trước có hứa, sao không chịu cúng heo cho ông.

Chị vợ ra miếu khấn vái. Chập sau, anh cũng hết đau. Vì vậy, hôm sau chị cương quyết làm thịt heo cúng. Nghe vậy, anh cãi lại: -Để tôi lo cho. Mình phải giao con heo sống nhằn này cho ông. Nấu nướng trước, sợ ông ăn không vừa miệng.

Rồi anh cột dây, dắt con heo ra miếu, cột chặt con heo vào cột ông Địa.

Tới trưa, heo đói bụng bèn lòi cột ông Địa về nhà. Xóm giềng hoảng sợ. Song anh nọ tỉnh táo đem cột nọ tắm sạch sẽ rồi ôm ra miếu trả lại chỗ cũ.

Thấy anh nọ quá ngạo mạn dễ người, ông Địa quyết răn dạy anh một phen đích đáng hơn mấy lần trước, nên đến bà Cửu Thiên Huyền Nữ mượn cái kim cô đem về. Báu vật này giống như cái niềng, hễ trồng cái kim cô vào đầu ai thì kẻ đó phải đau đớn không tả; cái niềng siết vào đầu ngày một chặt, đến bể sọ.

Hôm sau anh nọ bỗng nhiên la lên nhức đầu nhào lộn xuống đất. Không ai biết cách nào cứu trị. Có người khuyên nên vái ông địa. Chị vợ khóc lóc: -Vái rồi chừng lành không chịu tạ ơn. Ai dám vái nữa.

Kẻ khác bèn nói: -Chắc chồng chị tiếc con heo, vậy thì vái gà vịt thế vào đó cũng được.

Đầu anh nọ càng nhức thêm. Túng thế anh vái: -Ông Địa cho tôi hết nhức đầu, tôi cúng cho ông ...

Tới đó, anh suy nghĩ không biết nên hứa cúng vật gì cho gọn. Thấy anh quá bòn xén, ông Địa bèn niệm thần chú cho cái kim cô nọ siết gắt hơn. Vì quá đau, anh nổi giận hết lớn: -Mình đưa cái búa lớn cho tôi. Để tôi búa óc tôi ra coi cái gì ở trong mà nhức nhối hành hạ quá vậy?

Biết anh nọ gan dạ, ông Địa sợ anh búa thiệt. Nếu vậy, cái kim cô của bà Cửu Thiên Huyền

Nữ phải dứt, uống bửu bối nọ quá, phải bồi thường. Ông bèn tháo cái kim cô về miếu.

Từ đó, anh nọ không còn đau bụng nhức đầu gì nữa. Xóm giềng cũng bớt tin dị đoan cúng vái lật vật, hao tài tốn của vô lý như trước.

# NGƯỜI VỢ BÉ TÀI ĐỨC

Ở tỉnh Thanh Hóa, có ông nhà giàu nọ cưới người vợ bé rất trẻ, rất đẹp. Bà vợ lớn thấy vậy sanh ra ghen tương <sup>[1]</sup>, nay đánh, mai chửi, sai làm công việc nặng nhọc. Người vợ bé cam chịu không hé một phiến trách. Đêm nọ, ăn cướp tới động cửa. Người chồng và người vợ lớn sợ hết hồn hết vía, kéo nhau vào một xó, nín hơi không dám cựa cựa. Cô vợ bé bèn cầm roi, mở cửa ra đánh bọn cướp chạy tơi bời.

Tan cuộc, người vợ lớn mới hỏi: -Dì có tài phép gì mà đánh tan tụi nó ẹ vậy.

Người vợ bé nói: -Cha tôi là thầy nghề võ. Khi còn bé, cha tôi có dạy tôi chút ít nghề, cho nên hôm nay tôi mới trừ được chúng nó.

Từ đó, trong làng ai cũng khen vô vợ bé là giỏi. Có người hỏi thử: “Cô có nghề võ giỏi như vậy, tại sao khi bà vợ lớn đánh, cô không đánh lại?” Cô vợ bé trả lời: “Tôi là kẻ bề dưới, có khi nào dám đánh kẻ bề trên.”

Câu trả lời ấy lần lần thấu tai bà vợ lớn. Bà này suy nghĩ lại, mới đem lòng thương yêu người vợ lẽ, không dám đánh chửi hành hạ như trước nữa.

-----

1. Ghen tương hay ghen tuông? Chữ nào đúng?

# SĂN CHUỘT

Chuột là giống vật gây bao nhiêu thảm hại cho nhà nông.

Ở ngoài đồng, khi lúa chín thì chuột tung ra cắn phá. Để trừ nó, nhiều người làm bẫy đánh thuốc độc hoặc chặn các ngách rồi quạt khói vô hang. Ngoài cửa hang chánh, người ta đặt cái rọ. Bao nhiêu chuột bị ngột phải chun<sup>[1]</sup> vô rọ đó.

Ở làng Cổ Quán, huyện Thần Khê, tỉnh Thái Bình, có một thôn nọ hằng năm tổ chức cuộc bắt chuột. Cứ đến ngày mùng 9 tháng 9, trai trẻ trong làng đều ra đồng săn chuột. Các ông lão ngồi ở đình làng mà thâu đuôi. Ai bắt được nhiều đuôi chuột đem về trình cho các cụ để lãnh thưởng. Giải thưởng nhất là một quan, hai tiền.

Đó cũng là một tục lệ hay của dân tộc mình.

-----

1. Chun: chui.

# NÚI THỊ VÃI

Núi này thuộc về huyện Long Thành, tỉnh Biên Hòa.

Tích xưa, họ Lê có người con gái rất kén chồng. Đến khi cha mẹ mất cô mới lấy chồng, nhưng không được bao lâu chồng mang bệnh mà chết. Cô nọ thề không lấy chồng nữa, ngật lỏi xóm có nhiều kẻ tới lui trêu ghẹo vì cô là người có nhan sắc.

Buồn bực quá, cô cạo đầu trốn lên đỉnh núi này mà cất am để tu thân học đạo.

Vì vậy, dân chúng cảm mến cô, đặt núi này là núi Bà Vãi, sau này kêu là Thị Vãi.

# VÌ CON GÀ MÀ GIẾT MẸ

Ngôn ngữ ta có câu “Phường chó săn, gà chọi.” Đó là ám chỉ mấy người lêu lổng không lo chí thú làm ăn, tối ngày mê say việc đá gà, nuôi chó săn.

Đời vua Gia Long năm thứ mười tám, ở làng Đình Bảng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh có một gã trẻ tuổi tên là Đình Văn Hào. Tên này nuôi được một con gà rất hay, đá độ nào ăn độ đó.

Nói nói: “Hễ ai đụng tới mạng con gà của nó thì phải chịu chết thế mạng.”

Một hôm nó đi vắng, con gà nòi ra sân ăn lúa. Vợ nó chụp cây sào vụt ra trúng con gà. Chẳng may con gà nọ gãy chết. Người vợ hoảng sợ chạy vô cầu cứu với mẹ chồng. Bà mẹ này quá thương con dâu nên nói: “Không sao đâu con. Chờng nó về, mẹ nhận là mẹ lỡ giết con gà nòi đó.”

Hôm sau, tên Hào trở về. Bà mẹ ruột chạy ra khóc lóc: “Hồi hôm qua, mẹ lỡ vụt cây sào trúng con gà nọ, con tha tội cho mẹ.” Dứt lời, tên Hào chạy vào buồng lấy cây dao bầu ra chém mẹ đứt cổ. Làng xóm thấy vậy xúm lại trối tên Hào, giải lên quan trên xử tử.

Năm đó nhà vua ra lệnh cấm đá gà vì đề phòng việc ấy hại tới luân thường đạo lý.

# MA THẦN VÒNG

Xóm nọ có cây đa rất cao, hàng năm đôi ba người tới đó thắt cổ. Dân chúng đồn rằng ở đó có ma thần vòng.

Gần cây đa, có cậu học trò hay chữ tên là Lê Quý Chi. Đêm nào cậu cũng thắp đèn học suốt đêm. Gần nhà cậu, có người đàn bà còn trẻ, đêm nào cũng thức dệt vải.

Phen đó, cậu học trò nghe tiếng sột soạt ngoài cửa. Mở cửa ra thấy trăng sáng mờ; chừng cuối canh hai. Thấp thoáng kia, một người đàn bà cầm sợi dây dài chừng ba bốn thước tây. Mụ này đi tới đi lui, giấu sợi dây nơi này rồi đem lại nơi kia quanh quẩn. Chập sau, dứt dưới đồng rơm rạ rồi biến mất.

Cậu học trò lập tức lấy đèn ra soi, đem sợi dây nọ vô nhà. Nó bốc mùi tanh hôi. Cậu đoán chắc đó là sợi dây bấy lâu nay thắt cổ người ta, bèn giấu lên án thư, dần cuốn sách che lại.

Chập sau, người đàn bà láng giềng không dệt vải nữa, bỗng đứng dậy than khóc. Mụ già (con ma thắt cổ) bước tới lạy người dệt vải nọ. Người dệt vải bèn cười rú lên, cởi dây thắt lưng ra. Con ma lập tức chạy ra đồng rơm tìm sợi dây ban nãy nhưng không gặp.

Cậu học trò yên chí rằng sợi dây đã bị giấu trong này, nhất định người dệt vải kia không thể nào bị phép con ma mà tự tử được. Một lát, nghe tiếng con ma gõ cửa. Cậu học trò la lớn: -Tao là học trò. Mày là đàn bà. Tại sao dám phá rối tao! Giỏi thì vô đây nói chuyện.

Bấy giờ con ma nọ bước vào và nói: -Khi nãy tôi làm mất sợi dây. Chắc là cậu giấu. Xin cậu trả lại cho tôi.

-Nhất định tao không trả. Mày làm gì tao?

Con ma nói: -Cậu đừng trách tôi nghe!

Rồi xoa tóc xuống phủ lưng quần, le lười ra dài hơn một thước, mặt đỏ như máu. Chập sau, con ma rút lười vào, vắn tóc lại gọn gàng, hóa ra một cô gái vô cùng lịch sự. Cậu học trò vẫn thản nhiên ngồi đọc sách. Rồi cuộc, con ma khóc lóc năn nỉ: -Nếu cậu không trả cho tôi sợi dây nọ, làm sao tôi đầu thai kiếp khác được?

Cậu học trò đáp: -Mày giết người khác để mày sống lại. Tao không nỡ giết người khác.

Con ma nói: -Đó là luật của âm ti.

Cậu học trò nói: -Luật đó vô ích quá. Để tao viết cái sớ cho tòa âm ti hủy bỏ khoản đó.

Rồi viết sớ giao cho con ma. Con ma xin cậu nọ đốt sớ thì mang đi mới được. Nó mừng, lạy cậu học trò.

Từ đó về sau, con ma thần vòng không còn và cây đa nọ không còn ai tới thắt cổ.

# CON ONG VÀ CON TU HÚ

Con Ong nọ đậu trong ổ lo gầy mặt. Bỗng đâu có con Tu Hú bay tới kêu: “Tu hú! Tu hú!”

Con Ong bèn quở trách: -Mày kỳ quá! Tối ngày kêu tu hú, tu hú hoài! Không kêu tiếng gì lạ hơn. Nhảm tai tao quá!

Con Tu Hú đậu lại mà trả lời: -Mày trách tao kêu nghe nhảm tai. Vậy chớ mày suốt đời cứ hút nhụy làm mặt, công chuyện đó cũng nhảm vậy.

Con Ong nói: -Làm việc ích lợi mà làm một thứ hoài thì không sao. Còn mày kêu cho vui mà kêu một giọng hoài, riết rồi không vui. Vô ích quá!

# NGƯỜI CHẾT TRẢ NỢ CŨ

Xóm nợ, có ông Lý Trước Minh tánh tình rộng rãi, hay thương xót kẻ bần hàn. Có tên nợ nghèo đói quá, không biết nghề nghiệp gì cho rành. Thương tình ông Lý Trước Minh cho mượn gạo tiền, ngày này qua ngày khác.

Một bữa, tên nợ tới lạy ông mà nói: -Đời tôi mạng ơn ông nhiều quá rồi. Nay nhờ ông một lần chót. Xin ông cho tôi vay một tạ đậu xanh để làm vốn. Sau này tôi hứa sẽ trả đủ.

Ông Lý Trước Minh đồng ý. Hơn một năm tên nợ đi đâu mất. Năm đó ông qua chùa đọc sách; giữa trưa nằm chiêm bao, thấy tên đó hiện về nói rằng: “Bấy lâu nay tôi thiếu nợ ông một tạ đậu xanh, bây giờ tôi phải trả lại.”

Ông Lý Trước Minh nói: -Chú thiếu của tôi nhiều quá rồi. Hơi đâu mà trả cho đủ. Mấy năm nay chú đi đâu? Tôi miễn nợ cho chú.

Tên nợ lộ vẻ âu sầu, rồi biến mất.

Hôm sau người nhà tới báo cho ông hay rằng, đêm qua con lừa cái đã đẻ một con lừa đực nhỏ, mập mập lấm. Ông Lý Trước Minh sanh nghi, đoán chừng tên nợ đầu thai để trả ơn mình.

Về nhà, ông thử kêu con lừa bằng tên của kẻ thiếu nợ. Con lừa lại ngoan ngoãn chạy lại. Lớn lên con lừa cưỡi đi đâu chơi cũng được thiên hạ trầm trồ đòi mua, nhưng ông không kịp làm giá vì luôn có người nhà đến kêu ông về.

Năm sau, lừa nợ bị con ngựa của ông cắn gãy ống chân. Có ông thầy thuốc trâu tới xin trị bệnh.

Thầy thuốc nói: -Chừng con lừa mạnh, bán được bao nhiêu tiền, tôi chia đôi với ông chịu không?

Ít tháng sau, lừa nợ mạnh đem bán được một ngàn tám trăm. Chia ra phân nửa tiền, ông Lý Trước Minh đem về, sức nhớ thì rõ đúng giá một tạ đậu xanh của anh nghèo vay lúc trước.

# CỌP THỎI SỪNG TRÂU

Mỗi khi cọp tới phá rẫy, người ta thổi còi để đuổi. Tại sao cọp sợ tiếng còi sừng trâu? Tích xưa như vậy: .”nh nọ giữ rẫy khoai, hằng đêm đốt lửa nướng vài củ khoai lang để ăn mà giải buồn. Gần chòi anh, có con cọp tới lui rình. Cọp ta bắt chước, móc khoai lên, thổi lửa nướng khoai như anh nọ.

Anh nọ giận lắm vì mỗi khi cọp đến, anh phải leo lên chòi cao mà trốn. Hôm sau, anh bày ra một kế: mua dầu chai đem về rưới mấy bó rơm chung quanh bếp lửa. Gần đó anh đặt hai bó củi, trong bó củi có hai cây pháo tre thật to.

Cọp ăn quen lại ngồi trên bó rơm. Dính dầu chai, dính rơm vô lông, cọp ngơ ngác không hiểu chuyện gì bèn đem hai bó củi nọ thả vào bếp lửa. Ý của cọp là đốt lên cho sáng để coi rõ. Dè đâu khi củi ngún<sup>[1]</sup>, hai cây pháo tre nổ lên, rơm và dầu chai phụt cháy khiến cọp phải hoảng chạy. Lửa bốc phừng phừng thiêu rụi lông, râu, làm phỏng da. Đổ quạu, hôm sau cọp trở lại ngồi sát chòi, chờ dịp trả thù.

Ngồi trên chòi cao, anh nọ vô cùng sợ hãi, bèn ném dao, mác, hũ, chén ... Cọp không sợ, trái lại hả miệng thật lớn như chờ anh té xuống nhà nhai xương. Sau rốt, còn cái còi sừng trâu, anh nọ liệng xuống rớt vào ngay cuống họng cọp nọ ... Cọp giựt mình không hiểu vật gì làm nghẹt thở. Cọp hít hơi, hơi gió lọt vào còi kêu lên: “Cò, Cò.” Thở mạnh ra, hơi gió kêu lên: “Kè ... Kè ...” Hoảng sợ, cọp chạy miết về rừng. Càng sợ, hơi thở càng mạnh cho nên dọc đường cọp nghe trong họng mình: “Cò kè, cò kè ...”

Từ đó về sau, hễ cọp nghe tiếng còi sừng trâu là chạy cong đuôi.

-----

1. Ngún: cháy ngằm, không bốc thành ngọn.

# CHÙA THẦY THIẾM Ở NÚI SẬP

Ở tỉnh Long Xuyên có núi Sập.

Núi này còn tên khác là Thoại Sơn. Thoại chính là ông Nguyễn Hữu Thoại, một danh tướng đời vua Gia Long được phong tới tước hầu (Thoại Ngọc Hầu).

Sau đời ông Thoại Ngọc Hầu, dân chúng về núi Sập làm ăn ngày càng đông đúc, lập vườn làm ruộng theo chân núi. Bỗng một hôm nọ, hàng xóm tri hô lên: “Thằng ăn trộm dừa kia! Bắt nó lại.” Tội nhân chừng sáu mươi tuổi, ăn mặc nâu sòng hết lời nài nỉ: “Tôi ở trên núi. Mùa này thiếu nước uống. Vì vậy, xuống đây hái dừa uống cho đỡ khát.”

Xem tướng mạo hiền lành của ông, người chủ vườn bằng lòng tha tội. Ông đạo nói: -Bà con có lòng tốt thương tôi, tôi không biết làm sao đền đáp lại. Vậy từ rày về sau tôi sẵn sàng xem mạch hốt thuốc dùm.

Ông đạo rất giỏi về khoa trị bệnh con nít. Một vị quan đại thần đem đứa con bệnh nặng cho thầy trị dùm.

Thầy nói: -Bệnh ngặt lắm, thượng động Cổ hỉ. Nếu đứa nhỏ lành bệnh tôi phải chết thế nó. Bằng như nó chết, tôi còn sống được ít lâu. Để tôi đi thiếp hỏi lệnh trên xem thế nào.

Thầy nằm xuống nhắm mắt ngủ rồi chết luôn. Dân làng làm lễ thiêu xác thầy, thấy còn sót lại một lóng tay y nguyên, không cháy. Nghĩ rằng hồi nào tới giờ, thầy làm toàn việc thiện không ăn tiền ai nên dân làng xây một cái tháp trong đó để tro của ông thầy và lóng tay.

Hằng năm, ngày mừng năm tháng năm có lễ rất lớn để nhớ ơn thầy.

Thầy tên thiệt là Sanh. Vì có tiếng đồn rằng vợ thầy là một vị nữ thần đã từng giúp thầy trị bệnh, nên dân chúng gọi là Thầy Thiếm (Thiếm vợ của Thầy). Vị nữ thần này không ai gặp mặt được.

Người ta thuật lại: Thầy Thiếm có một cái cốt ông tướng nhỏ bằng ngón tay cái. Ông tướng này linh lắm. Xóm giềng ai có đặt rượu phải cho thầy hay. Bằng không, ông tướng này uống lén, rượu sẽ lạt mùi như nước lạnh.

# THƯƠNG NƯỚC THƯƠNG DÂN

Cụ Phan Thanh Giản là quan Kinh lược ba tỉnh phía Tây (An Giang, Hà Tiên, Long Hồ). Làm quan lớn có địa vị quyền thế, vậy mà cụ sống cuộc đời thanh đạm, bình dân.

Khi cha qua đời, cụ Phan bưng từng món ăn dâng cúng và đích thân làm cỗ, gánh đất đắp mộ để báo hiếu.

Sản nghiệp của cụ không có gì cả. Phu nhân thì đích thân cấy lúa, trồng bông vải. Nhà thờ tổ tiên thì phen tre, cột dựng bằng cây mắm.

Năm đó, cụ về chịu tang cha, đi bằng ghe nhỏ như thường dân. Qua sông Bà Lai, viên cai đồn kêu kêu xét gắt gao; đích thân cụ lên trình và năn nỉ. Sau cụ đòi viên cai đồn tới dinh. Anh nọ hoảng sợ, xin cụ tha tội vô lễ hôm trước.

Cụ đáp: “Đó là người làm đúng phận sự. Ta khen ngợi.” Rồi thăng anh nọ lên chức chánh đội, thưởng một trăm quan tiền.

Ngày nọ cụ đi thăm mộ. Có tên Cang đi phía trước vác cây tre chưa trảy nhánh. Chùng qua khúc quẹo, ngọn tre quơ đụng nhằm cụ làm trầy da rách áo.

Cụ nói: -Chú kia! Hạ cây tre xuống lập tức. Đưa cây móc cho ta!

Tên Cang hoảng sợ, e bị trừng phạt nặng nề.

Dè dặt, cụ cầm móc, trảy nhánh tre cho sạch rồi nói: -Như vậy có gọn hơn không? Vác về nhà đi. Từ rày về sau phải có ý tứ, kẻo thiệt hại đến người đi đường.

Bình sinh, cụ rất thích bông quỳ. Theo cụ, vì bông quỳ có sắc tự nhiên, lòng dạ ngay thẳng nên nó dám nhìn vào mặt trời mà không e thẹn với lương tâm mình.

Năm 1867, quân Pháp kéo đến Vĩnh Long. Thừa lúc cụ đang thương thuyết trên chiến hạm, bọn giặc đổ bộ chiếm thành. Cụ Phan nhịn đói mười bảy ngày nhưng không chết. Sau rút cụ bưng chén thuốc độc mà uống.

Năm đó cụ được bảy mươi một tuổi.

# LỘC GIÁC CHỜN NHỜN

Sách Hội Chân – Biên chép lại: Ở tỉnh Cao Bằng, có anh tiểu phu rất hiền hậu mà cũng rất nghèo nàn. Anh còn bà mẹ tuổi đã cao. Một hôm, mẹ tỏ ý thèm sữa nai.

Làm sao tìm được bây giờ? Vào rừng, hễ gặp anh là nai chạy trốn mất. Anh bèn đứng trên non cao mà khóc.

Bỗng nhiên, hiện ra một ông lão quái thước. Ông lão nói với anh: -Muốn tìm được sữa nai thì phải mang lột da nai vào mình.

Nói xong, ông lão trao cho anh miếng da nai. Nhờ vậy, anh đến gần bầy nai dễ dàng, vắt sữa rất nhiều về cho mẹ uống.

Vài hôm sau, ông lão nọ đến tìm anh, có ý muốn thu nhận anh làm đệ tử.

Sau khi mẹ mất, anh đi lên núi biệt tích luôn.

Năm đó, đưa con trai của anh lên non hái củi, tình cờ gặp con nai to lớn. Nai ấy lại gần mà nói với anh: -Cha bây giờ tu Tiên đắc đạo hóa ra Nai, không hoàn cốt người được nữa. Cha cho con nguyên bộ sừng này. Con lấy dây buộc nó lại rồi kéo theo sau. Đi tới nơi nào mà sừng bị vướng không kéo nữa được, con dừng chân tại đó, khai phá lập nghiệp thì ắt được sung túc hiển vinh.

Dứt lời con nai lớn nọ húc đầu vào gốc cây, ghim sừng bỏ lại, rồi biến mất.

Đưa con thi hành đúng lời cha. Nhờ vậy trở nên giàu có.

# THAM THÌ THÂM

Hồi xưa, có đứa bé chăn trâu nọ không ai nhớ tên gì, chỉ biết tánh tình nó hiền hậu.

Từ sáng tới chiều, nó dãi nắng dầm mưa để chăn trâu. Vậy mà khi về tới nhà là nó bị mẹ ghẻ và mấy đứa em một cha khác mẹ xúm lại rầy la.

Trưa hôm nọ, đói bụng quá, nó lén đến lùm chuối gần nấm mồ hoang nọ. Thấy mấy trái chuối chín bói, nó thò tay bẻ. Vừa lúc ấy, một con quỷ dạ xoa hiện ra thét lớn: -Nghèo đói thì ráng chịu. Đừng ăn cắp. Phen này tao tha tội cho. Đừng tái phạm.

Nó chạy trốn. Rồi ngồi xuống bờ ruộng than thở số phận với Trời: -Thiên hạ giàu, phận tôi sao nghèo quá vậy ông? Ông hóa phép tạo vạn vật muôn loài. Sao ông không hóa phép giúp tôi chút ít tiền bạc để sống qua ngày?

Bỗng nhiên nó thấy một tia nắng nhều xuống giữa bãi cỏ, vàng lườm. Chạy lại coi thì rõ ràng một đồng tiền vàng. Nó mừng quá, định ra chợ mua quần áo mới.

Dọc đường, gặp bà lão đói rách đứng ngửa tay xin. Suy nghĩ hồi lâu, nó cho bà đồng tiền nọ rồi trở về nằm ngủ trên bãi cỏ. Bụng đói áo rách nhưng nó vui với việc thiện khi nãy.

Bỗng nhiên, nó nghe đôi trâu vừa lội vừa giầy giữa đùng đùng dưới ao. Coi lại thì ô hô! Giống như cảnh chiêm bao. Mặt nước vàng lườm, nắng chói xuống đỏ ối như sắp động lại. Nó đuổi đôi trâu lên bờ. Ngạc nhiên làm sao! Mỗi sợi lông trâu có dính theo tòn ten một đồng tiền vàng. Nó gỡ ra một hai đồng, còn dư lại bao nhiêu thì giấu lại dưới đáy ao.

Nhờ vậy, nó trở nên mập mạp vì đủ cơm đủ áo hơn trước. Hết tiền thì xuống ao mò lên vài đồng. Bà mẹ ghẻ và mấy đứa em của nó lần lần hỏi sanh nghi, thay phiên nhau rình rập. Chẳng biết vàng nọ ở đáy ao, họ sắm một miệng chài thật lớn chờ đêm đến là xúm ra kéo trộm hết vàng dưới ao lên.

Họ vãi chài xuống, kéo thử thấy quá nặng. Họ mừng rỡ, hì hà hì hục suốt đêm chừng hừng đông mới đem chài lên được. Dòm lại thì hỡi ôi, toàn là bùn sinh dơ dáy.

Trời nào giúp kẻ gian ác, phụ kẻ hiền lương bao giờ?

# BÀ KIÊM GIAO

Phú Quốc là hòn đảo lớn nhất trong vịnh Xiêm La, hình dáng giống như con cá hóa long, đầu ở phía Bắc, đuôi ở phía Nam.

Tục truyền hồi xưa có ông chúa người Cao Miên ra độ lập nghiệp. Ông này tên là ông vua Lối. Về sau, mùa màng thất bát, vua Lối bỏ đảo trở về đất Cao Miên.

Sau đó, có một bà già người Việt Nam tên là Kiêm Giao ra lập nghiệp. Bà chiêu mộ chừng một trăm dân gồm người Việt và người Miên. Bước đầu là khai phá vùng Cửa Cạn. Thấy đất phì nhiêu, bà cho người vào trong đất liền mua đem ra năm chục con trâu. Nhờ vậy, mùa màng càng thêm thịnh茂.

Năm đó bà Kiêm Giao được bảy mươi tuổi. Nhuốm bệnh nặng, bà gọi gia nhân lại mà trối: - Khi ta chết, bao nhiêu ruộng đất này sẽ đem ra chia đồng đều cho các người, vì ta không có con kế tự. Ta chỉ ước ao điều này thôi: Làm sao các người cũng phải thả bảy trâu này cho chúng nó được thành thoi. Nếu còn trối cầm nó, vong hồn ta ắt bị tội nặng dưới Diêm đình.

Sau khi bà nhắm mắt, bảy trâu nọ được thả ra chạy tứ tán trong rừng. Vì vậy bây giờ ở Phú Quốc trâu rừng rất nhiều. Nơi chuồng trâu cũ của bà Kiêm Giao còn di tích một cây cột bằng trai. Cột ấy cao chừng một thước rưỡi, cây trở nên cứng như đá.

# CÂY KỲ NAM

Ở tỉnh Khánh Hòa, có nàng nọ giỏi về phép thần thông. Nàng ngao du qua đến bên Tàu. Nhan sắc lộng lẫy đó khiến thái tử Tàu để ý, cưới nàng làm vợ, sanh hai đứa con trai mặt mũi khôi ngô.

Lần hồi, thái tử Tàu say mê một nàng khác ở tỉnh Phước Kiến mà lãng quên người vợ Việt Nam này. Nàng thua buồn định trốn về nước.

Thuở đó bên Tàu có cây Kỳ Nam rất quý, dùng làm vị thuốc hoặc tiện ra hột chuỗi cho các quan đại thần đeo. Sực nhớ đến nước nhà không có giống Kỳ Nam, nàng quyết tâm thâu về tổ quốc nguồn lợi quan trọng đó. Bữa kia, nàng bẻ một nhánh Kỳ Nam, đọc thần chú rồi thả nhánh nọ xuống biển. Rồi mẹ con ngồi lên nhánh đó, gió xuôi đưa trở về Khánh Hòa, tấp ngay Cửa Bé. Nàng rút nhánh Kỳ Nam ném tung khắp hướng trên núi. Nhờ phép linh của nàng, cây Kỳ Nam mọc đều khắp trên núi, giống như loại chùm gởi, mùi thơm bay nức.

Hòn núi đó bây giờ tên là Hương Sơn, có thứ Kỳ Nam tốt nhất.

Nói về thái tử nọ, khi hay tin bà vợ trốn về Việt Nam thì hoảng sợ, sợ nhất là bà vợ nọ tóm thâu hết tất cả cây Kỳ Nam bên Tàu. Chàng ra lệnh đóng chiếc thuyền, trương buồm qua Khánh Hòa. Nàng hay được bèn bày ra một kế: Thừa lúc đang vui vầy ăn tiệc, nàng niệm thần chú khiến tảng đá lớn trên núi lặn xuống nhận chìm ghe của chàng. Chàng không còn phương thế nào về Tàu được nữa đành ở lại với vợ con.

Bây giờ, tại Cửa Bé, tỉnh Khánh Hòa còn thấy dạng hai tảng đá lớn chất chồng. Tảng dưới giống hình lái ghe, tảng trên giống hình hòn đá nhận chìm ghe.

Không bao lâu, vợ chồng đều chết. Dân chúng nhờ ơn nàng đem giống Kỳ Nam về nước nên lập miếu thờ.

Rất tiếc là hai đứa con trai của nàng lớn lên tánh tình quá đồi hung hăng nổi danh là cậu Chài, cậu Quý phá xóm phá làng, làm mất thanh danh của người mẹ yêu nước.

# NHÂN TÀI CỦA LÀNG ÔNG VĂN

LÀNG ÔNG VĂN quận Chợ Gạo tỉnh Mỹ Tho có cụ đồ nho tên Mới, thứ Sáu, vì vậy dân làng gọi là ông Sáu Mới.

Ông rất giỏi về khoa đặt thơ và câu đối hài hước.

Sau đây là bài thơ của ông vịnh bàn thờ Tài Thần:

Đ.h. thần tài thiệt quá ngu,  
Người sao nhóc túi kẻ trợn lư.  
Vàng hoe ruột ngựa, kìa quân tử!  
Đầy rẫy ruộng xe, nọ thất phu.  
Nhà có, lại thêm vàng với bạc,  
Nước nghèo, không giúp điều cùng xu.  
Hèn chi trót kiếp lòn <sup>[1]</sup> trợn ghế,  
Không ló mặt ra với địa cầu.

Lúc trong nước có phong trào Duy Tân, ông giúp cụ Kỳ Ngoại Hầu Cường Để mười sáu ngàn đồng để sung vào việc nghĩa. Ghét mấy kẻ khác có của mà hà tiện, ông bèn vẽ lên vách một con rít <sup>[2]</sup> lớn, chung quanh nào là điều, quạ, chim, mèo ... xúm lại rửa thây. Bên bức tranh, có câu thơ:

Con rít núi!  
Coi này con rít núi!  
Bo bo giữ cho mình,  
Bị chim dữ nuốt trụi.

Tết năm 1926, ông không đốt pháo dựng nêu chi hết, chỉ viết vắn vện hai đôi liễn ngạo đời.

Đôi thứ nhất:

Trái đất nhắm tròn vo, sợ nổi dựng nêu lẩn tróc gốc,  
Lòng trời xem thấy chùng, chình e đốt pháo xịt phòng da.

Đôi thứ nhì:

Thịt vô hạn béo, bánh vô hạn dẻo, xuân sắc thập phần vô hạn nhẽo,  
Nêu bắt thẳng cao, pháp bắt thẳng kêu, giang sơn thiên lý bắt thẳng tiều.

Ý của ông Sáu Mới là công kích ngầm sự cai trị áp chế của thực dân Pháp; Dầu cho ngày Tết có thịt ngon, bánh ngọt, nêu cao, pháo nổ nhưng giang sơn này vẫn buồn hiu.

Lòng yêu nước, tài văn chương của ông thật xứng đáng lưu truyền hậu thế.

-----

1. Lòn: lườn.

2. Con rít: con rít.

# CỤ ĐỒ CHIỀU GIẢ ĐIẾC

Cụ Đồ Chiều là một bậc sĩ phu làm rạng danh cho nước Việt Nam ta.

Năm hai mươi sáu tuổi, cụ ra ngoài Huế để thi Hội. Dọc đường hay tin mẹ từ trần, cụ trở về thò tang, than khóc đến mù cả mắt.

Năm 1861, Pháp chiếm miền Đông Nam Kỳ, dẫu bệnh tật, cụ vẫn hằng hái sung vào bộ tham mưu của nghĩa quân, bàn cơ mưu giết giặc với ông Đốc binh là ông Trương Công Định.

Sau đó, cụ về Bến Tre dạy học, soạn sách.

Quan chánh tham biện người Pháp ở tỉnh Bến Tre rất hâm mộ tài năng của cụ, đích thân đến tận nhà thăm viếng. Nhưng mỗi khi viên thông ngôn dịch lại, cụ giả đồ không nghe như người điếc.

Lần đầu, quan tham biện cho cụ hay rằng: “Điền đất của cụ ở Gia Định nay đã tra xét rồi, nhà nước mời cụ ra nhận.”

Cụ nói: “Tôi không dám nhận. Nước đã mất. Của riêng của tôi làm sao còn được.”

Lần thứ nhì, quan tham biện ngỏ ý muốn cấp cho cụ một số tiền dưỡng lão. Cụ từ chối.

Lần thứ ba, quan tham biện đến nhờ cụ sửa lại bộ thơ Lục Vân Tiên mà quan đã sao lục để cho đúng bản chánh. Cụ nhận lời.

Tục truyền rằng: Bình sinh không bao giờ cụ dùng xà bông, chỉ giặt quần áo bằng nước tro. Hỏi sao cụ mặc toàn đồ trắng, cụ nói: -Tôi để tang cho đất nước.

# ÔNG TĂNG CHỦ NUÔI CỌP BẠCH

Vùng Bảy Núi xưa kia cọp rất đông. Ông Tăng Chủ đến đó lập trại ruộng.

Một hôm về trại, ông gặp con cọp bạch đứng chực sẵn ngoài cửa. Nhìn kỹ, rõ ràng cọp nọ đau nặng, mình mẩy ồm nhồm. Cọp há miệng ra, ngược lên như cầu khỉ. Ông Tăng Chủ hỏi: -Làm gì mà bạch hổ ngồi đây? Ờ ... Chắc là mắc xương hủ?

Cọp gật đầu. Ông bảo cọp nọ cúi đầu xuống rồi ông vung tay đâm xuống ngay sau cổ nó. Cục xương văng ra.

Ông nói: -Từ rày về sau bạch hổ đừng tham ăn nữa, nghe không!

Vài hôm sau, bạch hổ cũng lại một con heo để đền ơn.

Lần nọ, trên núi Bà Đội Om có con hạm rất dữ. Ông Tăng Chủ gọi bạch hổ đến để cùng với ông đi đánh hạm. Hạm phải té xuống hố mà chết.

Về sau, dân chúng nhớ ơn nên cất miếu thờ Bạch Hổ và xây mộ cho ông Tăng Chủ ở gần chùa Thới Sơn.

# TÍCH BÀ ĐEN Ở NÚI TÂY NINH

Ngày xưa, núi Bà Đen gọi là núi Một. Trên đó, có tượng Phật bằng đá rất linh thánh. Người Việt Nam, Cao Miên, Chăm ... xúm nhau dọn đường để lên cúng Phật. Họ phải đi từng đoàn vì dọc đường cạp beo rất nhiều.

Lý Thị Thiên Hương là cô gái văn hay, võ giỏi, gốc ở Trảng Bàng, thuở nhỏ, nước da của cô đen đúa nhưng lớn lên trở nên xinh đẹp.

Mỗi ngày rằm, cô lên núi lạy Phật. Trong làng có chàng thanh niên tên Lê Sĩ Triệt đem lòng yêu mến cô.

Một hôm, vị quan Cao Miên nọ toan dùng võ lực bắt sống cô đem về làm thiếp. Quan ta bèn ra lệnh cho tên thầy võ thi hành. Lúc cô Lý Thị Thiên Hương bị tên võ phu nọ đánh bả, bỗng nhiên Lê Sĩ Triệt xông ra cứu được. Về nhà, cô thuật lại cho cha mẹ hay. Cha mẹ cô đồng ý cho làm lễ thành hôn. Nhưng lúc ấy nhằm lúc Võ Tánh chiêu binh giúp vua Gia Long đánh Tây Sơn, Lê Sĩ Triệt lập tức tòng quân.

Cô Thiên Hương chờ ngày Lê Sĩ Triệt trở về ca khúc khải hoàn. Rủi thay hôm nọ, lúc đang cầu khẩn trên núi, bọn cướp Miên đến bao vây. Nàng phải chạy vào rừng mất tích luôn.

Qua đời Minh Mạng, có vị Hòa thượng trụ trì trên núi Tây Ninh. Một hôm đang niệm Phật, sư cụ thấy một nàng nọ, mặt đen nhưng xinh đẹp hiện ra nói văng vẳng: -Ta đây là Lý Thị Thiên Hương, khi mười tám tuổi bị bọn cướp rượt nên té xuống hố chết. Nay ta đắc quả rồi. Hòa thượng nên xuống triền núi phía Đông Nam tìm thi hài ta mà chôn cất giùm ...

Đúng như lời, Hòa thượng gặp xác của cô, đem chôn cất. Vì tiếng đồn, vài người Cao Miên đến coi đám ma nọ, nhưng vừa tới nơi là họ hộc máu ngã ra chết.

Quan Thượng Quốc Công Lê Văn Duyệt bèn lên núi để biết hư thực. Ngài hứa dặng sớ về triều để truy phong cho cô Thiên Hương, nếu cô làm thế nào cho ngài thấy tận mắt sự hiển hách. Dứt lời cô Thiên Hương bèn nhập vào xác một đứa con gái mà nói: -Hồn của Thượng quan nay mai được chức Thần kỳ linh hiển, nhưng xác của Thượng quan phải bị hành hạ.

Quan Thượng Quốc Công Lê Văn Duyệt nói: -Bổn chức không cầu xin biết tương lai của mình. Bổn chức muốn biết rõ căn do của nàng.

Xác nọ bèn rơi nước mắt thuật lại việc chết oan của mình và nhắc lại duyên tiền định với Lê Sĩ Triệt. Theo lời thuật lại thì sau khi thành Bình Định thất thủ, Lê Sĩ Triệt tử tiết theo Võ Tánh, đã được phong chức Thần tướng coi sóc hai tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận. Vì muốn được trường sanh bất tử nên hai đảng không chung chạ với nhau.

Nhờ vậy nàng được phép xuống cõi trần thế để cứu dân độ thế.

Dứt lời cô gái nọ nhào ngựa, bất tỉnh nhân sự, hồi lâu mới tỉnh.

Quan Thượng Quốc Công Lê Văn Duyệt bèn thay mặt nhà vua mà phong cho Lý Thị Thiên Hương chức vị "Linh Sơn Thánh Mẫu", ngự ở núi Một, tức là núi Bà Đen bây giờ.

# CON GIÁN, CON NHÈN NHỆN

Theo tục lệ ngày xưa, con gián và con nhèen nhện là hai loài đem điềm làm ăn khá giả cho nhà cửa. Bởi vậy không ai đuổi chúng nó.

Thuở ấy con gián hát rằng:

-Răng chừ cho chúa tao giàu,  
Đề tao ăn mỡ, ăn dầu ban đêm!

Con nhèen nhện cũng chúc điều may mắn:

-Răng chừ cho chúa tao sang,  
Đề tao mắc cửi tao giăng cả nhà!

# CON VẠC ĂN ĐÊM

Thuở xưa chim đa đa, con cò, con vạc và con chim rù rì sống thân thiết với nhau. Hễ gặp cá, tép, nhái ... chúng chia mỗi đồng đều.

Về sau, mấy con chim trên đây sanh tật cò bạc, chỉ có con cò là thắng cuộc. Vì vậy chúng phải làm giấy thiếu nợ của con cò; có con chuột làm biện thảo văn tự.

Dè đâu con chuột thông đồng với con cò để gian giảo.

Vạc thua có một vác, nhưng chuột ghi là chín chục vác (một vác bằng sáu quan).

Chuột lại còn ghi rằng: Chim rù rì cầm tất cả đất đai.

Đúng ngày không sao trả hết số nợ, tất cả tài sản của con nợ đều bị tịch thu. Con cò nhờ vậy làm giàu. Vạc tức giận, hằng đêm lên đi ăn cắp cá tôm trên đất của cò. Vạc kêu:

Vạc! Vạc! Thua một vác,  
Thua một vác!

Chim rù rì cũng tức mình than thở:

Động tây tứ chí bán hết!  
Mần như rì cực, cực.  
Đi mô cũng cực.  
Đi mô cũng cực.

Chim đa đa nhớ món ăn cũ:

Tiếc rồ tép, đa đa!  
Tiếc rồ tép, đa đa!

Vì làm tờ văn tự gian giảo giùm cho cò nên con chuột vô cùng hối hận. Ngày đêm chuột chui rúc vào bụi rậm, xuống hang, sợ mấy con chim mắt của kia trả thù. Nó thở dài:

Chín chục, chín chục.  
Chín chục, chín chục ...

Ý nói chín chục quan nợ là ghi sai lầm thay vì có sáu quan nợ thôi!

# THEO THƠ VẬN TỪ THỨ

Hội quân Pháp mới xâm chiếm nước ta, ở tỉnh Long Hồ (Vĩnh Long) có ông Tôn Thọ Tường là người rất giỏi về thi phú.

Dưới triều Tự Đức, ông làm đến chức huyện. Sau đó ông bị bắt tội đưa về kinh. Được ân xá, ông từ quan. Khi Đề đốc Thủy sư Lagrandière cai trị ba tỉnh miền Đông, Tôn Thọ Tường ra đầu hàng, làm huyện.

Bị các nho sĩ thời bấy giờ chê bai là phản quốc, Tôn Thọ Tường ví mình như Từ Thứ quy Tào trong truyện Tam Quốc nên làm bài thơ này:

Hiếu đâu dám sánh kẻ cày voi!  
Muối xát lòng ại nấy mặn mòi!  
Ở Hớn còn nhiều trang cột cả!  
Về Tào chi xá một cây còi.  
Thức tình nhớ mẹ không nâng chén,  
Chạnh nhớ thương vua biến đở roi.  
Chẳng đặng khôn Lưu đành đại Ngụy,  
Thân này khác thể ngoại vòng thoi.

Bài thơ này biện hộ khéo léo cho hoàn cảnh của Tôn Thọ Tường. Vận voi, mòi, còi, roi, thoi, thật khó gieo, vậy mà Tôn Thọ Tường dùng rất tự nhiên. Các sĩ phu miền Nam bắt đầu lấy mấy vần đó mà hạn lệ, gọi là Từ Thứ.

Theo vận Từ Thứ nói trên, ông cử Phan Văn Trị có làm mấy bài thơ dưới đây:

Thơ hát bội  
Đứa bị ghê ruồi, đứa lác voi,  
Bao nhiêu xiêm áo cũng tro mòi.  
Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc,  
Đứa nịnh râu đen mấy sợi còi.  
Trên trính <sup>[1]</sup> có nhà còn lợp lọng,  
Dưới sân không ngựa lại giơ roi.  
Hèn chi chúng nói bội là bạc,  
Bội mặt đánh nhau cú lại thoi.  
Đồn lính mã tà  
Quan truyền lính thú tại mô voi,  
Làng nhắm chỗ ni đã phát mòi.  
Sớm đón ghe lên xin quít nùm,  
Chiều ngăn thuyền xuống kiếm dưa còi.  
Tả biên nghiêm chỉnh chiến cùng trống,  
Hữu dục phô tri giáo với roi.  
Dọa hăm đàn bà nên quá giỏi,  
Nghe hơi ăn cướp chạy đường thoi.

-----

1. Trính: một phần tạo nên khung nhà gỗ (cột, kèo, trính).

# CÔNG CHÚA MAI CHÂU

Đời Hồng Đức, vua Lê Thánh Tôn sanh được nàng công chúa xinh đẹp tên là Mai Châu. Năm công chúa được mười ba tuổi, các bộ lạc mọi ở vùng Ngũ Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Ngãi) nổi dậy chống người Việt Nam, không ai dám cử binh chinh phạt. Công chúa Mai Châu mặc dầu nhỏ tuổi cũng xin phép vua cha ra trận. Vua bèn cho mười chiến thuyền và năm ngàn quân. Thuyền đến bờ Quảng Bình thì bỗng nhiên sóng to gió lớn nổi lên âm âm.

Các binh sĩ đoán là diêm Long thần muốn bắt công chúa. Công chúa suy nghĩ: “Nếu nàng không nhảy xuống cho Long thần ăn thịt thì tất cả mười chiến thuyền này bị đắm.” Sau khi trời lại với quân sĩ, nàng nhận sự hy sinh, nhảy xuống biển.

Hay được tin ấy, vua Lê Thánh Tôn lập tức đến nơi, dùng kiếng chiếu yệu mà rọi xuống đáy biển. Khi nhận được sào huyết của Thủy cung, vua hạ lệnh bắn súng thần công xuống. Ba ngày sau, Long thần phải đem xác chết của công chúa trả lại.

Sau đó, vọng hồn của công chúa Mai Châu rất nên linh hiển. Đời Minh Mạng, giặc Phan Bá Vành khuấy rối triều đình. Công chúa báo mộng cho vua hay: “Ngày mười tám tháng ba, vào khoảng canh hai khi thấy trong dinh trại của Phan Bá Vành có đóm lửa xanh nổi lên thì quân triều đình cứ tấn công vào.”

Thi hành đúng lời nàng, vua dẹp được giặc.

# HOÀNG HẬU TÀU Ở VIỆT NAM

Đời nhà Trần, tại tỉnh Nghệ An có ông câu rất nghèo. Năm đó ngày mùng một tháng sáu, ông ra vàm rạch bỗng gặp một khúc cây to lớn tấp lên bãi. Ông lên đó mà ngồi, chặt mỗi ra từng khúc nhỏ để câu. Dè đâu khi lưỡi dao chạm vào, cây nọ tươm máu ra, lại có phảng phất mùi thơm tho kỳ diệu.

Ông chạy về báo cho xóm làng hay. Sau khi khẩn vái, hồn khúc cây đập đồng, dân chúng mới biết đó là hồn ma của bà Hoàng hậu đời Tống bên Tàu và ba đứa con gái. Lúc trước, mấy mẹ con đều bị quân Nguyên soán ngôi, giết chết. Đồng nữ lại nói rằng: “Đem khúc cây bạch đàn này về tiện ra bốn cốt mẹ con tôi mà thờ thì xóm làng được phù hộ, làm ăn sung túc.”

Dân làng thưa: “Nếu bà có linh thì hóa phép thế nào cho khúc cây to này lăn lên bờ, Chúng tôi sẽ tạc tượng bà mà thờ.”

Dứt lời khúc cây nọ tự nhiên lăn về làng. Đền thờ được dựng lên cùng với tượng bà hoàng hậu nọ và ba đứa con.

Sau này, vua Gia Long ngự giá ra Hà Nội có đi ngang qua đền thờ nọ. Được biết chuyện ấy vua nói: “Nếu bà có linh thì làm điềm cho biết.”

Hoàng hậu nọ đập đồng lên mà hỏi: -Vua muốn điềm gì?

Vua bèn đem ra ba vóc lụa, ra lệnh cho hàng hậu cắt may áo lập tức. Chập sau, hoàng hậu hiện ra lãnh ba vóc lụa. Trong phút giây, một đứa đồng nam hiện ra dâng ba cái áo đã may xong.

Vua bèn phong sắc thần cho hàng hậu. Về sau có bọn giặc Tàu Ô toan vào miếu của bà để cướp giặt vàng bạc của thiên hạ dùng. Nhưng chúng phải hộc máu mà chết.

# XÃ ĐỊNH KIỆN BÀ CỐ

Tỉnh Bình Thuận, có miếu bà Cố rất linh thiêng. Ai đi ngang qua phải cúi đầu; nếu đi ngựa, phải xuống ngựa, bắt tuần thì hộc máu.

Ngày nọ Xã Định được lệnh đi hầu quan trên thật gấp. Lúc qua miếu, Xã Định nói: “Tôi có việc quan cần đi gấp. Đêm tối, dừng lại đây e mất thời giờ hoặc bị cộm ăn thịt bất thành linh. Xin bà cảm phiền, hôm nào trở về, tôi sẽ tạ một heo.”

Vái xong, Xã Định giục ngựa chạy qua. Tuy bị hộc máu nhưng chú ráng sức tiếp tục lộ trình. Bận về, Xã Định biết mình bị bà Cố quở nên đem một heo lại cúng. Lạ quá, bệnh tình không thuyên giảm.

Tức mình, Xã Định nói: -Bà giỏi thì vật tôi chết luôn đi. Xuống âm phủ, tôi sẽ kiện bà trước mặt Diêm chúa.

Khi hấp hối, Xã Định bảo vợ chôn theo hòm một trăm tờ giấy bạc, mười cây bút lông, năm thẻ mực tàu.

Vài tháng sau, bà Cố đập đồng lên mà nói với dân làng: -Các người phá miếu của ta đi, đừng cúng kiến nữa.

Hỏi sao vậy thì đồng nữ đáp: “Tôi bị thất kiện nên Diêm chúa giáng chức tôi, bây giờ vụ kiện đang giăng co, tôi không rảnh rang về hưởng được.”

Dân làng không tin. Đến ngày cúng miếu năm đó, Xã Định đập đồng mà báo tin: “Tôi thắng kiện rồi. bà Cố bị cách chức, đừng cúng kiến vô ích. Bỏ không về miếu nữa đâu. Không tin hỏi ông Địa sẽ rõ.”

Ông Địa lên xác nói đúng lời Xã Định. Từ đó về sau, miếu bị phá. Đi ngang qua không ai còn cúi đầu hoặc xuống ngựa.

# MA RỪNG

Làng Phan Lang, tỉnh Bình Thuận có vợ chồng của tên Giáo. Họ không có con, vào rừng hằng hái chém tre dẫn gỗ, dọn đất làm rẫy.

Hai năm sau, rẫy trúng mùa lằm, trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Chồng mới biểu vợ mua gà, vịt, rượu, trầu cau để cúng đất đai.

Lễ cúng đã xong xuôi, vợ anh Giáo ra phía sau nhà. Thình lình gặp một con voi đón đường, chị vợ hoảng sợ té ngựa, chùng tỉnh dậy thì mất cái quần. Vô nhà thuật lại sự tình thì anh chồng không tin, nghi rằng vợ lén tư tình với ai. Vợ tức giận, thách chồng ra sau hè để tỏ tường sự việc.

Anh chồng bước ra sau nhà. Tức thời một con voi to lớn chạy lại quần vùi mà rút nguyên cái đầu. Làng xóm hay được, ngơ ngẩn không hiểu vì sao xảy ra chuyện ấy.

Có ông kỳ lão sống gần trăm tuổi giải bày: -Đất này xưa kia đầy thú dữ như: cọp, voi, rắn ... Khi chết, thú nọ thành tinh. Hồi còn trai trẻ, chuyện xảy ra cũng giống như vậy.

Hỏi: -Tại sao ông biết! Bằng cứ ở đâu?

Ông kỳ lão nói: -Cứ đào đất lên, ngay chỗ hồi nãy.

Dân làng thi hành y lời, quả nhiên tìm được dưới đất cái quần của chị vợ và thủ cấp của anh chồng còn tươi máu.

# BÀI THƠ CHỢ QUÁN

Quan Huyện ở Chợ Quán (Sài Gòn) hôm nọ nhận được một gói giấy nhỏ. Mở ra thấy một miếng trầu, một mớ tóc, một đồng tiền kẽm, vài cái lông vịt, vài cọng cỏ.

Không hiểu đó là vật gì, ông nhờ cụ đồ nho nọ giải đáp giùm. Cụ đồ bàn rằng: -Đây là bức thư của vợ gởi cho chồng. Bà vợ hiện bị giam trong khám, nhớ thương chồng nên tạm dùng mấy món nổi trên mà gợi ý thơ. Bài thơ nọ như vầy:

Ở trong Chợ Quán thêm sầu,  
Cơm ăn không không đắng, ăn Trầu giải khuây.  
Tóc mai sợi vắn, sợi dài,  
Kết duyên không đắng, thương hoài ngàn năm.  
Tiền tài như phấn thổ,  
Nhân nghĩa tợ <sup>[1]</sup> thiên kim,  
Kỳ nam khó kiếm anh cũng tìm ra.  
Linh đình Vịt lội giang hà,  
Nói cho tốt lớp bạc đà trong tay.  
Nhiều sương Cỏ mọc bạc đầu,  
Thương anh, em chịu thắm sầu thuở nay.

Quan huyện nghe có lý. Miếng giấy gói có nghĩa là khám đường. Các vật trong gói là để gợi ý bài thơ. Ông bèn cho người vào khám hỏi thử. Rõ ràng có chị nọ gởi thơ cho chồng, dè dặt thơ lạc vào tay ông. Ông thương tình bèn thả người đàn bà nọ và rót rượu thưởng tài bài thơ của ông đồ nho.

-----

1. Tợ: tựa.

# TRUYỆN NGHĨA HỒ

Năm Tự Đức thứ tư, tại làng Long Phụng, huyện Kiến Hòa (nay là Bến Tre) có gia đình họ Võ nuôi một con cạp con.

Cạp nọ lớn lên được gia đình thương mến xem như con ruột. Ông Tú tài họ Võ dạy hai đứa con của mình (một trai, một gái) kêu cạp nọ bằng anh Hai.

Vài năm sau, ông được lệnh ra Huế lãnh chức vụ mới. Trước khi đi, ông kêu cạp nọ mà căn dặn rằng ở nhà nuôi mẹ nuôi em.

Chừng ông đi được vài ngày, cạp nọ bỗng đứng lại bàn thờ quỳ xuống, la hét. Người mẹ an ủi cạp. Cạp bèn ra đầu tổ ý muốn xin phép ra đi rồi trở về.

Bà Tú tài họ Võ cho phép. Cạp mừng rỡ chạy mất.

Bữa đó, ông Tú tài nằm trên cáng trên đường về Huế, thành linh gặp con cạp đón đường. Nhìn lại, rõ là cạp ở nhà chạy theo! Ông biểu cạp trở về. Cạp khóc lóc, sau cùng đem dâng cho ông Tú tài một hoàn thuốc xạ hương để phòng bệnh dọc đường.

Khi về nhà, cạp nọ biếng ăn biếng uống. Về sau được thơ ông Tú tài gọi về, cả nhà mới biết rằng cạp đi kỳ rồi là để dâng thuốc. Ai nấy hết sức cảm động.

Vài năm sau, ông Tú tài đau nặng, nhờ hoàn thuốc nọ nên tạm thuyên giảm. Ông bèn gọi thơ nhắc đứa con trai lớn ra săn sóc. Đứa con đến nơi, ông đã chết.

Cạp ở nhà hằng ngày lo nuôi mẹ và em gái, rảnh thì vô rừng bắt heo hoặc đi lỏi xóm cột bùa cho con nít để kiếm tiền về chi dụng. Hỡi ôi, gia đình bà Tú tài càng ngày càng suy sụp. Nhuốm bệnh, bà từ trần. Cạp khóc lóc thảm thiết, chạy đầu làng cuối xóm để báo tin rồi lạy tạ ơn những người đến giúp chôn cất mẹ.

Năm bảy tháng sau, người con trai ở Huế về Bến Tre. Chừng gặp mặt, cạp khóc lóc rồi dẫn hai anh em ra thăm mã bà Tú tài. Đến nơi, cạp đập đầu vào mã mà tự tử.

Người con trai bèn để tang cho cạp, làm lễ chôn cất kỹ lưỡng rồi lập miếu thờ, đề mấy chữ: “Nghĩa Hồ Trượng Huỳnh chi mộ.” Sau đó có người làm thơ khen tặng như vầy:

Hùm còn biết nghĩa nặng cùng người,  
Trả thảo liêu thần giữa đất trời.  
Một tấm da dầu chôn trong đất,  
Trăm năm còn mãi tiếng khen đời.

# NGƯỜI RỪNG

Chàng nho sĩ nọ cưới cô vợ rất đẹp. Trong nhà, chàng có nuôi đứa tớ gái. Một hôm đi hái củi về, đứa tớ gái thuật lại rằng: -Trên núi này có cái hang tối lắm. Hang quá sâu. Bỏ cục đá xuống nghe rền rền không bao giờ dứt.

Vợ chồng chàng nho sĩ bèn tò mò đến nơi xem thử. Rồi làm sao cô vợ té xuống hố. Trên này, chàng cố thả dây xuống cho vợ leo lên, nhưng vô hiệu quả.

Chàng than khóc ngày này qua ngày nọ.

Mối sầu không bao giờ nguôi được.

Bỗng một hôm, đứa tớ gái vô rừng hái củi, gặp cô chủ của mình khi trước đang đứng trên nhánh cây. Nó vừa mừng vừa sợ vì cô chủ đã thay đổi: mình mẩy mọc đầy lông, quần áo không có. Nó nói: -Trời ơi! Tại sao vậy? Cậu ở nhà xiết bao sâu thẳm. Từ ngày cô biệt tích, cậu thế không cưới vợ khác. Tại sao cô không chịu về?

Cô chủ bèn đáp: -Về nói cho cậu rõ: cô không thể nào trở về sống chung được nữa. Cô khuyên cậu cưới vợ khác.

Đứa tớ gái vội chạy về nhà báo tin. Chàng nho sĩ đến nơi, than khóc. Cô nọ không xuống đất nói chuyện. Sau cùng, cô chịu về nhà. Nhờ có vị lương y điều trị nên cô rụng hết lông, trở nên đẹp đẽ hơn xưa.

Hội duyên cớ, cô nói: -Khi té xuống hố, đói quá tôi phải ăn toàn là trái cây và lá cây mà sống. Lần hồi mình mẩy trở nên nhẹ nhàng, tôi leo lên cây gọt gành, mình mẩy mọc đầy lông.

Người chồng rất đổi ngạc nhiên, đoán rằng trong hang nọ có quỷ ở.

# ĐƯA CON THẦN

Huyện Thanh Chương, tỉnh nghệ An có người góa phụ tên là Huỳnh Thị Phước.

Năm bốn mươi tuổi, bà vô chùa tu. Đêm nọ, bà nằm mộng thấy một người mặt đỏ như son, bận áo xanh. Giật mình thức dậy, bà đến tìm ông Hòa thượng mà hỏi. Hòa thượng nói: - Phật trời thấy bà là người nhân đức, thiết tâm tu hành nên cho đưa con. Vậy bà nên ra khỏi chùa này, kéo nây mai sanh chồi nây lộc, xóm giềng hồ nghi cho tôi.

Chín tháng mười ngày, bà hạ sanh được một con trai mặt mũi rất khôi ngô, tuần tú. Hương chức làng truy ra, lên án ông Hòa thượng nọ về tội thông dâm, bắt buộc ông phải hoạn dưỡng đứa nhỏ.

Lớn lên mười tuổi, đứa trẻ học hành siêng năng, có thiên tư, đọc trong nháy mắt là xong mười hàng chữ. Đến năm mười sáu tuổi, đứa bé cần có tên tuổi để đi thi. Người mẹ không biết đặt tên con là gì. Đêm đó, bà nằm mộng thấy thần linh mách bảo: -Sáng mai, người bảo đứa bé leo lên cây thị, trên đó có khắc sẵn tên nó.

Hôm sau đứa bé tìm gặp mấy chữ Lương Quý Chánh trên cây. Nó mang tên đó, vài năm sau thi đậu cử nhơn. Ngày vinh quy bái tổ linh đình biết chừng nào! Nhưng vài hôm sau, ông Hòa thượng liễu đạo. Chứng tận liệm biết rõ ông là người bán nam bán nữ, xóm giềng hiểu rằng bấy lâu nay ông chịu tiếng oan.

# LỘT SỔ DIÊM ĐÌNH

Thuở xưa, gia đình họ Liêu luôn luôn bị chết yểu, không một ai được sống hơn tuổi Nhan Hồi (ba mươi mốt tuổi).

Trong khi ấy, ông Lữ Vọng sống đã ba trăm tuổi mà hằng ngày hầy còn khỏe mạnh, ngồi câu cá trên thạch bàn.

Cảm thấy sự bất công đó, sau khi chết, một người của gia đình họ Liêu bèn kháng cáo với Diêm chúa.

Diêm chúa rất đỗi ngạc nhiên, phán rằng: -Lẽ trời đất rất công bình, không bao giờ để một ai sống lâu quá trăm năm. Nhà ngươi đặt điều nói dối! Theo sổ bộ của Diêm đình, không có ai sống dai. Vậy thì nhà ngươi hãy đi mời Lữ Vọng về đây để rõ đầu đuôi công việc.

Rồi cho hai tên quỷ sứ đi theo người họ Liêu trở về dương thế. Anh họ Liêu lúng túng không biết làm thế nào để chứng chắc rằng ông Lữ Vọng sống ba trăm tuổi. Hỏi không khéo, ông từ chối thì sao. Anh ta bèn đến gần ông Lữ Vọng mà thưa: -Thưa ông, hồi cha tôi sanh tiền có nói rằng ở đây có một hòn đá ngũ sắc xung quanh rất nhiều cá tôm. Cha tôi chết đã lâu, đến đời tôi thì tìm không được. Thiên hạ nói riêng với tôi rằng cục đá đó trôi ngược về chỗ này, gần ông. Xin ông chỉ giùm.

Ông Lữ Vọng nổi cơn thịnh nộ, cãi lại: -Chú diên rồi sao? Tôi sống ở đây, câu cá từ ba trăm năm nay mà không hề thấy cục đá ngũ sắc nào trôi ngược hết.

Người họ Liêu bèn nói với hai tên quỷ sứ: “Rõ ràng chưa! Ông nói ông sống từ ba trăm năm rồi đó!”

Dứt lời, Lữ Vọng bị quỷ sứ bắt chết. Bấy lâu sở dĩ ông sống lâu như vậy là vì tên của ông bị sơ sót, quên lãng trong bộ tử của Diêm đình.

# NGƯỜI CHẾT TRẢ ƠN

Ở tỉnh Bắc Ninh, một chú thợ khéo léo được vua đòi về Huế để xây cất hoàng thành.

Mới đến Nghệ An, chú thợ nhuộm bệnh mà chết bên sườn núi. Liền theo đó, mỗi bu lại làm ổ, đùn lên như nấm mộ. Mấy đứa con của chú không hay biết cha mình chết trong trường hợp nào, ngày nào, mồ mả ở đâu để cúng giỗ. Tuy họ được làm quan vinh hiển nhưng trong lòng không nguôi.

Kế bên nấm mộ nọ, có anh nông phu tên là Khá, thấy mộ bỏ hoang, hằng ngày anh tới lui chăm sóc. Hôm nọ, đang cày ruộng thình lình anh gặp một người lạ tới mời đi ăn giỗ. Hỏi ở gần hay ở xa, người nọ đáp: “Cứ đi theo tôi.”

Anh nông phu than rằng mình nghèo quá, không có áo lành lẽ.

Người nọ nói: “Đừng lo, tôi có cái áo này cho anh mượn mặc đỡ.”

Rồi nắm tay anh mà dắt đi về phía đầu làng.

Chập sau, đến nơi cúng giỗ. Anh nông phu nọ hơi ngạc nhiên vì toàn là người lạ. Nhưng đói quá, anh cúi đầu ăn no say rồi ngã lăn ra ngủ.

Người bạn nói: “Mình đi về là vừa.”

Anh nông phu nọ vì chưa tỉnh rượu nên trả lời: -Anh về trước đi. Tôi về sau cũng được. Đường về gần chứ xa xôi gì.

Người bạn nói: -Vậy thì anh trả áo lại cho tôi về trước.

Anh nông phu cởi áo ra trả, rồi nằm ngủ luôn giấc trưa. Chừng tỉnh rượu thì hô hô! Chung quanh toàn là người lạ, cảnh lạ. Người trong nhà cũng ngạc nhiên không biết anh nông phu nọ là ông khách nào. Chừng hỏi han đầu đuôi, họ đoán rằng: “Có lẽ nấm mộ nọ là của cha mình. Bấy lâu nay anh nông phu này có công giữ gìn nên cha mình trả ơn lại, mới mời về đây ăn giỗ.”

Sau đó, họ đền ơn anh nọ vàng bạc, lụa là. Từ Bắc Ninh, anh nông phu phải đi bộ sáu ngày đường để về đến quê nhà Nghệ An. Đến nơi vợ con chưng hững vì hôm rày ngỡ là anh bị cộp bắt chết rồi ...

# VỢ KHÔN CHỒNG DẠI

Chị nọ rất khôn nhưng rủi gặp nhầm anh chồng quá dại. Hôm nọ dệt vải xong, chị giao cho anh chồng đem đi bán.

Đi suốt ngày, rao khan giọng, anh chồng không thấy ai mua. Bỗng đâu có ông thầy giáo đi ngang qua mua hai vốc. Ông nói: “Sáng mai anh lại nhà tôi mà lấy tiền. Nhà tôi ở chỗ đông không ai bán, chỗ kèn thổi tò te, chỗ cấy tre một mắt.”

Hôm sau, anh chồng tìm hoài mà không gặp chỗ nào gọi là chợ đông mà không bán ... Về nói cho vợ nghe, chị vợ mới đoán rằng người mua nọ là ông thầy giáo. Chợ đông không ai bán là trường học. Kèn thổi tò te là gấm đám sậy có gió thổi. Cây tre một mắt là cọng hành. Vì vậy, chị vợ bảo chồng đến trước cửa có trồng hành.

Anh chồng nọ kiếm được ông giáo để đòi tiền. Ông giáo hỏi: “Tại sao anh biết tôi ở đây?”

Anh nọ nói: “Vợ tôi đoán như vậy.”

Ông thầy tấm tắc khen thắm cô vợ nọ.

Chừng anh chồng về, ông gởi theo một nhánh bông lài cắm giữa một miếng cứt trâu khôn.

Nhận được món quà nọ, cô sanh ra buồn bực, tủi giận mình. Ông giáo nọ có ý mỉa mai cô như câu hát:

Vợ khôn lấy thằng chồng dại,  
Như bông hoa lài cắm bãi cứt trâu.

Nghĩ vậy cô ra bờ sông, chờ nước lớn mà tự vận. Ông giáo nọ đoán được việc ấy nên vô cùng hối hận, giả đồ xách một cái rổ rách nát đi lại mé sông. Gặp cô vợ nọ ngồi trên bờ với vẻ mặt âu sầu, ông giáo nói: -Chị kia, ngồi qua một bên để tôi nhảy xuống sông xúc cá.

Cô vợ giật mình, ngạc nhiên vì thấy một người đầu bạc hai thứ tóc mà quá dại, dùng cái rổ rách để xúc cá. So sánh người già nọ với chồng mình ở nhà thì chồng mình coi vậy mà khôn hơn.

Nghĩ vậy, cô tự an ủi, trở về nhà không thêm tự tử.

# CHỒNG GIẾT VỢ

Anh nọ theo gánh hát bội phương xa nên để vợ ở lại nhà. Chừng trở về, anh mới hay vợ anh đã tư tình với người khác.

Anh sắp đặt để bắt ghen nhưng tên gian dân nọ tẩu thoát. Anh nói với vợ: -Tôi tha tội cho mình, nếu mình hẹn với tên nọ gặp mặt rồi xin cho được một lóng tay của nó.

Tháng sau, anh chồng đi vắng. Người tình cũ trở lại. Chị vợ bèn nài nỉ: -Nếu anh thương tôi thiệt tình thì cho tôi xin một lóng tay của anh để làm tin.

Người tình nọ liền đưa tay vô miệng, cắn đứt một lóng tay tặng cho tình nhân.

Chị nọ đem lóng tay về dâng chồng. Anh chồng hết sức mừng rỡ. Đêm đó, anh giết vợ chết rồi cạy miệng vợ, để lóng tay nọ vào. Rồi anh chạy ra ngoài tri hô: -Hồi nầy có người ám sát vợ tôi.

Làng xóm kéo đến, khám nghiệm thấy trong miệng chị nọ có lóng tay bị cắn đứt. Họ đoán rằng: “Chị cắn ngón tay tên thủ phạm nọ để tự vệ.”

Điều tra lại thì trong làng có một người bị đứt lóng tay. Dem ráp lại, rõ ràng tên gian dân nọ là thủ phạm. Quan trên xử tử hắn.

Nhờ mưu mẹo hiểm độc ấy, anh chồng kia giết vợ và kẻ tình địch của mình mà khỏi bị ai tình nghi.

# CON DƠI

Phụng hoàng là chúa tể cả các loài chim.

Hôm nọ có lễ lớn, các loài chim đến chầu chực. Dịp đó, con Dơi vắng mặt. Phụng hoàng hỏi tội. Dơi bèn trả lời: -Tôi không phải thuộc loài chim. Tôi là thú bốn chân. Hai cánh của tôi là hai chân trước có móng hắt hời.

Vài hôm sau, Kỳ Lân ra lệnh cho các loài thú đến chầu.

Con Dơi cũng vắng mặt.

Hỏi tội Dơi bèn trả lời: -Tôi không phải loài thú. Tôi có hai cánh bay được, rõ ràng tôi là loài chim đây nè ...

# BỘ RÂU CÒI

Đàn ông mỗi người có một bộ râu khác nhau.

Người thì râu rậm, người thì râu còi.

Sự tích như vậy: Thuở xưa có hai kiếng chùa, một để thờ Phật ông, một để thờ Phật bà. Đàn ông có việc cầu khẩn thì vào kiếng chùa thứ nhất; đàn bà thì vào kiếng chùa thứ nhì.

Hễ ai muốn có bộ râu ba chòm cho lịch sự thì vào chùa thứ nhất. Họ sẽ được toại nguyện.

Nhưng năm đó, có người vì ở xa đến nên không rành, nhè nhẹ vào chùa Phật bà mà cầu nguyện. Phật bà hỏi: -Nhà người muốn gì?

Người nọ đáp: -Xin được bộ râu tốt.

Phật bà bèn hạ lệnh cho Ngọc Nữ đem râu giả lại gắn vào cằm anh nọ. Ngọc Nữ có tánh e thẹn, không muốn lại gần đàn ông nên đứng ở xa mà phóng tới từng sợi râu. Vì vậy, râu cằm không được khéo, chỗ quá rậm, chỗ thì thưa mấy sợi còi.

# ÔNG VUA HEO

Có một đứa trẻ mồ côi tên Heo, đến nhà một ông quan mà xin ở mượn. Hằng ngày, ông quan sai nó rửa chân cho ông. Ông dặn: -Rửa cho thật kỹ. Coi chừng tróc ba cái bột son ở chân tao. Nếu tróc tao giết mày.

Nghe vậy tên Heo nói: -Ông có ba cái bột son. Tôi đây có tới chín bột. Như vậy là tôi có phước nhiều hơn ông.

Vị quan nọ biết tên Heo có tướng mạng làm vua nên bảo chị đầu bếp lén thuốc nó. Chị đầu bếp không nỡ làm chuyện ác. Chiều hôm đó, khi cho heo ăn, chị gõ máng mà làm hiệu: “Heo ơi! Đừng ăn mà chết! Mày không ăn thì mày cũng chết! Heo ơi là heo.”

Tên Heo nghe được, lập tức chạy lại chị đầu bếp mà hỏi sự tình. Nó hứa nay mai nếu được làm vua thì rước chị nọ về phong Hoàng hậu. Chừng đó, chị nọ cứ bỏ tóc xoắn trên vai để làm dấu thì nó nhìn được.

Rồi tên Heo lật đật trốn vào chùa. Ông Hòa thượng dạy nó hằng ngày lau chùi mấy cốt Phật. Vì làm biếng, khi lau chùi nó ra lệnh: “Giở tay lên, để tay xuống ...”Tượng Phật làm theo y lời. Hôm nọ, nó bảo tượng giở tay lên nhưng sau khi lau chùi, nó quên nói: “Đề tay xuống.” Tượng Phật vẫn giở tay lên trời hoài. Hòa thượng thấy vậy bèn gọi làng xóm bắt nó để tra hỏi.

Tên Heo lập tức trốn qua làng bên cạnh để làm mượn giữ vườn. Bữa đó, ra vườn nó chỉ ba cây cau rồi vui miệng nói: -Cây này là ông nội, cây kia là con, cây nọ là cháu nội.

Tức thời mấy cây cau một lúa bông thay hình đổi dạng: Cây thì hóa lão, cây đang có quày<sup>[1]</sup>, cây thì thấp chùn. Chủ nhà tức mình, rầy la tên Heo về tội phá hư vườn của mình, bảo phải sửa lại lời nói.

-Quân tử nhất ngôn, ăn một đọi nói một lời. Tôi đã nói như vậy rồi, không nói ngược lại được.

Thế là bữa sau tên Heo bị đuổi. Nó đi lang thang, đêm đến vào nhà nọ để ngủ. Nhà quá chật, tên Heo đành mời bà Cửu Thiên Huyền Nữ xuống đất để nhường cái trang cho nó. Bữa sau, chủ nhà ngạc nhiên thấy bao nhiêu đồ thờ đều dời xuống đất. Bà Cửu bèn đập đồng lên nói: -Bởi vì hồi tối, người nọ có khí tượng Đế vương đến ngủ, tôi phải nhường chỗ.

Từ đó, tên Heo mất dạng, được làm vua ở nơi nào hoặc đầu thai đi đâu, không ai rõ.

-----

1. Quày: buồng.

# THẰNG LÀM BIẾNG GẶP THỜI

Có thằng làm biếng nọ không cửa, không nhà, nằm trên bè tre mà ngủ. Bỗng đâu, có con cá nhảy lên trên bè. Nó bắt con cá nọ, lấy tay gỡ vảy cá. Vì làm biếng, nó đái lên cá nọ cho sạch nhớt thay vì thò tay xuống sông rửa cá. Xong xuôi, nó thấy con cá nọ lên bè mà phoi khô.

Lúc đó có con qua bay ngang qua, xót con cá khô nọ đem về vườn Ngự Uyển. Công chúa thấy cá, bèn sai thị tỳ nướng để nàng ăn thử. Dè đâu, công chúa thọ thai, sanh được đứa con trai ngộ nghĩnh.

Vua cha tức giận, nhốt công chúa vào ngục, nhưng sau rớt vì quá thương con nên thả công chúa ra và truyền rao lựa chồng cho công chúa. Bao nhiêu thanh niên vận hay võ giỏi tới xin ra mắt nhưng công chúa không ưng ai. Lúc đó, chiếc bè của anh làm biếng nọ trôi rề rề ngang đền vua. Đứa con của công chúa thấy vậy bèn kêu lên: -Bè! ... Bè! ... Ba! ... Ba ơi!

Vua cha bèn kêu bè ghé lại, hỏi sự tình. Tên làm biếng nọ trở thành phò mã.

# THẦN LINH PHÒ HỘ

Cô gái nọ rất xinh đẹp, năm hai mươi tuổi mà vẫn chưa chồng. Mỗi ngày, cô mua nhang đèn đến miếu để cầu khẩn sao cho gặp một người chồng xứng đáng.

Tên bán nhang để ý, hằng ngày rình nghe sau bàn thờ thần nên biết đúng tâm sự cô nọ. Bữa đó, sau khi cô khấn vái, hán ta núp dưới bàn thờ mà nói: -Ta là thần đây, số phận của con là ưng tên bán nhang nọ. Mai sau, nó được làm vua, con sẽ được vinh hiển.

Cô gái nọ nài nỉ: -Con không thể nào ưng anh bán nhang được. Anh thô tục quá.

Có tiếng trả lời: -Nếu con không ưng, con bị móc mắt tức thời.

Vì quá sợ thần linh, cô nọ đến tìm anh bán nhang. Anh bán nhang làm bộ tỉnh táo, ban đầu từ chối, sau mới bảo cô nọ vào ngồi trong cái giỏ đựng nhang để anh quảy về nhà.

Dọc đường, gặp ông vua đi săn cọp. Tên bán nhang hoảng sợ, bỏ cái giỏ nọ mà chạy trốn. Vua nghe tiếng la hoảng hốt trong giỏ bèn ngừng kiệu lại. Biết đầu đuôi tự sự, vua thương tình đem nàng nọ về phong làm hoàng hậu. Thay vào đó, vua đem một con cọp vừa săn được bỏ trong giỏ y như cũ.

Chập sau tên bán nhang trở lại quảy giỏ về nhà. Hán bảo mẹ đi chợ mua gà vịt về để làm lễ cưới cho hán. Rồi hán mở giỏ ra tìm cô gái.

Cọp trong giỏ nhảy ra giết chết hán tức thì.

# CON NGỖ-NG CÓ MỒNG TRẮNG

Anh nọ dạo chơi ngoài vườn gặp một cái hang rắn. Mấy ngày đầu, anh thấy lúc rắn cái đang lột da trong hang thì rắn đực canh chừng và kiếm đồ ăn về cho vợ. Đến phiên con rắn đực lột da, rắn cái bỏ đi tình tự với con rắn khác.

Tức mình, anh giương cung bắn rắn cái nọ chết. Chừng mạnh mẽ, rắn đực nhìn được mũi tên nọ bèn đến tận nhà mà báo thù cho vợ.

Rắn ta nằm trên máng xối nghe anh nọ nói chuyện với vợ về sự bạc tình của con rắn cái nọ. Rắn bèn nhả ra một cục ngọc để đền ơn anh rồi bò đi mất. Đó là cục “ngọc nghe.”

Nhờ cục ngọc đó, anh nọ có thể nghe được tiếng nói của loài vật.

Nghe tụi kiến lửa thì thảo: -Mai này có nước lụt, phải làm ổ trên đất cao.

Anh nọ bèn bảo vợ mau dọn nhà vì ngày mai có mưa to. Hôm sau đúng như vậy. Vợ anh rất khâm phục.

Bữa khác, anh đi lại nhà anh em bạn chơi. Bạn hết sức mừng rỡ mời lại ăn cơm.

Nhờ cục ngọc nọ anh nghe được mấy con ngỗng trong chuồng nói với nhau: -Mai này mình chết hay tôi chết? Nếu tôi bị cắt cổ làm thịt, mình ráng ở lại nuôi con.

Quá cảm động, anh can gián chủ nhà, biểu dọn cơm dưa muối cũng được.

Vài năm sau, anh nọ chết. Mấy con ngỗng nhớ ơn cứu tử phen nọ nên để tang cho anh. Vì vậy mồng <sup>[1]</sup> của con ngỗng trở màu trắng.

-----

1. Mồng: mào.

# SAO HÔM SAO MAI

Anh tiều phu nọ đến suối thỉnh linh gặp một bầy Tiên đang tắm. Tiên vội khoác quần áo bay về trời, còn sót lại một cô bay không được vì quần áo của cô bị anh tiều phu giấu.

Nhờ vậy, anh tiều phu bắt cô Tiên nọ đem về làm vợ. Anh giấu bộ quần sao nọ thật kỹ dưới đáy bồ lúa, sợ vợ thấy được, ăn cắp bay về trời.

Họ sanh được đứa con trai. Hôm nọ anh tiều phu vắng nhằm lúc ở nhà có người đến mua lúa. Khi xúc lúa tới đáy bồ, bộ xiêm y lòi ra. Vợ hết sức mừng, mặc vào rồi nói lại với đứa con: -Mẹ đây cốt Tiên, không thể nào ở mãi dưới trần thế được. Con đừng buồn. Mẹ để lại cho con cái lược này làm dấu tích.

Dứt lời, nàng bay mất. Anh tiều phu về, hay được sự tình, ngã lăn ra khóc lóc, bất tỉnh nhân sự. Từ đó, ngày này qua ngày khác, anh dặt con ra suối tìm hình dáng người xưa.

Suối đó vốn thiệt là suối Tiên. Khi về được nơi tiên giới rồi, nàng Tiên nọ không dám trở lại nữa, nên sai Ngọc Nữ xuống mức nước thế cho mình. Bữa đó hai cha con anh tiều phu gặp hai cô gái đang mức nước tại suối. Anh hỏi han tin tức nàng Tiên, hai cô trả lời không biết. Trong lúc nói chuyện qua lại, đứa con anh làm rớt cây lược vào trong hũ nước. Chừng đem hũ nước về tiên giới, nàng Tiên nọ nhận ra đó là chồng con mình đến suối để tìm. Nàng nói: -Ngọc Nữ hãy đem cái khăn này xuống cõi trần, bảo anh tiều phu và đứa con nít bịt nó ngang đầu. Khăn phép này sẽ giúp họ đăng vân về đây.

Anh tiều phu làm y theo lời. Quả nhiên đến cõi Tiên gặp mặt vợ, Sau phút sum họp, nàng Tiên nói: -Ta là Tiên, Chàng là khách tục, Hai ta không thể nào sum họp được. Hôm nay chỉ tạm gặp mặt nhau. Rồi đây phải từ biệt.

Nàng Tiên bèn thiết tiệc rồi bảo chồng và con lên ngồi trên một cái trống lợn có cơm đem theo để ăn dọc đường. Trên này có dây thòng xuống. Khi nào đến mặt đất thì anh phải đánh trống lên để trên này biết chừng mà chặt đứt dây.

Trống nọ thả xuống tòn ten giữa trời. Bỗng nhiên có con qua thấy đứa bé đang ăn cơm nên bu lại mổ vào cơm. Trống kêu lên “tung tung.” Trên này, ngỡ là chồng và con đã xuống tới đất, nàng Tiên chặt đứt dây, hai cha con anh tiều phu nọ phải té xuống biển mà chết.

Từ đó, có sao Hôm và sao Mai mọc. Sao Hôm là anh tiều phu, sao Mai là nàng Tiên nọ. Họ không bao giờ gặp nhau. Đứa con trai thì hóa ra sao Đòn Gánh ở khoảng giữa mà ngóng cha trông mẹ.

# LA SƠN PHU TỬ

Cuối đời nhà Lê, ở huyện La Sơn xứ Nghệ An (nay là tỉnh Hà Tĩnh) có một nhân tài lỗi lạc đã từng được vua Quang Trung Nguyễn Huệ mời làm quân sư.

Đó là ông Nguyễn Thiếp.

Năm được hai mươi tuổi, cụ mắc bệnh điên. Về sau bệnh không còn, nhưng cụ đặt hiệu mình là Cuồng Ân (hoặc Điên Ân). Cụ thi đậu nhưng không thích làm quan, rút lui về tu tiên tại núi Thiên Nhận.

Nghe danh cụ, Nguyễn Huệ ba lần gửi thư mời giúp việc nước, nhưng cả ba lần đều bị từ chối. Sau rốt, cụ chịu hiệp tác với nhà vua, khuyên vua ba điều:

QUÂN ĐỨC: nghĩa là vua phải làm thế nào cho có đức. DÂN TÂM: nghĩa là làm thế nào cho dân ủng hộ. HỌC PHÁP: nghĩa là cách học hành kinh sử cho đúng đắn.

Năm cụ được sáu mươi tuổi, bọn Tôn Sĩ Nghị kéo quân Thanh tràn vào chiếm Thăng Long. Vua Quang Trung bèn xua binh ra Bắc. Lúc đi ngang Nghệ An, nhà vua bèn triệu cụ để hỏi: - Nghe thầy tinh tường về khoa lý số lại hay về mưu lược. Nay Tôn Sĩ Nghị nó sang, thầy nghĩ chước nào?

Cụ Nguyễn Thiếp thưa rằng: -Quân quý thần tặc. Người Mãn Thanh ở xa tới không biết rành tình hình nước ta. Vả lại chúng nó có bụng khinh địch. Nếu đánh gấp thì trong vòng mười ngày sẽ phá tan. Nếu trì hoãn thì khó lòng mà thắng chúng nó.

Vua Quang Trung nói: -Phải, phải. Tôi nay ra Bắc Hà đánh nó cho chết. Tội mà dẹp được giặc Tàu xong thì xin rước thầy ra dạy học. Tôi muốn khí dụng gì cũng chẳng mua của nước Tàu, người mình tự làm lấy mà xài.

Cụ Nguyễn Thiếp thưa rằng: -Chỉ có thuốc Bắc là phải dùng của Tàu mà thôi!

Quân Mãn Thanh phải tan vỡ ở Đống Đa. Về sau, vua gửi thư cho cụ để cảm tạ: -Tiên sinh đã chịu làm việc cho thiên hạ. Người xưa bảo: “Một lời nói mà đầy nổi cơ đồ.” Lời Tiên sinh hẳn có thể thật.

Ý của vua Quang Trung là nhìn nhận cụ đã có công trong việc chiến thắng quân Tàu.

Cụ La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp thọ được tám mươi một tuổi. Nay ở xã Nam Kim, tỉnh Hà Tĩnh còn ngôi mộ cụ.

# BÃO LỤT NĂM THÌN

Ngày mười sáu tháng ba âm lịch năm Giáp Thìn, nhằm ngày một tháng năm dương lịch (1904), một trận bão nổi lên phá hại toàn cõi Nam Kỳ. Nhưng riêng hai tỉnh Mỹ Tho và Gò Công là chịu thiệt hại nặng nhất.

Ông Huỳnh Ngọc Liêng soạn một bài thơ nhắc nhở lại và ai điều những người bị nạn. Sau đây xin trích vài đoạn:

Mỹ Tho trận bão thành linh,  
Cơ trời xui khiến dân tình xót xa.  
Giáp Thìn nhằm tiết tháng ba,  
Sớm mai mười sáu trời đã mưa giông.  
Tưởng là phong vũ bất đồng.  
Chỗ này thì có, nơi không đâu chừng ...

Dè đây là trận bão! Tháng ba mà có bão thì thật là kỳ!

Trên bờ sập hết cửa nhà,  
Dưới sông xà lúp chìm đã lặn chiêng.  
Ghe bầu, ghe cửa ngã nghiêng,  
Ghe chài, đồ đạc cũng khiến lên bờ.  
Kẻ thời mất vợ bỏ vợ,  
Người thì con chết gần ngơ đi tìm.  
Mấy người bị bão ghe chìm,  
Trong lưng không có một chiêm<sup>[1]</sup> theo mình.  
Sáng ngày mười bảy bình minh,  
Mấy người tị nạn đi xin mà xài ...

Đây là sự hư hao tại Mỹ Tho:

Trận này thiệt bão quá to,  
Làm cho dân sự Mỹ Tho nghèo nàn.  
Mấy cây dây thép ngã ngang,  
Tòa bố, tòa án vôi tăn ngói bay.  
Lò heo, lò gạch, tiệm may.  
Bị giông sập tóc ngói bay còn sườn.  
Cộn Rong mấy cái nhà thương,  
Để nuôi cùi ở, sập tường tan hoang.  
Ghe dừa, ghe chuối, ghe thơm,  
Cũng đều trôi hết phải ôm chịu nghèo.  
Bang Chanh thiệt quả vận to,  
Nhà lầu mà sập hiem nghèo lắm thay.  
Quan phó nghĩ lại cũng may,  
Bão rồi lầu sập sự may dị kỳ.  
Đi hầu nào có hay chi.  
Bồi liên lật đặt chạy đi kêu về.

Ngoài đường phố trong cảnh thiệt hỗn loạn:

Bão rồi sàng ngó ra đường,

Người đi như thể Tàn Dương hội đàm.  
Người ta xúm xít ngoài Vàm,  
Kẻ dành với vải, người ham vớt dù.  
Nồi ơ, chén tộ, mái lu,  
Con nít nó vác, bang bù nó khiên.

Ở đồng quê, tai nạn cũng không kém nhất là ở Cái Bè, Cả Công:

Dâu, xoài rụng hết còn chi,  
Trầu cây thuốc lá bầm thì nát tan.  
Miếu, chùa ngói tốc tan hoang,  
Xoài, me tróc gốc té ngang hư nhà.  
Còn mấy vựa lúa phú gia,  
Nước vỗ linh lảng, mộng đà đơm lên.

Miệt Gò Công, thiệt hại nhân dạng nhiều hơn hết, hơn năm ngàn người:

Vừa đi vừa ngó các đồng,  
Trâu, heo, bò, ngựa tràn đồng sinh chương.  
Tử thi xem thấy thảm thương,  
Thây trôi như củi đào mương tấp vào.  
Nhiều thây kéo bỏ xuống hào,  
Dân làng lấp đất, người nào chẳng ghê.  
Bốn làng mé biển dựa kè,  
Nước dưng trôi chết chẳng hề còn đâu.  
Xảy về tới chợ Cái Khâu,  
Vào nhà nghe nói thảm sầu lắm thay.  
Chị em mạng bạc chẳng may,  
Chết trôi mười một, vớt nay một mình.

-----

# CÔ HỒN ĐỀN ƠN

Thuở xưa, ở Mỹ Tho có ông Bá hộ lòng dạ rất nhân từ. Ngày rằm tháng bảy, ông đốt nhang đèn bày ra bánh cúng, bánh cấp, mía, chuối để các cô hồn về hưởng. Cúng xong xuôi ông yên trí vô nhà nằm nghỉ.

Gần nhà ông, có một chòm mả hoang. Đêm đó, có anh bán dầu dừa đi lỡ đường, đến chòm mả nọ mà nghỉ lưng. Anh ta nghe thì thào như nhóm chợ, bọn ma quỷ bàn tán qua lại: -Đồ ăn ngon quá, mấy anh dám ăn không?

-Ông Bá hộ có lòng tốt nhưng làm sao ăn được?

Tề Thiên Đại Thánh nói rằng bánh cúng không được tinh khiết. Hôi gói bánh, có con nhỏ đầy tớ rủ đứt tay, làm dính máu trong lá chuối gói bánh.

Anh bán dầu dừa biết đó là tiếng nói của cô hồn. Sáng hôm sau, anh ta lập tức đến nhà ông Bá hộ mà báo sự tình. Ông Bá hộ hết sức buồn bã, nghĩ thầm: -Không lẽ mình rầy rà bọn đầy tớ! Cách hay nhất là mình cáo lỗi quỷ thần, cúng lại lần thứ nhì.

Đêm sau, cúng xong, ông Bá hộ nhờ anh bán dầu dừa ra ngoài chòm mả hoang nghe ngóng tin tức.

Anh ta y lời, rình nghe bọn cô hồn bàn tán: -Thất bại nữa! Phen này tụi mình chết đói. Hôi hôm quá lá chuối dính máu. Bữa nay thì nấu bánh bằng củi ô uế ở chuồng heo ...

Anh bán dầu dừa trở lại thuật cho ông Bá hộ hay. Ông này buồn bã, hỏi lại thì rõ ràng bọn gia nhân đã lấy mấy khúc củi chuồng heo mà chụm lửa nấu bánh.

Ông Bá hộ đến chùa gần đó, nhờ nhà chùa cúng dùm, như vậy bảo đảm hơn.

Cúng xong, anh bán dầu dừa cũng ra chòm mả nghe ngóng. Nhưng lần này anh ta dạn dĩ hơn lên tiếng trước: -Cô hồn các đẳng ơ! Cúng như vậy ăn được không?

Cô hồn mừng rỡ nói: -Được! Được! Ông Bá hộ có lòng tốt, trì chí lo lắng chu đáo miếng ăn cho tụi tôi. Anh về nói với ông: Chứng một trăm ngày nữa chúng tôi đền ơn ông một vật xứng đáng.

Sẵn có máu tham, anh bán dầu dừa không thuật lại điều ấy cho ông Bá hộ biết. Anh giả đồ xin cát chòi kê bên cửa ngõ của ông Bá hộ. Rồi anh ta sống nướng nấu chò ngay mà cô hồn đã hứa. Rình mãi không thấy gì, anh ngã lăn ra ngủ thiêm thiếp. Gà gáy sáng, bừng mắt dậy thì rõ ràng có ba cái lu lớn đặt trước cửa ngõ từ hồi nào. Mỗi lu đều có một con rắn hổ quấn chung quanh. Trong lu toàn là vàng thoi, bạc nén. Anh ta thò tay vào lu. Tức thì bao nhiêu vàng bạc đều hóa ra hàng trăm con rắn, đen thui, bò lúc nhúc. Hoảng sợ, anh rút tay ra. Vàng bạc hiện trở lại y nguyên. Lúng túng, anh ta không biết xử trí ra sao. Ông Bá hộ bước ra cổng, thấy vậy bèn sai gia nhân khiêng vàng bạc vào nhà.

Để đền ơn anh bán dầu, ông Bá hộ tặng cho hai thoi vàng, hai nén bạc. Cảm trên tay, anh ta mừng quýnh vì vàng, bạc không hóa thành con rắn nữa. Anh ta ra đi, cười hát ngêu ngao rồi vô quán rượu say sưa.

Tỉnh rượu thì hai nén bạc, hai thoi vàng đã bị người khác ăn cắp từ hồi nào.

# BÔNG THỦY TIÊN

Ở Bắc phần Việt Nam, Thủy Tiên là một thứ bông quý, nở vào dịp Tết. Nó giống như củ hành tây. Đó là tặng vật của thần thánh ban cho loài người.

Ông Bá hộ nọ chết sớm, để lại hai đứa con trai. Con cả tánh tình hung hăng, thường hay hiếp đáp đứa em. Đứa em này yếu đuối, khờ khạo.

Cha chết, gia tài lọt trọn vào tay con cả. Hắn không chia gia tài cho em, lại còn bắt đứa em làm công việc trong nhà như đầy tớ. Đứa em thua buồn trốn ra đi.

Đến nơi đó, đứa em gặp một ao nước trong veo. Nó ngồi than thở hồi lâu, toan bẻ tự tử. Chợt nhìn bên bờ ao có một ngôi miếu xưa, nó bước lại, lau chùi bàn thờ, quét sạch nền miếu rồi xa ba xá, bước ra.

Trời đổ bóng chiều. Đứa em thở dài, cảm thấy cuộc đời mình sắp tàn. Nó bước xuống ao. Nước dâng lên ngập đầu gối, rồi ngập lưng quần, ngang ngực ... Bỗng đâu, một ông lão tiên phong đạo cốt hiện ra, nín áo nó lại: -Tại sao cháu hủy mình.

Nó trả lời, thuật lại hoàn cảnh nghèo nàn.

Ông lão nói: -Không sao đâu, lão giúp cháu.

Dứt lời, ông lão hóa phép. Khắp ao nước mọc lên một thứ bông trắng muốt, hương thơm ngào ngạt.

Nó hỏi: -Ông là ai?

Ông lão nói: -Ta là Thủy Tiên, ông tiên ở dưới nước. Hồi nãy ta hết sức cảm động vì tấm lòng thành của cháu, cháu sẵn sốc miếu ta bên bờ ao. Từ rày, cháu ráng trồng tỉa giống này, đem ra chợ bán thì ắt no cơm ấm áo.

Dứt lời, ông lão biến mất. Từ đó, bông Thủy Tiên ra đời, bán giá cao. Đứa em nọ trở nên giàu có. Người anh cả gian ác kia vì ganh tị với em mà ốm o gầy mòn rồi chết yểu.

# ÔNG THẦN XÃ ĐÌNH LẬP

Thời Bắc thuộc, nhiều lần dân chúng nổi lên chống ngoại xâm. Vào khoảng thế kỷ thứ 10, quan Châu nộ khởi nghĩa thất bại, vợ và con chạy thất lạc.

Đưa con lớn lên học võ nghệ tinh thông để báo thù cha. Đang đi trên núi, thành linh gặp con Long mã. Long mã hiến cho nó một cái càn khôn quyền, đeo vào cổ thì ra trận bá chiến bá thắng.

Quân Tàu đại bại liên tiếp mấy trận, tập trung binh mã để đối phó. Rủi thay, đưa con nọ bị bao vây, chạy dài. Quân Tàu đuổi theo kịp, chém đứt đầu, cái càn khôn quyền văng ra ngoài.

Trong khi đưa con đứt đầu té xuống, thần Long mã hiện ra, lượm cái đầu đặt lại vào cổ của đồ đệ mình và nói: -Con chưa chết đâu. Con hãy mau mau chạy về. Dọc đường gặp bà người đầu tiên thì con hỏi: "Tôi sống hay chết." Nếu họ nhìn sắc diện của con rồi nói rằng con còn sống thì tánh mạng của con chưa đến nỗi nào.

Đưa con vâng lời. Trước tiên, gặp một ông lão. Hỏi thì ông trả lời: -Đừng hỏi bậy. Anh còn sống nhân chớ chết hỏi nào.

Gặp một người thứ nhì, người ấy đáp: -Nhất định anh còn sống. Nếu chết thì làm sao mở miệng nói chuyện được.

Đưa con nọ mừng quỳnh, chạy về nhà, gặp mẹ. Hỏi thì bà mẹ khóc lóc mà nói: -Con chết thiệt rồi. Con đừng hiện hồn về nhát mẹ. Nếu con còn sống thì cái càn khôn quyền còn đeo trong cổ. Đẳng này, nó đầm máu, có người lượm được đem về cho mẹ đây.

Dứt lời đưa con thất sắc, tay chân bủn rủn, té xuống chết.

Dân chúng trong nước thương tiếc vị nhân tài trẻ tuổi ấy. Sau này vua phong sắc thần.

Còn bà mẹ nọ thì thiên hạ nguyên rửa, cho rằng vì bà ta đại đột mà đưa con phải chết. Làng Đình Lập (tỉnh Móng Cái) hằng năm cúng tế vị anh hùng này.

Có người nói rằng tích trên đây là tích ông Nùng Trí Cao đánh nhà Tống, về sau ông phải bại trận mà chết oan uổng.

# CON THỎ, CON CHIM NẮC NƯỚC, CON MUỖI-I

Ngọc Hoàng đòi các cầm thú đến trước bệ rồng.

Con chim nắc nước tâu: -Trăm lạy bệ hạ, mình mẩy của con thì lớn mà hai chân thì nhỏ xíu như chân nhang. Con e rằng ngày kia phải gãy chân.

Ngọc Hoàng nói: -Không hề gì. Chừng nào chân của con bị gãy thì ta thay cho cặp chân khác.

Vì vậy, con chim nắc nước luôn luôn nhún mình xuống thử cho hai chân gãy để thay cặp chân khác to hơn. Nhưng ngày qua tháng lại, cặp chân không gãy, chim phải mang thêm thói quen không đẹp mắt.

Con thỏ tâu: -Miệng của con nhỏ quá. Xin bệ hạ ban cho con một cái miệng rộng hơn.

Ngọc Hoàng bèn gọi con thỏ đến, lấy dao cắt hai bên mép cho miệng rộng thêm.

Vì vậy, miệng con thỏ còn hai lần theo ấy.

Đến lượt con muỗi bay tới, than phiền với Ngọc Hoàng: -Muôn tâu bệ hạ, da thịt của con người quá dày mà cái vòi của con thì nhỏ mà vẫn. Như vậy hút máu chậm quá lâu nó.

Ngọc hoàng nói: -Ta ra lệnh cho thiên hạ giúp con, đè cái vòi của con xuống cho thật mạnh.

Con muỗi khoái chí bay đi kêu vo ve. Đến chừng châm vòi hút máu thì hỡi ôi! Bàn tay của con người đập mạnh xuống con muỗi như giúp con muỗi chích sâu vào thịt. Vì vậy con muỗi đành tử nạn.

# RỤNG LÔNG VỊT

Ông lão nọ sống đủ ăn, tánh tình hiền lành nhân đức. Đàng xóm có tên bất lương nọ lên ăn cắp của ông một con vịt.

Về nhà, sau khi ăn thịt con vịt ấy, mình mẩy của tên trộm nọ trở nên ngứa ngáy khác thường, lông vịt mọc lú ra khắp cả châu thân.

Biết là thánh thần quở phạt, tên nọ ngày đêm cầu khẩn. Thần nhân hiện về báo mộng rằng: - Mi phải lại nhà ông già nhân đức nọ, xin ông chửi mi một tiếng, tức thì lông vịt sẽ rụng hết.

Trời hừng sáng, tên nọ đến tìm ông lão mà nói trớ rằng: -Tôi nghe nói ông mất một con vịt. Thằng ở nhà kẻ bên tôi ăn cắp. Nếu ông chửi một tiếng thì nó hoảng sợ, đem lại trả liền.

Ông lão nói: -Mất còn, còn mất cũng không sao. Hơi đâu mà chửi cho mệt, không có bằng cớ, thêm mang tội.

Túng cùng, tên ăn trộm bèn khóc lóc, nói sự thật: -Nếu ông không chửi thì tôi đau đớn khó chịu lắm, lông vịt mọc cùng mình.

Ông lão động lòng chửi một tiếng. Tức thì mình mẩy tên nọ trơn như cũ.

# HAI ÔNG QUAN THANH LIÊM

Ông Mẫn Công làm quan tuần phủ ở Hà Nam.

Lúc đi ghe, ông bị cướp kêu lại, ào qua lục soát của cải. Bọn cướp không thấy vật gì quý giá cả. Chúng lục tới lưng, ông Mẫn Công đem một sợi đai vàng ra mà nói: -Ta nghèo lắm. Chỉ có món này là quý, bằng vàng của vua ban cho. Ngoài ra, ta không có của riêng.

Bọn cướp không nỡ lấy sợi đai.

Lại còn một ông quan khác tên là Trần Văn Khánh. Ông này về hưu trí đã lâu. Bỗng hôm nọ bọn cướp tới đánh phá. Ông Trần Văn Khánh nói: -Đêm hôm tui bấy cớ công tới thăm tao. Ngặt tao không có vật gì xứng đáng. Trong rương còn năm ba bốn cuốn sách rách, tui bây chịu khó lấy đỡ đem về cho con cháu nó học.

Bọn cướp bèn rút lui.

Hai câu chuyện trên đây lưu lại đời sau, cốt ý nêu lên đức thanh liêm. Hai ông quan này thanh liêm đến nỗi kẻ bắt lương cũng phải động lòng.

# ĂN MÀY XIN VÀNG

Phú ông nọ giàu có nhất trong vùng nhưng rất hà tiện. Bao nhiêu vàng bạc, ông giấu cất trong nhà, không đem bố thí cho một ai.

Hôm ấy, có lão ăn mày đến năn nỉ phú ông mà xin cho kỳ được một nén vàng. Phú ông quát tháo, sai người đuổi đi. Nhưng lão ăn mày vẫn lì gan trở lại xin vàng, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác.

Rốt cuộc, phú ông cho lão nọ một nén rồi sai người đẩy tới đi theo rình.

Ban đầu lão ăn mày mừng rỡ, cười hí hỏn. Nhưng đến khoảng đất trống, lão đặt nén vàng bên mình rồi ngủ khò. Tên đầy tớ bèn lén lại gần ăn cắp nén vàng nọ đem về cho chủ. Hôm sau, lão ăn mày trở lại nhà phú ông mà xin vàng như cũ.

Phú ông nói: -Hôm qua tôi cho ông một nén, đâu rồi?

Ông lão ăn mày vuốt râu mà trả lời: -Tôi để nó kế bên mình. Nhưng khi tôi vừa nhắm mắt thì nó cũng biến mất. Bởi vậy tôi trở lại.

Phú ông suy nghĩ về câu nói của ông lão ăn mày, hiểu rằng khi nhắm mắt chết thì sự nghiệp không còn gì hết. Ông bèn đem vàng bạc dùng vào việc phước thiện.

Gặp những người trọng tuổi, phú ông thuật lại chuyện lão ăn mày nọ. Ai nấy đoán rằng: không chừng lão ấy là Tiên trá hình để răn đời.

# ANH BÁN VẢI

Anh bán vải nọ đi ngang qua một kiềng chùa xiêu vẹo, hoang tàn. Anh ngồi than thở, cảm thấy có tội lớn đối với Phật Trời.

Trong chùa có tên ác tăng rình nghe được. Hắn bàn tán với anh bán vải: -Anh nên giúp của để tu bổ chùa này.

Anh bán vải mừng rỡ bằng lòng giúp một số tiền. Đêm đó, tên ác tăng thết tiệc rồi nói: -Anh phải làm phước cho trọn. Cần tu bổ tất cả kiềng chùa này, từ chánh điện tới hậu liêu, sửa lại cửa tam quan, đúc chuông mới.

Anh bán vải hoảng hồn: -Tôi nghèo lắm, một mình làm sao gánh vác nổi sở phí. Bây giờ có bao nhiêu vàng bạc trong mình, tôi xin cúng hết.

Tên ác tăng nọ không chịu, muốn lấy tất cả số vải của anh nọ và giết anh ta luôn để phi tang.

Anh bán vải nài nỉ, khóc lóc xin tha tội. Sau rốt, tên ác tăng bằng lòng cho anh bán vải tự thắt cổ.

Lúc ấy tình cờ có ông quan đi ngang chùa. Chợt thấy một đứa con gái bận quần đỏ chun theo lỗ vách tường mà vào chùa, ông quan hồ nghi chuyện lạ, dừng ngựa lại, ra lệnh cho quân hầu đuổi theo ... Vào chùa, chợt thấy hai cái phòng đóng kín mít, ông quan yêu cầu mở gấp. Tên ác tăng cản lại: -Bẩm thượng quan, trong phòng có quỷ.

Vị quan nổi giận, phá cửa, gặp một người đang thắt cổ ngắt ngư. Chừng cứu lại sống được, anh bán vải bày tỏ đầu đuôi. Vị quan mới hiểu người con gái lạ thường khi nãy là điềm trời Phật giáng xuống cứu người lương thiện. Tên ác tăng bị chém đầu. Anh bán vải và vị quan hiệp cùng dân địa phương góp công, góp của tu bổ kiềng chùa ấy thịnh vượng.

# TÍCH CON CHIM HÍT CÔ

Năm đó trời hạn, ruộng nương mất mùa, cả làng phải đói kém. Hai cô cháu nọ sống kham khổ, nương tựa nhau. Còn dư một nắm đậu, họ đem luộc chín rồi ngâm mà nuốt nước cho đỡ đói. Cô ngâm xong thì nhả ra cho cháu ngâm. Cứ như vậy, thay phiên nhau. Lần lần, mấy hột đậu này mòn tan ra. Lần chót, đứa cháu ngâm hột đậu cuối cùng, rủa hột đậu chạy vô miệng mất luôn. Người cô đành chịu đói mà chết.

Qua những năm đó, gió mưa trở lại thuận hòa, cây trái xum xuê. Đứa cháu hóa thành một con chim, tối ngày nhảy nhót mà tìm hình ảnh của người cô chết đói năm trước. Nó gọi cô nó về để chung hưởng những hoa quả: “Hít cô!” tức là gọi lại chuyện ngâm nuốt hột đậu cho đỡ đói.

# TÍCH CHÙA LONG GIÁNG

Ở tỉnh Bắc Ninh, chùa Long Giáng là một nơi thắng cảnh. Tục truyền rằng đời vua Lý Nhân Tông, Ngọc Hoàng muốn nhắc nhở nhà vua tu thân theo đạo Phật. Bấy lâu nay vua quá bê bối về việc nước.

Ngọc Hoàng khiến một nàng tiên nga giáng xuống đầu thai, lấy tên là Văn Khôi công chúa. Lớn lên công chúa nhan sắc lộng lẫy. Vua Lý Nhân Tông bèn truyền rao kén phò mã, công chúa bực mình, lén trốn ra khỏi cung điện, tìm đức Cao Huyền hòa thượng mà quy y.

Hay tin ấy, vua cho quan quân rước công chúa về. Công chúa không chịu. Vua nổi giận, ra lệnh đốt chùa để giết công chúa luôn. Nhưng bỗng nhiên có con rồng vàng hiện ra phun nước chữa lửa.

Nhà vua tỉnh ngộ, ăn chay nằm đất để tạ tội và xuất của kho tu bổ ngôi chùa ấy. Mãi đến ngày nay, chùa lấy tên là Long Giáng để ghi nhớ điều ấy.

# ÔNG VU CÔNG TRỪ TÀ

Ông Vu Công là người võ giỏi. Năm ấy, đến kinh đô ứng thí, bỗng nhiên đưa tiểu đồng của ông thọ bệnh. Nghe đồn có tên thầy bói ở gần, ông đến đặt quẻ. Thầy bói nói: -Mạng của tên tiểu đồng thì không sao. Ngặt mạng của ông rất nguy hiểm, không biết lo thì chết trong ba ngày nữa.

Ông Vu Công hỏi: -Có phương nào cứu được không?

Thầy bói đáp: -Đặt cho tôi mười quan tiền, tôi làm phép dùm cho.

Ông Vu Công tức mình, đoán rằng tên thầy bói bày đặt chuyện để ăn tiền. Ông về nhà mà chờ.

Hai ngày đầu, không chuyện gì xảy ra. Vài người bạn can gián, ông trả lời: “Sống chết do mạng trời. Tôi sẵn sàng ăn thua với tên thầy bói này.” Đêm thứ ba, ông ngồi chong đèn. Chừng nửa đêm, nghe tiếng động ngoài cửa. Chập sau, thằng nhỏ vác giáo bước tới. Ông Vu Công cầm cây gươm chém mạnh. Dòm kỹ lại, rõ ràng một hình nhân bằng giấy.

Một hồi nữa, có con quỷ da xoa cầm xà mâu chạy sấn lại đòi đâm. Ông Vu Công múa gươm chém nghe một cái “ròn.” Rõ ràng là miếng chén, miếng cà ràng bể. Ông liền bắt ghé lại gần cửa mà rình cho tới đầu canh năm. Trong bóng tối, rõ ràng một dị nhân tay cầm cung tên, nhắm ngay ông mà xạ. Ông chém trước, tên nọ ngã lăn, hoàn lại một hình bằng cây.

Qua bữa sau, ông Vu Công thuật chuyện đã xảy ra cho bạn bè hay biết rồi rủ nhau tới nhà tên thầy bói hôm trước. Tên thầy bói ngượng nghịu như chó ăn vụng bột. Ông Vu Công nói: -Tên bắt lương này sai âm binh khuấy rối ta để ăn tiền. Phải bắt nó.

Bạn bè khuyên ông dùng máu chó mà trị kẻ tên này tàng hình. Máu chó rảy xung quanh nhà, tên thầy bói chịu phép, bị bắt trời đem nộp quan trên.

# CON CỌP VÀ CẬU HỌC TRÒ

Cậu học trò đi dạo chơi trên núi bỗng gặp một con cọp mắc bẫy.

Cọp ta vùng vẫy la hét, kêu cứu rằng: -Tôi rủi lâm nạn, cậu làm ơn gỡ bẫy dùm. Tôi đền ơn xứng đáng, hằng ngày vác heo rừng, vác nai lại để cậu làm tiệc. Trong rừng ngày còn nhiều hột ngọc quý giá mà bấy lâu nay tôi chôn giấu dưới đất. Hễ được tự do thì tôi đào lên dâng cho cậu.

Cậu học trò nọ vui mừng, phần thì muốn ra tay nghĩa hiệp, phần thì muốn được của cải quý báu nên tháo bẫy ra dùm.

Cọp được tự do, đi khoan thai trước mặt cậu học trò rồi nghiêm nét mặt: -Tao đói bụng quá, phải ăn thịt mày mới được.

Cậu học trò cãi lại. Cọp không nghe. Xảy đâu một ông Tiên hiện ra, tay cầm phát trần chỉ ngay con cọp mà nói: -Không được hỗn láo. Chuyện đâu còn đó.

Biết là Tiên giáng trần, cọp quỳ xuống mà nói: -Thưa ngài, cậu học trò này phá tôi.

Ông Tiên nói: -Bây giờ, cọp cứ yên lòng trở vào bẫy như cũ. Cậu học trò này phá bẫy như thế nào, để ta xét trị tội nó.

Dứt lời, cọp đi trở lại vào bẫy. Ông Tiên gài bẫy lại rồi nói với cọp: -Chuyện đâu còn có đó thì ta để đó. Mi ráng ở đây mà chịu chết.

Rồi ông nói với cậu học trò: -Cậu có lòng nhân đạo. Từ rày sắp tới phải cẩn thận. Có lòng nhân đạo mà cũng phải có trí mới được, đừng nhẹ dạ nghe lời kẻ ác tâm.

# TÊN TRỘM VỊT

Tên nọ lười biếng, không chịu làm lụng nhưng có tật muốn ăn ngon. Hôm đó đi qua làng bên cạnh, thấy một con vịt mập đang đứng ngủ bên bờ ao. Ban ngày, nếu ăn cắp thì khó lòng chạy trốn được. Nghĩ vậy nó đến quỳ mọp trước mặt con vịt, hai tay chắp lại, miệng khấn vái lâm râm.

Chủ nhà lấy làm lạ, chạy ra hỏi: -Chú kia! Tại sao quỳ lại con vịt như vậy? Tội chết! Hay là chú điên rồi?

Tên nọ ngược mặt lên và thưa: -Nói giầu chi ông, hồi tối này tôi nằm chiêm bao thấy cha tôi về. Cha tôi nói bữa nay sẽ nhập hồn vô xác con vịt tại xóm này, bờ ao này. Vì tình phụ tử tôi tìm đến đây, quỳ trước con vịt này mà nhớ vong hồn cha.

Chủ nhà nghe nói, động lòng, bèn cho con vịt. Anh nọ mừng quýnh đem vịt trở về nhà. Chủ nhà nom theo, thấy anh ta bắt nước sôi cắt cổ, nhổ lông con vịt nọ.

Chủ nhà hỏi: -Sao chú đành nhẫn tâm giết nó. Nó là hồn của cha chú, chú nói hồi nãy.

Tên nọ trả lời: -Tôi làm phép, cầu hồn cho cha tôi xuất ra khỏi xác con vịt rồi. Bây giờ tôi ăn cái xác này.

Anh chủ nhà tức giận vô cùng, biết rằng mình mắc mưu tên bất lương.

# CHUYỆN THẦY THÍM

Xưa kia, ở đất Quảng Nam có hai vợ chồng tên Lánh. Họ tu tiên tại làng Trà Luông, huyện Thăng Bình.

Lần lần thầy được nổi danh. Dân chúng cứ tên, gọi chồng là Thầy, vợ là Thím.

Hôm nọ thấy cái nhà việc đã hư hao. Thầy nói với hương chức làng: -Để tôi cất lại dùm cái khác.

Ai nấy không tin, ngỡ rằng thầy nói chơi. Dè đâu đến nửa đêm, giông bão nổi ầm ầm. Lại nghe tiếng bao nhiêu thợ hò hét, đôn đốc cất cho mau cùng là tiếng đục, tiếng búa. Sáng ra ai nấy ngạc nhiên. Nhà việc làng đã sửa sang lại, xinh đẹp hơn trước.

Nhưng ở làng kế bên thiên hạ vô cùng bất bình vì trong đêm giông tố vừa rồi, cái nhà việc của họ bay đi đâu mất. Nghe tin đồn, họ qua làng Trà Luông để nhìn. Sau khi nhìn dấu tích, họ nhận ra: Trên vách tường của nhà việc xưa của họ có dấu vết của một dây trầu leo lên. Bây giờ nhà việc của làng Trà Luông cũng có dấu tích ấy. Họ đem đơn kiện lên quan trên.

Bộ Hình ngoài Huế lên điều tra, sai người vào làng Trà Luông. Hương chức làng nói: -Chúng tôi không ăn cắp của ai. Nếu có tội thì kẻ thủ phạm là Thầy với Thím.

Tức thời, hai vợ chồng Thầy Thím bị bắt. Quan trên tuyên bố xử tử. Hai vợ chồng của Thầy xin đình lại bản án mà rằng: -Chúng tôi muốn truyền lại cho nước Nam mình một bảo vật.

Theo lời yêu cầu của Thầy và Thím quan trên sai người đem lại một vóc lụa dài, viết lông và mực tàu. Thầy bèn vẽ một con rồng, khúc đuôi vẽ trước. Chừng vẽ xong khúc đầu rồng, Thầy dùng một bó nhang mà khấn vái rồi vẽ hai con mắt. Sau khi điểm nhãn, rồng nọ bay bổng, hai vợ chồng thầy cỡi lên đó mà trốn.

Đến Nha Trang, vợ chồng Thầy Thím xin ở đậu tại nhà của một bà lão tên là bà Xuỗi. Thầy có treo một bọc vải, ở trong toàn là đậu. Thầy cấm dạn không cho ai dòm trong bọc ấy.

Dè đâu, đứa cháu của bà Xuỗi có tánh tò mò. Hôm nọ, nghe tiếng thì tháo trong bọc vải nọ, đứa cháu lén mở ra. Tức thì bao nhiêu binh tướng hiện ra cầm khí giới bao vây đứa cháu nọ. Nó la hoảng, Thầy Thím hay được, trở về hô phép. Các binh tướng rút trở lại vô hột đậu trong bao.

Ngày mừng năm tháng giêng năm đó, vợ chồng của thầy đều tịch diệt. Quan trên ra lệnh dùng dây sắt mà xiềng mã của vợ chồng. Dè đâu ban đêm, voi trong rừng chạy ra, phá vòng xiềng.

Biết đó là một vị Thần, vua phong sắc cho hai vợ chồng. Thầy được phong là Chí Đức tiên sanh chi thần. Thím được phong là Chí Đức nương nương.

# NỮ ANH HÙNG BÙI THỊ XUÂN

Sau khi thấu phục được sơn hà, vua Gia Long ra lệnh xử tử vua Tây Sơn (Quang Toản) cùng các vị tướng lĩnh của Tây Sơn như quan Thiếu phó Trần Quang Diệu và vợ là Bùi Thị Xuân.

Trần Quang Diệu bị tội lột da.

Kể đến lượt đưa con gái của Trần Quang Diệu. Đưa con gái ấy mới chừng mười lăm tuổi. Khi thấy voi tiến tới quật giết mình, đưa gái la hoảng: -Mẹ ơi! Cứu con.

-Chân tay của mẹ bị trói hết rồi không phương nào cứu được. Con hãy vui lòng mà chết luôn với mẹ cha, còn hơn là sống với bọn này.

Con voi quơ vòi, cuộn đưa con gái, quăng lên trời rồi đưa hai ngà ra húc. Hai lần như vậy, đưa con gái chết hẳn.

Bà Bùi Thị Xuân không thay đổi sắc mặt. Bà bước tới trước con voi nọ. Bọn đao phủ ra lệnh cho bà phải quỳ xuống để con voi dễ quấn.

Bà không tuân lệnh, cứ bước tới như hăm dọa. Con voi thối lui. Bọn đao phủ phải cầm gươm đâm voi nọ, chọc tức. Voi bước tới quấn bà, thấy lên rồi đưa hai ngà ra húc. Nhìn xác của bà, ai nấy đều khâm phục. Bà dùng lụa mà quấn sẵn chung quanh ngực, bụng, bắp vế. Lớp quần áo ngoài tuy rách nát nhưng bà không lỏng lẻo chi hết. Bà đã đoán trước cực hình này đôi ba ngày, nên đã chuẩn bị thân thể trước.

Bùi Thị Xuân là một nữ tướng can đảm đã từng chống giữ lũy Trấn Ninh.

Nay ở Sài Gòn có tên đường Bùi Thị Xuân để kỷ niệm gương can đảm, tiết liệt của bà.

# ĂN TRẦU NGẮT ĐUÔI

Thuở ấy, ở xóm kia có chàng thanh niên và cô thiếu nữ rất xứng đôi vừa lứa. Cha mẹ của đôi bên đều bằng lòng kết tình thông gia nhưng chưa nói cho con mình biết.

Vì quá yêu nhau, hằng đêm cô thiếu nữ lén mở cửa phòng rước cậu trai vào tự tình. Mãi đến gà gáy hừng đông, cậu trai mới ra về. Cứ như vậy ngày này qua tháng kia.

Buổi tối, trước khi về, cậu trai ao ước được ăn một miếng trầu. Nhìn trong khay thấy hết trầu, cô thiếu nữ liền chạy ra vườn hái một lá đem vô, tẽm vôi, mời chàng. Dè đâu miếng trầu nhai chưa dập là chàng nọ ngã lãn, trảo đờm rồi chết. Hoảng hốt, nàng tri hô lên. Quan làng chạy lại khám xét tử thi, thấy nhiều đốm đỏ loang khắp mình.

Thế là cô nọ bị bắt giam để xét hỏi về tội bỏ thuốc độc giết người. Cô cứ một mực kêu oan. Cuộc tra tấn kéo dài, lần lần cô trở nên ốm o gầy mòn, gần chết trong ngục.

May sao, có ông quan Án đi qua. Quan Án hỏi cô: -Đầu đuôi tự sự như thế nào? Mi phải khai rõ rệt.

Cô nọ nói sự thật. Nghe xong, vị quan suy nghĩ, gật đầu. Ông đi ra ngoài vườn xem kỹ lưỡng từng lá trầu trên nọc. Ông chú ý: ở mấy lá sát gốc đều dính một chất gì nhớt ngay chót đuôi lá, giống như là con ốc, con sên bò qua nhả nước miếng.

Nhưng không thấy con ốc, con sên nào cả!

Ông quá tức trí, ra lệnh đào dưới đất, ngay nọc trầu. Đào xuống thật sâu, bỗng nghe tiếng khè khè. Rõ ràng là con thường luồng nằm khoanh trong hang. Dân chúng chạy tứ tán.

Ông quan nói: -Con thường luồng này hằng đêm lén bò lên mặt đất để kiếm nước uống. Vì quá khát nước, nó phải liếm mấy giọt sương mù ở chót đuôi mấy lá trầu gần dưới đất. Nọc con thường luồng dính lại trên lá nên gây chết người. Cô gái này bị hàm oan.

Chòm xóm nhìn nhận lời vị quan nọ là chí lý, tài trí như Bao Công thuở trước. Từ đó về sau, trước khi tẽm trầu, ai nấy đều ngắt chót đuôi lá vì sợ nọc con thường luồng. Bây giờ giống thường luồng không còn, nhưng thói quen của con người hãy còn.

# KÉP HỨA VĂN HÁT BỘI

Hồi quan Thượng Quốc Công Lê Văn Duyệt ngồi trấn Gia Định, đất Sài Gòn hưởng an lạc thái bình.

Quan Thượng nổi danh là nghiêm khắc, có quyền tiền trăm hậu tấu.

Ngài thích vui, xem người đấu cọi, xem đá gà và nhất là xem hát bội. Ngài lập gánh hát riêng cất rạp riêng. Khi hát, thường thường là ngài cầm châu.

Đêm nọ, diễn tuồng Võ Thành Lân, kép Hứa Văn thủ vai chánh, vai một trung thần bị bọn phản nghịch rượt chạy. Con ngựa ô chạy tới bờ biển không phương qua được. Kép Hứa Văn hát nam rằng:

Ô mã qua miền hải ngạn,  
Công (của) Tiên Hoàng tỏ rạng đường non ...

Bỗng đâu, có con cá lý ngư nổi lên rước. Kép bèn lên ngồi trên lưng cá mà hát rằng:

Vờn vờ cá lội như cò ... ho ...

Quan Thượng Cộng giận lắm, cho rằng kép Hứa Văn hát trật nên gõ mạnh vào thành trống một tiếng “cắc.” Cá làm sao biết ho được? Kép Hứa Văn hoảng hồn, biết rằng mình hát lỡ lời, không khéo lát nữa bị đánh đòn. Kép bèn giữ gương mặt trầm tĩnh, hát tiếng:

Ho ...(vì) tưởng đâu ô mã, ai dè lý ngư ...

Quan Thượng chau liên tiếp ba bốn tiếng trống để khen tài của Hứa Văn. Ngài cười lớn: - Hay quá! Tha tội, tha tội.

Ngày nay, lãng quan Thượng Công ở Bà Chiểu (Gia Định) có bạn thờ kép Hứa Văn. Âu cũng là xứng đáng với tài danh bất hủ của người nghệ sĩ tiền bối này!

# THẦN PHẠM NHĨ HÓA RA CỌP

Ngày xưa, trên Thiên cung có một vị thần tên Phạm Nhĩ. Theo chữ Nho, Phạm Nhĩ tức là lỗ tai rách.

Phạm Nhĩ rất hung hăng, tham quyền cố vị toan soán ngôi Ngọc Hoàng. Ông ta quy tụ binh mã, đánh đâu thắng đó, hễ bắt được kẻ thù là ăn gan uống máu lập tức.

Thấy Phạm Nhĩ đại náo Thiên cung, Phật Bà Quan Âm bèn hạ lệnh cho ông Chuần Đề đem binh tới trừng trị. Nhưng ông Chuần Đề đại bại. Phật Bà liền hóa phép thần thông, đuổi được Phạm Nhĩ, bắt đầy ông ta xuống trần gian, hóa kiếp ra con cọp.

Để đề phòng ông Phạm Nhĩ trở lại Thiên cung báo thù, Trời Phật cắt đôi cánh của Phạm Nhĩ không cho ông ta bay.

Vì là thú vật, Phạm Nhĩ rất hung hăng. Nhưng nhờ cốt thần hồi kiếp trước nên trong giấc ngủ Phạm Nhĩ có thể nghe biết những ai nói xấu ông ta mặc dầu cách xa ngàn dặm. E rằng Phạm Nhĩ thù vật, Phật Trời khiến Phạm Nhĩ gặt lỗ tai khi thức giấc, nhờ vậy mà không còn nhớ gì cả.

Để an ủi Phạm Nhĩ, Phật Trời ban cho ông ta chức chúa sơn lâm.

Nhiều người nói rằng cọp không ăn thịt người nào họ Phạm (vì trùng một họ với cọp).

Ở nhiều làng mới khai phá, cọp thường được dân chúng phong chức Hương Cả. Hằng năm, khi cử hương chức làng, cọp trở lại miếu để lãnh tờ cử mới.

Ở ngoài Bắc, cọp được gọi là ông Ba Mươi.

Sự tích là hễ ai săn được một con cọp thì làng xã thưởng cho ba mươi quan tiền. Đồng thời cũng đánh anh thợ săn nọ ba mươi hèo để vong hồn của cọp được thỏa mãn.

# TÍCH CÂY NHƠN SÂM

Theo Đông Y, nhơn sâm là vị thuốc bổ khỏe rất quý. Nhơn sâm là một loại củ nhỏ, có bốn cái rễ giống như hai tay, hai chân của con người. Thuở xưa ai uống nhơn sâm thì được trường sanh bất tử. Nhưng ngày nay nhơn sâm không còn linh nghiệm bằng hồi trước. Đó cũng bởi loài người nóng nảy, tham lam mà ra.

Ở ven rừng, có vợ chồng anh tiều phu nọ quá nghèo nàn. Mỗi buổi sáng khi đi hái củi, hai vợ chồng để đứa con nhỏ tuổi ở nhà với một chén cơm nhỏ xíu. Ngày qua tháng lại, đứa bé trở nên mập mạp, hồng hào. Vợ chồng anh tiều phu lấy làm ngạc nhiên: -Con của mình ăn cực khổ, thiếu thốn mà sao lại mạnh khỏe không kém con nhà khá giả?

Làm sao hỏi được nguồn cơn? Đứa bé quá nhỏ nên chưa biết nói chuyện. Phải chờ vài năm sau mới nghe nó trả lời bập bẹ rằng: -Ba má à, con không ăn cơm.

Vợ chồng lấy làm lạ: -Sao vậy?

Đứa bé nói: -Khỉ ở trong vườn chạy ra ăn cơm hết, con giành không lại ...

-Nhưng mà tại sao con không đói bụng, cứ mập mạp hoài?

Đứa bé thuật lại rằng hằng ngày có một đứa bé khác ở trong rừng chạy ra làm quen. Hai đứa giống với nhau.

Vợ chồng anh tiều phu suy nghĩ: “Ở trong rừng này không có nhà của một ai, tại sao có con nít tới chơi. Phải rồi, chắc là ... con nhơn sâm mà mình thường nghe nói. Nhờ hít hơi con nhơn sâm nên đứa con mình không ăn cơm vẫn khỏe.”

Hôm sau, bán củi được bao nhiêu tiền, vợ chồng anh tiều phu đem mua một cuộn chỉ thật lớn. Về nhà, vợ chồng căn dặn đứa con: -Trong lúc ba đi vắng, hễ thằng nhỏ đó lại đây chơi thì con buộc đầu sợi chỉ này vô chân nó, nghe chưa.

Đến trưa, vợ chồng trở về hết sức vui mừng, thấy đứa con mình làm đúng lời dặn. Vợ chồng bèn phăng theo sợi chỉ, đi len lỏi vào rừng mà tìm đứa nhỏ kia. Đến chỗ nọ, vợ chồng thấy sợi chỉ bị chôn dưới đất. Họ lấy cuốc đào lên, tìm đứa nhỏ tức là con nhơn sâm. Vì họ tham nên trì nín quá mạnh tay khiến nhơn sâm phải chết.

Từ đó về sau, nhơn sâm bớt linh nghiệm. Củ của nó ngày một nhỏ xíu, lụn vụn, uống vô thì bổ khỏe chớ không giúp loại người được bất tử trường sanh.

# RẮN GIÀ RẮN LỘT

Thuở tạo thiên lập địa mới vừa xong, Ngọc Hoàng ngự trên ngai, sẵn sàng nhận lời khiếu nại của vạn vật muôn loài.

Hôm ấy, tên Hớn lãnh trách nhiệm đại diện cho loài người đến trình bày rằng: -Tâu Ngọc Hoàng, có sau ngài sanh loài người rồi đồng thời cũng sanh loài rắn. Rắn độc lắm, cắn chết loài người trong tức khắc.

-Vậy thì nhà người muốn ta tiêu diệt loài rắn hay sao? Như vậy hóa ra bất công. Chúng nó sẽ kêu nài.

Tên Hớn tâu: -Chúng tôi không dám ước ao điều đó. Chỉ ước mong loài rắn đừng sống dai bằng loài người.

Ngọc Hoàng nói: -Vậy thì dễ quá. Mi trở về trần gian truyền rao lời ta như vậy: “Người già người lột. Rắn già, rắn tốt đầu săng.”

Rủi thay tên Hớn không có trí nhớ dai, lại còn tật ăn nói lặp bập. Về trần gian, anh ta la lên: -Ngọc Hoàng truyền lệnh “Rắn già rắn lột. Người già người tốt đầu săng.”

Tốt đầu săng có nghĩa là vô hòm. Vì lời phán bị sai lạc nên loài rắn lột da sống dai, hưởng được ân huệ của Ngọc Hoàng muốn ban cho loài người. Loài người tức giận, kêu rêu thầu đến Thiên Đình. Ngọc Hoàng bèn đòi tên Hớn mà mắng: -Mày không nên thân! Dặn một đường, nói một nẻo, ngu quá!

Dứt lời, Ngọc Hoàng đập tên Hớn. Anh ta té cuống đất, rớt ngay vào một đồng phân, hóa ra con bọ hung, ăn đồ dơ dáy mà sống, bị người đời khinh bỉ.

# ÔNG HUỲNH MÃN ĐẠT

Ông Huỳnh Mẫn Đạt quê quán ở Rạch Giá thi đậu cử nhân, triều Tự Đức ông làm quan đến chức Tuần phủ tỉnh Hà Tiên.

Khi thực dân chiếm Nam Kỳ, ông viện cớ già, xin về hưu trí.

Trong khi ấy, người bạn của ông là Tôn Thọ Tường ra đầu hàng tân trào, được phong làm Đốc phủ sứ.

Hôm ấy, ông Huỳnh Mẫn Đạt lên Sài Gòn chơi. Đi ngang qua bùng binh chợ, ông dừng lại để nghe giàn nhạc của nhà binh Tây thổi kèn.

Tình cờ, Đốc phủ sứ Tôn Thọ Tường đi xe song mã tới. Ông Huỳnh Mẫn Đạt không muốn gặp mặt Tôn Thọ Tường nên vội vàng núp bên gốc cây.

Trong bụng ông khinh thường Tôn Thọ Tường. Nhưng Tôn Thọ Tường, lanh mắt nhảy xuống xe, chạy lại chào hỏi ông Huỳnh Mẫn Đạt. Rồi trách ông này sao lên Sài Gòn mà không ghé nhà mình chơi.

Ông Huỳnh Mẫn Đạt đứng trước một tình thế khó xử, bèn ngâm bài thơ bát cú, tỏ bày tâm sự:

Cừu mã ba năm dạo cặp kè,  
Duyên sao giải cầu khéo đề ne.  
Đã cam bít mặt cùng trời đất,  
Đâu dám nghiêng mày với ngựa xe.  
Hớn hờ trẻ dong đường dậm liễu,  
Lơ thơ già núp cội cây hòe.  
Sự đời thấy vậy thì hay vậy,  
Thà ẩn non cao chẳng thấy nghe.

Ý của ông Huỳnh Mẫn Đạt là buồn cho mình già nua, an phận, không bằng Tôn Thọ Tường là người tuổi trẻ, bay nhảy gặp thời. Lời văn công kích bạn nhưng rất tao nhã.

Ông Tôn Thọ Tường bèn trình bày cảnh khổ não của mình: tuy làm việc cho Pháp nhưng lòng vẫn đau xót:

Tình cờ xảy gặp bạn tiền liêu,  
Thị phú ngấm nga hứng gió chiều.  
Thế cuộc đời dãi dầm lầy lầy,  
Thiên cơ mầu nhiệm hầy nhiều nhiều.  
Nước non dương ấy tình dương ấy,  
Xe ngựa bao nhiêu, bụi bấy nhiêu.  
Hăm hờ nhạc Tây nghe trời mạnh,  
Nghe qua ngùi nhớ giọng tiêu tiêu.

# CON CÁ NƯỚC

Thuở xưa, ở thành phố nọ có người đàn bà gian xảo, sống bằng nghề bắt mỗi các ghe từ phương xa đến. Lắm người phải sạt nghiệp vì giọng đường mật của bà.

Hay tin có chuyến ghe hàng đến, bà lập tức đi tìm chủ ghe. Để tỏ lòng thành thật, bà mời chủ ghe lên nhà ăn cơm cho vui. Tàn buổi cơm bà nói: -Trong nhà tôi còn vài món đồ quý. Là bạn thân thiết, đem ra cho anh xem thử.

Món đồ quý giá ấy là một nải chuối và một con rùa đúc bằng vàng ròng.

Người chủ ghe khen ngợi, ao ước những món ấy. Bà ta trả lời: -Tôi không thể nào cho người ngoài được. Anh chị chịu phiền.

Đêm đó, bà ta lén đem nải chuối và con rùa vàng giấu dưới ghe của người khách nọ. Chừng hừng sáng, bà tri hô: -Mấy món đồ quý trong nhà tôi mất hết rồi. Chắc chắn là mấy người dưới ghe này ăn cắp của tôi.

Chủ ghe cãi lại. Bà ta mời làng xã tới làm chứng. Hai đảng cam đoan như vậy: “Nếu bà ta khai gian thì tất cả tài sản của bà sẽ bị chủ ghe tịch thu. Nếu chủ ghe ăn cắp thiệt thì bà ta sung công tất cả ghe hàng nọ, bắt chủ ghe làm tôi tớ.”

Sau khi khám xét dưới ghe, chủ ghe chứng hững vì mình không ăn cắp mà có sao mấy món đồ nằm trong ghe mình. Biết mình mắc mưu bà nọ, chủ ghe đành chịu cảnh phá sản.

Anh chủ ghe vô cùng tức giận. Sau khi suy nghĩ kỹ, bèn gởi thơ lên cho người vợ rằng: “Anh bây giờ nghèo nàn, bị làm tôi tớ cho người ta. Mình phải sắm chiếc ghe khác, chở đầy hàng hóa, trương buồm tới đây làm như vậy, như vậy ...”

Nhận được bức thơ, người vợ làm đúng lời, sắm ghe chở hàng đem theo một người thợ bạc có mang sẵn ống bễ, than, lò. Anh thợ này giả dạng là bạn chèo ghe.

Chừng đến chợ, bà “đầu nậu.” gian tham ăn quen thói cũ, xuống ghe làm giá rồi mời khách lên nhà ăn cơm, đem con rùa và nải chuối bằng vàng ra khoe khoang. Đêm đến, bà ta cho người đem hai món đồ quý giá đó giấu dưới ghe của khách. Nhưng chủ ghe đã hay trước, giả đồ không hay biết.

Chờ bà ta lên bờ, dưới này anh thợ bạc nghề, thổi ống bễ lên, nấu chảy nải chuối và con rùa lại thành vàng nén. Xong xuôi anh này thấy đồ nghề xuống biển để phi tang.

Sáng hôm sau, bà “đầu nậu.” tri hô, mời bà chủ ghe lại cam kết, đặt ra mấy điều kiện như trước.

Chừng làng xã khám xét dưới ghe thì ô hô! Tuyệt nhiên không thấy nải chuối và con rùa nọ. Bà đầu nậu thua cuộc, phải đi theo làm đầy tớ cho bà chủ ghe, tất cả tài sản đều bị tịch thu chở đi.

Người vợ vô cùng mừng rỡ, được tái hiệp với chồng. Dọc đường, bà đầu nậu nọ tức mình vì thua trí người khác nên nhảy xuống biển mà tự vẫn. Trước khi chết, bà ta ráng trồi lên hụp xuống để nhìn bao nhiêu của cải bị tịch thu chở trong ghe. Bà ta hóa ra con cá nước.

Ngày nay, trên sông cái, ngoài biển, chúng ta thường thấy loài cá này có vú như người đàn bà, lặn hụp bên cạnh các ghe xuống, lâu lâu thở dài, hú lên như oán giận, tiếc của.

# SỰ TÍCH CÁ HE HAY CÁ NƯỚC

Bên Phật giáo cũng có một chuyện kể về sự tích con cá Nước (còn gọi là cá He) như dưới đây (Sưu tầm được trên Net):

Ngày xưa có một nhà sư trẻ tuổi rất ngoan đạo. Sau hơn ba mươi năm khổ công tu luyện, sư thuộc lòng tất cả các kinh kệ nhà Phật, lại giỏi thuyết pháp. Vậy mà lâu rồi vẫn chưa được thành chính quả. Nhà sư bưng bảo dạ: “Phải đến đất Phật một phen mới có hy vọng thành Phật.” Nghĩ vậy, sư mới quyết chí tìm đường sang Tây Trúc.

Đường đi từ nước nhà sang Tây Trúc ngày đó chưa có cách nào cho thuận lợi. Việc giao thông hầu hết là bằng đường bộ, mà đi bộ thì thật là muôn vàn nguy hiểm. Nhưng nhà sư trẻ tuổi quả quyết nhắm hướng tây tiến bước.

Cuộc hành trình đã được năm mươi ngày. Nhà sư đã nhiều lần lạc đường và mấy lần mê man vì sốt rét, nhưng nhờ được sự giúp đỡ nên đều qua khỏi, và vẫn cứ tiếp tục cuộc hành trình.

Một hôm, sư đến một khu rừng thì trời đã chiều. Sư cố bước dồn hòng tìm một nơi nghỉ vì trong người đã thấy ớn rét. May sao giữa rừng sâu, sư bỗng thấy một ngôi nhà. Nghe tiếng gọi cửa, một bà cụ già bước xuống sân. Sư tỏ ý định của mình là xin nghỉ nhờ một đêm. Nhưng bà cụ vừa thấy khách đã xua tay rồi rít: -Đi mau lên! Mau lên! Con ta mà về thì không còn tính mạng.

Sư đáp: -Tôi bây giờ thật là kiệt sức, không thể nào bước được bước nữa. Nếu không cho tôi nghỉ thì cũng đành nằm liều trước cửa đây thôi.

Bà cụ bảo: -Chao ôi! Con ta vốn là Ác Lai hay ăn thịt người. Cố đi nhanh lên, bây giờ nó sắp về rồi đó.

Nhưng sư đã vút tay nài, nằm vật xuống đất. Hai đầu gối va vào nhau chan chát. Bà cụ không biết nói thế nào nữa, đành nắm tay sư lôi vào trong nhà, bà cụ bảo sư phải cố giữ cho thật im lặng để tránh cái chết thê thảm. Đoạn, bà cụ chắt củi phủ lá rất kín đáo.

Trời tối hẳn thì Ác Lai về đến nhà, tay xách một con mang. Hắn dừng lại ở chân thang và khịt mũi mãi. Hắn bảo: -Có mùi thịt mẹ ạ!

Mẹ hắn đáp: -Thì chả là thịt mày mang về đây là gì?

-Không phải, thịt người. Con biết lắm. Có thịt người.

Bà cụ chưa kịp can thì hắn đã quẳng con mang lên sàn rồi chạy đi tìm. Chả mấy chốc, hắn đã lúi đờ nhà sư ngủ say như chết từ dưới hầm nhà mình.

Khi sư tỉnh dậy thì đã thấy Ác Lai đang cầm một mũi mác lăm lăm ở tay. Hắn quát: -Mày đi đâu?

Sư nhìn kỹ thấy hắn cũng không khác gì người thường bèn tỉnh táo đáp: -Tôi đi tìm Phật.

-Tìm để làm gì?

Sư bây giờ mới nói rõ mục đích của mình. Rồi luôn miệng, sư giảng giải đạo từ bi cho hắn. Sư nói mãi, nói mãi, kể bao nhiêu ngày gian khổ của mình dọc đường, là làm sao được nhìn

mặt đức Phật để được thành đạo. Sư nói khéo quá, đến nỗi mẹ con Ác Lai đều cảm động đến rơi nước mắt. Thấy họ thành thật hối lỗi, sư cho họ biết là họ cũng sẽ trở nên “vô sinh vô diệt.” sẽ sống sung sướng trên Niết Bàn, nếu họ kiên quyết bỏ ác làm thiện. Tự nhiên mũi móc ở tay Ác Lai rơi xuống sàn. Những đường nhăn hung ác lúc nãy bây giờ dịu lại.

Sáng hôm sau, khi sư sắp sửa lên đường thì mẹ con Ác Lai vui vẻ sắp sẵn lương thực cho sư. Họ lại tiễn đưa sư đi qua một ngọn núi đá. Khi sắp từ biệt, ác Lai hỏi: -Tôi biết lấy gì mà dâng Phật đây?

Sư đáp: -Tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm. Chỉ dâng tấm lòng mình là đủ.

Sư không ngờ Ác Lai đã rút mũi móc nhanh như cắt, tự rạch bụng mình lôi ra cả một mớ gan ruột đưa cho sư và nói: -Nhờ hoà thượng đưa hộ dâng lên đức Phật.

Sư lấy làm bối rối quá. Chỉ vì Ác Lai hiểu nhầm lời nói của mình. Bây giờ biết làm thế nào đây. Cuối cùng sư ta đành nhìn vào cặp mắt của Ác Lai gật đầu, nhận lời rồi gói bộ lòng của con người đáng thương đó lại và quảy quả lên đường.

Sư vừa đi được mấy ngày thì khu rừng rậm chấm dứt, biển lộ ra trước mặt mênh mông bát ngát. Nước trời một vẻ trông rất vui mắt, nhưng trong bụng sư thì chẳng vui chút nào. Món lễ vật của Đức Phật đè nặng lên vai. Nếu chỉ có thế thì không gì lo ngại cho lắm. Khổ một nỗi là mùi thối của bộ lòng kia xông ra khó tả. Sư đã bọc nó ba tầng bốn lớp mà mùi thối vẫn nồng nặc. Sư lầm bầm: -Như thế này thì các nhà quán dọc đường còn ai dám chứa mình.

Qua ngày hôm sau, không thể chịu nổi nữa, sư bèn vứt bộ lòng Ác lai xuống biển.

Nhà sư đi mãi rồi cũng đến Tây Trúc. Nhưng khi phủ phục trước Phật Đài nói lên nỗi thắc mắc của mình vì sao chưa được đắc đạo thì bỗng nhiên trên điện cao có tiếng vọng xuống bảo: -Còn thiếu một vật nữa mới thành chính quả.

Sư rất đổi kinh ngạc, cổ ngược mắt nhìn lên một tí. Trên cao vọi vọi sư thấy Đức Phật ngự giữa toà sen sáng chói, sau lưng có bóng dáng hai người tựa hồ hai mẹ con Ác Lai. Sư bỗng hiểu hết: Đức Phật đã rõ sự thiếu thành thực, thiếu tận tâm của mình rồi, còn mẹ con Ác Lai nay đã thành chính quả chỉ nhờ sự ngộ đạo đột ngột và chân thành trong phút chốc. Sư nằm phục vị hồi lâu, trong lòng hồ thẹn vô cùng.

Nhà sư trở sau đó lại trở về chốn cũ tìm lại bộ lòng. Tuy biển mênh mông và sâu kín, nhưng sư cũng cố lặn hụp để mong thấy lại món quà dâng Phật mà Ác Lai gửi cho mình. Sư nghĩ chỉ có làm thế mới dám nhìn lại mẹ con Ác Lai và hy vọng gần gũi toà sen Đức Phật. Sư bơi lên lặn xuống mãi. Sau đó sư hoá làm loài cá mà người ta vẫn gọi là cá he cũng gọi là cá nước hay có nơi gọi là cá ông sư. Vì cho đến ngày nay dòng dõi loài cá đó còn nào con nấy có cái đầu trọc như đầu ông sư và vẫn làm việc của nhà sư, nghĩa là chúng đi hàng đàn, cứ lặn xuống nổi lên luôn, không chịu nghỉ.

Những người đánh cá còn nói loài cá he rất ghét những ai trêu chọc mình. Ai trêu chọc nghĩa là gọi lại chuyện cũ của tổ tiên chúng nó, chúng nó sẽ làm đắm thuyền rách lưới. Trái lại, ai khen ngợi, reo hò thì chúng sẽ lặn xuống nổi lên cho mà xem.

# CHÓ MỰC, NGỰA Ô

Thuở xưa, anh nông phu nọ nuôi trong nhà một con bò, một con chó, một con ngựa, một con mèo, một con heo. Tình cờ, mấy con thú này đều có lông đen nên anh nông phu gọi nó là ngựa đen, chó đen, mèo đen, bò đen ...

Mấy con thú này không bằng lòng nên tranh công nhau. Con ngựa nói: -Ông chủ nghĩ mà coi, tôi chạy hay chở một lần đôi ba người. Nhờ tôi đi chơi, ông làm oai với thiên hạ. Kêu tôi bằng ngựa đen thì không công bình.

Con heo tức mình, cãi lại: -Tôi đây ích lợi hơn ngựa. Thịt của tôi ngon, tôi sanh nhiều con hơn hết, Con của tôi lại mau mập, bán có tiền ... Tôi muốn được chức gì sang trọng hơn. Kêu tôi bằng heo đen, tôi tui phận quá.

Con bò, con chó, con mèo cũng đem hết lý lẽ, dành công trạng về phần mình.

Anh nông phu bèn trả lời: -Khó xử quá! Hễ bênh vực kẻ này thì mịch lòng kẻ khác. Để ta bày ra cuộc thi. Ai tới trước thì được chức lớn, ai về sau thì lãnh chức nhỏ. Chức lớn nhất là Ô (tên con quạ ô thước), kế đó là Mực (mực viết chữ), Mun (cây mun), Hóng (khói bếp đóng trên mái nhà). Ai về chót thì giữ đen như cũ.

Con ngựa chạy mau hơn hết, về nhất nên lãnh chức là ngựa ô, hạng nhì là chó lãnh chức là chó mực, hạng ba là con mèo lãnh chức mèo mun, con bò về hạng tư lãnh tên bò hóng. Con heo về hạng chót nên mang tên heo đen không thay đổi ...

# VẦN THƠ YÊU NƯỚC

Hồi người Pháp qua chiếm xứ Nam Kỳ, ông Tôn Thọ Tường ra đầu hàng, làm chức Đốc phủ sứ ở Vĩnh Long. Bị dư luận bạn bè và dân chúng chê bai, ông Tôn làm mười bài thơ tự thuật. Sau đây là bài đầu:

Giang san ba tỉnh hãy còn đây,  
Trời đất xui chi đến nỗi này.  
Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo,  
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.  
Xăng văng chậm tính thương đòi chỗ,  
Khấp khởi riêng lo biết những ngày.  
Miệng cộp, hàm rồng chưa dễ chọc,  
Khuyến đàn con trẻ chớ thày lay.

Ông cử nhân Phan Văn Trị bèn họa vện, công kích lại:

Hợn thua chưa biết đó cùng đây,  
Chẳng đã nên ta phải thế này.  
Bến Nghé quản bao cơn lửa cháy,  
Cồn Rồng dầu mặc bụi tro bay.  
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thỏ,  
Bủa lưới săn nai cũng có ngày.  
Dừng mượn hơi hùm rung nhất khí,  
Lòng ta sắt đá há lung lay.

Hưởng ứng lời ông cử Trị, ông thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa họa theo, cũng lời thơ công kích:

Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây,  
Đâu để giang san đến nỗi này.  
Ngọn lửa Tam Tần phừng đất cháy,  
Chòm cây Ngũ Quý lấp trời bay.  
Hùm nường non rậm toan chờ thỏ,  
Cáo loạn vườn hoang thác có ngày.  
Một góc cácm thương dân nước lửa,  
Đền Nam trụ cả dễ lung lay!

# NÚI YÊN TỬ Ở HẢI DƯƠNG

Ở Bắc phần mãi đến nay còn truyền tụng câu hát:

Dầu ại quyết chí tu hành,  
Có về Yên Tử mới đành lòng tu.

Theo sách Khóa Hư Lục chép lại thì vua Trần Nhân Tông mồ côi cha mẹ sớm. Muốn báo ơn cha mẹ, nhà vua bỏ ngai vàng, trèo non, lội suối đến núi Yên Tử mà tu. Nhưng các vị Quốc sư sai người đến chùa năn nỉ đức vua trở về. Cực chẳng đã, vua Trần Nhân Tông về trào mà chấp chánh.

Hai mươi năm sau, đức vua không quên được đạo Phật. Vua thỉnh vị Hòa thượng ở chùa Hoa Yên (núi Yên Tử) về kinh đô. Hòa thượng này trụ trì tại chùa Thắng Nghiêm, vua giao phó cho trách nhiệm xuất bản các kinh Phật.

Về già, vua Trần Nhân Tông đến Yên Tử mà tu cho trọn lời phát nguyện lúc trước. Đời ấy, một vị trạng nguyên tên Trần Đạo Tái cũng đến núi Yên Tử mà tu hành không chịu làm quan.

# ÔNG NGUYỄN MẠI XỬ ÁN

Ông Nguyễn Mại là một vị danh nho, quê quán ở làng Ninh Xá, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Sau khi thi đậu Hoàng Giáp, ông được bổ nhậm làm quan Án ở tỉnh Sơn Tây.

Một hôm ông ra chợ thấy có người đàn bà hung tợn đứng chửi rửa ỏm tỏi. Ông hỏi nguồn cơn. Người đàn bà nói: -Ở xóm này, có đứa bắt lương giết gà của tôi. Nhà tôi nghèo khó, đem gà ra đây bán lại bị nó ăn trộm.

Ông Nguyễn Mại tụ họp dân chúng xung quanh truyền rằng: -Một con gà giá đáng là bao mà mụ này dám chửi rửa cả làng xóm. Vô phép quá! Vậy thì dân sự ở đây có quyền đánh mụ ta mỗi người một tát tai để trừng trị.

Vì là lệnh trên, dân trong xóm phải tuân lời. Nhưng họ không nỡ đánh mạnh, chỉ tát tai mụ nọ nhẹ nhẹ cho có lệ. Sau rốt, có một anh chàng cung tay thoi vào hông mụ nọ thật mạnh, miệng thì chửi rửa. Ông Nguyễn Mại nói: -Quân hầu đâu? Bắt tên này. Hắn là đứa ăn cắp gà. Nghi ngờ gì nữa, có tịch thì nhúc nhích.

Tên ấy thú nhận và xin đền lại con gà.

Một lần khác, ông Nguyễn Mại đi dạo ngang qua chùa Sơn Vị, nghe trong chùa ồn ào vì một tiểu tăng nọ mất đồ vật tri hô lên. Ông Nguyễn Mại sai các sư nọ trong chùa lập đàn tràng để chạy đàn. Mỗi người cầm một cây phượng ở tay mặt, tay trái thì nắm chặt hột lúa.

Ông nói: -Hễ ai gian tham, trộm cắp thì lát nữa hột lúa sẽ mọc trong tay.

Bao nhiêu sư sãi, ni cô đều trầm tĩnh chạy đàn, riêng một tiểu tăng nọ cặp mắt láo liên, lâu lâu hé ngón tay ra để coi thử hột lúa.

Ông tra hỏi thì tiểu tăng chịu tội.

# THẦN ĐỒNG ĐẦU THAI

Ông Lương Thế Vinh thưở mới bảy tuổi đã nổi danh là thần đồng, đọc sách đến đâu nhớ đến đó. Người cha của ông lấy làm kiêu căng, khi ăn giỗ, ăn tiệc thì khoe khoang với hàng xóm: -Năm mười năm nữa, con tôi thi đậu, bà con sẽ biết tay tôi.

Hay tin đó, ông Lương Thế Vinh buồn bã nghĩ mình vô phước gặp người cha thiếu đạo đức. Ông vào lạy mẹ thưa: -Con đi đầu thai ở gia đình khác, mẹ đừng buồn.

Mẹ khóc lóc. Ông giải bày căn do rồi nói tiếp: -Nay mai, con đầu thai ở xã Cao Hương, huyện Thiên Bản, tỉnh Nam Định. Ngày đó, tháng đó mẹ đến đó tìm con.

Nói xong ông ngã lăn ra chết. Nguyên lúc trước có một thầy địa lý Tàu coi thiên văn biết có văn tinh giáng hạ nên tìm đến mà ếm. Thầy địa lý dò la trong xóm. Thấy lũ trẻ đang trũng giốn. Thấy đào một cái hố, thả xuống đó một trái bưởi, rồi nói: -Đứa nào đem trái bưởi lên được thì ta thưởng cho hai quan tiền.

Ông Lương Thế Vinh nói nhỏ với một đứa trẻ. Đứa trẻ này múc nước đổ xuống hố, chộp sau trái bưởi nổi lên. Thầy Tàu hỏi: "Ai dạy mày mưu kế này?" Đứa trẻ chỉ ngay ông Lương Thế Vinh. Thầy Tàu nhìn ông, có vẻ tức giận lắm. Biết vậy, ông chạy về làng Cao Hương.

Thầy Tàu cố tình nom theo. Túng cùng ông Lương Thế Vinh biến thân, ẩn trong cục đá bên đường. Sau khi tìm kiếm, thầy Tàu đề quyết hòn đá nọ, hỏi mua với hàng xóm. Ai nấy nói giả ngợ: -Năm trăm quan tiền mới bán được.

Lúc ấy có người đàn bà đi qua, đạp chân vào hòn đá mà cười: -Món này quý giá gì mà mua?

Nhờ vậy, ông đầu thai vào người đàn bà nọ. Về nhà thọ thai, người đàn bà sanh ra một đứa bé lạ. Mới lọt lòng ra đứa bé khóc ngày, khóc đêm không ai dỗ nín hoặc cho bú được.

Bỗng đâu bà mẹ lúc trước đi ngang qua, bỗng cho bú thử. Đứa bé lại nín. Bà mẹ ở luôn lại đó, nuôi vú và thuật lại sự tình. Xóm làng không tin.

Vài năm sau, đứa bé biết nói. Nó gọi: -Má ơi! Hồi kiếp trước con có chôn mấy cuốn sách ở dưới gốc cây duối. Mẹ về đào lên đem lại đây cho con.

Thiệt đúng như lời! Nhờ mấy cuốn sách nọ mà ông Lương Thế Vinh mở mang trí tuệ, năm hai mươi ba tuổi thi đậu Trạng nguyên.

Ông làm quan rất mực thanh liêm. Thời giờ rảnh ông tu chỉnh lại mấy bộ kinh Phật cho đúng bản chánh và đặt ra phép tính cửu chương.

Khi ông mất, vua phong làm Thượng đẳng phước thần.

# ÔNG TIỀN SƯ LÀM NGHỀ LỌNG

Đó là ông Bùi Nhạ Hành người ở xã Thượng Phúc vùng Hà Nội. Ông đầu tân sĩ vào cuối đời nhà Trần. Khi quân Minh sang xâm chiếm, ông theo phò Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn.

Cuộc khởi nghĩa thành công, đời vua Lê Thánh Tôn, ông đem lễ vật qua bên Tàu mà cống sứ. Đến thành Yên Kinh, vua Tàu sai một vị quan mời ông Bùi Nhạ Hành lên trên lầu cao để xem kinh Phật rồi mới cho vào cống sứ.

Ông leo lên. Vừa đến lầu thì dưới này quan Tàu rút thang. Hai ba ngày, ông không được ăn uống gì cả. Biết là quân Tàu muốn thử mưu kế, ông bình tĩnh nhìn trên lầu, thấy một tượng Phật to lớn và một tô nước lạnh. Sau tượng Phật, có hai cái lọng che. Lấy ngón tay khều ra thử, rõ ràng tượng nọ bằng bột chín phơi khô. Ông Bùi Nhạ Hành bẻ tượng Phật mà ăn rồi đọc kinh Phật.

Năm bảy ngày sau, không còn món gì để ăn nữa, ông bèn cầm thử hai tay hai cây lọng nhảy xuống đất, nhờ lọng bọc gió, ông xuống rất êm.

Quan Tàu ngạc nhiên, khâm phục tài ông. Chừng trở lên lầu thấy tượng Phật biến mất, quan Tàu hỏi: -Tượng Phật đâu rồi?

Ông Bùi Nhạ Hành chỉ tay vào bụng mình mà cười: -Tâm tức Phật! Phật tức tâm!

Nhờ tài ứng phó của ông, vua Tàu nể nang nước Việt Nam ta.

Khi ông Bùi Nhạ Hành mất, vua nhà Lê phong cho chức Thái Bảo Lương quận công. Tục truyền rằng sau khi về nước, ông phổ biến nghề làm lọng căn cứ vào hai cây lọng ông nhảy xuống đất.

# TÍCH VỀ CÁI YÊN NGỰA

Hồ Lưu là một vị quan hung ác. Năm sáu mươi hai tuổi, ông ta chết. Diêm chúa lật sổ ra thấy tội trạng còn quá nặng nên bắt buộc ông ta đầu thai làm con ngựa. Ông Hồ Lưu (tức là con ngựa), lớn lên bị tên nài bạc đãi, thúc đầu gối vào hông, cỡi không cần yên. Hồ Lưu buồn bã quá, nhịn đói không ăn cỏ, ba bốn ngày sau thì chết.

Diêm chúa nổi giận: -Thằng này trốn tội! Phải đền tội cho đủ mới được trở về đây, tự vận như vậy là ăn gian! Bèn cho Hồ Lưu đầu thai lần nữa, hóa ra con chó. Hồ Lưu tủi phận nhưng không dám tự vận như trước. Anh ta bèn nghĩ ra một kế: Mình cứ cắn ông chủ mình, ông chủ nổi quạu, sẽ đập mình chết.

Hồ Lưu thi hành như ý định. Chủ nhà ngựa là chó điên nên đập chết.

Diêm chúa hay được, sai quỷ sứ đánh vong hồn Hồ Lưu năm mươi hèo rồi phán: -Mày phải đầu thai lại, tội của mày trả chưa hết mà mày trốn hoài. Phên này, phải đầu thai trở thành con rắn.

Hồ Lưu liền bị nhốt trong ngục, bò tới bò lui. Sau rồi anh ta khoét hang vượt ngục. Biết rằng tự tử hay cắn chết người đều là trọng tội, anh ta bèn giả bộ bò ra ngoài, nằm giữa đường mà ngủ. Tình cờ một chiếc xe ngựa chạy qua, cán rắn đứt làm hai.

Diêm chúa phán: -Bấy lâu nay, mi cực khổ nhiều quá rồi. Ta không nỡ hành tội nữa. Vậy thì mi được phép đầu thai về dương thế để làm quan mà cai trị dân lấy tên là Lưu Công.

Lưu Công lớn lên, học hành rất giỏi, đậu thủ khoa. Ông thường răn các người tùy thuộc: Muốn cỡi ngựa thì phải mang yên, mang nệm, ý của ông là khuyên các người bên dưới nên tử tế đối với dân, đừng hà lạm quyền hành thúc ép mà đau khổ dân tình.

# VƯƠNG THẬP XUỐNG ÂM PHỦ

Vương Thập là dân cùng đinh ở xứ Cao Uyên. Một hôm, anh ta vác hai bao muối, định đem ra chợ bán trốn thuế. Dọc đường gặp hai người bạn áo nẹp vàng. Vương Thập hoảng hồn, ngỡ đó là bọn lính chặn xét bắt, anh ta quỳ xuống xin tha tội.

Hai người kia nói: -Ta không có quyền tha tội gì hết! Ta không phải là quan làng. Ta là quỷ sứ ở Diêm đình trá hình lên đây tìm nhà người bắt về.

Vương Thập xin phép về nhà thăm gia quyến một đôi ngày rồi chết cũng cam đành. Quỷ sứ nói: -Không sao đâu. Mày đi vài ngày rồi trở về chứ không phải chết luôn. Số là mấy cái cầu tiêu ở âm phủ đều hôi thúi, tràn ngập sông Nại Hà. Diêm chúa muốn bắt những kẻ nào cờ bạc du côn, buôn muối lậu về làm xấu, rửa vết sông ấy.

Quỷ sứ dắt Vương Thập đến trước mặt Diêm chúa. Diêm chúa thét: -Ai biểu bày bắt tên này. Nó nghèo túng buồn có hai bao muối quên. Tội này phải vác hai bao muối đó về trả cho vợ con người ta.

Quỷ sứ tâu: -Lỡ bắt tên này, xuống đây rồi thì làm sao trả lại được.

Diêm chúa suy nghĩ hồi lâu, ra lệnh cho Vương Thập làm đốc công, nghĩa là đứng trên bờ mà chỉ huy bọn người làm xấu, khỏi phải lặn hụp dưới sông Nại Hà dơ dáy.

Vương Thập lãnh trách nhiệm, cầm gậy đứng trên bờ, canh chừng mấy tên làm xấu đang xúc đồ bao nhiêu đồ ô uế. Thấy tên nọ lười biếng ngồi ngủ gục, Vương Thập chạy tới đánh hất ta mấy gậy. Coi rõ lại thì hất ta chính là quan giữ kho muối ở huyện mình. Vương Thập không nỡ nào hành hạ hất ta nữa.

Đây nói về chuyện ở dương gian. Hôm nọ vợ của Vương Thập thấy chồng mình đi biệt dạng nên tìm kiếm, gặp Vương Thập nằm thoi thóp ngoài đường. Người vợ đem thầy chồng về nhà, không dám đem chôn vì xác nọ chưa chết thật, tim còn đập nhẹ. Ba ngày sau, xác hoàn hồn. Vương Thập thuật lại chuyện đi làm đốc công dưới âm phủ rồi thở dài.

-Bây quá! Bữa đó tôi lỡ tay đánh nhằm ông quan giữ kho muối ở huyện mình. Chắc ông cũng trữ muối lậu! Nay mai ông trả thù mình chịu sao nổi.

Lúc đó, đàng kho muối, quan giữ kho cũng chết thoi thóp mấy ngày rày, nay sống dậy. Chừng gặp mặt Vương Thập tới thăm, quan nọ hoảng hồn chạy trốn, ngỡ là chiêm bao.

Sau khi phân trần, hai người thề không bán muối lậu hoặc trữ muối lậu nữa vì Diêm chúa đã phạt họ một lần rồi.

# ANH EM HỌ TRƯƠNG

Họ Trương có hai anh em trai. Người anh cả thì giàu có. Đứa em thì nghèo nàn.

Năm đó, trời đại hạn, ai nấy đói kém. Người em thứ nóng ruột, muốn lại nhà anh cả để vay mượn lúa thóc, nhưng e ngại vì người chị dâu rất hà tiện. Sau rốt, người em thứ nói với con: -Con lại nhà bác Hai coi bác có giúp được con cái gì không?

Đứa con trở về, mặt mày buồn xo thuật lại rằng: -Bác Hai trai thì muốn cho, ngặt bác Hai gái cản lại. Bác nói: "Mạnh ai nấy lo."

Tháng sau bọn cướp đến vây nhà người anh cả, tra tấn hai vợ chồng để hỏi của. Người em thứ muốn đi cứu anh nhưng vợ cản lại: -Mạnh ai nấy lo. Hôm trước mình đói, vợ chồng ảnh đâu có giúp.

Mặc dầu vậy, người em thứ cũng tới cứu được anh chị. Bọn cướp chạy tán loạn. Người anh cả nói với vợ: -Chú có lòng đến cứu. Mình phải giúp lúa gạo.

Người vợ đáp: -Chú giúp mình giải vây bọn cướp nhưng chú tới trễ quá. Mình vẫn bị tui nó tra khảo như thường. Ớn ghĩa gì!

Vài tháng sau, nạn đói lại xảy ra. Người em thứ bèn sai đứa con đến vay mượn. Vợ chồng người anh cả bố thí cho vài nắm gạo. Buồn lòng, vợ chồng người em thứ bèn nói với anh cả: -Tôi nghèo quá. Anh có thương thì mua cái nhà của tôi dùm cho tui sống đỡ.

Người chị dâu mừng rỡ: -Để tôi mua dùm cho. Nhà của chú là đồ bỏ! Nhưng tôi mua để từ rày về sau chú không còn bèn mảng tới xứ này mà nhờ cậy tôi nữa.

Vợ chồng người em thứ bỏ xứ ra đi. Ở quê nhà năm đó bọn cướp tới vây bắt tra khảo người anh cả đến chết. Hay tin ấy, người em thứ trở về, nuôi đứa con của anh cả mình như con ruột.

Hồn người anh cả hiện về, báo mộng: -Chú có lòng tốt. Từ rày về sau, ta phù hộ chú được giàu sang. Ta nào có lòng xấu. Trăm sự là do người chị dâu nọ nên mới đoạn tình cốt nhục như vậy!

# THẰNG CUỘI, CÂY DA

Thuở xưa, thằng Cuội làm nghề hái củi để độ nhật. Tình cờ, gặp một ổ ba con cọp con. Nó muốn đem ba con cọp này về nhà để xem chơi, nhưng chợt nghe cây rừng động sột soạt. Cọp mẹ đang về! Nó hoảng hốt, lại gần bẻ chân mấy con cọp con cho què rồi nó leo lên cây mà rình.

Cọp mẹ nổi giận chạy lại cây da gần đó nhai lá đem về đắp trên vết thương của cọp con. Tức thì cọp con lành mạnh như cũ.

Thằng Cuội hồ nghi, bèn rình lúc cọp mẹ đi vắng mà trở xuống bẻ chân cọp con lần thứ nhì. Giống như lần trước, cọp mẹ nhai lá cây da mà đắp giết cho con. Thằng Cuội mừng quýnh, biết lá của cây da nọ trị được bệnh nên nó lên bứng một cây da con để đem về nhà trồng làm thuốc.

Nó thả bè về nhà. Dọc đường gặp con chó chết trôi tấp gần. Nó vớt xác con chó, rồi hái lá da nhai nhỏ đắp lên đầu con chó. Chập sau, con chó cục cựa, sống lại. Nó cưng con chó ấy lắm vì đó là người bạn đầu tiên.

Về đến xóm, thằng Cuội trồng cây da con rất kỹ lưỡng. Khi thấy bên cạnh có ông Phú truyền rao: -Đứa con gái của ta đau bệnh tê bại. Ai cứu được thì ta gả cho, giao phó tất cả gia tài vì đó là con một.

Thằng Cuội mừng quýnh, đến đó tình nguyện chữa bệnh. Ban đầu, không ai tin, nhưng nhờ phương thuốc quá linh nghiệm, thằng Cuội cứu được bệnh nhân. Ông Phú giữ lời hứa, gả con gái cho.

Nhưng, bao nhiêu trai làng ganh ghét tìm cách trả thù. Bọn chúng thừa lúc thằng Cuội đi vắng, xông vào nhà giết cô gái nọ, mổ xác lấy trái tim và gan ruột để thằng Cuội không phương cứu.

Về nhà, thằng Cuội vô cùng sầu thảm, than thở với con chó: -Bây giờ mi phải hy sinh trái tim và bộ đồ lòng để ta ráp vào thân thể vợ ta. Mi chịu không?

Con chó gật đầu.

Nhưng thằng Cuội sợ ý, mổ bụng chó lấy bộ đồ lòng, quên lấy trái tim. Vì vậy vợ nó thiếu trái tim, tánh tình lẫn lộn – lòng ma dạ chó như lời tục thường ví. Con chó thì vẫn trung tín như cũ vì trái tim của nó còn y nguyên.

Vợ chồng thằng Cuội sống bình yên như cũ.

Hằng ngày, thằng Cuội ra săn sóc cây da. Vợ nó tò mò hỏi thử. Nó nói sự thật, khuyên vợ một điều đừng bao giờ đi tiểu dưới gốc cây da.

Vợ nó hỏi: -Nếu đi tiểu thì sao?

-Thì nó hết linh nghiệm.

Nhưng người vợ quá đại dột, làm trái hẳn lời căn dặn của chồng. Bị ô uế, cây da nọ không thêm ở trái đất này nữa, bứt gốc rễ mà bay lên cao. Vì tiếc của, thằng Cuội níu theo, bay bổng lên cung trăng mà ở như bây giờ chúng ta vẫn còn thấy hình dáng.

# CÁ HÓA LONG

Mỗi năm, đến mùa mưa, Ngọc Hoàng sai mấy ông Rồng phun nước xuống trần gian để nhà nông đủ nước mà cấy lúa.

Nhưng số Rồng ít quá, phun nước không đủ. Nhiều năm, dưới trần gian chịu cảnh hạn hán. Ngọc Hoàng thấy vậy bèn mở cuộc thi. Các thú vật ở trần gian, nhất là loài cá tôm đều có quyền tham dự, để được hóa rồng.

Ai muốn thi thì phải vượt qua ba lượn sóng.

Cá rô nhảy qua được một lượn. Gặp lượn thứ hai, cá rô nhảy không khỏi nên phải rút.

Con tôm có tài hơn. Nhảy qua lượn thứ nhất rồi nhảy qua luôn lượn thứ hai. Nhờ vậy mà thân thể biến hóa, đuôi, mình, đầu lần lần sửa đổi coi trang nghiêm gần giống như con rồng. Nhưng đụng lượn sóng thứ ba, con tôm nhảy qua không khỏi. Vì quá sức nên té cắm đầu xuống, lưng cong lại, gan ruột lộn lên đầu.

Đến lượt con cá chẻm (lý ngư) ra thi. Nhờ thần linh giúp sức nên giông tố nổi lên ù ù, cá chẻm lấy trớn nhảy qua một hơi ba lượn sóng liên tiếp, lọt vào cửa Võ môn, đắc thắng.

Cá chẻm hóa ra Rồng, hình dạng thay đổi. Lời tục thường ví người gặp vận may với con cá hóa long.

Gái ngoan nên lấy chồng khôn,  
Cũng như cá vượt vũ môn hóa rồng.

# TÍCH CON RỆP

Thuở xưa, có anh nọ làm nghề bán nhang. Nhang chế tạo rất thơm, rất tốt nên Phật trời chú ý tới tài năng của anh ta.

Khi chết xuống gặp mặt Diêm vương, anh ta được cư xử đặc biệt. Diêm chúa nói: -Mi có tài làm nhang thơm. Ta khen ngợi muốn mi đầu thai làm loài chim, tối ngày theo hầu bà Tây Vương Mẫu. Ngặt hồi ở dương gian mi bán nhang mắc quá, ta phải cho mi đầu thai làm loại côn trùng, thí dụ như làm con nhên nhện.

Anh bán nhang thưa: -Tâu Diêm chúa, cứ theo câu hát:

Rặng chừ cho chúa tôi sang,  
Để tôi mắc võng nằm ngang giữa nhà.

Thì làm thân con nhên nhện cũng sung sướng lắm. Nhưng theo Đông y, con nhên nhện là vị thuốc, đem nướng cho con nít ăn để trị bệnh đái dầm. Như vậy chết con thì sao?

Diêm chúa nói: -Không chịu làm con nhên nhện thì ta cho đầu thai con gián.

Anh bán nhang suy nghĩ: -Câu hát nói rằng con gián cũng no ấm.

Rặng chừ cho chúa tôi giàu,  
Để tôi ăn mỡ, ăn dầu quanh năm.

Nhưng con mối, con thằn lằn thường rình con gián mà ăn thịt.

Diêm chúa nói: -Vậy thì tao cho mày được yên nơi yên phận, không sợ mưa gió, không sợ ai thấy tâm dạng mà rình bắt. Trái lại, mày có quyền rình loài người mà hút chất bổ.

Anh bán nhang bằng lòng. Diêm chúa bèn sai quỷ sứ dẫn hồn anh ta về dương gian đầu thai làm con rệp, suốt ngày ẩn núp trong các kẹt tủ, xó giường.

# CÁI CHUÔNG, CÁI TRỐNG, CÁI MỖ

Lời tục có câu: “Cứu vật, vật trả ơn, cứu nhân, nhân trả oán.” và nhắc lại câu chuyện sau này: -Anh chàng nho sĩ nọ lo sôi kinh nấu sữ, chờ khi ra kinh đô ứng thí. Hằng ngày chàng cầu nguyện Phật, trời phù hộ, lo làm việc phước đức. Lúc đi dạo, chàng gặp lũ trẻ chăn trâu đang bắt được một con lươn to lớn. Nho sĩ nói: -Tụi bay bắt làm chi vậy? Thả ra đi.

Lũ trẻ nói: -Bắt để nướng ăn chơi.

Chàng nho sĩ nhìn con lươn, thấy nó chảy nước mắt như muốn khóc, chàng nài nỉ mấy đứa bé mua con lươn lại. Đem đến mé sông, chàng thả con lươn mà nói: Cứu vật, vật trả ân, cứu nhân, nhân trả oán. Ta cứu mi, phóng sanh mi. Vậy thì mi phải đền ơn giúp ta chiếm lấy bằng vàng.

Năm sau, chàng ra đất kinh ứng thí, lòng dạ khắp khởi mừng thầm, tin rằng thế nào cũng thi đậu. Dè đâu chàng thi rớt, buồn tình quấy khăn gói về quê mà an phận học tài thi mạng.

Đến mé sông nọ, chàng gặp bọn lính đứng canh phòng cẩn mật nơi bến đò. Hỏi thì lính trả lời nguy hiểm lắm! Dưới bến đò có con mãng xà thường nổi lên nhận chìm ghe xuồng. Ai muốn qua sông thì phải chờ tụi tòi hộ tống mới bình yên được.

Chàng nho sĩ hỏi: -Chùng nào mới hộ tống.

Bọn lính khuyên chàng chờ khi đò đầy chùng vài chục người. Nóng lòng, chàng muốn ra giữa sông để tìm con mãng xà nọ mà tra hỏi; chần chẫn rằng nó là con lươn hồi năm trước chàng đã phóng sanh. Chàng năn nỉ. Bọn lính cho phép chàng qua trước một mình.

Đến giữa sông, sóng gió ầm ầm. Con mãng xà hiện lên, phun nước hả miệng chờ mồi. Chàng nho sĩ chỉ vào mặt nó hét: -Mi không nhớ sao? Ta đã cứu mi, không nỡ để mấy đứa chăn trâu ăn thịt mi ...

Con mãng xà nói: -Thầy kệ, ta ăn thịt mi lập tức.

Chàng nho sĩ nói: -Mi nói vậy có tội lắm. Cứu vật, vật trả ơn, cứu nhân, nhân trả oán. Trả oán như vậy đó hả?

Con mãng xà cãi lại: “Cứu vật, vật trả oán.” Túng cùng chàng nho sĩ thách đố con mãng xà nọ đi với mình để hỏi những người dọc đường coi câu nói ai là đúng. Chàng nói: -Mi với ta gặp nhau ba người đầu tiên thì cứ hỏi. Nếu họ nói rằng đúng thì mi có tội. Bằng không thì ta chịu tội.

Bước lên bờ, họ gặp phải một con trâu già đang ăn cỏ. Chàng nho sĩ phân trần. Con trâu đáp: -Cứu vật, vật trả oán, như vậy mới đúng.

Tức thì con mãng xà rống lên, toan ăn thịt chàng nho sĩ. Chàng nho sĩ khuyên nó hãy chờ vì còn phải hỏi thêm hai người nữa.

Chập sau, họ gặp một con cá chẻm. Con cá chẻm nói: -Xưa nay, cứu vật thì vật trả oán, không bao giờ vật trả ơn. Con mãng xà nói đúng!

Bị thua lần thứ nhì, chàng nho sĩ vô cùng đau xót trong lòng. Tuy nhiên, chàng vững lòng tin tưởng nơi trời Phật.

Đức Thế Tôn muốn cứu chàng nên hiện ra làm một ông lão râu tóc bạc phơ, chống gậy đi lại.

Con mãng xà nói với nho sĩ: -Người thứ ba đã đến. Nếu phen này mi thua nữa thì ta có quyền ăn thịt mi.

Ông lão nọ – tức đức Thế Tôn – bèn mời nho sĩ, con mãng xà, con cá chẻm và con trâu vào một ngôi chùa gần đó mà phân xử cho rõ đầu đuôi.

Ông lão nói: -Nho sĩ này nói đúng. Tụi bây toa rập nhau để ám hại người lành. Từ rày về sau, con mãng xà này trở thành cái giá để treo chuông, con trâu này phải lột da bịt trống, con cá chẻm phải trở thành cái mõ. Khi tụng kinh, lễ Phật, các sư sãi có quyền hành tội các người, động chuông, gióng trống, gõ mõ để nhắc nhở cho muôn loài về sự ăn ở ngay thẳng.

# KIẾM BẠC KIÊN GIANG

Ông Nguyễn Trung Trực là anh hùng kháng Pháp lừng danh nhờ trận đốt chìm tàu địch ở Nhứt Tảo (Tân An) và trận đánh ở đồn Rạch Giá năm 1868.

Với sự tổ chức khéo léo của cụ, nhờ sự dũng cảm của nghĩa quân, đồn của tỉnh lý Rạch Giá bị hại, tất cả người Pháp trong đồn đều bị tiêu diệt. Mãi đến bốn ngày sau, người Pháp mới chiếm lại được. Sau đó, cụ ra Phú Quốc. Người Pháp truy nã, bao vây. Vì hết lương thảo, cụ ra đầu hàng.

Người Pháp xử tử cụ tại chợ Rạch Giá ngày 27 tháng 10 dương lịch năm 1868.

Thuở ấy người Pháp dùng một đao phủ thủ, tên là Tựa. Tên này chuyên môn chém đầu người mà ăn tiền. Trước khi thi hành, tên Tựa cầm gương bước tới, sợ sệt. Hắn xá cụ. Cụ nói: -Mày làm theo luật lệ của Tây, mày không có tội gì với tao. Đừng sợ. Nhưng tao xin mày một chuyện.

Tên đao phủ ngơ ngác, cụ nói tiếp: -Mày phải chém cổ tao cho tốt, nghĩa là chém thiệt gọn. Hề dục dặc thì tao vắn họng mày.

Sau khi cụ chết, dân chúng làng sở tại Rạch Giá lên lút nhà cầm quyền Pháp mà thờ tại đình Vĩnh Thanh Vân. Hằng năm, ngày kỷ yên tế lễ rất long trọng, trang nghiêm. Mãi đến vài chục năm sau, quan chủ tỉnh người Pháp mới hay biết. Bị hạch hỏi, hương chức Đình rất lo sợ. Bây giờ có ông Hương cả tên là Mỹ đứng ra lãnh trách nhiệm thay mặt hương chức mà đi hầu.

Người Pháp hỏi: -Nguyễn Trung Trực làm nghịch ý với nhà nước Pháp, tại sao hương chức lại dám thờ.

Ông Hương cả Mỹ trầm tĩnh mà trả lời: -Chúng tôi biết vậy, nhưng thờ ông Nguyễn Trung Trực là thờ chữ Trung. Ông làm quan cho triều đình. Ông chết vì triều đình.

Quan chủ tỉnh người Pháp gật đầu, không trả lời. Hương chức làng dè dặt hơn, làm một tấm biển treo trước đình ghi mấy chữ: “Nam hải đại tướng quân.” ý nói đình thờ cá Ông.

Và việc thờ phụng cứ tiếp tục mãi đến ngày hôm nay.

# THẬP BÁT LA HÁN

Phú ông nọ có nuôi con ngựa rất hay, rất hiền từ. Ông săn sóc nó cẩn thận, cho ăn uống đầy đủ. Bỗng một hôm, nó đi lại gần ông mà nói: -Tối mai ăn cướp đến nhà ông mà giết cửa. Tội nó đi cả thầy mười tám đứa, mang mười tám thứ khí giới nha chùy, côn, giáo ... Ông đừng sợ cứ làm theo lời tôi. Quay mười tám con heo, xôi một chảo thật lớn. Mua về vài hũ rượu. Đúng giờ Tý (nửa đêm) này tội nó hội họp tại ngã tư đầu làng. Ông đến đó mời tội nó về đây ăn tiệc là xong chuyện.

Phú ông nghe con ngựa nói vậy bèn thi hành đúng như lời nói, nhưng trong dạ nửa tin nửa nghi. Đúng giờ Tý, ông đến ngã tư, gặp bọn cướp đủ mười tám người, ông mời chúng nó về nhà ăn tiệc.

Bọn cướp ngạc nhiên. Tên chúa đảng hỏi: -Tại sao ông biết tội tôi đủ mười tám người mà quay sẵn mười tám con heo?

Phú ông nói đó là lời mách bảo của con ngựa. Chúa đảng cướp ra chuồng hỏi thăm. Con ngựa trả lời: -Đó là luật luân hồi quả báo. Xưa kia tôi mắc nợ ông, bây giờ phải đầu thai làm con ngựa để trả nợ cũ. Dè đâu ông săn sóc tôi quá chu đáo cho ăn no, ngủ kỹ, nợ cũ chưa trả xong mà tôi phải mang thêm ớn mới. Nghĩ vậy, tôi tìm cách giúp ông để một ngày kia trả xong nợ tôi đầu thai làm người.

Tên chúa đảng sực nhớ tới tội lỗi chồng chất bấy lâu nay, bèn nói với bọn em út về chuyên quả báo và khuyên mọi người nên sám hối kéo kiếp sau nặng tội. Tất cả đồng ý, hẹn ngày vào chùa mà cầu xin quy y thí phát.

Vào chùa tên chúa đảng nói: -Tất cả dao, mác, cộ, hèo phải gom lại. Muốn biết Phật có chứng giám không thì chúng ta bỏ tất cả khí giới ấy vào trong một cái nồi đồng thật lớn.

Tất cả bọn cướp mười tám đứa đều thí phát, quỳ trước Phật đàn. Đến nửa đêm, chùng xem nồi nước thì thấy bao nhiêu khí giới đều tan rã, biến mất. Biết đó là điềm lành bọn cướp ở luôn trong chùa. Nhờ lòng thành nên kiếp sau chuyển thành bậc La Hán.

Đến nay, trong chùa còn thờ mười tám vị La Hán nọ. Tượng của mấy vị đều có nét dữ dằn, tay cầm khí giới. Ấy là muốn nhắc lại cho loài người biết rằng: dầu tội lỗi đến thế nào mà có lòng ăn năn sám hối thì Phật cũng độ được.

# SỰ TÍCH VŨNG TÀU

Mũi Vũng Tàu ở Bà Rịa có ba làng ngày nay hãy còn gọi là Thắng Nhất, Thắng Nhì, Thắng Tam.

Tục truyền rằng đời vua Gia Long, lệnh của triều đình rất nghiêm ngặt, tất cả bọn du thủ du thực, ăn mày ở vùng Huế đều bị tập trung lại. Nhà vua chở họ trên ba chiếc ghe, đưa vào mũi Vũng Tàu ghe thứ nhứt, thứ nhì, thứ ba cập bến vào những nơi mà nay gọi là Thắng Nhất, Nhì, Tam do chữ Tam Toàn (ba chiếc ghe) đọc trại ra: Toàn trở nên Thắng.

Có người giải thích cách khác. Đời Gia Long bọn cướp biển hoành hành vùng Cần Giờ, chặn đón các ghe buôn ra vào sông Sài Gòn. Vua ra lệnh đóng đồn tại Vũng Tàu ngày nay, tên đồn là Phước Thắng.

Đời Minh Mạng, các đội binh trong đồn Phước Thắng được giải ngũ, lập ra ba làng.

Đội thứ nhất do ông Phan Văn Đình chỉ huy lập làng Thắng Nhất, đội thứ nhì của ông Lê Văn Lộc lập làng Thắng Nhì, đội thứ ba của ông Ngô Văn Huyền lập lên làng Thắng Tam.

Khi người Pháp đến, tên Vũng Tàu mới đặt sau tại mé biển, nhà cầm quyền cho đậu thường trực ba chiếc tàu chuyên lo về điện tín. Dân chúng nhân đó mà gọi là Vũng Tàu.

# HỔ HUYỆT

Ông Lý Khắc Cần là một vị quan rất thanh liêm hồi cuối đời nhà Lê.

Hôm nọ, ông đi công cán đến núi Đại Ngạn giữa hai tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An, nhìn xem phong cảnh hồi lâu. Ông truyền lệnh cho bọn quân hầu: -Ngưng cán lại. Ta muốn nằm hóng mát nơi đây.

Quân hầu thưa: -Chúng tôi không dám.

-Sao vậy?

-Thưa, vùng này nổi tiếng nhiều thú dữ.

-Ta đã ra lệnh thì chúng bây phải làm tuân theo.

Nằm nghỉ hồi lâu, bỗng nghe cộp rống tứ phía. Quân hầu đòi khiêng cáng chạy trốn nhưng ông Lý Khắc Cần không chịu. Chập sau, cộp chạy đến xé xác ông.

Quân hầu hoảng hốt, chạy về báo tin cho quan sở tại hay biết. Quan sĩ kéo đến núi tìm được xác ông, đem về Nghệ An mà chôn cất rất long trọng.

Đêm hôm sau, cộp loạn rừng kéo xuống đồng bằng, bao vây mộ ông Lý Khắc Cần, moi xác lên đem về núi. Quan sĩ rượt theo đến khuya thì gặp lũ cộp đang quào đất chôn ông bên sườn núi.

Đêm ấy, quân sĩ không dám tiến tới, đóng binh gần đó. Quan chỉ huy nằm mộng thấy ông Lý Khắc Cần hiện về nói rằng: -Đừng cải táng. Cộp chôn ta ở đâu thì để vậy. Đó là Hổ huyết, điềm tốt lành cho con cháu về sau.

Quả nhiên, mấy đứa con của ông lớn lên, thi đỗ đầu, làm quan to hiển hách một thời.

# ĐƯA CON ĂN MÀY

Ông Nguyễn Đăng Tuấn là người ở Lộc Thành, tỉnh Quảng Bình. Tuy làm quan đến chức Thái sử nhưng không được an vui vì không có mụn con nào nối dõi.

Hai ông bà thường đến chùa khấn vái để cầu tự.

Cảm động vì tấm lòng thành của ông, các vị Bồ tát bàn bạc với nhau: -Sẵn trong làng có thằng ăn mày đui mù, ta nên cho nó đầu thai làm con Thái sử.

Năm mộng thấy điềm như vậy, sáng hôm sau ông Nguyễn Đăng Tuấn đến chùa tìm vị hòa thượng. Vừa đến cổng, ông gặp tên ăn mày mù lòa đang nằm thoi thóp.

Vị hòa thượng nghe được câu chuyện ấy liền bàn với ông Tuấn: -Ngài nên cầu khấn lần nữa xem sao ...

Đêm đến, các vị Bồ tát hiện về báo mộng cùng ông Tuấn: -Người đừng ái ngại. Ta sẽ hóa phép cho nó khỏi mù lòa ...

Thế là bà Nguyễn Đăng Tuấn thụ thai và tên ăn mày nọ cũng tắt thở. Đứa con sau này là Nguyễn Đăng Giai, một vị đại thần rất có công hồi đời Tự Đức.

# CHỢ MẠNH MA NAM ĐỊNH

Tỉnh Nam Định ngày xưa có vợ chồng ông Phú nọ tên là Hải. Ông bà rất hiếm con, chỉ sanh được một gái diện mạo xinh đẹp.

Năm mười ba tuổi đưa con gái mang bệnh ngặt và chết. Ông bà xiết bao sầu thảm.

Hay tin, thiên hạ đồn rằng ở Quảng Yên, hằng năm đến ngày mùng một tháng sáu có chợ Mạnh Ma. Ông bà hết sức mừng rỡ. Theo lời truyền lại, kỳ hội chợ Mạnh Ma, người ở âm phủ sẽ được tự do trở về dương thế buôn bán.

Lam sao tìm được đứa con gái yêu quý? Ông bà chợt nhớ trong nhà còn cái quả bằng bạc, xưa kia sắm riêng cho con. Bà đến chợ đem trầu cau để trên quả, giả dạng làm bạn hàng.

Hồi lâu có người con gái mặc áo trắng đến nhìn cái quả rồi hỏi: -Thưa bà, cái quả này mua ở đâu vậy?

Bà đáp: -Của tôi sắm cho con gái ...

Cô mặc áo trắng quỳ xuống khóc lóc. Vợ chồng ông Phú đã nhận được đứa con gái bạc phước năm nọ. Đứa con gái nói: -Âm dương cách trở biết sao bây giờ ... Thôi cha mẹ hãy đi dạo âm phủ vài ngày với con.

Ông bà vui lòng. Đứa con gái bước vào một căn nhà sang trọng cách đó không xa. Trong nhà, một cậu thanh niên cau mày hỏi: -Hai người lạ mặt này là ai mà mình dẫn về đây?

Cô gái trả lời: -Đó là cha mẹ ruột của tôi ...

Rồi cô nói với cha mẹ: -Người ấy là chồng của con.

Ông “rẻ ma.” nọ chào cha mẹ vợ rồi lẩm bẩm: -Sẵn đây, xin cha mẹ qua phòng giam kè bên.

Ông bà rất đổi ngạc nhiên. Trong phòng tối om có cái gông rất nặng, trên gông khắc rãnh rãnh tên họ của mình.

Ông bà hỏi thì chàng rể đáp: -Bởi vì cha mẹ cho vay nặng lời nên Diêm chúa chờ ngày làm tội ...

-Bây giờ làm sao cứu được cha mẹ ...?

-Thì cứ trở về cho vay nhẹ lời. Ngày rằm, cha mẹ nên làm chay bố thí.

Trở về dương thế, ông bà phú hộ lo tu nhân tích đức. Kỳ hội chợ Mạnh Ma năm sau, ông bà xuống âm phủ thăm con, thấy cái gông nọ đã nhẹ bớt. Vài năm sau, ông bà thấy cái gông không còn nữa.

Đứa con rể nói: -Tôi cha mẹ đã sạch rồi.

# BÀ CHÂU THỊ PHÚ

Tại làng Trảo Nha, tỉnh Hà Tĩnh, xưa kia có bà Châu Thị Phú là người hâm mộ đạo Phật.

Bà lên núi, tìm vị hòa thượng nọ, xin thí phát quy y. Hòa thượng bảo: -Đệ tử hãy kiên nhẫn. Ngoài đầu đường có lu nước thầy để dành giúp cho thập phương bá tánh. Hễ gặp khách qua đường, đệ tử nên múc nước mời họ uống giải khát. Ở đây nước quý hơn vàng, xứ khan khan nóng nực.

Bà Châu Thị Phú vâng lời thầy, làm công quả như vậy được bốn, năm năm ...

Hôm nọ, trời chuyển mưa to, giông tố dậy lên ào ào. Trời tối sầm lại. Ngoài cửa có ông lão râu tóc bạc phơ đang nài nỉ: -Bà cho tôi vào nhà đụt mưa ...

Ban đầu, bà Châu Thị Phú không cho phép viện cớ mình là đàn bà độc thân. Nhưng ông lão nọ quá nài nỉ, bà phải chiều lòng và nhường chỗ ngủ cho ông ta ...

Sáng hôm sau, bà Châu Thị Phú thức sớm, kêu gọi ông lão. Bà hoảng hốt vì ông lão đã chết lạnh ngắt tự hồi nào. Bà đến chùa thuật lại đầu đuôi tự sự cho hòa thượng am tường. Hòa thượng nói: -Đó là điềm thánh thần muốn thử thách lòng dạ của đệ tử. Không tin thì về chòi mà xem ...

Đúng như lời hòa thượng, bà thấy một gò mồi to lớn đùn lên đầy chòi, khuấy lấy thi thể của ông lão nọ.

Và bắt đầu từ đó, bỗng dưng bà thọ thai.

Làm sao chứng tỏ nỗi oan tình? Vì hiểu tấm lòng thành của bà, hòa thượng bèn bày ra kế hoạch. Hòa thượng nói với thập phương bá tánh: -Đó là đứa con hoang lợm được trước cổng chùa nên hòa thượng cho bà Châu Thị Phú đem về làm con nuôi ...

Đứa bé lớn lên, học hành thông minh hơn người, thi đỗ trạng nguyên. và xây cho bà một cái chùa khi bà tịch diệt – để báo hiếu.

# GIẢI NGÃU TỰ NHIÊN THÀNH

Có anh nọ tướng mạo khôi ngô, nhưng vì sanh trong gia đình hẩm hiu ở miền sơn cước, nên chưa gặp dịp lập thân rạng rỡ như thiên hạ.

Anh ta đến vùng Hòa Bình làm mướn, mỗi ngày phải gánh cá ra chợ để kiếm tiền độ nhật. Độc Cước chân nhân động lòng, tìm cách giúp đỡ.

Trong làng đó có một tiểu thư nọ tự tình với một phú thương cùng xóm. Hai bên thề non hẹn biển nhưng gia đình của tiểu thư không đồng ý, họ hẹn nhau trốn gia đình tìm nơi khác lập nghiệp.

Tiểu thư dặn chàng phú thương: -Đêm nay thiếp chờ đợi chàng vào khoảng canh tư. Khi đến, chàng nhớ gõ cửa làm ám hiệu.

Thời may anh nọ gánh cá ra chợ cũng đúng lúc ấy. Tiết đông thiên lạnh lẽo mưa bắc ào ạt từng cơn. Anh bước ngay vào thềm nhà của tiểu thư nọ, run cầm cập, đòn gánh chạm vào cửa nghe lập cập. Trong nhà, tiểu thư đã chuẩn bị chờ đón chàng phú thương, đem theo tất cả nữ trang. Nghe tiếng động, cô ngỡ chàng đã đến, mở cửa nắm tay chàng mà chạy ...

Chùng đi khỏi chợ, tiểu thư bình tĩnh nhìn kỹ, hiểu ra nãy giờ mình đã làm. Nàng thuật lại tự sự, toan trở về gia đình nhưng lại sợ cha mẹ rầy la. Anh gánh cá ngỏ lời yêu thương nài nỉ. Vì hoàn cảnh nàng phải nhận lời làm vợ. Số nữ trang của nàng mang theo lần lần bán ra, lấy tiền độ nhật. Một thời gian sau, họ trở nê nghèo nàn, đến ngủ tại căn nhà nọ bỏ trống, bấy lâu nay có tiếng đồn rằng ma quỷ thường xuất hiện.

Sáng thức dậy chủ nhà hỏi: -Hồi hôm có thấy gì không?

Anh đánh cá đáp: -Không thấy gì cả.

Rồi vẫn tiếp tục ngủ nhờ đến hôm sau, thần tai hiện ra mách rằng: -Nhà này có chôn vàng phía trước nhà, và sau nhà có hũ bạc. Anh cứ hỏi mua lại.

Vì không hiểu kho tàng trong nhà, chủ nhà sẵn sàng bán lại cho anh với giá rẻ. Nhờ vậy anh gánh cá trở nên giàu có tìm thầy học kinh sử, về sau thi đỗ, vinh quy trở về thăm cha mẹ vợ.

# ÁC BẢO

Anh thợ câu nọ có tánh tàn ác, thường bỏ thuốc độc xuống các khe suối để cá chết nổi lên.

Hôm nọ, tình cờ anh ta gặp một con lươn bạch tại khe suối.

Dân trong làng bảo: -Không nên, con lươn bạch này tu lâu năm rồi ...

Vì bản chất ác độc, anh ta đem thuốc ra, toan bỏ xuống nước.

Có ông thầy chùa chạy đến nài nỉ: -Nếu vậy cậu giết tôi còn hay hơn.

Anh nọ nói: -Nếu ông có đói thì tôi cho ông ăn chứ tôi cương quyết giết con lươn này.

Anh ta mời ông thầy chùa về nhà, đãi bữa cơm chay. Mãn buổi cơm, anh ta ra suối bỏ thuốc độc. Thuốc pha vào nước suối đổ ngẫu. Trong nháy mắt, con lươn nọ trồi lên, lòe lòe như điên dại. Mừng quýnh, anh nọ bắt con lươn về làm thịt. Lạ thay, trong bụng con lươn có mấy món đồ chay đã đãi ông thầy chùa khi nãy.

Dân làng xôn xao bàn tán, cho rằng ông thầy chùa chính là con lươn trá hình.

Từ đó anh thợ câu lấy làm e ngại. Vợ anh có thai. Lớn lên, đưa con đau ốm liên miên, báo hại anh thợ câu phải tán gia bại sản mà chạy thuốc cho nó.

# CON RẮN THẦN

Có anh góa vợ, đi làm mướn để sanh nhai. Hôm nọ được ba mươi quan tiền, anh bèn nghĩ ra một kế: đi mua mồi và lưới câu để câu cá.

Anh ngồi trên bờ chờ đợi.

Chập sau, nghe con mồi rung rinh biết là cá đã cắn câu, anh giật mạnh, gắp một con rắn to lớn, mừng quá, anh gỡ rắn ra rồi nói: -Tao tha tội cho mày. Từ rày về sau đừng trở lại đây phá mồi của tao.

Lạ thay, hai ba lần sau, rắn vẫn phá mồi. Anh ta nói: -Tao phải giết mày.

Rắn năn nỉ, tự xưng là con của Long vương, vì mắc tội nên bị đày lên dương thế. Bán tín bán nghi, anh đem con rắn nọ về nuôi.

Một hôm rắn bảo: -Ba ngày nữa trời mưa dầm dề hằng tháng. Nước lụt cả làng này. Hãy lo kết bè để tị nạn.

Đúng như lời, mưa dầm dề ngày đêm. Anh nọ và con rắn nhờ ngồi trên bè tre nên được an toàn.

Gặp một ổ kiến trôi lênh bênh, rắn bảo vớt kiến lên. Anh nọ y lời. Gặp bầy chuột, gắp con trần ... rắn cũng khuyên anh nọ cứu đem lên bè.

Bỗng đâu, từ đằng xa có người lội loi loi ngoi chết đuối. Động lòng trắc ẩn, anh nọ toan vớt. Rắn cản lại. Anh nói: -Cứu một người ở dương gian bằng cứu một người ở âm ty.

Mãn trận lụt, anh thợ câu đem người chết đuối nọ về nuôi trong nhà. Hai bên kết bạn rất thân thiết. Rắn tỏ vẻ buồn bực, bày tỏ sự tình với anh thợ câu rằng: -Hôm nay đã mãn hạn, tôi trở về thăm cha mẹ. Để đền ơn, tôi xin dắt anh theo chơi. Ở thủy cung cha tôi có cây đàn tỳ bà rất quý.

Anh thợ câu theo rắn nọ viếng thủy cung. Long vương rất mừng rỡ hứa tặng anh thợ câu vật gì mà anh muốn. Anh thợ câu xin cây đàn tỳ bà. Long vương nói: -Được, cây đàn hễ khảy lên thì có mãnh lực đánh tan binh sĩ của phe địch. Chú nên giữ kỹ.

Đem cây đàn về nhà, anh thợ câu để nó cẩn thận dưới đáy bồ lúa.

Người bạn (mà anh đã cứu giúp hồi nạn lụt) đâm ra tò mò, thừa lúc anh đi vắng đến bồ lúa lục soát và gắp cây đàn. Thấy trên mặt đàn có khắc mấy chữ "Phá tan quân địch." anh nọ động lòng tham bèn ăn cắp cây đàn rồi trốn mất.

Lúc ấy ở đế đô có loạn, bộ ngoại xâm bao vây kinh thành. Vua truyền lệnh: "Ai giải vây được thì sẽ gả công chúa cho." Anh bạn bắt lương đem đàn đến khảy, phá tan ngoại xâm và lãnh chức phò mã.

Anh thợ câu biết mình bị bạn làm phản nên ra đế đô, cương quyết đòi cây đàn nọ. Người bạn năm xưa ra lệnh giam anh ta.

Nằm trong khám, anh vô cùng buồn bực. Bầy kiến năm xưa bỏ lại hỏi han tự sự. Kiến bèn đem câu chuyện thuật lại với chuột, chuột đánh bạo đến tìm trần ... Con trần nói với bầy chuột: -Lại đây, đừng sợ. Về nói lại với ân nhân rằng, hiện nay công chúa đang đau mắt.

Sẵn đây, tôi trao tặng hòn ngọc này, đem về mài ra nhỏ vào mắt công chúa thì lành bệnh ngay.

Thời gian sau, anh thợ câu được thả ra, bèn dâng sớ lên nhà vua xin trị bệnh cho công chúa.

Nhờ viên ngọc nó, công chúa sáng mắt. Công chúa bèn nhìn anh thợ câu mà nói: -Người này là chồng tôi ...

Ông phò mã, tức là người bạn phản bội – ngồi chứng hửng. Anh thợ câu bèn tâu với nhà vua sự tích cây đàn tỳ bà và tố cáo người ấn cấp nó.

Vua rất hài lòng, xử tử quan phò mã giả hiệu, và gả công chúa cho anh thợ câu.

# MA CHÓ

Vợ chồng lão tiều phu nọ có đứa con gái nhan sắc mặn mòi. Vì quá thương con, hai ông bà vào rừng đốn cây, định cất một chái nhà rộng rãi cho con gái ở. Đến rừng ông gặp ba con chó, con màu trắng, con màu vàng, con màu đen đang cắn lộn nhau. Rốt cuộc ba con đều chết, hóa ra một thứ cây lạ, trổ bông đủ màu xanh, trắng, đỏ.

Ông bà lấy làm kỳ lạ, bèn bứng cây nọ đem về trồng ngay trước sân, vài hôm sau cây héo khô lần lần. Ông bà chặt cây, tiện làm chốt gài cửa phòng của đứa con gái.

Dè dặt, hồn của lũ chó lẫn quần theo cây chốt nọ. Ban đêm chúng hóa ra hình người, dùng bạo lực để dở trò đòi bại luân lý. Cô gái kêu cứu, nhưng vô hiệu quả. Ông tiều phu chạy đến cũng bị bọn ma chó hớp hồn ngã ra bất tỉnh nhân sự ...

Tháng sau, có cậu học trò đến thăm ông tiều phu, xin ngủ nhờ một đêm. Vợ chồng lão tiều ngờ rằng đó là ma chó hiện hình. Cậu học trò cãi lại và nói: -Tôi đến đây để trị bọn nó. Tối nay, ông sẽ thấy. Tối đến bọn ma chó hiện hình, hóa ra ba cậu thư sinh. Cậu học trò nọ cầm dao rượt bọn chúng, chém một cái chân. Nhìn kỹ rõ ràng là chân chó.

Vợ chồng ông tiều phu tạ ơn cậu học trò nọ. Cậu nói: -Tôi muốn xin cây chốt cửa đó.

Ông tiều phu đồng ý. Cậu học trò dắt cây chốt nọ vào lưng, nghe nói văng vẳng: -Cậu tha dùm chúng tôi, chúng tôi sẽ đền ơn cậu và hứa từ rày về sau không dám phá khuấy chốn dương gian nữa.

Cậu học trò đồng ý. Bọn ma chó tặng cậu một con ngựa ô chạy rất nhanh. Nhờ con ngựa ấy, sau này cậu về đế đô, được vua chú ý trọng dụng.

# ÔNG THẦY TIÊN TRI

Cậu thư sinh nọ đi học được ba năm, xin phép thầy trở về thăm quê nhà.

Thầy học của cậu rất giỏi về kinh sử và môn tiên tri.

Biết rằng trên đường về quê có nhiều tai nạn, thầy học bèn căn dặn: -Con hãy phòng thân. Nhớ mấy điều thầy răn.

-Thưa thầy, điều gì?

-Một là đừng vô chùa, hai là đừng xúc dầu, ba là đừng đuổi gà, bốn là ... “không ba, không bốn, không sáu ...”

Cậu học trò ngạc nhiên, nhưng thầy không chịu giải nghĩa, hôm sau cậu lên đường ...

Chiều đến, một trận giông tố nổi lên, mưa rơi như thác đổ. Chợt nhìn thấy bên đường có một ngôi chùa xưa, cậu muốn ghé vào nhưng sợ nhớ lời thầy dặn “Đừng vô chùa.” Cậu rón rén đứng ngoài sân mà dầm mưa.

Chập lâu, gió thổi mạnh quá, ngôi chùa sụp đổ tan tành.

Về đến nhà cậu hết sức mừng rỡ khi gặp được vợ con. Cô vợ rất khổ tâm vì lúc chồng đi học đường xa, ở nhà cô ta lén tư tình với cậu thanh niên khác. Cậu thanh niên nọ bàn với cô: -Được, tối nay tôi giết nó. Cô cứ mua dầu thơm bảo chồng cô gọi và xúc dầu. Chừng nửa đêm, tôi cạy cửa vào, nhằm theo mùi thơm ấy mà giết ...

Cô vợ trắc nết nọ tuân lời của tình nhân, mua dầu thơm về, bảo chồng xúc vào đầu tóc.

Nhớ lời thầy dặn, cậu học trò trả lời: -Không đâu. Tôi không muốn chưng diện.

Vì tiếc của, cô vợ đem tất cả dầu thơm ấy xúc vào đầu mình.

Đem đến, cậu tình nhân ra tay thi hành thủ đoạn, nhắm theo hướng của dầu thơm mà tiến tới. Cậu chém mạnh. Cô vợ rú lên. Cậu tình nhân mới biết rằng mình đã giết lầm nên chạy trốn. Xóm giềng chạy tới. Cậu ngồi khóc lóc bên tử thi của vợ, cho rằng có kẻ lạ mặt vào đây ám hại. Dân làng không tin nên trói cậu lại, giải đến ngục thất của quan huyện.

Trong thời gian bị điều tra, cậu học trò được quan giám ngục giao cho nhiệm vụ phơi lúa. Cậu làm việc sốt sắng. Gà ở lồi xóm chạy lại ăn phá quá nhiều nhưng nhớ lời thầy dặn, cậu không đuổi.

Quan giám ngục hỏi: -Tại sao mi không đuổi gà? Nói mau ...

Cậu bèn thuật lại hết đầu đuôi và kêu oan.

Quan giám ngục nói: -Đâu, mi nhắc lại cho ta nghe lời của thầy.

-Dạ, thầy dặn đừng vô chùa, đừng xúc dầu thơm, đừng đuổi gà và một câu nữa khó hiểu quá.

-Cứ nói.

-Dạ ..., không ba, không bốn, không sáu.

Quan giám ngục nói: -Không ba, không bốn, không sáu ... tức là năm, thì tên sát nhân là đứa thứ năm trong gia đình hoặc tên là Năm. Để ta xét hỏi dân làng.

Sau cuộc điều tra, tên Năm nhận tội sát nhân và nhờ vậy cậu học trò được tha bổng.

# TIÊN HÓA THÀNH ... TRÂU

Thuở khai thiên lập địa, bầu trời rộng mênh mông, loài người nuôi sống bằng thịt của thú cầm, chứ chưa có ngũ cốc. Một hôm Ngọc Hoàng cho mở đại hội quần tiên, và phán rằng: - Nơi trần giới nếu loài người quên việc sinh sát loài cầm thú thì e sẽ sinh điều hung dữ, nay ta muốn đem hạt lúa giao xuống trần gian cho loài người lấy đó nuôi thân khỏi phải điều chém giết. Vậy trong quần tiên, ai có sẵn sàng thi hành sứ mạng của ta?

Ngọc Hoàng vừa dứt lời, thì tiên ông Kim Quang vui vẻ bước ra xin lãnh lệnh. Ngọc Hoàng liền trao cho tiên ông Kim Quang một túi hạt lúa và năm túi cỏ, dặn rằng: - Xuống đến trần giới, Khanh hãy gieo giống lúa xuống trước, rồi mới gieo giống cỏ sau, Khanh ráng mà lập công sẽ được thưởng, bằng trái lại thì sẽ bị trừng phạt nặng nề.

Tiên ông Kim Quang lãnh lấy hai thứ hạt giống, cúi đầu bái tạ lui ra. Lúc tới trần gian, vì sự nhọc mệt, Kim Quang quên khuấy lời dặn của Ngọc Hoàng lấy năm túi cỏ gieo xuống trước, rồi mới gieo túi hạt lúa sau. Chẳng ngờ cỏ mọc rất mau, tràn lan khắp địa cầu, choán cả chỗ mọc của hạt lúa.

Tại thiên đình, Ngọc Hoàng nghe Nam Tào về tâu lại chuyện giống cỏ xâm chiếm gần hết mặt địa cầu thì dùng dùng nổi giận, truyền điệu Kim Quang tới bắt xuống cõi trần làm kiếp trâu, ăn cho hết giống cỏ đã gieo trồng, kỳ cho tới lúc nào hết cỏ mới được hườn<sup>[1]</sup> cốt tiên.

Khổ nỗi giống cỏ càng ngày càng sinh sôi nảy nở, dầu trâu có ăn ngày đêm cũng không hết, nên tiên ông Kim Quang vẫn mãi mãi hóa thành trâu chịu đầy đọa giữa cõi trần.

-----

1. Hườn: hoàn (nói trại).

# ĐÔI SAM

Thuở xưa có vợ chồng một nhà chài lưới còn trẻ, thương yêu nhau khăng khít lắm. Một hôm người chồng lên thuyền ra biển đánh cá rồi biệt tích luôn. Người vợ thương nhớ buồn rầu liền bỏ nhà để đi tìm chồng. Thuyền của nàng lại bị giông gió đánh tạt vào một bãi hoang ở cạnh rừng, nàng thì bất tỉnh.

Lúc mở mắt ra, nàng thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, dáng vẻ tiên phong đạo cốt, nhìn nàng mà cười: -Nàng kia ở đâu lạc đến đây? Nàng có biết ta là ai không? Nếu ta không kịp cứu thì thú dữ đã sát hại nàng rồi.

Vợ người đánh cá liền kể lễ sự tình, nỗi chồng bị mất tích ngoài biển khơi, nỗi mình nhớ thương mạo hiểm tìm chồng chẳng may bị nạn.

Nghe nàng thuật chuyện, cụ già động mối thương tâm, bảo rằng: -Ta là Thái Bạch Kim Tinh, nhân vân du qua đây thấy nàng bị nạn nên giải cứu, nay biết nàng có dạ thủy chung với chồng, ta sẽ giúp nàng được cùng chồng đoàn tụ.

Nói rồi, Thái Bạch Kim Tinh trao cho nàng một viên ngọc và dặn dò: -Nàng hãy ngậm viên ngọc này vào trong miệng và nhắm mắt lại khi nào nghe im gió thờ mở mắt ra, nàng sẽ gặp chồng. Điều cần nhớ là khi bay ngang qua biển nàng không được cười nói gì với chồng, nếu làm sai lời cả nàng và chồng đều bị hại.

Vợ người đánh cá liền làm theo lời. Lúc nàng nghe im gió mở mắt ra thì thấy chồng đang ngồi trên bãi biển hoang vu. Thuyền đánh cá của chàng bị sóng thần nhận chìm xuống đáy biển, còn chàng trôi dạt vào bãi từ ấy đến nay.

Vợ chồng mừng mừng tủi tủi, rồi bàn tính chuyện trở về nhà. Vợ ngậm viên ngọc quý vào miệng, bảo chồng ôm ngang lưng mình để cùng bay qua biển. Trong lúc vui mừng đoàn tụ, người vợ quên mất lời dặn của Kim Tinh, day lại cười nói với chồng, khiến cho viên ngọc quý rơi xuống biển, vợ chồng cũng rơi theo, hóa thành đôi sam ngàn đời vẫn dính chặt lấy nhau.

# CỌP ĐƯỢC PHONG THẦN

Trước kia ở làng Long Hưng tỉnh Bà Rịa có rất nhiều cọp, vì làng này gần rừng lại thừa thớt dân cư. Cọp thường lẩn vào xóm bắt trâu bò, đôi khi vồ chết cả người. Dân làng sợ nhất là con cọp một mắt, đã lớn lại hung hăng vô cùng.

Viện quan cai trị địa phương liền treo giải thưởng cho ai trừ được cọp một mắt. Một ông Đốc học, nổi tiếng là tay thiện xạ của vùng này liền bố trí để hạ con cọp tại vườn mía. Với cây súng hai nòng, ông Đốc học định ninh rằng sẽ hạ con cọp một mắt một cách dễ dàng, hưởng chi hiệp sức với ông, còn có một toán lính sen đầm bản giới.

Trưa hôm đó, ông Đốc học nhử được cọp vào vườn mía, vòng vây vừa siết lại, cây súng trên tay ông lườm lườm chĩa vào những lá mía động đậy, đợi cọp nhô ra là nhắm đạn. Bất ngờ, con cọp một mắt nhảy xổ đến bên ông, găm lên dữ dội rồi xông vào vồ ông. Ông Đốc học chỉ bắn một phát thì bị vồ ngã ngửa và bị cào nát cả một chân.

Lúc mọi người đổ xô đến tiếp cứu thì con cọp một mắt đã chạy mất vào rừng, ông Đốc học thì bất tỉnh nhân sự. Cái chân của ông điều trị mấy tháng mới lành, tuy vậy phải chịu tật cả thọt.

Từ đó con cọp một mắt càng lộng hành, không ngày nào nó cũng về làng bắt trâu bò, có bữa nó ra tận đường cái rượt người qua lại, hoặc chui vào vườn mía lượm nón lá đội lên đầu, ngồi im một chỗ gạt người đến gần vồ chết.

Không dùng sức mạnh trừ được con cọp một mắt, ban hội tề sở tại nghĩ cách phong cho cọp làm thần. Trên con đường mòn đi vào núi đất liền thấy xuất hiện một cái miếu cổ dân thờ sắc phong bằng giấy hồng đơn. Từ khi được phong làm thần, cọp không còn lai vãng về làng quấy phá dân cư nữa. Đến sau, mỗi đêm thanh vắng người ta thấy cọp một mắt mon men đến gần chùa ở triền núi để nghe trống chuông kinh kệ. Cái chùa này do ông Đốc học, sau khi hưu trí dựng lên.

# LOÀI KHỈ CHAI ĐÍT

Ngày xưa, tại một vùng thôn ấp miền sơn cước, có gia đình một ông bá hộ tên Viên. Tuy giàu có hiển vinh, nhưng vợ chồng, con cái của bá hộ họ Viên đều độc ác, tham lam, ích kỷ.

Trong nhà có nuôi nhiều đầy tớ, trai gái hơn mười người, công việc vườn, ruộng, nhà cửa thì đám người này phải làm quần quật tới ngày, nhưng sự ăn uống thì cực khổ thiếu thốn, bữa đói, bữa no. Nói gì đến người ăn mày, già cả lạc đường vào xin nơi nhà Viên bá hộ thì bị chửi mắng đuổi xua.

Trong số đầy tớ nhà bá hộ, có một cô gái họ Vương, người đen đui xấu xa nhưng có một tấm lòng vàng. Bất luận kẻ già cả, tật nguyên nào bị gia đình họ Viên ba hộ chửi mắng đuổi xua, nàng Vương cũng đều lén lút giấu cho miếng cơm manh áo. Ngày kia, nàng Vương bị bà bá hộ đánh đập một trận tàn nhẫn sau khi bắt gặp nàng ăn cắp gạo đem cho một lão ăn mày.

Buồn tủi, nàng Vương ra ngồi ở cây gạo đầu làng khóc than thảm thiết. Ông lão ăn mày hiện đến an ủi nàng Vương và trao cho nàng một lọ nước, dặn rằng hãy về dùng nó đổ vào nước sôi mà tắm, tự nhiên cuộc đời nàng sẽ thay đổi.

Y theo lời dặn, cô gái họ Vương về nhà đem lọ nước ra tắm rửa. Xong xuôi, nàng bỗng thấy mình trở nên xinh đẹp như tiên.

Cả nhà Viên bá hộ thấy vậy động lòng ham muốn, mới hạch hỏi cô gái họ Vương, nàng thật tình thuật lại phép báu của lão ăn mày.

Cả nhà ông bá hộ liền đặt bàn hương án, bày cỗ thật to, rồi cho người đi tìm lão ăn mày. Ông đến nơi, ăn uống xong, liền trao cho ông bá hộ một lọ nước và căn dặn làm đúng như cô gái họ Vương.

Lạ thay, lúc cả nhà tắm xong thì nổi cơn ngứa ngáy, cả thầy rập nhau gãi kịch liệt, đến ngày sau lông phát mọc đầy mình. Cả nhà xấu hổ bỏ chạy vào rừng, đuôi lại mọc dài thành loài khỉ.

Đầy mình lông lá đã xấu rồi, lại thêm cái đuôi trên đít trông càng thêm xấu, nên bày khỉ hề hụi mài đít trên các tảng đá, hy vọng đuôi sẽ rụng đi.

Mài mãi đít trở thành chai cứng mà đuôi vẫn y nguyên.

# CON KIẾN VÀNG

Ở xã Hoàng Mai có chàng họ Dương, tánh tình keo kiệt lại mang tật lười biếng, tối ngày chỉ rong chơi đây đó và thường la cà nơi đình đám kiếm ăn. Thấy chàng còn trẻ mà không lo học hành, cũng chẳng lo kinh doanh sự nghiệp nên người làng đều khinh ghét, không ai buồn cho ăn, cho uống khiến cho anh chàng họ Dương phải đói khổ bỏ làng mà đi.

Lang thang trên đường vô định, một ngày kia anh chàng họ Dương ngã ra bên đường bất tỉnh vì đói khát nhiều ngày. Trong lúc mê mẫn anh ta thấy trước mặt hiện ra một hòn núi vàng. Mừng rỡ, anh ta chạy tới toan hốt lấy vàng bỗng nghe một tiếng quát: -Người kia, ở đâu tới đây dám làm ngang lấy vàng của ta? Người không biết ta là thần núi vàng hay sao?

Anh chàng họ Dương run sợ nhìn lên thì thấy một cụ già cốt cách phương phi, dáng điệu hiền từ thì than khóc mà nói rằng tại mình bị thiên hạ bỏ rơi đói khát lâu ngày.

Vị thần núi vàng nghe nói vậy thì động lòng nhân từ, liền hỏi anh chàng họ Dương: -Nếu ta giúp cho người được giàu sang no ấm thì người xử thế như thế nào?

Họ Dương đáp rằng sẽ lấy lòng nhân đạo mà ở đời và sẽ giúp đỡ mọi người khốn khổ, nếu trái lời sẽ xin làm con kiến suốt đời chui rúc trong hang.

Vị thần núi vàng liền trao cho họ Dương một cái túi, rồi xô về phía trước. Anh ta kêu lên một tiếng giật mình thức dậy mới hay là một giấc mộng. Trên tay vẫn nắm chặt túi vàng. Anh ta mừng rỡ vội vã trở về làng, dùng vàng mua sắm mọi vật xa hoa và cưới mấy nàng hầu.

Những người trước đây khinh miệt họ Dương, chừng thấy anh ta giàu có thì lân la tới làm thân, họ Dương căm tức thù xưa tìm mọi cách làm nhục họ. Đồng thời, Dương còn khinh rẻ những kẻ nghèo khổ đến cạy nhờ miếng cơm manh áo.

Một hôm có lão ăn mày, mình mẩy lở loét, áo quần rách rưới rách bị tới nhà Dương, rồi ở lì trước cửa không chịu đi. Dương lấy làm xấu hổ vì nhà đẹp mà lại bị lão ăn mày dơ dáy hôi hám án mặt lối vào, liền xách gậy ra đánh đuổi bảo đi.

Nhưng khi Dương vừa đưa gậy lên thì lão ăn mày hiện hình thành vị thần núi vàng, trở Dương mà mắng rằng: -Nhà người thật là bạc ác, tội khó thứ dung, người còn nhớ ngày xưa thế thốt thế nào chẳng?

Anh chàng họ Dương hối hận kêu xin, nhưng đã muộn, vị thần núi vàng hét lên một tiếng, Dương ngã lăn ra hóa thành con kiến vàng, tìm kẽ vách, hang hốc mà ẩn náu và lén lút tìm miếng ăn, tránh sự gặp mặt loài người.

# CÔ GÁI NHÀ GIÀU HÓA THÀNH CON MUỖI-1

Có một cô gái con nhà phú hộ, ỷ nhà có tiền nên biếng nhác, không học hành, cũng chẳng thích làm việc gì có ích cho gia đình. Tối ngày cô ta hết ăn rồi tìm chỗ kín đáo vắng vẻ để nằm ngủ. Ngủ dậy rồi lại ăn. Thấy vậy một vị thần hiện đến bảo cô gái rằng: -Từ nay cô không được biếng nhác như vậy nữa, nếu không lo chăm chỉ học hành, làm việc giúp đời, thì ta sẽ hóa kiếp nhà người làm một con vật đê tiện.

Mặc dầu có lời thần nhân khuyên dạy, cô gái vẫn lười biếng như thường, lại còn có ý khinh rẻ thần nhân không làm gì mình được. Giận quá, thần nhân hiện để quát mắng cô gái: -Nếu còn khinh rẻ thánh thần thì chịu cảnh đọa đày trong bóng tối.

Cô gái vẫn khinh khỉnh như thường. Vị thần liền xách gậy đến đánh thức cô bé đang ngủ và bảo rằng: -Lần này thì người sẽ hóa kiếp làm côn trùng để bỏ thói lười biếng khinh đời.

Nói rồi vị thần hươi<sup>[1]</sup> gậy đánh vào mình cô gái, cô liền hóa ra con muỗi. Bây giờ cô gái hóa muỗi vì lười biếng, ốm yếu nên bước đi không nổi, mới sụp lạy cầu cứu với vị thần, xin ban cho cách kiếm ăn, nếu không thì sẽ chết.

Vị thần liền ban cho cặp cánh dùng để bay đi kiếm ăn. Và vì lười biếng sợ ánh sáng, sợ tiếng động nên cô gái hóa muỗi luôn luôn chui vào ẩn núp trong xó kẹt đầy bóng tối, đợi cho loài người ngủ yên mới dám bay ra kiếm ăn. Trong khi bay thì than vãn nên hóa thành tiếng vo ve bên tai người.

-----

1. Hươi: hươ.

# RẮN VÀ RÙA

Bên bờ sông xanh có Rùa và Rắn thù nghịch nhau ác liệt, vì cả hai đều dành bá chủ trên sông về phần mình. Rắn cậy mình lanh lẹ thường rình mò cắn mổ Rùa cho chết đi. Rùa tuy chậm chạp, nhưng nhờ có cái mai cứng như giáp đồng, nên mỗi lần thấy Rắn quăng mình tới. Rùa thụt đầu vào mai. Rắn đành thút thủ.

Rắn lấy làm tức lắm, tìm hiểu sự rèn luyện da thịt của Rùa bằng cách nào mà cắn không đứt, mổ không lủng. Rùa đoán biết liền bảo Rắn: -Anh có cắn mổ cũng vô ích thôi, tôi đã luyện được mình đồng da sắt nhờ ở bí quyết gia truyền.

Rùa chỉ nói vậy rồi bỏ đi, Rắn tức lắm quyết tìm xem bí quyết gia truyền của Rùa là thế nào, Rùa giả lơ như không biết, nhưng đêm đêm đợi Rắn đến gần, thì cầm một miếng gỗ bén chặt qua đầu. Nói chặt qua đầu chứ kỳ thật Rùa thụt đầu vào trong mai đánh lừa Rắn.

Hôm sau, Rắn vừa gặp Rùa thì reo lên: -A, tôi đã biết rõ bí quyết của anh rồi, nhưng tôi chưa biết đó là trò gì, anh nên cắt nghĩa cho tôi nghe.

Rùa vui vẻ đáp: -Đó là thuật cắt đầu để luyện thành mình đồng da sắt.

Rắn vốn độc ác tham lam, cũng muốn cho mình trở nên có bộ giáp sắt như Rùa nên nói: -Tôi cũng muốn được như anh, ngặt vì anh có tay chân, anh cầm miếng gỗ cắt đầu mình được, còn tôi mình mẩy trụi lủi tay chân không có thì làm sao mà chặt đầu.

Rùa làm ra vẻ hào hiệp bảo: -Nếu anh không ty hiềm, tôi sẽ tình nguyện giúp anh.

Rắn mừng rỡ trở về kêu hết họ hàng ra bờ sông, Rùa cũng gọi thân thích tới cầm từng miếng gỗ chặt rơi đầu Rắn.

Vì tham lam ngu độn nên Rắn đành thiệt mạng. Từ đó quyền bá chủ trên sông về phần Rùa.

# TẠI SAO NƯỚC BIỂN MẶN

Ngày xưa có hai anh em nhà kia, anh thì nhờ buôn bán nên giàu có, em làm nghề đồn củi chỉ đủ đắp đổi qua ngày. Tết đến, người em túng thiếu không tiền làm cỗ cúng ông bà, mới sang nhà anh nài nỉ, người anh chỉ thí cho một giò lợn luộc rồi đuổi về.

Người em mang chiếc giò lợn đi ngang một cánh rừng, bỗng nghe tiếng rên rỉ thảm thương, liền tìm đến nơi thì thấy một ông lão tiều phu bị cây ngã đè qua chân nằm kêu la than khóc. Động một từ tâm, người em khuôn lấy cội cây bỏ đi nơi khác, và đỡ lão tiều phu dậy, định biếu chiếc giò lợn luộc cho lão đỡ lòng. Cảm lòng tốt của người em, lão tiều phu từ chối và bảo: -Ta muốn đáp lại tấm lòng tốt của người, vậy người hãy đem chiếc giò lợn này đến cái động đá đằng kia để gặp các sơn thần, nếu họ đòi đổi giò heo lấy vàng ngọc thì người đừng chịu, phải xin đổi cho được cái hũ sành. Đó là cái hũ thần ước gì được nấy, nhưng đừng nên tham lam, chỉ ước đủ dùng thôi và điều cần nhất là phải giúp đỡ những người nghèo khó, khi nào vừa đủ thì phải hô to: “Đủ rồi.” thì tự nhiên miệng hũ đóng lại.

Nghe theo lời dặn dò của lão tiều phu, người em tìm tới động đá, quả nhiên thấy rõ các vị sơn thần nhảy múa vui đùa. Lúc bấy giờ các vị sơn thần đánh hơi được mùi thịt lợn quay lại nhìn thấy người em thập thò ngoài động đá, liền gọi vào bảo đổi giò heo lấy vàng ngọc, người em nhất định không chịu, chỉ nhận đổi cái hũ sành. Rót cuộc các sơn thần phải đem hũ sành đổi lấy giò heo.

Bây giờ người em sung sướng đem cái hũ sành về nhà khoe với vợ. Rồi vợ chồng ước gì được nấy chẳng mấy chốc vợ chồng người em trở nên giàu sang sung sướng, họ ước thêm vàng bạc rồi đem chia chác cho những người nghèo khó trong làng. Tiếng đồn người em có cái hũ thần loan ra khắp nơi, người anh liền tìm đến tận nhà để xem hư thật, quả nhiên đúng như lời thiên hạ đồn. Người anh động lòng tham bảo em đổi cái hũ sành lấy cả sản nghiệp của mình. Biết rằng người anh tham lam keo cú, nếu được cái hũ thần sẽ ham sự giàu sang quên điều nhân nghĩa, nên người em từ chối không chịu đổi chác với anh.

Tuy nhiên, người anh vẫn không bỏ qua giấc mộng làm chủ cái hũ sành, mới mưu mẹo, nhờ đứa ở của người em đánh cắp cái hũ thần rồi vợ chồng người anh trốn lên thuyền đi ra miền biển.

Giữa lúc đó, người anh nghe các nơi thiếu muối, nếu có nhiều muối đem bán chắc được nhiều tiền, nên đem hũ thần ra ước, muối từ trong hũ tràn ra như nước chảy, chẳng mấy chốc đầy cả thuyền. Ngặt vì người anh chỉ biết cố lời ước được muối, còn lời ước cho nắp hũ đóng lại thì không biết, nên muối cứ chảy hoài như nước tràn đê vỡ bờ làm ngập cả thuyền rồi chìm luôn. Cả hai vợ chồng người anh đều chết đuối giữa biển khơi.

Vì không có ai biết ước nắp hũ thần đóng lại, thành ra muối tuôn chảy khắp đại dương hòa tan trong nước, làm nước biển hóa mặn như ngày nay.

# MẸ Gà CON VỊT

Thuở xưa mặt trời ở gần loài người lắm, người ta có thể nhìn thấy mặt trời chỉ cao bằng ngọn cây me, cây khế. Thường ngày, loài người giặt quần áo, mên chiếu đem phơi trước ánh mặt trời. Vì nếp sống quá ngây ngô bừa bãi, nên bạ cái gì người ta cũng đem phơi trước ánh nắng, cho đến những xác thối, những đồng phân người ta không nghĩ đến sự che giấu, cứ tung bừa ra trước mặt trời. Ngọc Hoàng thấy loài người ăn ở bê bối như vậy, lại sợ một ngày kia mặt trời bị nhiễm độc, nên đưa tay kéo mặt trời lên cao, xa hẳn thế gian đến một trăm năm mươi triệu cây số. Địa cầu bỗng trở nên tối tăm u ám, hai người đứng gần nhau cũng không trông thấy mặt nhau. Như vậy làm sao mà ăn sinh sống. Đói khát, và sợ ma quỷ hiện hình nên loài người kêu khóc inh tai.

Cả đến loài vật cũng bị dìm vào trong đêm thẳm, không còn đường để kiếm mồi. Đói khổ quá loài chim kêu nhau chiu chít, muôn loài thú gầm thét vang rừng. Trong bóng tối muôn ngàn tiếng hỗn độn vang ra vừa ghê rợn, vừa buồn thảm, cả địa cầu không còn phân biệt được ngày đêm nữa.

Lúc bấy giờ, có con gà trống, gặp con vịt mái và con chim xanh, mới than rằng: -Nguy đến nơi rồi các bạn ơi, mặt trời buồn giận loài người và muôn thú nên bỏ đi mất rồi, nếu kéo dài cảnh này mãi thì chẳng bao lâu dòng họ chúng ta chết sạch.

Con vịt mái cũng thở dài: -Biết mặt trời ở đâu mà tìm bây giờ?

Gà trống phụ họa: -Giá biết mặt trời ở đâu chúng ta thử kêu xin may ra mặt trời biết thương xót chúng ta mà ban cho chút ánh sáng.

Con chim xanh liền nói: -Tôi nghe ông bà tôi nói rằng trước kia thường thấy mặt trời ở ngoài biển Đông, nếu muốn tìm nên thử ra đó mà tìm.

Gà trống xét lại tài sức mình, rồi thất vọng nói: -Đường ra biển Đông thật là khó khăn, cái thân tôi còn chưa được làm sao lội biển.

Vịt mái nghe nói khoái ý cả cười: -Cái tài bơi lội của tôi thì ai hơn được, nhưng nếu tôi đưa anh ra tới biển Đông thì anh phải hứa rằng, từ đây về sau mọi công việc nặng nhọc trong gia đình tôi anh phải gánh chịu, anh có thuận không?

Gà trống cần ánh sáng để kiếm ăn nên ưng thuận liền. Vịt mái chở gà trống lội ra biển Đông có chim xanh dẫn đường. Lúc tới nơi thì gặp mặt trời đang giấu mình ở đó. Chim xanh, gà trống, vịt mái bèn kêu xin mặt trời nên trở về chỗ cũ giúp cái sống cho mọi người.

Mặt trời từ chối bảo rằng: -Không được đâu, cõi trần gian uế trược <sup>[1]</sup> lắm, ta hết dám ở gần nên phải trốn mà đi, nay sao lại trở về?

Chim xanh, gà trống hết sức khẩn nài xin mặt trời ban cho chút ánh sáng để bảo toàn sự sống. Mặt trời bèn nói: -Các người có công khó nhọc đến đây nên ta chẳng hẹp lượng gì. Nhưng phải có cách nào để ta phân biệt được khi các người cần ánh sáng.

Gà trống liền nói: -Chẳng khó khăn chi cả, nếu khi nào nghe tiếng tôi gáy thì mặt trời hãy chuẩn bị ...

Chim xanh tiếp lời: -Còn nếu lúc nào nghe chúng tôi ca hát thì mặt trời hãy nhô lên.

Mặt trời thấy hay hay nên đồng ý.

Cho nên từ đó mỗi khi có tiếng gà gáy là trời sắp sáng, đến khi có tiếng chim ca hát trên cành thì ánh thái dương lộ dạng đem ánh sáng cho muôn loài.

Và để giữ lời giao kết, nên mỗi khi vịt mái đẻ trứng thì gà phải chịu sự nặng nhọc ấp thành con. Vì vậy nên mới có câu: “Mẹ gà con vịt.”

-----

1. Uế trước: Uế: dơ dáy, hôi hám, bẩn thỉu. Trước: đục bẩn. Uế trước là dơ bẩn hôi hám.

# HẦM VÀNG, HẦM BẠC

Ở làng kia có người tá điền già, lúc sắp chết gọi hai người con trai đến bảo rằng: -Thằng cả đã lớn khôn lại có sức vóc nên lãnh hai con chó và đám ruộng ở mé rừng, còn thằng hai thì lấy hai con trâu và đám ruộng ở gần đình làng lo cày cấy mà sống.

Khi cha chết rồi, người anh cả vốn gian ngoa, dành phần ruộng tốt cho mình nên bảo em: - Anh là lớn lãnh phần thờ phụng cha, vậy em hãy để cặp trâu và đám ruộng gần đình cho anh, còn em lấy hai con chó và đám ruộng rừng mà cày.

Người em vốn thật thà nên nhận lời dắt hai con chó ra đi. Đến ruộng gò thì thấy toàn đá sỏi, tuy vậy người em không thất vọng, đào một lỗ cày nhỏ móc vào đôi chó, vừa cày vừa hát nghêu ngao:

Chó mà cày!  
Chó mà cày!  
Hôm nay ta dẫn chó đi cày,  
Hột kia gieo xuống, cũng có ngày mạ mọc lên.  
Công hai người rồi sẽ được đáp đền,  
Khỏe ta cày, mệt ta nghỉ, ta lại nằm bên mé rừng.  
Kìa kìa con én liệng ở lưng chừng,  
Chừng nào lúa chín, nó hát mừng công khó của ta.

Tiếng hát vang vào rừng sâu động đến tai bầy khỉ, chúng bảo nhau kéo ra xem, thì thấy cảnh người và chó cày ruộng, chúng nhí nhau cười khúc khích.

Ngày đã xế, người em mệt mỏi liền mở cày thả chó ra, rồi ngã mình bên gốc cây, ngủ một giấc ngon lành.

Lúc mơ màng, người em nghe một con trong bầy khỉ bảo nhau: -Gã cày ruộng chắc chết rồi nên không nghe nó hát nữa.

Các khỉ khác phụ họa: Ruộng đầy sỏi đá, nó lại dùng chó mà cày thì chết cũng phải, ta nên đem nó chôn làm phước.

Các khỉ lao nhao lên hỏi: -Chôn ở đâu bây giờ?

Một con khỉ lớn hơn hết bảo: -Đem chôn ở hầm vàng.

Thế rồi bầy khỉ áp lại khiêng người em vào rừng, người em giả đồ chết để cho bầy khỉ mang tới hầm vàng. Chừng chúng đi hết rồi, người em trỗi dậy lấy vàng đem về mua nhà tậu ruộng hưởng cuộc đời giàu sang.

Người anh thấy vậy động lòng tham, mới bảo người em rằng: -Em cho anh mượn đôi chó trong vài hôm sẽ xin hoàn lại.

Người em sẵn lòng giao chó cho người anh. Liền đó, người anh đem chó đến ruộng gò, cày được một lúc, thì đến nằm dưới gốc cây mà người em đã nằm. Bầy khỉ thấy vậy chạy đến xem. Một con khỉ lớn nói: -Nó chết rồi.

Các khỉ nhỏ xúm xít xung quanh nghe ngóng, người anh nín thở giả chết, các khỉ nhỏ hỏi: - Bây giờ định chôn nó ở đâu?

-Ở hầm bạc.

Người anh nghe rõ cả. Lòng tham đã khiến anh ta muốn được vàng hơn bạc, nên làm bộ cựa mình, kêu bầy khỉ bảo rằng: -Hãy chôn ta ở hầm vàng, đừng chôn ở hầm bạc mà ta không được siêu thăng.

Nghe tiếng nói của người giả chết, bầy khỉ kinh hồn hoảng vía, tưởng mà quỷ hiện hồn nên ném người anh rơi xuống vực thăm bể sọ mà chết.

Đáng đời một kẻ gian tham.

# KIỆP CON TÀM

Về đời Hùng Vương, tại làng kia có người góa phụ giàu có, tính tình hung ác, trong nhà có nuôi nhiều tớ gái, hiền hậu và xinh đẹp nhất là cô gái tên Tơ.

Một hôm góa phụ bị mất một số vàng liền đổ diết cho Tơ ăn cắp, rồi bắt Tơ trói lại đánh đập tàn nhẫn bằng roi dâu. Tơ chết đi sống lại không biết mấy lần mà góa phụ độc ác vẫn không tha.

Cuối cùng Tơ đợi trời tối trốn ra khỏi nhà, rồi lạc vào rừng sâu ẩn náu trong một cái hang đá.

Lúc bấy giờ có một vị thần vì tính ham trăng gió, chán cảnh thiên cung nghiêm chỉnh nên trốn xuống trần gian tìm cảnh yêu đương nơi trần giới. Tình cờ vị thần này đi đến khu rừng có nàng Tơ ẩn trốn. Vị thần không khỏi ngây ngất trước sắc đẹp của Tơ nên tìm cách bắt ép duyên nàng.

Thấy vị thần mặt hung tợn toan bắt mình, nàng Tơ kinh hoảng bỏ chạy, vị thần háo sắc liền hóa ra một tấm lưới giăng ra khắp nơi để bắt nàng Tơ.

Khó bề trốn thoát Tơ liền quỳ xuống khấn vái đức Phật Quan Âm Bồ Tát cứu độ nàng. Lạ thay Tơ khấn vái vừa xong thì tấm lưới của vị thần tự nhiên ro rút lại chỉ còn bằng hạt đậu. Và vì Tơ thờ mạnh quá nên hạt đậu chui tọt vào họng nàng.

Vị thần bị mất phép bấu, nổi giận đùng đùng, liền gọi thần gió, thần mưa và Thiên lôi đến ra oai sấm sét. Tơ kinh sợ lại trốn vào hang đá, nằm một chỗ mà chịu lạnh, không một miếng ăn, một tấm áo che thân. Trong lúc hôn mê, tấm lưới hóa thành hạt đậu của vị thần mà Tơ nuốt vào bụng, lại vọt ra hóa thành cái kén bao bọc lấy người Tơ và gói ghém luôn tấm linh hồn của người trinh nữ. Xác nàng hóa thành con tằm. Luôn luôn tằm chịu cảnh trần trụi như nhộng lại sợ mưa gió sấm sét bất thường.

# SỰ TÍCH TRÁI THƠM

Huyền Nương là tên một cô gái mười lăm, không thích làm những việc bếp núc, khâu vá may, tối ngày chỉ lo ca hát không để ý vào việc gì. Mẹ nàng là một góa phụ không mấy giàu sang, lại có tánh chanh chua xoi mói thiên hạ, nên người trong làng ít ai có thiện cảm với mẹ con Huyền Nương.

Thình lình mẹ Huyền Nương lâm bệnh nặng, nằm một chỗ. Huyền Nương phải thay mẹ vào trong bếp nấu cháo, nấu nước cho mẹ. Khổ nỗi, ngày thường không để ý chi đến mọi việc trong nhà, nên lúc vào bếp Huyền Nương lúng túng không biết vật nào để ở đâu và phải làm thế nào vì vậy chốc chốc Huyền Nương lên tiếng hỏi: -Mẹ ơi, gạo để ở đâu? Mẹ ơi cục đá để đánh lửa mẹ để chỗ nào?

-Mẹ ơi, nước đổ vào nồi như vậy vừa chưa? Mẹ ơi, cái gàu múc nước mất rồi v.v ...

Đau ốm, lại bị kêu gọi từng chap, người mẹ Huyền Nương lấy làm bực mình lắm, nên nói lầy: -Tao ước gì mày có thật nhiều mắt để mày kiếm những đồ mày dùng đừng khỏi kêu nheo nhéo suốt ngày làm nhói cả tai tao.

Huyền Nương các có hỏi: -Bộ mẹ không thương con hay sao?

Người mẹ chanh chua càu nhàu: -Thương cái nỗi gì, nếu không có con cũng không sao?

Tức thì giữa thình không có tiếng nói khàn khàn: -Lời ước của người mẹ không biết thương con sẽ thành sự thật.

Người mẹ kinh sợ, nhìn sau trước không thấy ai thì sinh nghi, bà liền gượng đứng dậy đi xuống bếp tìm Huyền Nương, nhưng không thấy nàng đâu nữa.

Bà sợ sệt đi thẳng ra vườn cất tiếng gọi: “Huyền Nương! Huyền Nương!” không một tiếng trả lời. Bà rên rỉ: “Trời ơi! Huyền Nương đâu mất rồi.”

Bà đi đến cuối vườn, bỗng bà nhận ra đôi hài cỏ của Huyền nương nằm cạnh một bụi cây vừa trổ sinh ra một trái rất kỳ lạ, mình dài và tròn có nhiều mắt bao bọc xung quanh, tỏa mùi thơm thoang thoảng.

Đôi mắt bà sáng lên, tay nắm lấy đôi hài, tay sờ vào trái lạ, tự nhiên nước mắt rào ra, bà than thở: -Huyền Nương! Mẹ đã hiểu vì sao rồi.

Sau tiếng than của bà, nhiều tiếng khóc nỉ non từ trong lòng trái lại vẳng lên. Da trái đang xanh hừng phải nước mắt và tiếng khóc than của người mẹ dần dần ửng vàng.

Ngày xưa người ta gọi thứ trái lạ này là Huyền Nương, nhưng dần dần đổi lại là trái thơm.

# TẠI SAO CON VOI CÓ VÒI

Thuở xưa, lâu lắm rồi, trong một khu rừng hoang dại, cạnh con sông lớn từ núi đổ ra, có đôi vợ chồng con voi (chỉ có hai con thôi, chớ không nhiều như ngày nay) hiếm hoi không sanh đẻ chi cả. Voi đực rất buồn, ngày đêm cầu trời khấn Phật cho có một mụn con. Trời Phật thương tình vợ chồng voi phúc hậu, nên cho voi cái sanh được một mụn con. Chú voi này thật là liếng lác hằng ngày chạy nhảy khắp rừng, hết húc đầu vào cội cây, lại đi tìm hươu, nai, hổ, báo mà đùa bỡn, đôi khi lại đánh nhau với heo rừng, làm voi mẹ phải chạy đến cản ngăn giảng hòa, mới chấm dứt được sự xung đột. Sở liếng lác của chú voi con mà các thú rừng ít ai ưa gia đình voi, và các loài thú cũng xa lánh dần chú voi con nữa.

Buồn tình voi con đi lang thang ra bờ sông. Gặp một con cá sấu khổng lồ, đang nằm trên bãi, quen tánh đùa nghịch, voi con bước tới cười nói: -Kìa bác cá sấu, cái mũi của bác thò lò thế kia làm sao mà ăn uống. À bác ăn gì mà sống?

Cá sấu không khỏi bực tức vì sự kiêu ngạo của chú voi con, mới trả lời rằng: -Cái mũi của ta như vậy mà xấu lắm ư? Coi chừng ngày kia cái mũi của người còn thò lò hơn mũi của ta, nó giống như con đĩa chứ chẳng vừa.

Con sấu lại tiếp lời: -Người muốn biết ta ăn gì mà sống thì hãy xích lại gần đây, đưa mũi vào miệng ta mà ngửi thì sẽ biết ngay.

Voi con ngây dại không biết mưu mô thâm hiểm của cá sấu, nên bước lại gần đưa mũi vào miệng cá sấu mà ngửi. Cá sấu liền ngoạm lấy ngậm chặt cứng.

Thuở đó voi chưa có vòi, chỉ có cái mũi cũng như mũi lợn. Khi mũi voi con bị kẹp vào miệng sấu thì đau đớn, tê dại cả mình. Đang lúc đó cá sấu lại hầm hừ: -Người muốn biết ta ăn gì mà sống ư? Mạng mi đã tiết rồi, lâu nay ta ăn thịt cọp, bây giờ ta ăn thịt người ...

Voi con nghe nói rụng rời kinh khủng, cố giật mũi ra khỏi miệng cá sấu mà giật không ra. Mũi voi bị dính trong miệng cá sấu. Rồi đặng trì, đặng kéo, đôi bên giằng co từ trưa cho tới chiều tối. Mũi voi dần dần giãn ra thành một cái vòi.

Thấy voi con đi biệt, trời gần tối vẫn chưa về, voi mẹ sanh nghi chạy đi tìm, đến bờ sông nghe tiếng kêu la của voi con, voi mẹ liền áp tới đánh đuổi được cá sấu, cứu sống voi con, nhưng đến lúc đó cái mũi voi biến thành cái vòi trông rất dị kỳ.

Voi con lấy làm xấu hổ, nên ngày nào cũng đập vòi vào thân cây to lớn, mong cho chiếc vòi rụng đi mà không được.

Từ đó loài voi đều có vòi, và hay lấy vòi quấn vào thân cây là do một thói quen.

# CÁI BÌNH VOI

Một gã ăn trộm nhà nghề vì thất thời nên vào tá túc trong nhà vợ chồng một người ăn mày. Một hôm vì đói khát người chồng nói với vợ: -Ăn xin như vậy không sống nổi, vậy ta thử đi ăn trộm một chuyến xem sao?

Người vợ có vẻ không bằng lòng: -Ở đời nên tu nhân tích đức mới có ăn, mình đã không làm gì cho ai nhờ, lại đi làm chuyện tội lỗi thì sau này nhắm mắt sao yên.

Gã ăn trộm nghe vợ người ăn mày nói vậy thì hối hận vô cùng. Nghĩ mình đã gây không biết bao nhiêu tội lỗi, nếu không cải tà quy chánh thì ngày kia sẽ bị đọa đầy nơi địa ngục ...

Ngày ngày hôm đó, gã ăn trộm đến một ngôi chùa xin thí phát quy y. Hằng ngày gã làm công quả cho chùa siêng năng như một người ngoan đạo. Trong chùa có một ông sãi tuy tu hành nhưng tánh tình không được hiền lành, nghe đồn ngoài suối có con cạp thường lẫn quần tìm mồi, mới nghĩ ra một kế, bảo gã ăn trộm ra suối lấy nước về cúng Phật, gã ăn trộm ngoan ngoãn vâng lời. Lấy nước xong quay về, gã trộm gặp con cạp lớn hiện ra đòi ăn thịt. Gã trộm nói với cạp rằng: -Ngài hãy đợi, tôi đem nước cúng Phật về chùa xong sẽ ra đây nạp mình cho ngài ăn thịt.

Lúc gã trộm trở lại, thì cạp bảo rằng: -Thịt nhà ngươi cứng lắm, vậy nhà ngươi hãy trèo lên cây đa kia, rồi buông tay nhảy xuống cho thịt được mềm tã ăn cho dễ.

Gã ăn trộm y theo lời. Nhưng lúc gã ăn trộm vừa buông tay nhảy xuống thì một vùng hào quang hiện ra đón rước linh hồn gã về Tây phương Phật.

Vị sãi ác tâm thấy vậy động lòng tham cũng trèo lên cây đa buông tay xuống, mong Phật hóa hào quang rước về Cực Lạc, nhưng vì làm ác nên khi buông tay nhảy xuống, bụng xóc vào cành cây đồ ruột mà chết, hóa thành cái bình voi.

# THẦN CHẾT VÀ THẦN SỐNG ĐÁNH CỜ

Tại miền núi nọ, có một gã trẻ tuổi chuyên nghề đồn củi nuôi mẹ già, gã ở với mẹ rất có hiếu, lại có lòng tương trợ đối với mọi người. Một chiều kia, từ trong rừng ôm bó củi trở về nhà, gã gặp một ông lão ăn mày nằm rên rỉ ở giữa đường. Động lòng thương hại, gã đem lão ăn mày về nhà săn sóc thuốc men cơm cháo, hôm sau lão ăn mày khỏi bệnh để lời cảm ơn và bảo rằng: -Ta có tài xem tướng số lại biết đoán vận mạng kiết hung, ta thấy rằng cái số nhà ngươi vẫn vỏi, chỉ còn sống không bao lâu nữa là phải tự giã cõi đời. Trót thọ ơn nhà người nên ta mách nhà người một việc, may ra còn cãi được số phận.

Ngừng một lát, lão già nói tiếp: -Tại đỉnh núi phía Nam, là nơi cảnh trí u nhân, các tiên thánh thường vân du qua đó. Vậy mai này vào giờ mùi người phải có mặt nơi đó, hễ thấy hai ông tiên đang đánh cờ thì người đến đứng gần, ai bao gì làm nấy, đừng bao giờ lên tiếng. Chừng xong cuộc cờ, các tiên hỏi tới thì người hãy nói nhà người còn có bà mẹ già cần sớm hôm nuôi dưỡng mà phần số lại vẫn vỏi, nên xin hai vị thương tình cứu giúp, may ra sẽ được sống lâu.

Hôm sau, gã trẻ tuổi lên núi, quả nhiên thấy hai vị thần đang đánh cờ với nhau. Nhớ lời ông lão dặn, gã bước lại gần đứng hầu. Một lát sau ông thần râu trắng bảo rót rượu, gã rót rượu dâng lên, một lát ông thần râu đen bảo quạt, gã quạt.

Đến chừng xong cuộc cờ, hai thần râu trắng, râu đen ngẩng lên thấy gã thì vặn hỏi. Gã thật tình nói rõ tai họa sắp đến cho mình và xin cứu vớt.

Hai vị thần đồng cho gã biết mình là Thần Sống và Thần Chết coi việc sống, chết ở thế gian. Tử thần lật số coi qua tên họ gã thì thấy chỉ còn vài ngày nữa là gã mãn phần. Tử thần liền hỏi ý kiến Sinh thần, thì Sinh thần bảo cứ bồi số là êm chuyện.

Xong rồi cả hai biến mất, gã trẻ tuổi trở về nhà, sống đến trăm tuổi mới chết.

# ÔNG TRẠNG LẤY RÙA

Giáp Hải là một nho sĩ nghèo và rất chăm học. Ngày nọ, qua đồ gắp lúc vợ chồng người chèo đồ bắt được một con rùa định đem làm thịt. Động lòng nhân ái, Giáp Hải lấy một quan tiền trao cho vợ chồng người chèo đồ và nói: -Hai bác hãy để con rùa cho tôi, tôi xin bù lại bằng tiền.

Vợ chồng người chèo đồ ưng thuận ngay. Giáp Hải đem rùa về nhà nuôi chớ không ăn thịt.

Thường bữa Giáp Hải phải đi học với ông đồ gần đấy, khi trở về thì thấy nhà cửa ngăn nắp sạch trơn, lại có cả mâm cơm dọn sẵn. Giáp Hải lấy làm lạ lắm không biết ai đã vào nhà dọn dẹp thế này?

Trong lòng phân vân nghi hoặc. Một hôm giả đi học rồi quay trở về đứng trước cửa rình xem. Được một lát, Giáp Hải nhìn thấy một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt vời trong mai rùa chui ra làm các công việc hằng ngày. Thoạt đầu Giáp Hải ngỡ rằng yêu quái hiện hình, nhưng dần dần Giáp Hải không tin như vậy. Yêu tinh đâu có hiền hậu dễ thương như cô gái trong mai rùa?

Lập tâm sẵn, Giáp Hải đột ngột bước vào nhà lấy cái mai rùa giấu đi. Chừng thiếu nữ quay lại thấy Giáp Hải thì biến sắc, muốn chạy trốn mà không biết trốn vào đâu vì cái mai rùa bị giấu mất rồi. Giáp Hải liền hỏi: -Nàng là ai sao lại ở trong cái mai rùa?

Nàng ấy đáp: -Thiếp là công chúa ở Thủy cung, nhận tội lột rùa lên trần ngoạn cảnh, chẳng may lọt vào tay vợ chồng người chèo đồ, nhờ chàng đến cứu kịp. Cảm ơn ấy, hằng ngày thiếp dọn dẹp trong nhà hầu hạ cơm nước để trả nghĩa cho chàng.

Giáp Hải nói: -Có lẽ là duyên tiền định, vậy nàng cùng ta nên kết nghĩa châu trần.

Nàng ấy đáp: -Kẻ ở thủy cung, người ở trần thế làm sao kết nên duyên? Nếu chàng đã muốn thì xin hãy xuống tận thủy cung cầu xin với cha mẹ thiếp.

Nói rồi nàng đưa chàng tới dựa bờ sông làm phép rẽ nước mà đi. Khi xuống tới thủy cung, Giáp Hải được Thủy long vương thuận tình gả công chúa nhưng buộc chàng phải nán lại ít lâu học hành với một ông thầy đồ danh tiếng đến khoa thi sẽ về.

Ngày khoa thi mở, Giáp Hải được đưa về thi đỗ trạng nguyên, và làm đám cưới thật linh đình.

Người ta thường gọi Giáp Hải là ông trạng lấy rùa cũng vì thế.

# NÀNG CHUỘT TRINH TIẾT

Đời nhà Trần, dựa vách thành Thăng Long có cái hang chuột, trong hang chỉ có một con chuột trắng góa chồng. Đêm kia chuột trắng đi kiếm ăn, bỗng bị một con chó vàng đuổi bắt. Hoảng sợ, chuột chạy trốn vào hang chuột đực.

Thừa lúc chuột cái ra ngoài, chuột đực liền buông lời trêu ghẹo chuột bạch. Nào là mình dư ăn dư để, nhà cửa xuê xang, nào là cửa nổi cửa chìm không đếm kể. Nếu chuột bạch thuận tình thì sẽ được sung sướng phở phê. Hết lời ngon ngọt không xuôi, chuột đực lại buông lời đe dọa, toan dờ thói trắng hoa cưỡng bức, chuột bạch vẫn một mực cự tuyệt quyết thủ tiết với người chồng đã khuất.

Lúc bấy giờ nghe bên ngoài đã êm, chuột bạch liền bỏ ra về, hay đâu gặp chuột cái cũng vừa về tới. Chuột cái dờ giọng ghen tương đay nghiến chuột đực, chuột đực không nhìn, hai đàn ấu ó nhau một hồi, đang cơn nóng giận chuột cái chạy tuốt qua hang chuột bạch, đứng ngoài kêu réo chuột bạch mà chửi, để quyết chuột bạch thông dâm với chồng mình.

Xét lại nổi mình trong trắng, chuột bạch không thể nhìn, ra cửa phân trần nổi mình bị nạn tìm chỗ trốn tránh chẳng may gặp chuột đực bõm xồm nên cự tuyệt ra về. Nhưng chuột cái không tin lời, áp lại toan hành hung. Bỗng đâu một con mèo xuất hiện, tiếng kêu làm vang động đêm tối. Chuột cái vừa nghe tiếng rưng rờ kinh khủng, bỏ chuột bạch cầm đầu toan chạy trốn rủi ro lọt xuống ao sâu, uống nước một bữa lử lử.

Từ đó chuột bạch nổi tiếng là nàng chuột trinh tiết.

# GIÓ BIẾT TƯỞNG TƯ

Nơi cánh rừng kia có một cây Sồi cao lớn đã gần trăm tuổi, mỗi ngày gió chạy vào rừng làm bạn với cây Sồi. Gió thổi vào cây Sồi làm cành lá reo lên lao xao như ca nhạc, ngày nào đôi bạn này cũng ca hát như thế để làm vui cho khu rừng quanh quẩn.

Ở gần khu rừng có lão tiều phu, ngày ngày thường đánh chén ca hát nghêu ngao. Bữa nọ, có lệnh vua truyền xuống bảo lão phải đốn cây Sồi để lấy gỗ cất nhà. Lão không đốn, lại tâu với vua rằng: -Gỗ Sồi không tốt, nếu muốn xây cung điện thì nên đốn gỗ trầm hương.

Vua cho là phải nên không đốn cây Sồi.

Cảm ơn lão tiều phu, cây Sồi kêu lão bảo rằng: -Ông cứu tôi khỏi chết, tôi xin đền ơn ông. Nguyên trước đây có nhà phú hộ đem chôn dưới gốc tôi một hũ vàng, tôi giữ kín sự bí mật không hề tiết lộ với ai. Từ ngày ấy đến nay đã ba mươi năm rồi không thấy chủ hũ vàng trở lại, vậy vật đó về phần tôi nay xin biểu ông vậy.

Được cả hũ vàng, lão tiều phu trở nên giàu có, ăn xài huy hoát <sup>[1]</sup>, lại cưới hầu thiếp và xây nhà cửa.

Thấy cây Sồi to lớn, tầm thước tốt tươi, lão tiều phu bèn bảo thợ rìu hạ xuống làm kèo cửa sổ.

Cây Sồi bị hạ xuống, khu rừng vắng mát bóng cây cao, ngày sau gió chạy vào rừng thấy mất người bạn Sồi thì buồn rầu, vu vơ qua các nẻo tìm kiếm người bạn già. Một chiều kia gió lạc loài đến nhà lão tiều phu (bây giờ trở nên nhà phú hộ) đứng ngoài cửa sổ than van. Thình lình nghe tiếng thì thào: -Này bạn gió của tôi ơi, mình chia cách nhau hèn lâu bây giờ mới gặp, thật đáng buồn quá nhỉ.

Gió dáo dác kiếm tìm. Tiếng thì thào lại vẳng lên: -Bạn đang đứng sát bên tôi đây, ở bạn không nhìn ra Sồi cũng phải. Thân Sồi đã bị lão già cưa ra từng mảnh, bào giũa làm thành cửa sổ rồi.

Gió nhìn lại buồn buồn đáp: -Vậy ư? Tôi nào có biết. Thật đáng trách cho lão già đã chia rẽ chúng ta, lại còn cưa bác ra từng mảnh.

Tôi phải báo thù ...

Gió trở nên giận dữ, hỏi cây Sồi lão già ở đâu. Sồi cho biết rằng lão già ra kinh thành bằng thuyền từ mấy hôm trước chưa về.

Gió càng nổi cơn thịnh nộ, từ giã cây Sồi, rồi chạy tìm các bạn bốn phương, hợp lại thành trận cuồng phong ở trên sông đợi lão già trở về nhận chìm cả người.

Báo thù xong, gió lại buồn vì bạn Sồi không còn bao giờ trở lại rừng hoang nữa; ngày ngày gió thương nhớ tưởng tượng đến bên cửa sổ cất tiếng vi vu cùng người bạn già than thở.

-----

1. Huy hoá: (hay huy hoắc?) vùng phí tiền.

# BA ANH DỐT LÀM THƠ

Ba anh học trò gặp nhau ở giữa đường lấy làm mừng rỡ, tay nắm mặt mừng, rồi nói nhau: “Mang tiếng là người học trò, mà mình không làm nên thơ phú, tui người đời không phục. Vậy sẵn đây ba anh em mình nên hợp sức làm thơ.”

Cả ba đều vui mừng đắc ý. Anh thứ nhất nhìn quanh quất thấy một cái hang, có một con cóc từ trong hang nhảy ra, tức thì anh làm nên câu thơ: -Con cóc trong hang, con cóc nhảy ra.

Anh thứ hai làm tiếp câu thứ nhì: -Con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó.

Anh thứ ba cũng trở tài nhả ngọc phun châu: -Con cóc ngồi đó, con cóc nhảy đi.

Làm xong mỗi anh một câu thơ như vậy rồi, cả ba anh đọc đi đọc lại và lấy làm ưng ý lắm. Một anh bỗng giật mình nói: -Hề học hành giỏi thì sao cũng phải chết, mình tài như vậy thì trời chắc không để yên.

Nói rồi cả ba sai thằng tiểu đồng đi mua ba cỗ quan tài để dành sẵn đó. Thằng tiểu đồng lơn tơn tới một cái quán ghé vào uống nước. Một anh kia thấy vậy hỏi thăm. Nó khoe rằng ba ông thầy của nó thông minh tài giỏi hơn người, chỉ trong chốc lát làm xong bài thơ. Làm rồi sợ trời quở nên sai nó mua hòm sẵn chờ chết đem chôn. Anh kia bèn hỏi bài thơ thế nào, thằng tiểu đồng đọc một mạch xong ba câu thơ con cóc.

Anh kia vùng cười nghiêng ngửa, cười sằng sặc đỏ cả mặt tía cả tai, rồi nói với thằng tiểu đồng: -Mày có đi mua hòm nhớ mua dùm tao một cái.

Thằng tiểu đồng hỏi mua làm chi vậy, anh kia mới nói: -Tao cũng phải mua hòm để sẵn đó, nếu có cười lỡ đứt ruột thì có sẵn mà chôn.

# CON CHÓ ĐÁ

Có hai anh em nhà kia, một người anh thì gian ngoa còn người em thì hiền từ, lợi dụng là anh nên người anh đoạt hết cửa cải trong nhà sau khi cha mẹ chết. Người anh chỉ thí cho vợ chồng người em một túp lều rách nát và cũng không buồn giúp đỡ món gì. Tuy vậy vợ chồng người em cũng cần răng chịu đựng cảnh cơ hàn.

Vào một buổi chiều, vợ chồng người em vừa nấu xong nồi cháo ngồi lại chia nhau ăn, thì từ bên ngoài có một cụ già gầy yếu mình mẩy lờ lỏi bước vào kêu đói. Vốn tánh nhân từ, vợ chồng người em liền bước ra cửa dắt cụ già vào trong nhường cả nồi cháo cho cụ già đang đói.

Ăn xong da thịt cụ già trở nên hồng hào, cụ gọi vợ chồng người em bảo rằng: -Vợ chồng nhà người thật thà tốt bụng, nhà không đủ gạo nên nấu cháo mà ăn, nhưng khi thấy ta đói khát thì lại nhịn nhường, khiến ta mang ơn rất nặng. Để đền đáp lại xin vợ chồng nhà người hãy theo ta vào núi ta sẽ trả ơn.

Nói rồi cụ già dắt vợ chồng người em đến một con chó đá, cầm cây gậy đập vào đầu chó đá ba cái, chó liền hả miệng ra. Cụ bảo người em: -Trong miệng nó là cả một kho tàng, nhà người hãy để tay vào muốn lấy bao nhiêu thì lấy.

Người em làm theo y lời. Quả nhiên trong miệng chó đá đầy cả vàng khối. Nhưng người em chỉ lấy đủ dùng thôi. Trở về nhà, vợ chồng người em đem vàng làm vốn buôn bán, chẳng bao lâu giàu to.

Nhân đi qua làng, người anh thấy người em nay được nhà cao cửa rộng, quần áo phủ phê, thì tò mò muốn biết bí quyết làm giàu, mới ghé vào nhà em giả là thăm viếng rồi hỏi qua công chuyện làm giàu.

Người em thật thà có sao nói lại y như vậy.

Người anh chíp bụng, lập tức trở về biểu vợ ngã heo giết gà làm một mâm cỗ thật long trọng để đi mời cụ già ăn xin đói khát tới ăn. Người anh khỏi mất công đi tìm, cụ già chống gậy tìm tới nhà vào đúng lúc đó. Vợ chồng người anh mừng rỡ thỉnh cụ già lên ngồi ván giữa ép ăn, ép uống, rồi xin cụ đưa tới chỗ con chó đá đang lấy vàng.

Khi tới nơi, cụ già cũng cầm gậy đập vào đầu con chó đá ba cái, miệng chó hả ra. Nhìn vào trong thấy vàng chói rục, người anh động lòng tham, dứt cả hai tay vào miệng chó, hốt cả đồng vàng. Miệng chó thì nhỏ, cả hai tay dứt vào đã chặt rồi lại còn cả một đồng vàng thì nào rút ra cho được.

Người anh loay hoay một hồi, đến giờ chó ngậm miệng lại, kẹt cả hai tay của người anh ở trong không làm sao rút ra được. Người anh kêu cứu, thì cụ già đã biến mất rồi.

Không còn biết làm sao, người anh đành để hai tay kẹt trong miệng chó đá từ ngày này qua ngày nọ cho đến chết.

# GIẾT CHÓ KHUYÊN CHỒNG

Thuở xưa có hai anh em họ Trịnh, ăn ở với nhau cũng thuận hòa, chỉ ngặt là người anh thích chuyện ăn chơi, giao du kết bạn, vì vậy bao nhiêu tiền của cha mẹ để lại, người anh dành lấy hết, không để cho người em một đồng nào làm vốn sanh nhai.

Người em phải chịu cảnh thiếu thốn nghèo khổ, còn người anh tối ngày trà rượu, bài bạc rong chơi. Người anh đi tới đâu cũng có vài ba gã “cặp tàu.” để được ăn uống phở phê, người anh thường lấy thế làm hãnh diện với làng nước, người vợ nhỏ to khuyên giải thế nào cũng không nghe. Đã vậy, người em có đến nhờ cậy chút đỉnh tiền bạc, thóc gạo thì người anh khăng khăng từ chối, đuổi về, trong lúc đó hễ bạn bè của anh ta có cần một đôi quan tiền, người anh lấy đưa ngay không tiếc. Vợ thấy thế bảo chồng: -Không ai lạ đời như mình cả, ruột lại bỏ ra, người xa bỏ vào nghĩa lý gì?

Người chồng cãi lại: -Đàn bà biết gì, để rồi coi, nếu có chuyện gì, bạn bè họ không bỏ tao chớ chú Ba nó thì đừng hòng nhờ cậy.

Nói rồi người anh hui hui tự đắc cho rằng mình xử thế rất khéo, không mấy may lưu ý đến chuyện giúp đỡ người em. Người vợ biết nói gì nữa với chồng cũng vô ích, nên lẳng lặng làm thỉnh.

Đêm kia, người chồng vừa về tới nhà, vợ run rẩy kêu chồng vào buồng nói rằng: -Nguy rồi, hồi chiều có một người ăn xin đến trước cửa nhà mình kêu đói, mình cho một bát cơm mà lão còn chê ít đứng ì ra đó, đuổi mãi không đi, giận quá em lấy gậy, đánh lão một gậy lão liền ngã lăn ra chết. Em liền bó thây lão trong chiếc chiếu để dưới sàn ngoài kia, bây giờ mình liệu đem chôn lão cách nào đừng cho ai biết, mới tránh khỏi tội giết người, thiệt là oan gia khi không kéo đến nhà mình vậy.

Nghe vợ nói xong, người chồng liền bảo ở nhà đợi, mình đi tìm các bạn về phụ lực đem chôn. Các bạn của anh ta khi nghe kể chuyện, thấy đều tìm cách thoái thác và còn khuyên anh ta nên thú tội với quan. Anh ta chán nản về nói với vợ phải liệu cách khác chớ mấy thằng bạn chẳng người nào chịu tiếp tay đem chôn lão ăn mày.

Người vợ bèn nói với chồng: -Hay để em đi mời chú Ba may ra chú biết nghĩ tình giúp mình một tay.

Người vợ đi mời người em đến, phụ lực với anh đem chôn lão ăn mày.

Chẳng ngờ mấy thằng bạn của người anh đều là kẻ tiểu tâm, muốn lập công nên họ kéo nhau đến huyện đường tố cáo. Quan huyện truyền cho sai nha đi bắt người anh điệu đến phủ đường. Người vợ liền đi theo kêu oan cho chồng.

Người vợ bẩm với quan huyện: -Thưa quan huyện, những người bạn chồng tôi họ cáo gian. Sự thật chẳng có lão già ăn mày nào bị đánh chết cả, vật đánh chết đem chôn là một con chó.

Quan huyện không tin cho quật mò lên xem thì thấy một xác con chó bị đánh chết. Liền hỏi qua duyên cớ. Người vợ thật tình nói rằng, vì muốn khuyên chồng chừa bỏ cái thói giao du với những người bạn xấu, nên mới làm thế để cho chồng thấy rõ bụng dạ nham hiểm của con người.

Quan huyện hết lời khen ngợi người đàn bà có trí và truyền phạt người bạn xấu xa độc ác. Người chồng đã tỉnh ngộ, xa lánh bài bạc rượu trà và các bạn bè không tốt, từ đó rất

thương yêu người em, hết lòng giúp đỡ người em được no ấm.

# NGƯỜI CON CHÍ HIẾU

Ông Nguyễn Cốc, người ở làng Thanh Mễ, ăn ở với cha mẹ thật chí hiếu, chỉ hiềm cha mẹ ông không được hiền lương nhân đức, trong làng đều cho rằng “cha mẹ rắn mà đẻ con Phật.” để trở cảnh cha mẹ ông và ông.

Ông Nguyễn Cốc có một người ông nội lúc bấy giờ đã chín mươi tuổi. Già cả lụm khụm, mỗi khi ăn cơm thì run rẩy, làm đồ cả canh cá đầy bàn, người cha của ông liền đem một cái muống dừa để cho ông nội của ông ăn cơm chó không cho cầm bát, mỗi bữa cơm lại bắt ông nội của ông ngồi riêng rẽ ở dưới đất mà ăn chó không được ăn chung mâm. Thấy thế ông Nguyễn Cốc liền đóng một cái máng giống như máng cho heo ăn. Người cha trong thấy liền hỏi ông rằng: -Con đóng cái máng cho heo ăn để làm gì, con định nuôi heo chẳng?

Ông Nguyễn Cốc lắc đầu: -Con đóng cái máng này cốt để dành khi nào cha già rồi, con sẽ để cho cha ăn, cũng như cha đã dùng muống dừa cho ông nội ăn cơm vậy.

Người cha của ông biết ông mĩa mai mình, nên bỏ hẵn không cho ông nội của ông ăn cơm bằng muống dừa nữa.

Thấy ông nội của ông già yếu quá rồi, ngồi đâu run đó, lại nay yếu mai đau làm phiền lụy cả nhà không ít, nên cha ông đóng một chiếc xe chở ông nội của ông đem bỏ trong rừng. Ông Nguyễn Cốc liền vô rừng đẩy chiếc xe về. Người cha giận dữ hỏi ông: -Ta đã bỏ nó rồi, còn đem về làm gì?

Ông Nguyễn Cốc đáp: -Con để dành đó khi nào cha già cơm chở cha bỏ trong rừng cũng như cha đã bỏ ông nội vậy.

Người cha của ông Nguyễn Cốc nghĩ xấu hổ về chuyện làm sai quấy của mình, liền vào rừng đem ông nội của ông về, lo phụng dưỡng rất là tử tế.

Cả làng ai cũng khen ông Nguyễn Cốc là người con chí hiếu, biết khuyên cha làm điều thiện để trau dồi đạo đức.

(Truyện này hình như trong Quốc Văn Giáo Khoa Thư có kể lại với tựa đề là “Cái Muống Dừa.”?)

# SINH CON RỒI MỚI SINH CHA

Hai anh lính chiến được giải binh trở về làng, một người nhờ có vốn liếng làm ăn được phát đạt mới nghĩ đến người bạn của mình, liền đem mười quan tiền cho bạn vay. Hai năm sau, người này lại lấy thêm năm quan tiền nữa dắt trong mình đi sang làng của bạn ở định cho bạn vay thêm, khi đến trước cổng người này cẩn thận lấy năm quan tiền bỏ vào một cái lỗ, đoạn lên tiếng gọi bạn bảo có mình tới thăm.

Vợ chồng người bạn đón đả ra chào. Mặc dù lúc này làm ăn có tiền, nhưng vợ chồng người bạn xấu bụng, tưởng rằng người này đến đòi nợ nên toa rập nhau ám hại.

Đêm đó được vợ chồng bạn đãi đằng cơm nước xong xuôi, người này đi nằm, tưởng rằng sẽ được ngủ ngon để mai sáng trở về, vì vợ anh ở nhà cũng sắp sinh. Chẳng ngờ vợ chồng người bạn sắp đặt với nhau, chờ lúc người này ngủ quên xông vào đâm chết, rồi đem vùi thây ở gốc cây khế ngọt.

Cách ít lâu cây khế trở sinh một trái (chỉ độc nhứt một trái thôi), người vợ bèn bẻ xuống ăn, rồi thọ thai, sau sinh đẻ một đứa con trai. Thằng bé này đến mười tuổi cũng chưa biết nói. Vợ chồng đều buồn rầu, tìm đủ cách để cho thằng bé biết nói mà nó vẫn không nói. Thành tình một hôm thằng bé bỗng phát nói: -Xin cha mẹ hãy đi mời quan huyện đến đây.

Cả vợ chồng đều hết sức ngạc nhiên, nhưng mừng thấy thằng bé biết nói nên cả hai tức tốc đi mời quan huyện tới nhà.

Thằng bé lên tiếng tố cáo về vụ giết người của hai vợ chồng người bạn, và tự xưng là người bị giết trước kia.

Quan huyện không tin, thì người này chỉ chỗ giấu năm quan tiền ở ngoài cổng và xin cho đào dưới gốc cây khế. Quả nhiên đúng như lời tố cáo.

Quan huyện bắt ngay vợ chồng người bạn ác tâm giam giữ rồi cho đứa bé trở về quê quán của mình.

Khi người này về tới làng thì cảnh vật trong làng thay đổi quá nhiều. Thằng con trai của anh đã có vợ con rồi.

Do đó người đời có câu này truyền tụng:

Sinh con rồi mới sinh cha,  
Sinh cháu cả nhà rồi mới sinh ông.

# ANH KHỜ ĐI BUÔN

Vào thời Hùng Vương thứ tám, có vợ chồng anh chàng họ Lưu, anh chồng thì hiền như cục bột, hiền đến nỗi mọi người phải làm anh ta ngơ ngẩn dần dần, trái lại chị vợ khôn ngoan lanh lợi, ngày nào cũng đôn đốc chồng: -Sao mình không chịu làm gì cả để được giàu sang vinh hiển như người ta.

Anh chồng biết vợ mình không muốn mình ăn không ngồi rồi, nên một hôm bảo vợ: -Tôi đi buôn đây, mình hãy cấp cho tôi một mớ vốn tôi sẽ đi ngay.

Người vợ thấy chồng chịu làm ăn buôn bán thì mừng rỡ liền đưa cho mười nén vàng, và sắm sửa đồ đạc để chồng lên đường.

Bước ra khỏi nhà, anh chồng thấy cái gì cũng lạ mắt nên anh thấy thú vị lắm. Một hôm đi đến cội cây, anh thấy một lái buôn đang đếm bạc. Anh mới hỏi: -Bác làm cái gì vậy?

Người lái buôn vọt miệng đáp: -Tôi đi buôn bạc mới về, nên ngồi đếm lại.

Nghe người kia nói đi buôn bạc, anh chồng lấy làm khoái ý liền xin đổi mười nén vàng lấy mười nén bạc, vì anh ta nghĩ đi buôn bạc để kiếm lời hơn buôn vàng.

Lấy mười nén bạc bỏ vào túi anh ta khoan khoái lên đường.

Ngày hôm sau, đi qua một cánh đồng, thấy người mục đồng ngồi trên lưng trâu nghêu ngao ca hát coi có vẻ thanh thoi sung sướng quá, còn mình phải mang mười nén bạc kè kè nặng nhọc, nên anh ta xin đổi mười nén bạc lấy một con trâu, trong khi mỗi con trâu giá một nén bạc. Nhưng anh ta cần gì, miễn được ngồi trên lưng trâu là thỏa thích rồi.

Ít hôm sau, thấy ngồi trên lưng trâu, lổc thốc đi mãi ngoài đường cũng chán, nhân gặp người chăn dê đang nặn sữa dê, uống coi ngon lành, anh ta lại xin đổi lấy con dê. Đến khi đem con dê ra tỉnh, phải chăn dắt đi giữa chỗ đông người rất là bất tiện, gặp người đang gánh hai thùng giấy tiền vàng bạc trong rất lạ mắt nên anh ta hỏi: -Này bác ơi, bác gánh cái chi chi vậy.

Người kia đáp: -Đây là lựa hoa lê.

Anh liền xin đổi con dê lấy hai thùng giấy tiền vàng bạc.

Gánh hai thùng đi nghênh ngang một đôi, anh ta gặp ông lão cầm cái ống thụt nước tới vườn, anh mới hỏi: -Thưa cụ, cầm cái chi chi vậy?

Thấy anh khờ khạo, ông lão trả lời: -Đây là cái thủy hoa lung tung, bộ không biết sao mà hỏi.

Cũng như mấy lần trước, anh ta xin đổi hai thùng lựa hoa lê lấy cái thủy hoa lung tung.

Thấy có lợi ông lão đổi liền.

Tới một nơi khác, anh thấy đám trẻ nít đang chơi chong chóng, anh liền hỏi đó là cái gì. Một

đưa trẻ nhìn anh, cười rồi đáp: -Đây là cái ba hoa thiên địa.

Nghe lạ anh xin đổi cái thủy hoa lung tung lấy cái ba hoa thiên địa.

Đi đến một cánh đồng thấy hai người đang lui cui bắt con niềng niềng, thứ côn trùng sắc nâu có cánh, anh mới lên tiếng hỏi. Hai người kia cười khúc khích trả lời: -Anh dốt quá, bộ không biết ngọc lưu ly hay sao mà hỏi.

Nghe nói ngọc lưu ly, anh khoái lắm liền năn nỉ đổi cho kỳ được. Thế là mười nén vàng đem đi, rốt cuộc chỉ đổi được mấy con côn trùng bé nhỏ. Tuy vậy, anh ta rất mừng, cắc cạ, cắc cùm<sup>[1]</sup> đem về, định bụng sẽ dâng lên vua xem ngọc lưu ly vì nghe đồn vua rất thích ngọc.

Về đến làng, anh đem trình ngay với chức việc và nhứt định không cho ai mở xem trước, mà phải dâng đến tay vua.

Mấy ngày sau dân làng anh mở hội để rước ngọc lưu ly dâng lên vua xem. Trong số người đi dâng ngọc có cả anh ta. Vợ anh ta hoang mang không hiểu tại sao chồng mình dám làm cái chuyện táo bạo như vậy, nhưng việc đã lỡ rồi có cản ngăn cũng chẳng được.

Đến kinh, cái hộp đựng ngọc lưu ly được chuyển đến Đo sát viên xem xét trước, anh cũng nhất định không cho quan Đô úy mở ra, lấy cớ làm như vậy phạm thượng. Quan Đô úy cũng không vừa, dọa nếu không để nhìn xem trước thì sẽ giam giữ anh ta và cả vợ anh ta. Bất đắc dĩ anh ta phải để quan Đô úy mở nắp hộp ra.

Khi vừa mở nắp hội, thì thấy con niềng niềng chợp cánh bay vù khiến quan Đô úy sững sốt, buồn cười, anh ta thì tiếc rẻ thở vắn than dài bảo rằng không khéo giữ ngọc thì ngọc bay đi.

Chuyện này thấu đến tai vua, vua liền mời anh ta vào chầu rồi phán: -Trẫm đã biết chuyện dâng ngọc lưu ly của người rồi, tuy người khờ khạo nhưng tâm thành, vậy người đã làm cách nào để có thứ ngọc lạ kỳ đó?

Anh ta cố nhớ lại và nói: -Tâu thánh hoàng, tôi đã phải mất:

Mười nén vàng này  
Mười nén bạc này  
Một con trâu này  
Một con dê này  
Một gánh lụa hoa lê này  
Một cái thủy hoa lung tung này  
Một cái ba hoa thiên địa này.

Và bao nhiêu công khó nhọc lặn lội khắp nơi mới tìm gặp ngọc lưu ly.

Nghe rồi, vua cười mà rằng: -Trẫm sẽ đền lại cho người mỗi thứ bằng hai và ban cho chức quan lang hằng năm hưởng bổng lộc triều đình.

Đoạn vua dạy<sup>[2]</sup> qua quở mắng quan Đô úy đã lạm quyền mở nắp hộp mà không trình lên vua xem trước.

Nhiều người nghĩ gã này khờ dại, nên mới bị người đời gạt gẫm lừa dối trục lợi, nhưng kẻ ở

đội hơn nhau ở chỗ thành thật ngay thẳng, đó là phần thưởng xứng đáng cho anh chồng hiền này vậy.

-----

1. Các ca các cùm: góp nhặt, chất chiu.

2. Day: xoay, quay.

# BA PHẦN GIA TÀI

Một ông lái buôn tánh tình hiền lành cẩn thận, trước khi nhắm mắt lìa đời, ông làm một chúc thư để lại phân chia gia tài cho ba đứa con ông.

Gia tài của ông gồm mười bảy con trâu và mười chín con heo. Theo chúc thư thì người con cả được một nửa, người con thứ được một phần ba và người con út được một phần chín đàn trâu. Còn con heo thì con cả được một phần hai, con thứ một phần tư, và con út một phần năm.

Trong chúc thư có dặn hai điều: thứ nhất không được bán trâu và heo để lấy tiền chia, thứ nhì không được giết hai súc vật, nghĩa là để nguyên vẹn vậy mà chia.

Thật là chuyện rắc rối. Người con cả lên tiếng dành phần: -Nửa đàn trâu mười bảy con và đàn heo mười chín con, toàn là số lẻ làm sao mà chia.

Đến lượt người con thứ cũng cầu nhàu: -Phần tôi thì một phần ba đàn trâu là năm con rồi với hai phần ba và một phần tư đàn heo tức bốn con với ba phần tư. Như vậy phải giết trâu và heo mới chia được, mà cha thì cấm giết ...

Người con út cũng tỏ vẻ bức mình: -Phần tôi được một phần chín đàn trâu và một phần năm đàn heo như thế cũng chẳng chia quái gì được, trừ phi xẻ thịt nó ra.

Tuy gặp rắc rối như vậy, cả ba anh em không ai chịu nhường ai, triệt để giữ đúng các phần ăn trong chúc thư, không ai ưng chịu sửa đổi một khoản nào.

Ban đầu còn bàn bạc nhỏ nhẹ với nhau, thét rồi sanh ra cãi vả to tiếng với nhau. Cuối cùng người con cả đề nghị: -Trong nhà phân xử không xong, vậy cứ nhờ người ngoài phân xử vậy.

Cả ba dắt tới nhà một ông đồ nho giỏi về xử lý.

Lúc bấy giờ ông đồ đang ngồi xem sách, chợt thấy ba anh em kéo tới biết có rắc rối về chuyện chia phần ăn nên bảo: -Ừ, nếu các anh đem việc này tới cửa công thì tốn kém rất nhiều, còn với tôi chỉ lấy chút đỉnh công lao thôi. Vậy các anh định phần công lao của tôi bao nhiêu?

Sau một hồi bàn tính, họ dành phần ông đồ hai con heo.

Tảng sáng hôm sau, ông đồ dắt một con trâu và một con heo đến nhà ba anh em con người lái buôn, rồi thả hai con vật này nhập vào bầy trâu heo. Xong rồi, ông gọi tất cả ba anh em đến hỏi: -Bây giờ trong chuồng có bao nhiêu con trâu vậy các chú?

Cả ba trả lời là mười tám con. Ông đòi hỏi: -Này chú Hai, phần của chú bao nhiêu?

-Thưa một nửa đàn trâu tức chín con.

Ông đồ bảo: -Vậy chú hãy vào dắt chín con của chú đi.

Người anh cả mừng rỡ và thấp thỏm sợ ông đồ biết về phần lợi của mình, đúng lẽ thì chỉ tám con và một phần hai con chớ không được trọn chín con.

Quay sang chuồng heo, ông đồ hỏi tiếp: -Bây giờ có cả thảy bao nhiêu heo vậy chú?

-Dạ hai mươi con.

-Phần của chú bao nhiêu?

Người con cả đáp: -Nửa đàn là mười con.

Ông đồ ra lệnh: -Chú hãy bắt lấy đủ mười con, nhưng trừ con của tôi lại.

Người con cả lấy đủ phần của mình rồi, lật đặt đem trâu và heo về nhà, chỉ để lại cho ông một con heo phần công lao.

Giờ đến lượt người con thứ: -Thưa cụ tôi được một phần ba, vậy cụ chia cho.

Ông đồ hỏi: -Một phần ba của đàn trâu mười tám con là bao nhiêu vậy chú Ba?

-Dạ sáu con.

-Được rồi, chú mau vào chuồng bắt sáu con trâu của chú ra, nhưng nhớ để con có dấu của tôi lại. À, còn heo chú được mấy phần?

-Thưa một phần tư tức là năm con.

-Vậy chú cứ bắt năm con, nhớ để cho tôi một heo phần công lao nhé.

Người con thứ cũng như người con trưởng lật đặt đem phần ăn đi không cần bàn cãi gì nữa cả.

Đến lượt người con út, ông đồ hỏi: -Này chú, chú được bao nhiêu phần trâu và heo?

Người này đáp: -Dạ, một phần chín đàn trâu và một phần năm đàn heo.

Ông đồ tính toán xong liền bảo: -Chú hãy vào chuồng dắt hai con trâu và bốn con heo, nhưng nhớ để tôi một heo phần công lao.

Người con út cả mừng vì đúng lẽ anh chỉ được ba con và bốn phần năm thôi, thế mà được những bốn con heo thì có lợi vô cùng. Trong khi ấy ông đồ trở về nhà với một con trâu và ba con heo, tức nhiên là ông cũng có lợi.

Bạn đọc sẽ ngạc nhiên tự hỏi: trong ba phần gia tài, kẻ được chia đều hưởng quá số lợi của mình tưởng tượng, nên cả thấy đều mừng, vậy đâu là phần thiệt hại?

Không có gì khó hiểu cả, người được lợi trong vụ này chính là ông đồ chứ không phải ba anh em nhà kia. Ông đem tới một trâu và một heo là cốt làm cho phần chia đúng vào các con số đã trù tính, nhưng ông đã khôn ngoan giữ lại một con trâu và một con heo của ông mang tới, thêm vào đó hai con heo phần công lao. Hai con heo này đã rút ngay trong ba phần gia tài, lẽ tất nhiên nếu ba anh em nhà kia không tranh chấp thì hai con heo này không lọt ra ngoài vậy.

# CHIM BẮT CÔ TRÓI CỘT

Vào đời Hồng Đức nhà Lê, tại tỉnh Thái Nguyên có một ông phú hộ tính tình không được rộng rãi lắm. Ông có năm trâu, giao cho một lực điền chăn giữ không phải vì ông có hảo ý, mà vì muốn bòn công người lực điền, giữ trâu không công.

Lúc ông phú hộ chết, ông để lại cho cô con gái nhiều ruộng đất và bầy trâu này. Rất tiếc là cô gái không biết đích xác bầy trâu mấy con. Cô có tính keo kiệt cũng như cha và hay nghi kỵ người này, người kia có ý ăn xơi bớt gia tài của cô. Vì vậy khi tới nhà anh lực điền đòi trâu về, cô ta không khỏi rình mò hỏi han từng chút.

Chiều hôm đó, cô tới nhà anh lực điền, đúng vào lúc anh này từ ngoài đồng đuổi trâu về. Nhìn vào chuồng trâu, cô gái bỗng ngạc nhiên vì có những sáu cột mà năm trâu thôi. Lẽ tự nhiên cô nghi ngờ anh lực điền biết cô tới đem trâu về, nên giấu bớt một con, cô ta liền hạch hỏi ngay anh lực điền một con trâu còn thiếu.

Anh lực điền vốn thật thà bảo rằng trước kia ông phú hộ chỉ giao cho anh giữ có năm con trâu chứ không phải sáu. Anh nói thế nào cô gái cũng nhất định không tin, viện cớ sáu cột phải sáu trâu chứ không lý nào năm trâu được, như vậy anh lực điền giấu bớt một trâu. Anh lực điền thuật rằng trong số sáu cột, vì có một cột mục đi, thành ra mới có sáu cột mà năm trâu.

Dầu anh lực điền nói cách nào, cô gái nhất định phải có đủ sáu trâu mới lãnh, bằng không sẽ đưa anh lực điền đến cửa công.

Bị nghi oan anh lực điền giận quá nói: -Bắt cô tôi trói vào mới đủ là sáu, chớ làm sao sáu trâu được.

Nói xong anh bỏ vào rừng, nghĩ nỗi oan của mình làm sao biện giải, nếu trở về sẽ bị cô gái đưa đến cửa quan, anh liền treo cổ chết trên cành cây để tránh mọi điều phiền phức.

Ở nhà, cô gái thấy anh lực điền đi vào rừng rồi mất dạng, cô ta sinh nghi anh lực điền giấu trâu trong rừng, sợ mất của cô liền đi vào rừng tìm kiếm. Rủi trời tối, lại bị lạc, không biết đường trở về, cô lang thang trong rừng sâu, bị bệnh hoạn đói khát mà chết. Nhảm giờ linh, nên cô thành chim thường bay ra lúc ban đêm cất tiếng kêu: “Năm trâu sáu cột.”

Còn anh lực điền, lúc chết cũng vẫn ngậm ngùi mối oán hờn, nên cũng hóa thành chim, thường cất tiếng kêu: “Bắt cô trói cột.”

Trong miền rừng rậm Thái Nguyên, Bắc Cạn mỗi lúc bóng hoàng hôn xuống, người ở ven rừng thường nghe tiếng chim kêu: “Năm trâu sáu cột.” lập tức tiếng chim khác kêu lên: “Bắt cô trói cột.” Cái lạ là chim “Bắt cô trói cột.” không bao giờ chịu gặp chim “Năm trâu sáu cột.” Hễ chim kia ở đầu rừng thì chim nọ lánh sang cuối rừng để chẳng bao giờ gặp nhau.

# CỨU VẬT – VẬT TRẢ ƠN, CỨU NHÂN – NHÂN TRẢ OÁN

Vợ chồng lão ngư ông, một hôm chèo ghe ra giữa sông thấy con thuồng luồng đang đuổi bắt con rùa, ông lão liền lấy sào chặn con thuồng luồng lại, còn bà thì lấy lưới đem con rùa lên ghe. Thế là rùa thoát nạn. Từ đó rùa ở lại trong nhà vợ chồng ông lão thuyền chài.

Mùa mưa đến, trời thường gây giông bão lụt lội tàn hại con người. Hôm đó rùa nghe gió lạ rít lên ở ngoài xa, đánh hơi biết là có chuyện chẳng lành xảy tới, bèn nói với vợ chồng lão ngư ông.

-Giông bão, lụt lội sắp xảy đến, vậy ông bà hãy kết bè ngay để tránh nạn lớn.

Bè kết vừa xong, quả nhiên giông tố nổi lên ùng ùng, rồi mưa trút xuống như thác đổ luôn cả ngày đêm. Nhiều gia đình không kịp đề phòng, bị cuốn trôi theo dòng nước. Duy có vợ chồng lão ngư ông, nhờ kết được bè gỗ nên không bị hại. Dầu nước dâng cao thế mấy vợ chồng ông lão vẫn ở yên trên bè với con rùa.

Người và vật trôi dạt đến cạnh một mé rừng. Rùa nói với vợ chồng lão ngư ông: -Tai trời ách nước như vậy thật là khốn khổ, mình được cái may mắn tránh khỏi tai ương, nhưng còn biết bao người đang thọ hại cần phải cứu. Vậy ông bà cũng nên ra tay tế độ mọi vật để nhờ hồng phước sau này.

Vợ chồng lão ngư ông lấy làm đẹp ý, thuận theo lời rùa cứu độ kẻ sa cơ.

Lúc bấy giờ dòng nước đưa đến gần bè vợ chồng lão ngư ông một con hổ đói. Nó chỉ còn đủ sức bám vào một khúc cây đang bị dòng nước đẩy đi. Con hổ nhìn thấy vợ chồng lão ngư ông bình yên ngồi trên bè liền xin cứu nạn. Vợ chồng lão ngư ông hỏi xem ý rùa có nên cứu con hổ là loài hung dữ không. Rùa gật đầu đáp: -Nên cứu, dầu hổ là loài hung dữ nhưng đời đời vẫn biết ơn người cứu tử, sẽ không làm hại ông bà đâu.

Nghe lời rùa, vợ chồng lão ngư ông cứu hổ đem lên bè, cho ăn uống tử tế.

Xế chiều, lại thấy từ xa trôi đến một con rắn hổ mang, con vật này bị đói khát và bị nước cuốn chỉ còn thoi thóp cuồn mình trong đám chà nhánh bị nước đẩy trôi đi phẳng phẳng. Đang tuyệt vọng, vụt thấy chiếc bè gỗ và vợ chồng lão ngư ông được sống bình yên, rắn hổ liền lên tiếng cầu cứu. Vợ chồng lão hỏi ý rùa. Rùa lại gật đầu và bảo: -Loài rắn độc tuy vậy mà vẫn biết ơn cứu độ, rồi có ngày rắn sẽ trả ơn.

Nghe lời rùa, lão ngư ông cứu rắn đem lên bè.

Lúc bấy giờ đã xế chiều, vợ chồng lão ngư ông sửa soạn ăn cơm, bỗng thấy một người đàn ông đang bám vào tấm ván gãy chới với giữa dòng, sức nước cuốn mau, làm cho người này trôi lên hụp xuống. Thấy vậy lão ngư ông bỏ dở bữa cơm chống bè lại toan cứu người bị nạn. Rùa cản lại bảo rằng: -Không nên đâu, nếu ông cứu người này về sau hẳn sẽ hãm hại cả ông bà.

Ông lão ngư ông không đồng ý, vì hổ dữ và rắn độc mà còn được cứu thay huống hồ gì con người vốn có trí khôn và tính bổn thiện. Vì vậy ông lão cãi lời rùa, cứu sống người lâm nạn.

Bão tố, lụt lội qua rồi, vợ chồng lão ngư ông trở về chỗ cũ lo chài lưới sanh nhai. Mỗi con vật được ông cứu đều cảm tạ rồi trở lại rừng xanh. Người bị nạn cũng ra tỉnh thành lo việc buôn bán. Ngày kia, chài được một mớ cá, vợ chồng ông gác chèo, trở về nhà nghỉ ngơi. Vừa bước vào cửa, ông bà bỗng chóa mắt trước một cái rương chứa đầy gấm vóc vàng

bạc. Ông bà đều mừng rỡ cho rằng mình làm lành nên được trời ban cho của quý.

Chẳng ngờ lúc đó người lái buôn bị nạn được lão ngư ông cứu vớt lúc trước đi tát qua, thấy vậy liền ghé vào hỏi ngư ông bạc vàng giấu vốc ở đâu nhiều như vậy. Ông lão thành thật nói rằng của trời cho. Gã lái buôn liền từ giả ra đi mà trong lòng thầm toan tính làm sao cướp được số vàng của ông lão.

Về tới kinh thành gã nghe nhà vua truyền rao công chúa bị đánh cắp một rương báu vật, nếu ai tìm được sẽ thưởng trăm lượng vàng và lãnh chức Độ tư. Gã lái buôn nhớ ngay đến rương vàng bạc giấu vốc trong nhà vợ chồng lão ngư ông, liền đi báo quan. Quan đến tận nhà khám xét, quả đúng là rương báu vật của công chúa lúc tải qua rừng bị mất. Vợ chồng lão ngư ông bị bắt giam chờ ngày hành quyết, còn gã lái buôn được lãnh thưởng hưởng cảnh giàu sang.

Biết rõ chuyện này, rùa bò đi tìm Hồ và răn nói rằng: -Bác hồ muốn đền ơn vợ chồng nhà đánh cá hảo tâm nên đánh cắp rương báu vật của công chúa, chẳng dè để tai họa cho vợ chồng ông lão, vậy phải làm cách nào cứu vợ chồng nhà đánh cá khỏi bị rơi đầu?

Hồ hồi hận ngời buồn xò, còn răn suy nghĩ một hồi rồi nói: -Tôi có kế mọn để cứu ân nhân của ta. Bây giờ hãy để tôi tìm vào cung công chúa, rồi sau đó sẽ đến chỗ giam cầm vợ chồng nhà đánh cá.

Nói rồi, răn từ giả rùa và hồ đi ngay xuống kinh thành tìm vào cung, rình cấn công chúa bị thương. Đôi mắt công chúa bỗng trở nên đau đớn vô cùng. Vua cha thấy vậy chưa xót lắm, truyền rao ai cứu được công chúa sẽ chia cho nửa giang sơn.

Còn răn sau khi cấn công chúa xong liền đến ngục trung nhả viên ngọc vào tay lão đánh cá dẫn dò việc đi cứu công chúa, đoạn lẻn ra ngoài nghe ngóng tin tức.

Hôm sau ngục tốt vào bẩm với quan Án sát rằng, lão đánh cá có thuốc chữa lành bệnh công chúa. Quan Án sát liền vào ngục đưa lão đánh cá đến cung vi. Nhờ có viên ngọc quý đặt vào vết thương nên chỉ trong chốc lát bệnh tình công chúa dứt hẳn, da thịt hồng hào xinh đẹp như xưa.

Vua truyền giao nửa giang sơn cho lão đánh cá. Lão từ chối, chỉ xin được tự do trở về nghề cũ. Vua đã hay chuyện gã lái buôn bội nghĩa vong ân truyền đem xử tử, thì lão đánh cá lại xin tha mạng cho hần, chỉ giam cầm hần vào khám lạnh cho đến chết mới thôi.

# CÁI CHÂN VỊT

Do sự tình cờ trâu lại đến ở gần vịt, nếu trâu ít ăn ít nói lo cặm cũi làm việc bai nhiêu thì vịt lại bẻm mép tía lia cái miệng tối ngày, làm biếng làm nhác bấy nhiêu.

Cả hai đều sống cạnh một bờ ao, trâu thì chuyên nghề làm ruộng, quanh năm lo gieo trồng lúa thóc để ăn, trái lại vịt không thiết làm chuyện gì, tối ngày lang thang khắp xóm làng ngêu ngao ca hát, vì vậy cảnh túng thiếu của vịt không sao tránh khỏi, thành thử vịt thường sang nhà trâu vay mượn để rồi không làm gì trả nổi. Thét rồi vịt ê mặt chẳng dám sang nhà trâu vay mượn nữa.

Từ hôm lúa bắt đầu chín ửng ngoài đồng, trâu hằng lo chim chóc, côn trùng khuấy phá nên ban ngày ra nằm ngoài ruộng canh chừng, chỉ có ban đêm thì về nhà nghỉ ngơi. Chẳng ngờ đêm đêm thừa lúc trâu không canh giữ, kẻ trộm gặt hết lúa trong ruộng đem đi, chừng rạng ngày trâu hay được thì muộn rồi. Từ đó trâu để tâm canh giữ, hễ đêm nào có trâu đi rôn<sup>[1]</sup> thì lúa ngoài đồng còn nguyên, rủi trâu mệt mỗi ngủ quên, thì sáng ngày lúa trong ruộng sạch bách. Gần hết mùa mà trâu không gặt được gĩa lúa nào. Tức quá trâu liền tìm nhà một ông đồ nho, nổi tiếng là mưu lược, thưa hết đầu đuôi tự sự. Ông đồ suy nghĩ giây lâu rồi giúp trâu một kế mọn để bắt quả tang kẻ trộm. Ông bảo trâu về tìm cho thật nhiều nhựa cây đọi đêm tối đến rắc đầy các thửa ruộng, kẻ trộm mà bén mảng tới thề nào cũng dẫm lên nhựa cây chân sẽ dính vào đó, khỏi cần đuổi bắt kẻ trộm cũng nạp mình.

Trâu y theo kế, về nhà tìm thật nhiều nhựa cây chứa sẵn đó, đọi lúa ngoài ruộng chín tới, và khi trời sập tối liền đem nhựa cây đổ đầy trên cánh đồng. Trở về nhà, trâu đánh một giấc tới gần sáng, mới lách bệch đi ra đồng. Ở xa nhìn lại trâu rất đỗi ngạc nhiên, vì kẻ trộm lúa của mình không ai khác hơn chi ... vịt hàng xóm.

Về phần vịt, ăn trộm đã nhiều lần, trâu không bắt được lấy làm tự cao, tự đại thường khoe mình hiền lành nhân đức, nay vì vô ý không đề phòng, chân chi dính cứng vào nhựa cây gỗ không ra, đứng chịu trận cho tới gần sáng. Chừng thấy bóng trâu thấp thoáng gần, vịt không khỏi thật kinh hồn vía, co đầu rút cổ lấy đà rút chân chạy đi. Chẳng ngờ vịt mất thăng bằng, vừa nhấc chân lên được liền ngã tòm xuống ao. Lúc bấy giờ chân vịt chưa có màng mỏng bao xung quanh các ngón chân, lại không biết lội, khi té xuống ao tưởng rằng phen này sẽ chết, chẳng ngờ nhựa cây dính đầy bàn chân bỗng chốc biến thành màng mỏng giúp cho vịt lội đi.

Thấy vậy trâu tức quá vác gậy khện vào đầu vịt, vịt liền lặn xuống để thoát thân. Từ đó chân vịt thành ra có màng bơi lội thật mau, cũng từ đó đầu vịt bẹp lại vì khúc cây của trâu khện lên đầu vịt sau một trận đòn vì ăn trộm lúa.

-----  
1. Đi rôn: tuần rôn, tuần tra.

# TÍCH CHIM ĐA ĐA

Lâu rồi, ở dựa mé rừng có đôi vợ chồng người tiều phu ăn ở với nhau hai mươi năm rồi mà không có một đứa con để vui cửa vui nhà. Một hôm vợ chồng bàn với nhau nên đến ngôi chùa ở gần triền núi ăn chay niệm Phật để cầu con.

Quả nhiên đi cầu tự trở về được ít lâu, vợ người tiều phu có thai, sanh được một trai, đặt tên con là Đa Đa. Lúc thằng Đa Đa lên bảy tuổi thì mẹ nó qua đời. Còn lại một cha, một con không ai sớm hôm săn sóc cho đứa bé, người tiều phu ngày ngày phải vào rừng đốn củi mãi tới mịt mới về, sự mệt mỏi làm cho gã không đủ sức để săn sóc nuôi dưỡng con thơ. Sau nhiều lần cân nhắc, gã tiều phu không còn biết cách nào hơn là cưới thêm một người vợ kế.

Người đàn bà này không được hiền lương như mẹ ruột của Đa Đa. Ngoài rọi vọt, tiếng nặng tiếng nhẹ, chị ta còn bắt Đa Đa phải lặn lội trong cánh đồng lầy chần đuôi bầy vịt của chị ta nuôi. Đã vậy đến bữa, chị ta chỉ cho thằng Đa Đa ăn cơm thừa canh cặn, đối nó mặc kệ. Vì vậy tới đến thấy cha về, thằng Đa Đa thường thút thít khóc kể với cha về nỗi dè ghe hành hạ chần vịt, đòn bông lại còn cho ăn đói.

Nghe vậy, người dì ghe càng ghét cay ghét đắng thằng Đa Đa, nặng lời nhiếc mắng, đánh đập tàn nhẫn rồi để cho chồng tin, đợi lúc gần tối chị ta xúc một chén cát, lấy cơm trắng trải lên cho thằng Đa Đa bảo ăn. Thằng Đa Đa không dám cãi lời dì ghe, lại nghĩ tủi thân, hồi nào còn mẹ được ăn uống đầy đủ, nâng niu, săn sóc nay thì cực khổ, cơm lại trộn cát bảo ăn, làm sao ăn được. Nó cứ cầm chén cơm mà khóc cho tới lúc cha nó lợn tợn xách rựa về nhà.

Phần mệt nhọc, lại nghe tiếng người dì ghe chanh chua mắng vồn: -Đó, ông xem thằng Đa Đa hành hạ tôi đến bực nào, cơm đã bưng tận tay nó không chịu ăn, ngồi khóc rấm rứt như ma trù ẻo thì còn làm ăn gì được.

Nộ khí xung thiên, gã vợ lấy khúc củi đánh thằng Đa Đa, chẳng dè trúng nhằm đầu đứa bé ngã ra chết tốt <sup>[1]</sup>. Chén cơm trắng đổ tứ tung bày ra những vữa cát.

Bây giờ gã tiều phu mới hiểu được lòng dạ bạc ác của người vợ kế thì đã muộn rồi. Gã chỉ còn có cách chôn con và đuổi chị ta ra khỏi nhà.

Ba ngày sau ra thăm mả thằng Đa Đa, gã tiều phu thấy từ dưới mả một con chim kỳ lạ sắc xám bay lên đậu trên cành nhìn gã rồi cất tiếng kêu: -Bát cơm cát trả cho cha, đánh bể óc ác la, ác la đa.

Gã tiều phu biết ngay rằng hồn thằng Đa Đa hóa thành chim, buông ra những tiếng kêu thê thảm.

-----

1. Chết tốt: chết ngay lập tức.

# CUA, RÙA, CÁ ĐUỐI

Một gã nhà quê ra tỉnh trở về làng, nghe nhiều người bảo nhau con cua ăn rất ngon, có tám que hai càng thường bò ngang, gã liền hối thúc chị vợ mau mau ra chợ mua cua về cho gã ăn. Chị vợ này cũng không biết con cua như thế nào, nên khi lơn tợn ra chợ nhìn thấy con sam cũng có que, có mu tưởng là cua, mừng rỡ mua về. Anh cho là không phải con cua mà là con rùa, bảo chị khờ khạo, hai đàng cãi lầy to tiếng, không ai nhin ai, mới thừa tới làng nhờ xã trưởng phân xử.

Vị xã trưởng cũng không rõ con cua ra sao, thấy con sam có cái đuôi dài, nên bảo là cá đuối, xử hai đàng đều thất. Gã nhà quê ấm ức liền kiện lên quan huyện, nhờ phân xử minh bạch. Quan huyện truyền đòi nội vụ tới công môn, và bảo đem tang vật cho ngài coi. Khốn nỗi ngài cũng không biết rõ con cua, nên phê thị như vầy:

Con mua cua đã chẳng xong,  
Thằng nói rùa lại càng thêm dối.  
Thằng cha xã xử con cá đuối,  
Ấy là ba đàng giải quấy cả ba.  
Hề con dại thì có mẹ cha,  
Dận đại cậy cùng quan trưởng.  
Để ông phê mình chỉ thượng,  
Cho khỏi sự hoài nghi.  
Cua, rùa, cá đuối giai phi,  
Ờ, ờ, đem ông coi lại.  
-Ấy chỉ thị là con bò cạp nước,

Đời sau có người phê rằng:

Quê sau quê rít quê rang,  
Quê trọn cả làng, ông xã, quan huyện cũng quê.

# TÍCH TRÁI SÀU RIÊNG

Thuở xưa kia, có hai anh em cùng nhau đến dựng nhà bên bờ suối. Người anh là một vị quan tể tướng tại triều, nhưng vì chán cảnh danh lợi phù du nên lìa bỏ phồn hoa đô hội, bỏ cả hầu thiếp, ăn mặc áo bả, hài gai về ẩn dật trong cảnh lâm tuyền, mượn gió mát trăng thanh, cầm, kỳ, thi, tửu làm bầu bạn.

Bấy lâu nương nhờ vào sự vinh hiển của người anh, nên người em mới tam theo về hôm sớm bên anh, chớ lòng chỉ nghĩ đến danh lợi, mũ cao, áo rộng nơi chốn kinh thành xa hoa tráng lệ. Người em hằng tìm cách xa lánh núi rừng để trở về thành thị. Biết vậy người anh thường khuyên em: -Càng cao danh vọng, càng giàu gian nan, chú lưu ý cảnh lâu son gác tía, có kẻ hầu người hạ mà làm gì bận tâm nhọc xác, chúng ta sống thong dong trong cảnh thiên nhiên như vậy chẳng là thanh thoi sung sướng lắm sao?

Những lời người anh nói, người em thường gác bỏ ngoài tai, lại chê trách anh mình gàn dở, nên mới bỏ địa vị tể tướng tại triều, chọn cái sống mai một như cỏ cây. Ngày ngày người em tìm đủ cách hoặc tạo lấy cơ hội để tiến thân với nhà vua. Một hôm gần bờ suối có cội cây trổ sanh một quả, trông hình dáng xù xì như quả mít tố nữ, ngất vì vỏ cứng và có gai lôm chôm nhọn hoắt như từng mũi kim châm. Thật là một quả lạ chưa từng thấy bao giờ, mùi thơm lại thoảng đưa nồng nực. Người em cho rằng cơ hội tiến thân của mình đã đến rồi, liền hái quả lạ ử vào trong lá để ngày mai đem về kinh thành dâng lên cho vua thưởng thức.

Người anh hết sức khuyên lơn em không nên liều lĩnh mà chuốc vạ vào thân, nơi chốn triều đình chẳng thiếu chi trái ngon, vật lạ vua đoái hoài chi đến một thứ quả hình dạng xấu xa. Người em vẫn không nghe, nần nần quyết một ra đi.

Khi người em xuống đến kinh thành. Đem quả lạ dâng lên vua bảo là quả này có mùi thơm tựa hương trầm. Vua liền đòi người em vào rồi truyền thị vệ lấy dao bổ quả quý ấy ra. Đến chừng nhà vua đưa lên mũi bồng ngai nhăn mặt, bịt mũi kêu thúi om sòm. Các thị vệ bèn xúm lại bắt trói người em rồi đem ra chém đầu về tội khi quân.

Sau lúc chiếc đầu người em rơi rụng, quan Tư đồ vụt có ý tò mò, tìm đến nơi đã quăng trái lạ mà xem, ông thấy trái này có từng mùi màu vàng, cộm của nó lầy nhầy như mỡ đặc, người thấy mùi thúi mà nếm vào miệng thì ngọt ngào đầy mùi vị thơm ngon. Lập tức quan Tư đồ vào bệ kiến nhà vua trình qua tự sự. Nhà vua vẫn chưa tin, truyền đem cho mình nếm thử. Quả nhiên, nhà vua thưởng thức được hương vị đặc biệt lạ lùng của trái quý này trước giờ chưa từng thưởng thức.

Nghĩ lại, nhà vua lấy làm hối hận lỡ tay giết oan một mạng người đã vì trọng vọng mình đem hiến dâng của lạ. Tuy vậy việc đã lỡ rồi, không lẽ để cho triều thần nhìn thấy sự lầm lỡ phiền trách mình, nên nhà vua chỉ âm thầm với nỗi sầu riêng.

Hôm sau, nhà vua truyền cho triều thần tìm xem gốc tích của trái lạ và hiện nơi nào có nó để hái đem về. Quan quân đi lùng kiếm ở khắp nơi vẫn không biết nơi nào có thứ trái lạ. Chỉ có người anh là biết, nhưng từ lúc hay tin người em bị rụng đầu vì hiến dâng trái lạ, người anh không khỏi châu mày hối tiếc, tại sao không quyết liệt ngăn cản em mình lao đầu vào chỗ chết, nghĩ thẹn và lòng những buồn riêng, người anh âm thầm sầu khổ như thấy em hiện về trách móc, cho đến lúc sự sầu riêng làm người anh nhuốm bệnh qua đời.

Đến sau, một vị vua nhà Lý, nhân thấy quân qua cánh rừng, thấy trái lạ vừa chín vàng trên cây, mùi thơm bay phảng phất mới bảo quân sĩ hái xuống nếm thử, lại được nghe một quân sĩ già kể chuyện nên đặt tên trái lạ là trái sầu riêng.

# ÔNG TIẾN SĨ MỘC LÔNG DÊ

Tại đất Hiệp Hữu có người họ Lê đã đỗ tiến sĩ, sống một đời vinh hiển ơn vua lộc nước. Tuy sống trong cảnh giàu sang nhưng ông tiến sĩ này thường vương vấn nỗi buồn riêng. Nơi lưng ông tự nhiên mọc ra những chòm lông trắng bệch như lông dê, đem hớt đi, nó lại mọc ra nhiều như thường. Người trong trấn đều biết chuyện nên ngầm gọi ông là Tiến sĩ mộc lông dê.

Buồn bã, ông tiến sĩ tắm rửa sạch sẽ rồi lập trai đàn và đi thiếp xuống âm ty, tìm xem kiếp trước mình đã làm những gì mà kiếp này lại mọc lông dê để cho người đời biếm nhẽ. Khi tới âm cung, ông tiến sĩ được Diêm chúa tiếp rước niềm nở và cho biết kiếp trước ông tiến sĩ là một thư sinh tánh ưa hoa nguyệt, lúc chết Diêm đình định bắt đầu thai làm con dê, nên quỷ sứ bắt tới pháp đình lấy bộ da dê để trồng vào, sắp sửa cho đi đầu thai bỗng thấy pháp quan ngăn lại nói rằng: sau khi tra sổ bộ thấy ông cũng có làm nhiều việc nhân đức cứu người. Vậy nên bỏ lột dê mà cho tái sinh làm người được đỗ đạt hiển vinh.

Vừa nghe pháp quan nói vậy, ông mừng rỡ vội vã tuột lớp dê chạy đi, chẳng ngờ tên quỷ sứ lẹ tay hơn ông, nắm bộ da dê mà giựt, vì ông chạy quá mau bên bộ da dê rách toác vướng lại trên lưng mấy mảnh, thành ra kiếp này phải chịu mọc lông dê.

Lê tiến sĩ nghe xong nửa mừng nửa tủi, mới hỏi Diêm chúa phải làm cách nào để gột sạch những lông dê. Diêm chúa tiễn ông ra về bảo rằng: hãy rán tu nhân tích đức, làm lành cứu nhân độ thế thì tự nhiên lông dê sẽ rụng hết.

Trở lại dương trần, từ đó ông tiến sĩ hết lòng lo việc thiện; cứu giúp những người nghèo khó, khuyên răn những kẻ ác gian, lập trai đàn, cất chùa miếu thờ phụng thánh thần. Đến năm sáu mươi tuổi, tự nhiên những mớ lông dê biến đi đâu mất.

# CON MÈO CỦA CỐNG QUỲNH

Trong cung vua có nuôi một con mèo rất đẹp, cổ mèo được cột một sợi xích vàng, nhà vua cưng mèo như của quý. Một hôm, Cống Quỳnh thấy con mèo của vua thì khoái ý, không phải Cống Quỳnh có lòng tham, mà vì muốn khuấy phá nhà vua để cười chơi.

Cống Quỳnh liền lẻn vào cung nhà vua rình đánh cắp được con mèo đem về nhà, tháo sợi xích vàng giấu đi, lấy dây luộc buộc vào cổ mèo. Thường bữa ông Cống Quỳnh bày ra hai đĩa đồ ăn, một đĩa toàn món ngon và một đĩa có đầu tôm, xương cá, cơm thừa canh cạn. Xong rồi ông thả con mèo ra, chờ nó mòn men tới đĩa đồ ăn ngon thì ông đánh đập dữ tợn, còn nếu nó tới bên đĩa cơm thừa canh cạn thì ông để yên cho nó ăn. Lâu ngày thành thói quen.

Bị mất con mèo, nhà vua cho đi lùng kiếm tờ mở. Có người thấy ở nhà Cống Quỳnh có một con mèo giống rặc con mèo của vua nên tâu cho vua rõ. Nhà vua vốn biết cái tánh răn mắt của Cống Quỳnh, lại biết ông hay phá phách đầu này đầu kia nên kêu Cống Quỳnh đến hỏi: -Khanh có bắt con mèo đeo xích vàng của trẫm để đùa chơi, xin cho lại trẫm, trẫm quý nó lắm.

Cống Quỳnh hỏi nhà vua: -Mất mèo sao bệ hạ nghi cho tôi?

-Vì có người thấy con mèo trong nhà của khanh.

Cống Quỳnh cãi lại ngay: -Kẻ đó ăn nói hàm hồ, chứ con mèo đó là con mèo của tôi nuôi.

Nhà vua nhất định đó là con mèo của mình, còn Cống Quỳnh thì bảo con mèo của ông. Đòi bên lời qua tiếng lại. Rốt cuộc Cống Quỳnh nói với vua: -Xin bệ hạ hãy triệu các đình thần vào chầu, tôi sẽ có cách làm cho tỏ rõ, mèo của bệ hạ hay mèo của tôi.

Đó rồi nhà vua cho tập họp đình thần lại đông đủ. Cống Quỳnh nói: -Xin các quan làm chứng cho.

Nói rồi ông xin nhà vua đem ra hai đĩa cơm, một đĩa toàn món ngon vật lạ, một đĩa cơm thừa canh cạn. Trước khi thả mèo, Cống Quỳnh nói với các quan: -Bây giờ muốn biết mèo của vua hay mèo của tôi rất dễ. Mèo của vua chỉ ăn toàn món ngon vật lạ, còn mèo của tôi chỉ biết cơm thừa canh cạn. Vậy các quan làm chứng cho.

Đoạn Cống Quỳnh thả con mèo ra. Đã tập quen rồi nên khi buông ra, con mèo đi ngay lại đĩa cơm thừa canh cạn. Cống Quỳnh reo lên vui sướng, ôm con mèo về nhà.

# CHỮ ĐỒNG TỬ

Vào đời Hùng Vương thứ ba, tại Chữ Gia khẩu có người tên là Chữ Đồng Tử, mồ côi từ nhỏ, chỉ sống heo hút một mình ở bên bờ sông. Ban ngày chài lưới kiếm ăn, tối trèo lên cây mà ngủ. Vì nghèo khổ, cả một chiếc khố cũng không sắm nổi nên tối ngày lắt léo ở ngoài sông, hoặc giấu mình trong lùm bụi, chớ ít khi nào dám vào chỗ làng xóm đông người.

Một hôm đang vắn vơ trên bãi cát, Chữ Đồng Tử bỗng thấy một chiếc thuyền chèo đến và đỗ lại bên bãi cát, một bầy thế nữ phò một vị công chúa xinh đẹp từ trên thuyền xuống bãi định vây màn tắm gội.

Biết nàng là công chúa Tiên Dung, con của vua Hùng Vương, lại mười phần xinh đẹp, Chữ Đồng Tử phần sợ mang tội thất lễ, phần sợ công chúa Tiên Dung cả thẹn nên phải moi cát rồi vùi cả nửa thân mình xuống dưới để tránh sự lỏa lồ. Chẳng ngờ, công chúa Tiên Dung thấy vậy liền cho thế nữ gọi tới hầu. Chữ Đồng Tử không dám ngoi mình lên khỏi cát, cứ nằm ì một chỗ mà chịu trận.

Công chúa Tiên Dung thấy thế cho là duyên tiền định nên bằng lòng gả nghĩa cùng chàng, và cho thế nữ đem lụa là đến cho chàng che thân. Từ đó, công chúa Tiên Dung cất nhà cùng ở với Chữ Đồng Tử tại Chữ Gia khẩu. Vài lần nàng giục chàng về ra mắt vua cha mà Chữ Đồng Tử không thuận.

Một hôm, Chữ Đồng Tử hóa ra cung vàng điện ngọc ở giữa bãi Chữ Gia để cùng công chúa sống trong cảnh vui vầy. Các quan trong triều thấy vậy, tâu lên vua Hùng Vương rằng Chữ Đồng Tử có ý mưu phản, tạo nên một triều đình riêng ở bãi Chữ Gia.

Vua Hùng Vương cả giận, sai quan sĩ đến nơi đánh bắt cho được Chữ Đồng Tử và công chúa Tiên Dung đem về trào<sup>[1]</sup> trị tội.

Lúc quân sĩ rần rộ đến nơi thì Chữ Đồng Tử dẹp bỏ cung điện, cùng công chúa Tiên Dung chấp cánh bay về trời.

-----

1. Trào: triều.

# BẦY THIÊU THÂN

Tại một cái hồ, cạnh lầu son của một nàng công chúa đang tuổi cập kê, đêm ấy có một nàng Đom đóm lác tới đậu trên đài hoa, ánh sáng nơi mình Đom đóm tỏa ra làm cho nàng công chúa kinh ngạc, mà cũng làm cho loài côn trùng bé nhỏ xung quanh hồ thấy đều trầm trồ: -Ồ, ồ ánh sáng gì kỳ diệu quá chưa từng thấy bao giờ, chắc là tiên ở trên trời xuống, vậy ta hãy tới bên đóa hoa kia xem nàng tiên mang cái thứ ánh sáng kỳ diệu đó là ai cho biết.

Lũ côn trùng bảo nhau như thế, rồi kéo nhau ồ ạt bay tới bên cụm hoa, chùng nhìn rõ thấy nàng Đom đóm cũng bé nhỏ như chúng nhưng rất đẹp là từ trong mình tiết ra một thứ ánh sáng lập lòe chưa từng thấy. Chúng tưởng nàng Đom đóm là một nữ tiên mắc đọa nên nhao nhao hỏi: -Nàng kia, ở Thiên đình nàng làm tội chi mà bị đày đọa xuống trần? Ngẫm như nàng thật là xinh đẹp rực rỡ muôn phần, nếu nàng ưng chịu thì chúng tôi xin tôn nàng làm nữ chúa.

Nàng Đom đóm khếp nép trả lời: -Các bạn sâu bọ của tôi ơi, tôi cũng một kiếp như các bạn chớ có gì khác đâu mà các bạn đòi tôn tôi làm nữ chúa. Tôi nghĩ mà thẹn cho cái thân hèn mọn của mình, nào phải tiên thánh gì bị đọa.

Lũ côn trùng thì thầm bảo nhau có vẻ không bằng lòng: -Nó làm cao làm cách để không bầu bạn với mình, nó ỷ nó là tiên nên kiêu kỳ như vậy, mình nên vặn hỏi đôi điều xem nó trả lời ra sao cho biết.

Bàn tính với nhau rồi, lũ cộn trùng mời hỏi nàng Đom đóm: -Này nàng kia ơi, nàng bảo không phải là tiên giáng trần, vậy chớ làm thế nào nàng có được những vầng hào quang kỳ diệu thế?

Nàng Đom đóm cười đáp: -À, à, các bạn thấy ánh sáng trong mình tôi tiết ra nên ngỡ tôi là tiên thánh chớ gì?

-Phải rồi.

-À, các bạn lầm rồi, đó là thứ ánh sáng tự nhiên của cha mẹ tôi sinh ra như vậy chớ có phải hào quang tiên thánh gì đâu.

Dẫu nàng Đom đóm nói vậy, bầy côn trùng nhứt định không tin cố ý giấu giếm sự thật. Chúng lại định với nhau nên giết nàng Đom đóm cướp lấy ánh sáng để làm của mình, nhưng chúng lại sợ vị Trời Phật trừng phạt nên rút cuộc hẹn nhau để tìm cách khác.

Một đêm kia, công chúa thỉnh vua cha và hoàng hậu đến bên hồ bày hội hoa đăng và để mừng được xem ánh sáng kỳ diệu của nàng Đom đóm.

Để cho đêm hoa đăng thêm phần rực rỡ, nhà vua truyền tất cả thần dân trong thành, nhà nhà đều treo đèn kết hoa nơi cửa. Cho nên từ bờ hồ đến khắp kinh thành đều có ánh sáng rờ. Bấy giờ lũ côn trùng thấy ánh sáng tỏa ra ở khắp nơi thì reo mừng sung sướng chia ra từng bầy bay tủa ra bốn hướng. Lúc đến bên ánh đèn, bầy côn trùng bé nhỏ nhìn kỹ làn ánh sáng đang lặng lẽ tỏa ra, rồi chúng kháo bảo nhau: -Ồ, vậy mà mình cứ tưởng con bé Đom đóm là tiên, thánh gì nên mới có ánh sáng kỳ diệu, không ngờ thứ ánh sáng ấy đây rồi, mình cứ ráp nhau đớp lấy nuốt vào bụng tức nhiên thân mình sẽ hóa hào quang như nàng Đom đóm chớ gì.

Nói xong, từng bầy côn trùng nhỏ bé thi nhau lao mình vào ánh đèn, toan đớp lấy ánh sáng,

nhưng tất cả đã bị ánh lửa thiêu đốt cháy tiêu không còn một mống.

Dẫu chết vì ánh đèn, thế mà lũ cộn trùng bé nhỏ vẫn say mê ánh sáng, đời đời kiếp kiếp hể thấy ánh sáng thì lao mình vào để làm lũ thiêu thân.

# TRÁI DƯA HẦU

Đời vua Hùng Vương thứ mười bảy, có Mai An Tiêm làm quan trong triều, vì một câu nói có vẻ kiêu kỳ làm nhà vua nổi giận bắt đày An Tiêm ra một hoang đảo xa xôi. Vợ An Tiêm xin theo, được vua chấp thuận. Từ đó hai vợ chồng An Tiêm sống hẩm hiu trên hoang đảo tự lo lấy cái ăn cái mặc.

An Tiêm phải cày cấy gieo trồng để lấy cái ăn. Thời gian qua, một hôm cuối mùa đông, An Tiêm thấy những đàn chim tha từ đâu về một thứ trái vỏ xanh, bổ ra thấy nhiều hạt nhỏ nhỏ hình bầu dục nhọn đầu. An Tiêm liền nảy ý kiến đem thứ hạt kia trồng giống xuống đất, ngày ngày vun vồng tưới nước. Được ít lâu, lá và cây bò lan trên mặt đất, đến sau trở ra nhiều quả vỏ thì xanh lòng thì đỏ, ăn vào thấy ngọt ngào mát mẻ.

An Tiêm mới lấy tre khắc chữ cắm vào thứ trái này thả xuống biển cho trôi đi. Thuyền buôn qua lại trên biển khơi thấy quả lạ liền vớt lên, rồi tìm tới hoang đảo trao đổi thức ăn, lụa là, vải vóc lấy thứ quả lạ mang về đất liền bán cho mọi người.

Nhờ quả lạ và ngon, chỉ một mình An Tiêm biết cách trồng, nên ghe buôn đồ xô đến hoang đảo ngày càng đông, đời sống của vợ chồng An Tiêm nhờ đó mà no ấm, vui vẻ; vợ của An Tiêm lại sanh được một con, cảnh sống của vợ chồng đỡ hiu quạnh vắng vẻ.

Những quả lạ gởi về đất liền mỗi năm một nhiều, các quan làm sớ tâu lên vua Hùng Vương về sự xuất hiện của thứ quả lạ mà ngon đó. Vua liền hạ lệnh cho các Lạc hầu tìm xem thứ quả lạ đó từ đâu đưa tới. Thuyền buôn liền đưa quan quân đến hoang đảo để gặp An Tiêm. Vợ chồng An Tiêm vui mừng đón rước sứ giả của nhà vua và kính dâng lên những quả tốt ngon nhất.

Khi tiếp được vật tặng của vợ chồng An Tiêm, nhà vua cho bỏ ra khao thưởng các quan, ai ăn cũng khen ngon. Vua Hùng Vương nghĩ đến công lao của vợ chồng An Tiêm trọng việc gây được giống quả quý, lại từ lúc bị đày vợ chồng không than trách chi vua, biết an phận thủ thường cố gắng làm lụng, nên xuống chiếu rước vợ chồng An Tiêm về đất liền cho phục hồi chức cũ.

Vợ chồng An Tiêm khi rời hoang đảo không quên đem hạt giống của thứ quả này về đất liền gieo trồng truyền giống đến ngày nay mà chúng ta quen gọi là dưa hấu.

# CHUYỆN QUẠ SÓI ĐẦU

Ngày xưa, Ngưu Lang vì say mê nhan sắc của nàng Chức Nữ mà bỏ phế việc chăn trâu, để trâu đi nghênh ngang vào điện Ngọc hự, khiến Ngọc Hoàng cả giận; đồng thời Chức Nữ lại vì say mê tiếng tiêu của Ngưu Lang nên trể nải việc dệt vải. Ngọc Hoàng vô cùng phẫn nộ, bắt tội cả hai đày ra đầu sông Ngân, cuối sông Ngân.

Đến sau, Ngọc Hoàng nghĩ thương tình nên ra ƠN cho Ngưu Lang, Chức nữ mỗi năm gặp nhau một lần vào ngày mừng bảy tháng bảy.

Thuở bấy giờ, trên sông Ngân không có thuyền bè chi cả, Ngọc Hoàng mới ra lệnh làm một chiếc cầu bắc ngang sông Ngân. Các phượng thợ mộc ở trần giới được mời lên lo việc làm cầu.

Thế rồi, các phượng thợ mộc mạnh ai nấy làm, không ai chịu sự chỉ huy của ai, thành ra kẻ muốn làm theo kiểu này, người muốn làm theo kiểu nọ, rốt cuộc mỗi người một ý, gần đến hạn kỳ mà chiếc cầu vẫn không xong.

Ngọc Hoàng lấy làm bực tức, bắt tội tất cả mấy phượng thợ mộc, hóa làm kiếp quạ, lấy đầu sắp lại thành cầu cho Ngưu Lang, Chức Nữ bước lên đó đi qua sông để gặp nhau.

Bị hóa làm quạ, các phượng thợ mộc không dám oán trời trách đất, mà lại thù ghét nhau, xông vào cắn mổ nhau cho hả lòng căm tức ... Vì vậy, trước ngày mừng bảy tháng bảy tức trước cái ngày phải làm chuyện khổ dịch trên sông Ngân, lũ quạ thường đuổi đánh nhau, cắn mổ nhau chí tử, xác xơ cả lông cánh và trụi cả lông đầu.

Đã vậy loài quạ ăn ở chẳng được sạch sẽ, lông cánh đen thui thúi trông rất xấu xí dơ dáy, mỗi lần chàng Ngưu, ả Chức bước lên đầu chúng để qua sông, trông xuống dưới chân thấy một đám đen ngòm lúc nhúc thì không khỏi gớm ghiếc, ghê tởm, nên chàng Ngưu, ả Chức ra lệnh cho đàn chim ô thước mỗi khi lên trời, phải nhổ cho sạch lông đầu để được trắng đẹp.

Thường ngày oán ghét nhau, cắn mổ nhau xác xơ cả lông rồi, đến ngày đi bắc cầu sông Ngân lại phải nhổ trụi cả lông thì bảo sao lũ quạ không sói đầu cho được.

Ngày nay, mỗi độ tháng bảy là đầu quạ tự nhiên rụng lông sói sọi.

# ÔNG TRẠNG MƯỜI HAI TUỔI

Ông Nguyễn Hiền, người làng Hà Dương, tỉnh Nam Định, nổi tiếng là thần đồng từ lúc sáu, bảy tuổi. Thầy dạy học cho ông là một nhà sư ở chùa. Mỗi ngày nhà sư dạy cho ông mười tờ giấy, học trong chốc lát là ông thuộc cả mười.

Năm mười một tuổi, Nguyễn Hiền đỗ Thủ khoa, đến năm sau, nhằm đời Trần Thánh Tông, ông vào thi Đình, được được Trạng nguyên. Lúc bấy giờ ông chỉ mới mười hai tuổi.

Được đưa vào chầu vua, vua thấy một đứa bé loắt choắt thì không khỏi ngạc nhiên về tài học nên hỏi: -Trạng học với ai mà giỏi thế?

Trạng tâu rằng vừa sanh ra thì giỏi liền, chỉ cần học thêm đôi ba điều là tinh thông tất cả.

Vua thấy Nguyễn Hiền thiếu khiêm tốn, lại ăn nói không được lễ phép, nên cho về học lại lễ nghĩa đúng ba năm mới được ra làm quan.

Chẳng bao lâu, sứ Tàu đem sang Thăng Long một bài thơ ngũ ngôn để thử tài nước Nam. Bài thơ như vậy:

Lưỡng nhật bình đầu nhật,  
Tứ sơn điền đảo sơn,  
Lưỡng vương tranh nhất quốc,  
Tứ khẩu tung hoành gian.

Sứ Tàu đem bài thơ dâng lên vua Trần, nhà vua đem hỏi triều thần thì chẳng một ai hiểu được nghĩa lý bài thơ. Các quan tâu rằng: -Bệ hạ thử mời quan Trạng đến xem.

Vua Trần liền cho sứ giả đi triệu Nguyễn Hiền về kinh. Sứ giả đến làng Hà Dương, vào nhà Trạng Hiền thì thấy đứa trẻ đang lui cui dưới bếp liền bõn cọt rằng: -Ngô văn quân tử viễn bào trù; hà tu my tảo. (Tôi nghe quân tử xa chỗ bếp núc, lộ là phải nịnh vua Bếp).

Trạng liền ứng khẩu đáp lại: -Ngã bản hữu quan cư đỉnh nại; khả tạm điều canh. (Ta cốt có chức làm được Tể tướng, nhưng còn tạm nấu nồi canh).

Sứ giả thấy ứng đối cao thâm càng phục tài Trạng Hiền. Bây giờ mới bày tỏ ý vua mời Trạng về kinh.

Trạng lắc đầu bảo rằng: -Lúc trước thiên tử bảo ta không thông lễ nghĩa phải về học lại, đến nay mới biết thiên tử cũng chưa biết lễ nghĩa gì cả, thì làm sao ta lại kinh cho đặng.

Sứ giả về thuật lại, vua biết lỗi liền sai đem cờ quạt, lọng táng đến rước, bấy giờ Trạng mới chịu về kinh. Vua trao cho Trạng xem bài thơ ngũ ngôn. Trạng liền cầm bút lông viết ra một chữ “Điền.” rồi giải nghĩa rằng: -Câu thứ nhất có chữ “Nhật.” ngược xuôi bằng đầu nhau. Câu thứ nhì bốn chữ “Sơn.” ngược xuôi cũng là chữ “Sơn.” cả. Câu thứ ba, hai chữ “Vương.” tranh nhau ở trong một nước. Câu thứ tư có bốn chữ “Khẩu.” ngang dọc cũng thành chữ “Khẩu.” cả, rốt lại chỉ là một chữ “Điền.” [1]

Sứ Tàu phải chịu phục tại cửa Trạng Hiền. Vua Trần lấy làm đẹp ý phong Nguyễn Hiền làm

Kim Tử Vinh Lộc đại phu. Sau làm đến Công Bộ Thượng Thư, được ít lâu thì mất.

Vua thấy người tuổi trẻ mà tài cao nên lấy làm thương tiếc, lấy tên huyện Thượng Hiền đổi ra là Thượng Nguyên để kỷ niệm bậc hiền tài và cũng để cử tên ông vậy.

-----

1. Tra Tự Điển Hán Việt: Nhật = 日, Sơn = 山, Vương = 王, Khẩu = 口. Dem ráp mấy chữ trên lại thì ta có chữ Điền = 田.

# CHIM CHÈO BÈO

Thuở xưa, có anh nông dân tính tình siêng năng chất phác, làm ruộng chỉ biết có lúa ruộng mà thôi. Mỗi năm vào khoảng tháng mười lúa chín đồng đồng thì anh nông dân vác chiếu ra đồng để ngủ và canh chừng lúa.

Đêm kia.vì mệt mỏi quá anh nông dân ngủ quên, lúc đó có hai tên trộm, muốn trộm lúa nhưng sợ anh thức dậy bắt gặp, mới bàn với nhau nên giết anh đi. Tức thì hai tên trộm dùng gậy đập anh chết tốt.

Oan hồn của anh lên trời khiếu nại, Ngọc Hoàng bèn sai thiên binh đi bắt hai tên trộm đem về trị tội.

Vừa thấy mặt hai tên trộm, Ngọc Hoàng vỗ án quát mắng rằng: -Hai đứa bây thật là phường đại gian đại ác, đã trộm của người lại còn giết người, thật là đáng tội.

Vậy thì sát nhân giả tử, đã giết người thì bây phải chịu chết, nên ta bắt một tên phải hóa kiếp làm loài châu chấu, còn một tên thì làm cáo cáo, trọn đời phải làm kiếp côn trùng bé nhỏ.

Ngọc Hoàng quay lại phía anh nông phu phán rằng: -Người siêng năng và hiền lành, lỡ phải chết oan, vậy ta cho hóa thân làm chim chèo bẻo.

Anh nông phu tâu rằng: -Nếu thượng đế cho tôi làm chim chèo bẻo thì tôi biết làm gì?

Ngọc Hoàng cất nghĩa: -Nhà người chưa hiểu được ý ta. Ta cho người làm chim chèo bẻo là để cho người được tiếp tục làm nghề giữ lúa, tức là nghiệp xưa của người vậy. Đồng thời cũng để cho người có dịp báo thù hai tên trộm bắt nhân kia. Chúng sẽ là loài cáo cáo, châu chấu, còn người là chim chèo bẻo, hễ mùa lúa chín ở đâu thì cáo cáo, châu chấu đổ xô đến đó, chim chèo bẻo sẽ tha hồ mà bắt nó ăn tươi nuốt sống để trả thù. Người đã thấy lẽ công bình của trời đất chưa.

Bấy giờ hồn anh nông phu mới chịu làm chim chèo bẻo.

Vì tích này mà hàng năm đến mùa lúa chín thì chim chèo bẻo bay lượn khắp cánh đồng bắt giết cáo cáo, châu chấu.

# TRẠNG TRÌNH

Ông Trạng Trình có tên thật là Nguyễn Bình Khiêm, hiệu là Bạch Vân cư sĩ, quê ở làng Trung Am tỉnh Hải Dương.

Khi sanh ra tư chất thông minh, học đâu nhớ đó. Một hôm ông cùng bạn trẻ cỡi áo quần xuống tắm tại bến Hàn, có thầy tướng số đi qua, đứng lại nhìn ông rồi nói: -Thằng bé có bộ tướng rất sang, chỉ tiếc da quá dày nên chỉ làm được Trạng nguyên hay Tể tướng là cùng.

Vừa lớn lên ông theo học với ông Bảng nhãn Lương Đắc Bằng. Lúc Lương Đắc Bằng đi sứ sang Tàu gặp người đồng họ là Lương Nhữ Hốt tặng cho một quyển “Thái Ất Thần Kinh.” nhờ đọc quyển sách này, Đắc Bằng tinh thông về khoa lý số. Đến sau, Đắc Bằng trao quyển Thái Ất Thần Kinh cho Bình Khiêm, nhờ đó ông được giỏi về khoa tiên tri, đoán biết việc hưng vong của đất nước.

Năm Đại Chính thứ sáu về đời nhà Mạc, ông vào kinh ứng thí, đỗ được Trạng Nguyên, Vua Mạc phong ông làm Đông Các Học Sĩ. Bảy giờ, trong triều bọn nịnh thần kéo phe kết cánh nhiều hại thần dân. Ông liền dâng sớ xin vua chém đầu mười tám kẻ nịnh thần. Sớ của ông không được vua chấp nhận, ông bèn từ quan về ở ẩn trên bến Tuyết Giang, mượn gió mát trăng thanh, non xanh nước biếc làm thú tiêu dao ngày tháng.

Tuy đã về trí sĩ, nhưng lúc nào có việc hệ trọng, vua nhà Mạc liền sai sứ giả đến mời về kinh bàn việc nước.

Nhờ có công và tài học uyên bác bàn bạc mọi việc đều thông suốt, nên vua nhà Mạc phong ông làm Lại Bộ Thượng Thư, Trình Quốc Công, vì vậy mà mọi người gọi ông là Trạng Trình.

Lúc Trịnh Kiểm lên cầm quyền, thế lực thu vào một tay, vua Lê Trung Tôn mất, con không có để nối ngôi, ý Trịnh Kiểm muốn thừa dịp này cướp ngôi lấy ngai vàng, nhưng trong bụng còn phân vân mới sai người tâm phúc đến Hải Dương hỏi ý kiến Trạng Trình. Ông ngoảnh mặt đi và bảo đầy tớ rằng: “Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ.”

Nói rồi, Trạng Trình bảo tiểu quét dọn chùa, đốt hương để ông ra chơi.

Ông bảo tiểu rằng: -Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản.

Sứ giả về thuật lại mọi lời, Trịnh Kiểm hiểu rằng Trạng Trình có ý khuyên mình nên tìm dòng họ nhà Lê lập lên thì sự nghiệp của họ Trịnh sẽ vững bền. Do đó họ Trịnh chỉ giữ lấy nghiệp chúa chứ không làm vua.

Lúc nhà Lê trung hưng, Trịnh Kiểm và Nguyễn Hoàng hiềm khích nhau. Họ Trịnh có nhiều uy quyền hơn nên họ Nguyễn sợ bị ám hại, bèn cho người đến hỏi ý kiến Trạng Trình. Ông liền nói: “Hoàng sơn nhất đại, vạn đại dung thân.”

Nguyễn Hoàng hiểu ý liền vận động xin vào trấn giữ Thuận Hóa, và nhờ có dãy Hoành Sơn che chở mà Nguyễn Hoàng dựng nên cơ nghiệp nhà Nguyễn lâu dài.

Lúc về ở ẩn tại Bạch Vân Am, ông có soạn quyển “Sấm Trạng Trình.”bàn đến việc vị lai của nước Nam. Nhớ lại thời Hoa Nhứt chiến tranh và thế giới đại chiến thứ hai, nhiều người

thường nhắc đến những câu sấm của Trạng Trình để lại:

Long vĩ, xà đầu khởi chiến tranh,  
Can qua xứ <sup>[1]</sup> xứ khổ đao binh.  
Mã đề, dương cước anh hùng tận.  
Thân, Dậu niên lai kiến thái bình

Mà nhiều người cho rằng Trạng Trình đoán rất đúng thời cuộc nước nhà và thế giới.

Cũng như câu:

-Bao giờ bèo dạt bể đông,  
Cha con nhà Nguyễn bế bóng nhau đi.

Ứng vào việc nhà Nguyễn bị loại khỏi hoàng triều cương thổ vậy.

-----

1. Có chỗ viết: “tứ xứ chuyển đao binh.”

# CÂY KHẾ BẰNG VÀNG

Ngày xưa, có anh em nhà kia, cha mẹ mất sớm để lại một điền sản khá lớn, nhưng người anh gian tham dành chiếm hết cả, chỉ để cho em một miếng đất xéo, một túp lều tranh và một cây khế ngọt.

Người ta hát rằng:

Chanh chua thì khế cũng chua,  
Chanh bán có mùa, khế bán tư niên.

Nhờ khế mùa nào cũng có trái, lại là trái ngọt, nên vợ chồng người em đem khế đổi gạo sống lây lất qua ngày.

Ngày kia có đàn chim phụng hoàng từ trên núi bay xuống, đậu ngay trên cây khế của người em, bao nhiêu quả chín đều bị chim phụng hoàng ăn sạch.

Nghe nhiều tiếng động kỳ lạ, người em lật đật ra nhìn lên cây khế, thấy sạch cả trái thì kêu trời, kêu đất rồi ôm cây khế mà khóc ròng. Chim phụng hoàng thấy vậy liền hỏi rằng: -Người kia, tại sao khóc than thảm thiết vậy?

Người em tức tưởi đáp: -Vợ chồng tôi vốn nghèo, quanh năm chỉ cậy nhờ có cây khế mà sống, nay phụng hoàng ăn sạch cả trái thì lấy đâu mà đổi gạo?

Chim phụng hoàng liền nói: -Nhà người đừng khóc nữa, ta đã lỡ ăn hết trái của nhà người thì ta sẽ bắt đền. Bây giờ nhà người hãy xòe tay ra, ta đền cho cây khế khác.

Chim phụng hoàng nói rồi, nhả vào tay người em một cây khế, cành lá và trái đều bằng vàng.

Vợ chồng người em đem những quả khế vàng đi bán, được rất nhiều tiền, từ đó mua nhà, tậu vườn, tậu đất mỗi ngày thêm giàu có.

Người anh thấy thế, bèn dò hỏi người em. Người em cứ thật tình thuật lại chuyện đàn chim phụng hoàng ăn khế ngọt rồi cho cây khế bằng vàng. Người anh sinh bụng tham, bèn năn nỉ í ới để người em đổi cây khế ngọt lấy ruộng vườn, điền sản của mình.

Người em bằng lòng.

Từ đó người anh làm chủ cây khế ngọt, ngày ngày trông đợi đàn chim phụng hoàng đến ăn khế để xin cây khế vàng. Nhưng ngày tháng trôi qua, chỉ thấy loài chim quạ hàng đàn, hàng lũ bay đến cắn phá trái chín rồi ỉa đầy sân. Người anh tức giận lấy cây đánh đuổi, đàn quạ bay lên buông ra những tiếng: ."uạ! Quạ! Xấu hổ!" để chế nhạo kẻ tham lam ích kỷ.

# SỰ TÍCH CHÙA MỘT CỘT

Ở Hà Nội ngày nay có chùa Một Cột được coi là thắng tích mà ai cũng nhắc nhở.

Thuở xưa, vào đời nhà Lý, đạo Phật rất thịnh hành, chùa chiền, am tự được cất lên ở nhiều nơi, người sùng đạo cũng đông. Vua Lý Thái Tôn lại là người ngưỡng mộ đạo Phật từ bi nhất. Ngoài những chùa mới cất, nhà vua còn cho trùng tu các ngôi chùa cổ, tạc tượng đúc chuông.

Một đêm vào khoảng tháng giêng, nhà vua nằm mộng, thấy mùi hương sực nức. Kê Phật Bà Quan Âm hiện ra hướng dẫn nhà vua đi xem một tòa sen chọi lợi hào quang. Giật mình thức dậy, nhà vua liền đem điềm chiêm bao thuật lại với triều thần. Lúc bấy giờ, sư trưởng Thuyền Lão, người đang cầm giềng mối đạo tại hoàng cung mới bàn với nhà vua nên dựng một ngôi chùa để kỷ niệm Phật Bà Quan Âm.

Chùa này được dựng lên giữa một cái hồ hình dạng giống như tòa sen, có một cột tròn từ dưới nước nhô lên, nhà vua đặt tên chùa Diệu Hữu, cách kiến trúc theo lối nghệ thuật Đại La.

Từ ngày có chùa Diệu Hữu về sau, bá tánh thập hương, thấy chùa dựng trên một cái cột nên truyền nhau gọi là chùa Một Cột, lâu ngày thành quen, nên ít có ai gọi là chùa Diệu Hữu.

# THẰNG LÍA

Ngày xưa ở huyện Phù Ly, tỉnh Bình Định có vợ chồng người làm vườn nghèo khổ, sanh được một đứa con trai đặt tên là Lía. Cha qua đời, Lía còn nhỏ tuổi chịu cảnh mồ côi cha. Thường ngày Lía theo mẹ bắt ốc hái rau để sống. Lúc lên mười tuổi, mẹ Lía đem Lía đợ cho một người nhà giàu trong vùng để chăn trâu.

Thấy mẹ ăn uống cực khổ, Lía mới trộm gà của chủ đem về làm thịt cho mẹ ăn. Mẹ Lía biết chuyện rầy la dữ lắm, Lía mới thôi không ăn trộm gà nữa.

Thường ngày, Lía đuổi trâu ra đồng để mặc trâu đi đâu thì đi, còn Lía tụ tập vài ba đứa trẻ hoang, hết bày việc đánh nhau bằng gậy gộc, lại rủ nhau đi trộm bầu, bí, khoai lang, củ sắn. Bởi vậy người ta thường ví:

Thằng Lía, thằng Hung, thằng Hoang,  
Trái bầu, trái bí với củ khoai lang,  
Gặp đâu xốt đó chẳng an thứ nào.

Một lần nọ, thằng Lía để trâu lạc vào vườn của ông phú hộ làng bên cạnh. Ông phú hộ truyền bắt trâu cột lại để bắt đền kẻ để trâu đến phá vườn ông.

Bị mất trâu, thằng Lía không dám về nhà, nó rủ thằng Hung và thằng Hoang đi tìm. Tình cờ nó nhìn được trâu trong nhà ông phú hộ. Nó liền bàn kế với hai thằng bạn của nó, đốt nhà ông phú hộ, để mọi người bận lo cứu chữa, bấy giờ nó lên vào bắt trâu đem về cho chủ.

Chủ hay được, sợ bị liên lụy, nên đuổi thằng Lía đi. Nó trở về sống với mẹ già, và xin với mẹ cho nó đi học. Mẹ nó phải van lạy ông thầy đồ để cho nó được học. Nó rất tối dạ, lại hay sanh sự đánh nhau, nên thầy học không dám dạy nó nữa. Thằng Lía bèn hợp với thằng Hung, thằng Hoang và vài đứa trẻ ngỗ nghịch đi bắt trộm gia súc của người giàu trong làng, rồi đem về chia cho người nghèo. Hành động của thằng Lía càng ngày càng lộng, người trong làng mới hiệp nhau đầu cáo với quan trên. Làng lính liền tìm bắt thằng Lía. Nó hoảng sợ, trốn lên tỉnh. Được viên đội tâm phúc của quan tỉnh thân nhận làm thuộc hạ. Lía bèn học tập côn quyền, võ nghệ. Càng lớn lên, Lía càng có sức mạnh hơn người. Tánh nghĩa hiệp nên gặp chuyện gì bất bình là xông vào can thiệp, vì vậy giữa Lía và bọn cường hào ác bá thường có những trận gây gổ đánh nhau.

Năm đó có mở khoa thi, những ai giỏi luân cú hoặc có tiền đức lót thì được đỗ, bằng không thì bị đánh hỏng dầu văn hay chữ tốt. Tuy học hành dở dang, Lía cũng vào thi, nhận thấy bọn tham quan bắt nạt, ngược đãi kẻ nghèo nàn, Lía vô cùng bất bình. Thừa đêm tối, cùng đám đồng bạn lên vào nhà viên chủ khảo giết chết người này rồi trốn vào rừng.

Quan quân mở cuộc truy nã ráo riết, Lía chiêu tập đám vô nghề nghiệp lẫn lút trong rừng chống lại quan quân. Nhiều trận hai bên giáp chiến dữ dội, quan quân đại bại phải rút lui. Lía đem bộ hạ tràn ra làng xóm chiếm đoạt tài sản của người giàu đem cho người nghèo. Thanh thế càng ngày càng to. Triều đình phải treo giải thưởng cho ai bắt sống hoặc giết chết được thằng Lía. Nhưng Lía giỏi lẫn trốn, thành ra quan quân phải bắt mẹ Lía đem ra thị oai. Nếu thằng Lía không chịu ra nạp mình thì mẹ nó bị giết. Độ lòng hiếu đễ, thằng Lía phải chịu nạp mình cho mẹ được tha. Nhưng chẳng bao lâu Lía trốn thoát.

Bấy giờ, Lía phải trốn tránh rất cực khổ, đói khát nhiều ngày. Bất đắc dĩ, Lía phải cải trang sửa dạng trốn vào trong thành để kiếm sống. Quan quân dò xét biết liền bao vây thành, mở cuộc lục xét khắp nơi. Lía trốn vào nhà một ông lão hiền lành. Lúc này, Lía nghe tin mẹ mình bị bệnh mà chết, các bộ hạ lớp bị bắt, lớp bị giết thì đau lòng không thiết gì sống nữa. Một

hôm, Lía nói với ông lão rằng: “Chưa bao giờ tôi bị thất bại chua cay như lần này. Có lẽ trời đã hại tôi rồi. Vậy ông hãy chặt lấy đầu tôi đem nạp cho quan trên để lãnh thưởng, chỉ còn cách đó để tôi đền đáp ơn ông.”

Ông lão không bằng lòng. Lía tự trói mình để cho ông đem nạp quan trên. Thế rồi Lía bị đem ra trảm quyết.

Đến sau có câu hát cảm thương Lía như vậy:

Chiều chiều én liệng truông Mây,  
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.

# SỰ TÍCH HÒN VỌNG PHU

Trên đường biển từ Nam ra Bắc, dựa mé biển ở cửa Đề Gi, thuộc huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định có hòn đá hình người thiếu phụ bồng con, đó là Hòn Vọng Phu.

Sự tích như vầy: Thuở xưa lúc lên sáu tuổi bà Vọng Phu cùng người anh ruột ra vườn đốn mía, hai anh em dành nhau cây mía. Lúc đó người anh đang cầm con dao, vì giận nên chém em trúng đầu chảy máu. Người anh hoảng sợ trốn đi biệt dạng. Chẳng bao lâu cha mẹ đều qua đời, bà con tranh nhau cướp hết tài sản rồi đem bà bán cho khách thương hồ.

Tám thân phu lưu lạc, một ngày kia bà lạc đến làng thuyền chài. Bà đã lớn khôn và phải lòng một người đàn ông đánh cá. Vợ chồng ăn ở với nhau có một đứa con, tuy nghèo mà trong ấm ngoài êm, vợ chồng thuận thảo.

Hôm nọ rồi rảnh, chồng mới ngồi lại bắt chích co vợ. Lúc vạch tóc ra, chồng thấy nơi đầu vợ có cái thẹo lớn mới hỏi nguyên do. Người vợ thật tình thuật lại câu chuyện xảy ra trong ngày còn bé. Vì tranh dành cây mía với người anh nên bị anh chém trên đầu.

Người chồng nghe qua không nói gì, mặt buồn dầu dầu, sáng hôm sau lấy thuyền ra biển bảo rằng đi đánh cá, rồi đi biệt tích.

Người vợ ở nhà đợi chờ mãi không thấy chồng về, mới bồng con lên đứng trên núi trông ra biển ngóng trông tấm dạng của chồng.

Ngày tháng trôi qua, người chồng vẫn đi biệt, người vợ cứ ôm con đứng trên núi trông đợi chồng về, cho đến khi cả tấm hình hài của người vợ và đứa con đều hóa đá trở giữa sương gió núi non.

Người ta đặt tên là Hòn Vọng Phu.

Tục truyền rằng: Những ghe thuyền từ Nam ra Bắc hay từ Bắc vào Nam, khi ngang qua Hòn Vọng Phu mà muốn cho ghe thuyền đi mau thì cất tiếng gọi lớn: -Bớ bà Vọng Phu! Thuyền của chồng bà ở phía sau kia, vậy bà hãy nổi gió cho thuyền chồng bà về.

Tức thì gió to nổi lên đưa thuyền lướt mau trên mặt biển.

Có bài thơ tả Hòn Vọng Phu như sau:

Đường hải lộ từ Nam ra Bắc,  
Trải ba ngày sắp tới Qui Nhơn.  
Gập ghềnh đầu nổi chập chờn,  
Trông ra chợt thấy một hòn núi xanh.  
Ngay giữa đỉnh hình nhân lộ vẻ,  
Tay ôm bồng một trẻ hài nhi,  
Đó là hòn núi Vọng phu,  
Có người thiếu phụ con thơ trông chồng.  
Trải bao phen thổ tả, ác lặn,  
Thân liễu bỏ bao quản nắng mưa.  
Một mình đột ngột giữa trời,  
Ngàn thu tiếng ấy giăng san chói lòa.  
Kể vượt biển qua lại trăm xứ,  
Thường thỉnh cầu trình nữ chiêu hô:  
-Lạy bà, bà thổi gió nồm,

Chồng bà ở Quảng kéo buồm theo sau.

# NGƯỜI THIẾU PHỤ NAM XƯƠNG

Vũ Nương có chồng là chàng Trương. Hai đàng ăn ở với nhau thật là thuận hòa vui vẻ và sinh được một đứa con trai đặt tên là Đản.

Gặp phải lúc trong nước có giặc giã, chàng Trương phải ra đi làm nhiệm vụ của người nam nhi. Vũ Nương ở nhà lo làm lụng để nuôi mẹ chồng và đứa con thơ.

Chẳng bao lâu mẹ chồng qua đời. Cảnh nhà càng hiu quạnh. Đứa con càng lớn trông càng dễ thương. Lắm khi nó bập bẹ hỏi cha nó đâu. Vũ Nương bảo rằng cha nó đi làm ăn xa cũng sắp sửa trở về.

Có đêm thằng bé Đản nhờ cha, kêu khóc om sòm, dỗ hoài không nín. Vũ Nương ôm con vào lòng mà ghen ngào thương cảm. Nhân nhìn lên vách, thấy bóng mình rọi lên đó, nghĩ cách vỗ về con. Nàng kêu Đản, trở lên vách mà nói rằng: -Đó, ba con về rồi kìa.

Thằng Đản lấy làm vui mừng không khóc nữa. Đêm nào nó cũng đùa với cái bóng trên vách mà nó gọi bằng ba rồi ngủ rất ngon.

Thời gian thấm thoát trôi qua. Giặc giã đã yên. Chàng Trương khăn gói trở về Nam Xương là nơi quê hương để gặp vợ và con. Vợ chồng mừng mừng tủi tủi trong lúc sum vầy. Chàng Trương không khỏi cảm thương cho vợ mình cố gắng nuôi con rày đã lớn khôn.

Lúc bấy giờ, Vũ Nương xách rổ đi chợ mua thực ăn về làm cỗ đãi chồng. Nàng trao đứa bé Đản cho chồng bông ẵm. Khi nàng đi rồi, thằng bé dấy nầy kêu lên kêu khóc không chịu cho chàng Trương bông, nó nói rằng chàng Trương không phải là cha của nó.

Chàng Trương lấy làm lạ vừa dỗ dành ngon ngọt, vừa hỏi Đản: -Nếu qua không phải là cha của Đản. Vậy chớ cha của Đản là ai?

Đản thổ thề nói: -Cha của Đản đến đây thường lắm. Đêm nào cha của Đản cũng đến đây nô đùa với Đản, tới khuya Đản buồn ngủ mới thôi.

Chàng Trương nghi ngờ vợ mình ngoại tình trong lúc mình vắng nhà, vì vậy đêm mới có người đàn ông đến đây nô đùa với Đản.

Vũ Nương đi chợ về, thấy khí sắc chồng không vui thì hỏi hạn. Chàng Trương mới tức giận mắng nhiếc vợ thậm tệ và toan đuổi đi. Vũ Nương đoán hiểu chồng nghi ngờ mình có tình riêng trong lúc vắng nhà.

Nàng nghĩ rằng thân phận đàn bà chữ trung trinh tiết liệt làm đầu, thế mà nàng không khéo giữ gìn cho trọn vẹn thì xấu hổ biết bao. Chỉ còn có cái chết mới tỏ được nỗi oan tình.

Nghĩ vậy, nên nàng đi ra bờ sông gieo mình tự vận.

Cả làng hay tin, tìm vớt xác của nàng lên, xác vẫn tươi, khí sắc như thường, ai cũng lấy làm thương tiếc.

Một đêm, Đản đang ngồi trong lòng cha, vùng trở lên vách kêu: -Kìa, cha của Đản đến kia kìa.

Chàng Trương nhìn lên vách, thấy bóng mình phản chiếu ánh đèn dầu in lên đó. Bấy giờ chàng mới hiểu rõ nguồn cơn, lòng vô cùng hối hận vì đã nghi oan vợ.

Mọi việc đã lỡ rồi còn biết làm sao? Chàng Trương mới đem con ra bờ sông bày lễ cúng tế để giải oan cho người vợ trung trinh tiết liệt.

Túc truyện, Vũ Nương chết đi được thành tiên có về báo mộng cho chồng. Dân làng cảm gương tiết nghĩa nên lập miếu thờ Vũ Nương ở bờ sông tục gọi là miếu “Người thiếu phụ Nam Xương.”

Đến sau, lúc qua sông, vua Lê Thánh Tôn có làm bài thơ cảm cảnh như sau:

Nghi ngút đầu ghềnh tỏa khói hương,  
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.  
Ngọn đèn dầu tắt đừng nghe trẻ,  
Làn nước chỉ cho lụy đến nàng.  
Chứng quả có đôi vàng nhật nguyệt,  
Giảo oan chẳng lọ mấy đàn tràng.  
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy,  
Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng.

# CÂY ĐA BẾN CŨ

Một thơ sinh quê quán ở Thanh Nghệ Tĩnh, học giỏi, thông minh, tính tình hào hoa phong nhã. Ngày kia, vác lều chiếu vào Huế để thi Hương, lúc qua bến Ô Lâu ở khoảng giữa Quảng Trị, Thừa Thiên thì chàng gặp một cô lái đò nhan sắc mặn mà, liền cảm cái sắc đẹp của nàng.

Lúc qua sông, chàng để lều ướm thử, thì cô lái đò cũng tỏ dạ yêu chàng. Liền đó hai đàng ước hẹn sẽ nên duyên chồng vợ, sau ngày chàng thơ sinh vào trường thi trở về.

Khoa thi đó, chàng thơ sinh đầu giải nguyên. Trở về bến đò Ô Lâu, bấy giờ chàng đã là một vị tân khoa được mọi người kính vì trọng vọng. Tuy vậy, chàng vẫn đến gặp người yêu, ước hẹn một lần nữa rằng: sau khi về quê quán tỏ thật với cha mẹ, chàng sẽ nhờ mai mối đem sính lễ đến cưới nàng. Để cho nàng tin lòng, chàng cởi áo tặng nàng:

Ra về để áo lại đây,  
Để cho em đắp kéo gió Tây lạnh lùng.

Chàng đi rồi, ngày ngày nàng vẫn đưa đò chở khách sang sông. Chiều chiều, nàng gác mái, neo đò dưới gốc cây đa, đem áo của chàng ra ngắm nghía nhớ thương.

Ngày tháng trôi qua quá mau. Thấm thoát đã được một năm, nhưng bóng hình của chàng vẫn vắng bật. Cô lái đò thường trông lên bến cát tiếng hát véo von:

Thuyền về có nhớ bến chăng?  
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

Thấy nàng có sắc, có duyên, lắm khách qua đò đưa lời chọc ghẹo. Với ai nàng cũng khăng khăng từ chối, một dạ đợi chàng.

Một năm, hai năm rồi ba năm trôi qua, hình bóng của chàng nho sinh đã làm xiêu lòng cô gái càng vắng bật ở phương trời. Nhớ thương chồng chất, lòng cô gái tưởng hóa điên, hóa dại cũng nên. Nàng không hiểu rằng vì cha mẹ không thuận tình hay vì chàng thơ sinh có lòng bội bạc.

Nàng cũng từ chối những cuộc hôn nhân của đám trai tráng trong làng. Nhiều người cho rằng nàng quá si tình nên mới đợi chờ người không yêu nàng chỉ vì vui miệng mà hứa hẹn viễn vông.

Sự buồn khổ thất vọng đã làm cho cô lái đò ở bến cây đa trên sông Ô Lâu biếng ăn biếng ngủ, biếng nói cười. Trên sông xanh người ta không còn nghe tiếng hát vui tươi trong trẻo của nàng. Nàng vẫn chèo đò chở khách sang sông, nhưng vẻ vui tươi không còn nữa.

Thế rồi, một chiều kia, vì quá thất vọng sau bao năm đợi chờ, cô gái chèo thuyền ra giữa sông, hò lên mấy tiếng nhả nhủ cùng mây nước rồi lao mình xuống sông tự vận.

Về sau, có những câu hát ru em:

... Hò ơi ... Trăm năm nhiều nỗi hẹn hò,  
Cây đa bến cũ con đò vẫn đưa.  
Cây đa bến cũ còn đưa,  
Con đò đã thác năm xưa tê rồi.

# TRUYỆN NGƯỜI LẤY CỐC

Hai vợ chồng người nông phu nọ tánh tình hiền lương nhân đức, nhưng hiềm vì không con để nối dòng. Vợ chồng hết sức cầu khẩn Phật Trời xin ban cho một mụn con. Quả nhiên, lòng thành thấu đến Phật, Trời, năm sau vợ chồng người nông phu thọ thai. Đến ngày sinh nở, chẳng may đẻ ra một con ... cóc.

Vợ chồng người nông phu rất buồn phiền, chẳng lẽ đem cóc giết đi thì mang tội sát sinh, hại vật, còn để nó sống thì làng nước chê cười. Đã vậy, công việc trong ngoài lại không có ai tiếp tay coi sóc, ông bà đều thở ngán than dài.

Một hôm, ông bà bỗng nghe Cóc phát thanh lên nói tiếng người: -Dưa hấu sắp chín rồi, chim chóc sẽ đến ăn phá, vậy cha mẹ để cho con ra giữ vườn dưa.

Ông bà miễn cưỡng bằng lòng, chớ không tin rằng cóc có thể giữ dưa được.

Lúc bấy giờ có một đám thơ sinh đi qua vườn dưa, thấy không ai canh giữ thì dờ dỏng đùa cợt đạp lên dưa mà đi. Họ bỗng giựt mình vì thình không có tiếng nói: -Xin các thầy đi tránh ra ngoài, đừng đạp lên dưa nhà em.

Trong đám thơ sinh có một chàng họ Bạch nhìn quanh quẩn, chỉ thấy một con cóc ngồi giữa vườn thì lấy làm sinh nghi. Không lẽ cóc biết nói tiếng người? Nếu nó biết nói tiếng người chắc là tiên thánh gì bị đọa xuống trần đây.

Nghĩ vậy rồi, thơ sinh họ Bạch lên tiếng hỏi. Cóc đáp lại rất mực khôn ngoan. Chẳng biết sao, khi về đến nhà thì chàng thơ sinh mắc phải bệnh tương tư, tối ngày chỉ nhớ nàng Cóc. Cha mẹ chàng thấy con buồn bã biếng ăn, biếng ngủ thì thăm hỏi căn do, bấy giờ chàng thơ sinh xin cha mẹ mình cho phép được lấy nàng Cóc làm vợ. Cha mẹ chàng tưởng chàng mắc bệnh điên, nên mời thầy bùa đến trị, đến sau bắt đắc dĩ phải chịu lòng con đi cưới nàng Cóc.

Về phần cha mẹ nàng Cóc thì vô cùng lo ngại, con mình là Cóc chớ đâu phải là người mà biết làm dâu làm vợ? Có lẽ người đời muốn chế nhạo mình chăng? Nàng Cóc biết chuyện liền khuyên cha mẹ cứ yên lòng nhận lời hứa hôn với nhà họ Bạch.

Chuyện này đồn lên khắp trong làng, ai ai cũng cười cho chàng thơ sinh dại dột, hết người rồi sao lại phải lấy nàng Cóc làm vợ? Hôm nọ, ông Đồ, thầy dạy học của các thơ sinh truyền cho các thơ sinh hãy về bảo vợ nhà, mỗi người mang tới cho thầy một chiếc áo mới, áo nào thầy bận vừa kích thước, hàng nào thầy vừa ý nhứt thì người đó sẽ chiếm giải đầu.

Các thơ sinh vui mừng lắm, vì có dịp tốt để cho vợ họ trở tài, còn chàng họ Bạch thì dầu dầu nét mặt. Nàng Cóc làm gì biết thuê thừa vá may mà hồng cày nhờ đưa tài với vợ các bạn. Vì vậy chỉ biết thở than với cha mẹ. Nàng Cóc biết chuyện liền bảo chàng cứ yên tâm lo việc sách đèn, chừng đúng hạn kỳ nàng sẽ giao áo cho chàng đem nộp cho thầy.

Quả nhiên, đúng ngày hẹn, nàng Cóc trao cho chồng chiếc áo gấm xanh may thật khéo, thầy dạy học mặc vào thì thấy vừa vặn từng ni tắc, ai cũng lấy làm khen. Trong khi đó, những chiếc áo của vợ các bạn may đem ướm vào, cái thì rộng thùng thình, cái thì chật bó sát lấy người, rốt cuộc chỉ có chiếc áo gấm của nàng Cóc được giải nhứt.

Từ đó ít ai dám khinh thường nàng Cóc nữa.

Năm sau, triều đình mở khoa thi, nàng Cóc theo đưa chồng, lúc đến một bụi cây nàng chui

vào đó được một lát trở ra, cởi bỏ lớp cóc xấu xí biến thành một cô gái đẹp như tiên. Chàng thơ sinh họ Bạch lấy làm mừng rỡ, thừa lúc nàng Cóc sắp xếp lại hành lý, anh ta lên vào bụi rậm để xem thì thấy một bộ da cóc, liền lấy giấu đi. Nàng Cóc biết chuyện năn nỉ chồng để xin lấy bộ da lại, người chồng nhút nhát không đưa, Thành ra nàng không thể trở về tiên cảnh, bởi trước đây bị đày làm kiếp cóc. Nàng Cóc đành ở lại cõi trần làm vợ gã thơ sinh. Khóa đó thơ sinh đậu giải nguyên. Vợ chồng vinh hiển trở về làng, ai cũng khen tốt đôi.

# CÁI CÂN VÀ CỤC MÁU

Ngày xưa có hai vợ chồng nhà buôn kia gian tham lường đảo, chế ra một cái cân cán rỗng, bên trong đổ thủy ngân, hai đầu cân thì bịt đồng, nên đồ ai biết cân gian. Thường ngày, khi cân hàng bán cho người thì dốc cán cân về đằng móc, còn khi mua hàng để bán lại thì dốc cán cân về đằng quả, vì vậy mua hay bán hàng vợ chồng nhà buôn gian tham cũng đều được lợi về phần mình.

Nhờ buôn bán như vậy, cả hai vợ chồng đều trở nên giàu có. Đã vậy, vợ chồng sinh được hai trai mặt mày sáng láng, trí óc thông minh, ai cũng khen là nhà có phúc. Ngày nọ, hai vợ chồng bàn với nhau nên phá bỏ cái cân gian xảo kia để dành ân đức lại cho con.

Hai vợ chồng đều thuận tình, liền đem cái cân ra chẻ. Lạ thay khi chẻ cân ra, chất thủy ngân biến đâu mất cả, mà chỉ thấy đọng lại một cục máu đỏ lôm. Cả hai đều lấy làm kinh sợ, làm lễ sám hối và ngày nào cũng lo thí ân bố đức.

Chẳng bao lâu, cả hai đứa con bỗng lặn ra chết. Hai vợ chồng đau đớn vô cùng, kêu khóc rất thảm thương. Họ biết rằng mình vì làm ác nên Phật, Trời mới hành phạt như vậy. Nhưng đã muộn rồi, vợ chồng chỉ biết than thở với nhau chứ không dám oán trời trách đất.

Một đêm, hai vợ chồng nằm mơ, thấy Bụt hiện đến bảo rằng: -Hai đứa con của nhà người cốt là yêu quý. Trước kia, thấy nhà người làm chuyện gian ác, lường cân tráo đấu nên Trời sai hai con quỷ đầu thai làm con nhà người để phá tan sản nghiệp này. Nhưng từ khi thấy vợ chồng nhà người biết cải ác tùng thiện, phá bỏ cái cân thủy ngân, hằng lo tu nhân tích đức, nên Trời Phật cảm thấu tấm lòng thành đòi hai con quỷ về Trời không cho chúng phá hoại sản nghiệp của người. Vậy người không nên than thở nữa, mà hãy lo làm thiện tất có nhiều phần thưởng quý giá dành cho người.

Nói rồi Bụt biến mất. Vợ chồng nhà buôn kia nhớ lời Bụt dặn, không thương tiếc hai đứa con đã chết, mà lại lo làm lễ sám hối một lần nữa. Vợ chồng hết lòng lo làm việc thiện. Về sau lại sanh được hai đứa con tuy không khôi ngô tuấn vĩ, nhưng được cái hiền lành thông minh, học đâu nhớ đó, lại ăn ở với cha mẹ rất có hiếu.

Lớn lên cả hai đứa con đều thi đỗ làm quan, thờ cha kính mẹ hết lòng. Về già, vợ chồng nhà buôn được thanh thoi, sung sướng, xa gần đều cảm đức mến ân. Bây giờ, vợ chồng mới hiểu rằng Trời, Phật rất công minh, việc làm gian ác dầu kín nhem đến đâu cũng không tránh được quả báo nhãn tiền. Cũng may nhờ sớm biết sám hối mà họ được an nhàn sung sướng về già.

# THẦN NÚI TẢN VIÊN

Tục truyền thần núi Tản Viên thuộc dòng lạc Long, nhà nghèo thường vào rừng đốn củi để làm kế sinh nhai. Một hôm vừa đốn ngã một cây chò, bỗng nghe một tiếng sấm, kẻ Thái Bạch Kim Tinh hiện đến bảo rằng: -Nhà người có căn tu, vậy hãy lãnh vật này mà cứu nhân độ thế.

Nói rồi Thái Bạch Kim Tinh trao cho Thần một cây gậy rồi biến mất. Từ đó, Thần vào ở luôn trong núi chuyên trị bệnh giúp người làm phước. Hôm nọ Thần đi dạo ở chân núi thấy bọn trẻ đập chết một con rắn lớn, nhìn kỹ nơi đầu rắn có một chữ “Vương.” Thần liền cầm cây gậy gõ vào đầu rắn mà niệm phù. Tức thì rắn sống lại bò xuống sông đi mất.

Cách đó ít lâu, một hôm Thần gặp một gã đàn ông mặt xanh nanh nhọn, đón đường bái vọng và nói rằng: -Tôi là Tiểu Long Hầu, thái tử con của Nam Hải Long vương, năm trước lên trần du ngoạn bị bọn trẻ hành hung đánh chết, may nhờ ngài cứu mạng. Tôi về thuật chuyện, phụ thân tôi rất là ngưỡng vọng nên sai tôi đi rước ngài xuống dạo Long cung.

Nói rồi, Tiểu Long Hầu đưa Thần tới bờ biển, làm phép rẽ nước cùng xuống tới Long cung. Long vương đón rước Thần rất ân cần niềm nở. Truyền cho Thần muốn lấy vật gì quý giá thì Long vương sẽ trao tặng, Thần đều từ chối cả. Sau cùng Long vương trao tặng Thần một quyển sách ước, bất đắc dĩ Thần phải nhận và để lời cảm tạ.

Sau ba ngày du ngoạn thủy cung, Thần trở về núi Tản Viên tiếp tục trừ tà ma quỷ giúp đời. Thường khi Thần cũng đi du ngoạn ở miền đồng bằng. Đến đâu thì hóa ra đền đài cung điện ở đó. Dân làng mỗi khi biết Thần ngự ở đâu, thì lập đền thờ ở đó.

Lúc nước Nam nội thuộc nhà Đường bên Tàu, Thái thú Cao Biền là tay giỏi về phù phép, lại sợ Thần ám trợ dân Nam phá hoại việc đô hộ nên định dùng mưu để trừ Thần. Cao Biền mới bắt một người con gái mười bảy, mười tám tuổi, buộc tắm gội sạch sẽ, rồi cho ăn hoa quả và mặc xiêm áo lịch sự, đoan đặt ngồi lên ngai, giết trâu bò bày cuộc tế lễ để cho Thần nhập vào người con gái ấy, rồi rình cắt nhắc tay chân, và thốt nhiên chém chết. Cao Biền thường làm như vậy để trấn ếm các Thần.

Khi Cao Biền dùng mưu đó để đánh lừa Thần, thì Thần cưỡi ngựa trắng, bay trên mây nhỏ nước miếng vào cổ tể mà bỏ đi. Thấy thế Cao Biền vô cùng thất vọng, cho rằng linh khí nước Nam còn vượng lắm nên không thể trừ được Thần.

Do đó, dân Nam càng sùng kính Thần hơn, lập miếu ở nhiều nơi để thờ Thần.

# KẺ TRỘM THÀNH PHẬT

Ngày xưa có một nhà sư rất chuyên cần trong việc kệ kinh. Tu đã lâu mà không thành chánh quả, nhà sư mới bỏ chùa đi sang xứ Phật để hỏi thăm đức Phật bao giờ công quả của mình mới đắc thành.

Dọc đường, nhà sư gặp một gã đàn ông nọ xin đi theo làm đệ tử, nhà sư mới hỏi rằng: - Trước kia người làm nghề gì mà nay muốn theo ta đi sang xứ Phật.

Gã đàn ông đáp: -Trước kia tôi làm nghề ăn trộm, nhưng vì sợ luân hồi quả báo, nên tôi nguyện từ đây lánh dữ tìm lành, lo tu hành cho tiêu tan tội lỗi.

Nhà sư nói: -Tu hành cốt ở lòng thành, nhà ngươi đã làm việc ác, nay còn muốn tu hành sao được?

Kẻ trộm năn nỉ mãi, nhà sư cũng không cho đi theo. Cuối cùng gã lấy dao mổ bụng lấy bộ đồ lòng trao cho nhà sư và nói: -Nếu cái thân này không được theo thầy, thì dám xin gửi bộ lòng lành để thầy mang trình với đức Phật.

Nói rồi kẻ trộm gục xuống chết, nhà sư liền đem bộ đồ lòng của kẻ trộm ra đi.

Ít ngày sau, mùi thúi xông lên, nhà sư không chịu được nên liệng bộ đồ lòng dưới một cội cây rồi tiếp tục cuộc hành trình. Vào lúc đó có con quạ từ trong rừng bay ra, tha bộ đồ lòng đem về đậu trên cây phượng của đức Phật.

Ngày kia, nhà sư đến xứ Phật vào quỳ lạy đức Phật Tổ, thì ngài quở trách rằng: -Người ta đem cả lòng thành gửi gắm cho người mà người không biết giữ gìn lại đem vứt bỏ giữa đường nên ta phải sai chim quạ đem về đây.

Nhà sư liền nói: -Hắn là một kẻ trộm từng làm điều gian ác.

Phật Tổ phán rằng: -Dầu là kẻ trộm, nhưng hắn sớm biết cải hối ăn năn, nên ta đã cho hắn thành Phật, còn người lòng chưa được lành, tâm còn toan tính nọ kia, nên phải trở về lo tròn công quả may ra cõi Phật mới được về.

Nhà sư đành trở lại chùa xưa, tiếp tục tu hành khổ hạnh.

# CON RỪA VÀNG

Thuở xưa kia có hai người bạn chơi với nhau rất thân, hiềm vì một người thì giàu, còn người kia thì nghèo. Người bạn giàu có cái tên là Đại Trọng Phu, còn người bạn nghèo tên là Chí Quân Tử.

Vợ chồng Đại Trọng Phu thấy bạn nghèo thì có ý muốn giúp đỡ vốn liếng để làm ăn. Chí Quân Tử lòng dạ ngay thẳng ngại rằng lấy tiền của bạn bè đem về, rủi làm ăn thất bát thì lấy đâu mà trả cho bạn. Vì vậy nên từ chối việc giúp đỡ của bạn.

Nhà Đại Trọng Phu chẳng thiếu gì của quý, nhưng lại muốn có thêm của lạ, nên hôm nọ lấy năm nén vàng đưa cho một người thợ bạc đặt làm một con rùa bằng vàng. Ngày kia, Chí Quân Tử đến thăm bạn, Đại Trọng Phu liền đem con rùa vàng ra khoe. Chí Quân Tử xem rồi để trong một cái đĩa, đoạn cùng bạn uống rượu đến say khướt nằm ngủ quên.

Lúc bấy giờ, con trai của Đại Trọng Phu đi học ở xa về, thấy con rùa vàng lấy đem đi chơi. Đến chùng Chí Quân Tử ra về được một lát, Đại Trọng Phu mới chợt nhớ tới con rùa vàng, hỏi vợ thì vợ nói không có lấy cất. Đại Trọng Phu lấy làm bối rối, chẳng lẽ nghi cho người bạn tốt của mình ăn cắp con rùa vàng?

Ngày sau, Đại Trọng Phu đến nhà Chí Quân Tử chơi, nhân tiệc con rùa vàng có hỏi mát bạn rằng: -Này anh, hôm trước anh có lấy con rùa vàng của tôi đem về để cho chị coi không?

Nghe vậy Chí Quân Tử nghĩ thầm rằng: “Có lẽ bạn ta nghi ta ăn cắp con rùa vàng chẳng?” Nhưng chẳng lẽ bảo là không lấy thì chi cho khỏi phật lòng bạn mình, nên đành nhận là có lấy.

Đại Trọng Phu mới bảo bạn: -Thôi được, anh cứ giữ con rùa vàng mà chơi. Tôi xin kiếu anh.

Đại Trọng Phu về rồi, vợ chồng Chí Quân Tử lấy làm lo lắng, làm sao có con rùa vàng để trả cho bạn. Vợ chồng bàn nhau bán nhà, bán cửa cho ông Phú Trưởng giả và xin làm người hầu hạ để có đủ tiền mua con rùa vàng trả lại bạn.

Ông Phú Trưởng giả biết chuyện lấy làm động tâm, mới gọi người thợ bạc đến làm một con rùa vàng khác, trao cho vợ chồng Chí Quân Tử đem về trả cho bạn và cũng không nhận vợ chồng Chí Quân Tử làm người hầu hạ, mà chỉ cho ở nhờ.

Được ít lâu, người con trai của Đại Trọng Phu trở về nhà có đem theo con rùa vàng đã lấy độ trước, trả cho cha mẹ và nói: -Hôm nọ, con về nhà thỉnh linh thấy con rùa vàng để trong đĩa nên con lấy cất đây, nếu gặp phải kẻ gian thì mất luôn rồi. Vậy con xin trả lại.

Thấy vậy, vợ chồng Đại Trọng Phu vô cùng ngạc nhiên. Rùa vàng nào con mình lấy đem đi chơi, rùa vàng nào bạn đem trả? Mới nghĩ ra, có lẽ người bạn nghèo sợ mình phiền trách nên làm con rùa khác để thế.

Bấy giờ Đại Trọng Phu mới đem con rùa vàng đến tận nhà Chí Quân Tử để trả lại và xin lỗi bạn. Nhưng nhà đã bán rồi, vợ chồng bạn lại đến ở nhờ trong nhà ông Phú Trưởng giả. Lập tức Đại Trọng Phu đến gặp ông Phú Trưởng giả trao trả con rùa vàng và xin đưa vợ chồng bạn về. Ông Phú Trưởng giả từ chối như vậy: -Anh có mượn rùa vàng của tôi đâu mà trả? Còn vợ chồng Chí Quân Tử tôi có bắt buộc gì đâu mà lãnh về?

Còn Chí Quân Tử nhận mình có mắc nợ ông Phú Trường giả nên không chịu về. Câu chuyện trở thành rắc rối, cả ba đưa nhau đến cửa công nhờ phân xử.

Lẽ tự nhiên quan trên không biết xử làm sao đối với ba người ngay thật thà tốt bụng này.

# TÍCH CÁI ỐNG NHỎ

Ngày xưa, có một vị sư già nổi danh là bậc đại đức chân tu. Bá tánh thập phương mỗi ngày kéo tới thọ giáo một đông thêm. Vị sư già mới nghĩ tới việc ẩn dật để tránh cho bá tánh khỏi phải phiền phức về chuyện hương đăng trà quả để hầu hạ, cung phụng cho thầy.

Ngày kia, vị sư già kêu các đồ đệ mà bảo rằng, mình sẽ đi vào núi để tu khổ hạnh, không muốn phiền các đệ tử đi theo. Vậy ai muốn đi đâu tùy ý.

Hầu hết các đệ tử đều nghe theo lời thầy, chỉ có chú tiểu nọ nằn nằn quyết một đời theo hầu hạ thầy suốt đời. Chẳng phải chú tiểu nọ dốc lòng tu hành khổ hạnh, hay mến công đức của thầy mà xin theo thầy. Chẳng qua thấy thầy được nhiều người sùng bái, hàng ngày dâng cúng phẩm vật rất nhiều, nên ăn uống phỉ phê vì ham ăn mà chú tiểu xin theo thầy.

Vị sư già cũng bằng lòng cho chú tiểu đi theo. Đó rồi hai thầy trò băng rừng lướt bụi vào tận trong núi để tu hành. Từ đó, ở giữa nơi thâm sơn cùng cốc, không một ai lui tới dâng cúng phẩm vật, hai thầy trò phải làm việc thật vất vả mới có mà ăn.

Chú tiểu chịu cực nhọc không nổi thì sinh ra thói chí ngã lòng, muốn bỏ thầy trốn đi, lại sợ bị hùm beo răn rít hại mạng. Thành thử phải sống tạm bợ bên thầy để chờ cơ hội ra đi.

Một hôm, có cậu bé đến xin làm đệ tử cho vị sư già và bằng lòng gánh chịu tất cả sự nặng nhọc. Chú tiểu nọ rất mừng, đem mọi việc nặng nhọc giao lại cho cậu bé. Nhờ chịu khó, siêng năng nên cậu bé được thầy khen ngợi. Bấy giờ chú tiểu nọ lại sinh lòng ghen ghét cậu bé đông đạo, rắp tâm làm hại.

Đêm kia, thừa lúc cậu bé ngủ quên, chú tiểu lấy nước tưới tắt mỗi lửa dùng để nấu nước cúng Phật.

Vào đầu canh tư, cậu bé giật mình thức giấc mò xuống bếp thấy lửa củi đâu đó tắt cầm thì cả kinh, không biết lấy gì nhóm lửa để nấu nước cúng Phật. Cậu bé chỉ còn nước liều, cầm đầu chạy băng rừng tới xóm nhà nào gần nhất để xin lửa.

Rừng sâu đầy ác thú, cậu bé vừa chạy, trống ngực đánh liên hồi. Lúc đến giữa rừng, cậu bé bỗng nghe văng vẳng bên tai có tiếng gọi mình. Cậu cứ ngỡ là yêu ma hiện ra khuấy rối, liền niệm Phật và chạy ào. Bỗng cậu bé nhìn lên thấy một ông lão tóc bạc phơ, đôi mắt hiền từ, ông lão ngó cậu bé và hỏi: -Đêm khuya thế này, con chạy đi đâu mà hốt hơ, hốt hải vậy, không sợ ác thú ăn thịt sao?

Cậu bé chấp tay lại vái chào cụ già và kể chuyện rằng vì lãnh phần nấu nước cúng Phật, rồi ngủ quên để lửa tắt ngúm, bây giờ đã gần giờ nấu nước nếu không có lửa, thầy sẽ quở trách nên mình phải liều chết chạy tới xóm xa xin lửa.

Cụ già nghe vậy bèn bảo cậu bé: -Ở đây muốn tới xóm nào gần nhất cũng phải mất một ngày, con cố chạy đi cũng về không kịp giờ nấu nước cúng Phật, nay ta có cách này giúp con không biết con có chịu nghe chăng?

Cậu bé cảm động đáp rằng: -Nếu cụ có lòng thương mà giúp đỡ, cháu xin cảm đội ngàn lần.

Cụ già bảo: -Bây giờ con hãy trèo lên cây kia, hãy nghe tiếng ta bảo thì buông tay nhảy xuống, nhưng phải nhớ nhắm nghiền đôi mắt lại, chừng nghe im tiếng gió thì mở mắt ra. Khi lấy lửa rồi cũng phải trèo lên cây buông mình xuống và nhớ nhắm mắt lại, nếu cãi lời ta thì

sẽ bị hại tức thì.

Cậu bé ngoan ngoãn làm theo đúng lời dặn của cụ già. Lúc buông mình xuống, cậu bỗng thấy mình rơi vào một lớp lông láng mịn, kể nghe gió thổi ào ào, cả mình như bay bổng. Hồi lâu im gió, mở mắt ra thì thấy đang đứng trước một hòn núi lửa. Cậu bé liền lấy lửa cầm nơi tay, rồi làm theo lời dặn của cụ già.

Chẳng bao lâu cậu bé về tới nơi, mở mắt ra thời thấy chỗ động đá của vị sư già. Cậu bé mừng rỡ nhúm lửa lên nấu nước đem lên cúng Phật đúng vào lệ thường ngày.

Rạng sáng, chú tiểu nọ xuống bếp thấy lửa cháy hồng hào thì lấy làm lạ, không rõ cậu bé lấy lửa đâu mà nấu nước. Gạn hỏi cậu bé, thì cậu thật tình kể lại chuyện gặp cụ già râu tóc bạc phơ ở giữa rừng. Chú tiểu đoán biết đó là vị tiên hiện ra giúp đỡ cậu bé.

Bấy giờ chú tiểu mới nảy ra ý định, xin với thầy cho mình được phép lo việc nấu nước cúng Phật, còn cậu bé thì lo việc khác.

Vị sư già bằng lòng ngay.

Đem đó chú tiểu cũng làm cho mỗi lửa tắt ngúm, rồi chạy qua rừng y như cậu bé đã làm. Đến giữa rừng, chú tiểu gặp một cụ già râu bạc hiện ra. Chú lập lại y như lời cậu bé hôm trước. Cụ già liền bảo chú tiểu trèo lên cây buông mình xuống. Chú tiểu khắp khởi mừng thầm phen này được tiên độ.

Chẳng dè khi trèo lên cây buông mình xuống rơi vào đá đập bể đầu, bể bụng chết tươi hóa thành cái ống nhỏ. Hai tay vòng thành cổ bình, miệng há hốc kêu trong khi rơi xuống tòe loe miệng thành ống nhỏ.

Bá tánh hay tin có việc không may xảy đến cho thầy trò vị sư già nên kéo nhau vào núi viếng thăm, chia buồn, khi nghe rõ đầu đuôi câu chuyện nên ai cũng ghét, mới khắc nhổ vào cái miệng tòe loe kia.

Từ đó đến sau người ta làm ra cái ống nhỏ để đựng đồ dơ bẩn, đó là sự tích trên đây.

# BÀ HUYỆN THỦY ĐƯỜNG

Ở vùng Bắc Ninh, có cô gái đẹp ở làng Cách Bi về sau lấy ông cử nhân Nguyễn Hanh, giữ chức tri huyện Thủy Đường. Từ đó người ta gọi cô gái là bà Huyện Thủy Đường.

Bà ăn ở với chồng rất hòa thuận, khi sanh được đứa con trai vừa bảy tháng thì ông Huyện qua đời. Bà Huyện tuy còn trẻ nhưng quyết thờ chồng ở vậy nuôi con.

Trong làng có gã lý trưởng thuộc đám cường hào ác bá, thấy bà Huyện trẻ đẹp góa bụa thì động tình, tìm đủ lời ngon ngọt để ve vãn. Muốn được yên thân nuôi con, bà Huyện dùng những lời khôn khéo chối từ.

Một hôm, bà Huyện có chuyện phải ra ngoài, gã lý trưởng háo sắc kia liền nom theo, rồi thừa lúc xuất kỳ bất ý nhảy ra ôm đại bà toan làm chuyện tồi bại. Bà vừa vùng vẫy, vừa bảo gã lý trưởng rằng: Hãy buông tha cho bà về, chờ làm lễ đoạn tang chồng, bà sẽ tính chuyện nợ duyên.

Gã lý trưởng tin lời. Bà thoát nạn trở về nhà bày lễ cúng tế linh đình, mời hết họ hàng thân thích đến để chứng kiến cuộc lễ. Gã lý trưởng háo sắc kia cũng mò tới nhà, lòng mừng khắp khởi, tưởng rằng bà thiết tình thực hiện lời hứa với gã.

Cúng tế, tạ tội với chồng xong, bà cầm dao chỉ vào mặt gã lý trưởng háo sắc, hải tội lẳng nhục bà ở giữa đường. Bà nói lúc đó bà không muốn chết là vì muốn tạ lỗi với chồng và vì cần phải gởi gắm con thơ với họ hàng làng nước.

Nói đoạn bà cầm dao chặt cánh tay, bị tên lý trưởng nắm được, và đâm hòng tự tử trước mặt mọi người. Thấy gương tiết liệt của bà như vậy, ai cũng xót thương, cảm động và mến phục.

Đứa con trai của bà là Nguyễn Cao, sau lớn lên, tự chất thông minh, học hành siêng năng, thầy bạn, xóm làng đều yêu mến. Khi đi thi được đỗ làm quan. Còn tên cường hào kia thì bị người làng bắt trời giải lên quan trị tội.

# CÂY TRE TRĂM MẮT

Ngày xưa, có anh lực điền vào làm đầy tớ cho một nhà giàu nọ. Thấy anh giỏi giang, siêng năng lại hiền lành chân thật, ông nhà giàu nọ liền gạ gẫm anh: nếu anh làm việc giỏi hơn nữa ông sẽ gả con gái cho.

Anh lực điền tin rằng bằng lời, ngày đêm siêng năng làm lụng, gánh vác hết mọi việc nặng nhọc trong ngoài, đem lại cho ông nhà giàu nhiều mối lợi lớn, càng giàu thêm ra.

Hơn ba năm làm việc thí công, anh lực điền không nghe ông nhà giàu nhắc nhở gì tới lời hứa hẹn gả con gái cho anh ta. Các có ông nhà giàu lại nhận gả con gái mình cho con trai lão phú hộ ở làng bên.

Anh lực điền biết vậy thì buồn lắm, thừa lúc ông nhà giàu vui chuyện, anh ta đánh bạo nhắc lại chuyện xưa. Ông nhà giàu liền nảy ra một mưu kế nên bảo anh lực điền: -Được rồi, ta sẽ gả con gái cho anh, vậy anh hãy lên rừng kiếm cho ta cây tre trăm mắt đem về để đây làm đũa đũa hai họ.

Anh lực điền thật thà nghe bảo sao thì làm y như vậy, chớ không biết mưu mô của ông nhà giàu định gạ anh đi khỏi để rảnh tay làm đám cưới cho con gái ông.

Lúc bấy giờ, anh lực điền xách rựa lên rừng, tìm kiếm khắp nơi, đuối cả sức mà không sao tìm ra cây tre có đủ trăm mắt. Ngày lại tàn, bóng tối sắp sửa phủ xuống các nẻo rừng, phần vì buồn, phần vì sợ, anh lực điền ngồi bẹp bên gốc cây ôm mặt khóc.

Xảy có ông lão cầm gậy hiện ra gọi anh lực điền và hỏi: -Tại sao con khóc?

Anh lực điền thuật chuyện ông nhà giàu hứa gả con gái và buộc mình vào rừng tìm cây tre trăm mắt, mình tìm kiếm khắp nơi không gặp nên buồn rầu mà khóc.

Ông lão nghe nói liền cười ha hả bảo anh lực điền: -Chuyện đó có khó gì, con hãy mau chặt cho ta một trăm mắt tre, ta sẽ giúp con có cây tre trăm mắt.

Anh lực điền vâng theo lời ông lão đi chặt đủ một trăm mắt tre đem lại. Ông lão liền cầm những mắt tre, miệng hô hai tiếng: “Khắc nhập.” tự nhiên những mắt tre dính lại thành cây tre trăm mắt cao ngút tận mây.

Đó rồi, ông lão dạy anh lực điền cách tháo ra rồi biến mất. Anh lực điền vui mừng hí hửng đem cây tre trăm mắt về nhà. Tới nơi, gặp lúc đám cưới con gái ông nhà giàu và con trai ông phú hộ đang cử hành. Hai họ hợp mặt ăn uống rất là vui vẻ. Anh lực điền không khỏi thất vọng biết rằng mình bị gạ, nên uất ức lên đi ngay vào nhà gọi ông nhà giàu nói rằng mình đã tìm được cây tre trăm mắt rất là lạ.

Ông nhà giàu không tin, nên bảo anh lực điền cho coi cây tre trăm mắt. Anh lực điền mời ông nhà giàu ra sân để xem. Thấy cây tre quả nhiên có đủ trăm mắt rất là lạ, nên rờ rẫm cho rõ thực hư.

Thừa dịp đó, anh lực điền hô to: “Khắc nhập.” Khắc nhập!” tức thì cả hai tay ông nhà giàu dính cứng trong cây tre.

Ông phú hộ là chỗ sui gia với ông nhà giàu thấy vậy, bèn chạy lại nắm cây tre để cho ông nhà giàu rút tay lại, chẳng ngờ anh lực điền hô: “Khắc nhập! Khắc nhập!” thành ra cả hai ông đều dính cứng trong cây tre.

Cả hai họ và luôn cả hai ông nhà giàu đều hoảng sợ, kêu xin anh lực liên cứu mạng.

Bấy giờ, anh lực liền nhắc lời hứa hẹn của ông nhà giàu, chịu gả con gái cho anh ta thì anh ta cứu khỏi dính trong cây tre, bằng không anh cứ để như vậy.

Biết là không thể nuốt lời, ông nhà giàu đành miễn cưỡng bằng lòng gả con gái cho anh lực liền. Anh liền hô to mấy tiếng: “Khắc xuất! Khắc xuất!” Bấy giờ hai ông nhà giàu rút tay ra êm ru, bẽn lễn nhìn nhau. Còn anh lực liền được vợ.

# ÔNG QUAN TUỔI TÝ VÀ CON CHUỘT BẰNG VÀNG

Một ông quan nọ nổi tiếng là thanh liêm rất mực. Cai trị một huyện, làng xã đều cậy nhờ mọi việc, ông quan nọ rất sẵn lòng làm, nhưng chuyện đền ơn, đáp nghĩa thì ông nhất định từ chối. Bà huyện phải phục tùng theo chồng, nên dầu có ai đi cửa sau ỏn ỹ bà nên nhận chút lễ vật thay ông, bà cũng khăng khăng từ chối.

Thật là rắc rối, vợ chồng ông huyện càng từ chối bao nhiêu, người ta càng nài nỉ bấy nhiêu. Rốt cuộc bà huyện phải miễn cưỡng nói với mọi người: -Quý vị nài nỉ mãi, nếu không nhận cội cũng kỳ. Vậy thì quý vị nên làm như vậy: Quan huyện nhà tôi vốn tuổi Tý, làng xã có lòng đền ơn thì nên đúc một con chuột nhỏ bằng vàng để kỷ chú thì chắc quan huyện nhà tôi nhận.

Làng xã cả mừng làm y theo lời bà huyện. Được con chuột bằng vàng bà huyện đem cất kín một nơi không cho ông huyện hay.

Thời gian trôi qua, lúc ông huyện về hưu, trong nhà nghèo túng, thiếu trước hụt sau, càng khổ hơn nữa là lúc có người đau ốm không đủ tiền chạy thuốc. Bấy giờ bà huyện phải đem con chuột bằng vàng ra cắt xén từng miếng đem bán lấy tiền sắm sửa trong nhà và sắm ăn mặc. Ông huyện thấy vậy bèn hỏi vợ: -Từ ngày tôi làm quan trở về, gia đình ta càng ngày càng sa sút, lắm khi phải vay nợ, vậy tiền ở đâu bà mua sắm phủ phê thế này?

Bà huyện không dám giấu nữa, mới thuật rằng: -Lúc đang làm tri huyện, làng xã hay đem của lót nhà mình không nhận, đến sau bắt đắc dĩ tôi bảo mình tuổi Tý nên đúc con chuột bằng vàng đem đến may ra nhận được. Nhờ đó, ngày nay tôi cắt xén từng miếng đem đi bán mới có tiền mua sắm trong nhà.

Nghe bà huyện nói, ông huyện ra dáng suy nghĩ một hồi rồi bảo: -Này bà, sao lúc đó bà không nói tuổi Sửu để bắt họ đúc trâu vàng. Phải chi bà nói vậy bây giờ mình chẳng giàu có à?

# TRUYỆN CON CHÓ ĐÁ

Thuở xưa, có một anh học trò, mỗi ngày đi đến nhà thầy, phải ngang qua một nơi có con chó đá. Là một điều, ai đi qua thì con chó cũng trơ trơ, chỉ có anh học trò mỗi lần đi đến thì con chó nhồm dậy tỏ vẻ mừng rỡ.

Anh học trò không khỏi lấy làm lạ, lần kia anh liền dừng lại hỏi con chó đá rằng: -Người qua lại ở đây cũng đông, sao các người khác mà không mừng, chỉ riêng có một mình tao thì mà mừng là tại cơ chi?

Con chó đá đáp rằng: -Khoa này bao nhiêu người kia, chẳng có ai đỗ đạt cả, chỉ có mình cậu thi đỗ, số trời đã định nên tôi mừng cho cậu vậy.

Anh học trò nghe nói vậy rất mừng, lúc về nhà kể chuyện lại cho cha mẹ nghe. Từ đó, người cha bỗng lên mặt kiêu căng, phách lối bắt nạt mọi người. Có lần người cha dắt trâu bò ra đồng cày ruộng, thả trâu cho dẫm lên mạ của người làng. Người ta nói, ông ta không thèm đáp. Hôm sau, đem thêm trâu ra dẫm be bét cả ruộng của người ta. Chủ ruộng lấy làm bất mãn phiền hà, thì người cha trợn mắt múa chân tay đe dọa: -Coi chừng, khoa này con ông thi đỗ thì bây sẽ biết tay ông.

Chủ ruộng nghe vậy thì hoang mang, lo lắng nên phải chịu lép mọi bề. Hôm sau, anh học trò đi qua chỗ con chó đá thì không thấy nó nhồm dậy vẫy đuôi mừng nữa. Lúc quay về nó cũng không mừng. Anh học trò ngạc nhiên hỏi con chó: -Mọi lần tao qua đây thấy mà mừng, cơ sao bữa nay mà không mừng, tao có làm điều chi không hay chẳng?

Con chó đáp rằng: -Việc này hổng phải tại cậu mà tại cha của cậu lên mặt hống hách, bắt nạt đầu này, ức hiếp đầu kia, cho trâu phá ruộng mạ của người ta còn lên giọng hăm dọa, nên Thiên Tào bới sổ cậu rồi, khoa này cậu không đỗ đâu, như vậy tôi còn mừng cậu làm gì nữa.

Anh học trò nghe con chó đá nói vậy thì buồn bã ra về thuật chuyện cho cha mẹ nghe. Người cha lấy làm hối hận, từ đó không lên mặt hống hách nữa. Riêng anh học trò, khoa đó vào thi mặc dầu học giỏi và cố gắng anh vẫn không đỗ. Lòng lấy làm buồn vác lều chiếu trở về đợi khoa sau.

Kho sau và khoa sau nữa anh đều thi rớt, cha mẹ anh bấy giờ mới biết lẽ trời chí công, nên hết lòng tu nhân tích đức, ăn ở rất tử tế với tất cả mọi người.

Một hôm, anh học trò đi ngang qua chỗ con chó đá, con chó bỗng nhồm dậy mừng rỡ nhìn anh. Anh chưa hỏi gì thì con chó đã lên tiếng: -Bấy lâu cha cậu biết ăn năn sửa mình làm điều thiện, nên Thiên Tào đã ghi tên cậu vào sổ tân khoa, tôi mừng cho cậu.

Quả nhiên, khoa thi đó, anh học trò đậu đầu, lúc trở về làng được đón rước linh đình, lúc qua chỗ con chó đá, thì con chó biến đi đâu mất.

# TẠI SAO CỌP GHÉT MÈO

Thuở xưa, cọp và mèo là bà con với nhau, hình dạng giống nhau, cách leo trèo, đi đứng cũng chẳng khác gì. Hai con lại ở chung với nhau, cọp gọi con mèo bằng cô, mèo kêu cọp bằng cháu; cô cháu sống cạnh nhau rất tương đắc, thường bữa mèo dạy cọp leo trèo, chạy, nhảy nên luôn luôn cung kính mèo.

Mèo có tánh lười biếng, ăn xong kiếm chỗ ngủ, ngủ dậy lại ăn, còn cọp siêng năng, ngày đêm lo tìm mồi, xông xáo đầu này đầu kia chớ ít khi tìm chỗ ngủ. Một hôm, cọp bắt được một con heo, đem về để dành đợi ăn dần. Thừa lúc cọp đi vắng, mèo cứ rút rĩa ăn lén gần hết con heo. Con cọp không tìm được mồi, trở về đem con heo ra ăn thì mèo đã ăn tất cả món ngon rồi. Cọp tức quá không nhường nhịn nữa, nên mắng mèo:

Cô gì mà cô? Cô lô cô lốc!  
Có miếng thịt nào bỏ mồm cô hốc.

Mèo không nhin nên hai đảng xô xát nhau, bắt đầu thù ghét nhau. Mèo tuy lười biếng nhưng được cái linh lợi, tinh ranh hơn cọp. Mèo nảy ra mưu kế, mới làm ra vẻ thân thiện bảo cọp rằng: -Cô nghe thiên hạ khen cháu có tài, nhưng cô chưa thấy tài của cháu bao giờ. Vậy đằng kia có cái cây cao, cô và cháu ta hãy đến đó thử tài leo trèo một lần xem sao?

Cọp nghe bùi tai, ưng thuận liền.

Thế là cọp và mèo đến cây cao thi tài.

Mèo leo lên trước, cọp leo lên sau, tuy vậy mèo vẫn khen: -Cháu leo trèo khá đó chớ, nhưng vẫn chưa biết được cháu có hơn cô không? Vậy thì nên trèo cả hai bận lên và xuống.

Tất nhiên là cọp đồng ý, tưởng mình sẽ thắng được, chớ không dè mắc mưu mèo.

Nhờ nhỏ thó, nhẹ mình nên mèo trèo lên hay trèo xuống gì cũng đều lanh lẹ. Duy có cọp to xác, mình mẩy nặng nề nên khi trèo xuống bị ngã phăng xuống đất, mũi đập nát đau đớn vô cùng. Từ đó, cọp bị xẹp mũi. Cũng từ đó, cọp thù ghét mèo, thề hễ gặp đâu đánh đó, và dọa rằng:

Cô gì mà cô, cô rô cô rút!  
Cháu bắt được cô, không tha cả cút.

Nghe cọp dọa như vậy, mèo sợ quá bỏ rừng xanh trốn về thành thị, ẩn mặt trong nhà loài người. Khi ỉa xong lại lấy tro lấp cả cút cốt ý giấu không cho cọp thấy.

# SÓNG THẦN Ở PHÁ TAM GIANG

Trước đây, ở cửa biển về phía Đông Bắc tỉnh Thừa Thiên có ba ngọn sóng thần, tục gọi là sóng Ông, sóng Bà và sóng Con. Hàng ngày, cả ba lượn sóng thần quái này hiện lên nhận chìm thuyền qua lại, sát hại không biết bao nhiêu sanh mạng người. Sự kinh khủng, hãi hùng lan rộng trong giới ngư phủ và cả giới thương hồ vượt biển hàng ngày. Bởi vậy mới có câu hát nói lên sự kinh sợ đó:

Thương em anh cũng muốn vô,  
Sợ trường nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.

Phá Tam Giang tức là chỗ sóng thần thường hiện ra gieo rắc tai họa kinh khủng cho mọi người. Thời kỳ này, ghe thuyền đều lảng tránh việc qua lại trên phá Tam Giang.

Sóng thần không những hoành hành dưới biển mà còn tràn lên bờ làm sập nhà cửa, phá hoại mùa màng ở các làng xung quanh phá Tam Giang. Dân chúng trong vùng đều hãi hùng kinh sợ, kêu ca với quan địa phương. Quan địa phương dâng sớ về Huế xin triều đình tìm cách trừ khử sóng thần.

Lúc bấy giờ nhằm triều vua Tự Đức, nhà vua xem sớ xong lấy làm tức giận quyết tự tay trừ hại cho dân lành. Nhà vua mới đích thân cầm quân đến nơi quyết hạ cho được sóng thần.

Một cỗ đại bác được đem trí tại khuỷu sông, hòng súng day thẳng ra biển nhắm ngay chỗ sóng thần thường nổi lên. Nhà vua tưởng tượng đó là một hung thần khát máu chỉ biết có giết chóc, sát hại, nên truyền đúc đầu đạn đại bác bằng đồng để bắn sóng thần.

Chuẩn bị đâu đó hoàn bị rồi, trước khi tấn công, nhà vua có được lời tuyên cáo cảnh cáo sóng thần như vậy: “Trẫm vâng mang trời làm vua nước Nam, thấy người cũng thuộc hàng thủy thần ở trong đất nước của trẫm, lại ngang nhiên làm điều bạo ngược, vô cớ làm hại đến dân của trẫm. Vậy trẫm phải ra lệnh cho nhà ngươi từ đây dẹp thói hung hăng, dứt điều tàn bạo, xa lánh chốn này. Trẫm kỳ hạn cho nhà ngươi một ngày để suy nghĩ, nếu biết phải quấy mà hối cải thì trẫm cũng rộng lòng mà tha cho các tội đã qua. Bằng không, bấy giờ đừng có trách sao không ra ẩn trước.”

Nhà vua vừa dứt lời, mặt nước ở phá Tam Giang bỗng nhiên sôi sục, nước tủa màu xanh đen cuộn cuộn biểu lộ sự tức giận của sóng thần. Suốt ngày đó chưa xảy ra chuyện gì. Nhà vua nhận thấy, có lẽ sóng thần không dám xuất hiện giao chiến giữa ban ngày, đợi đêm tối mới ra oai hành hung tác quái. Bởi vậy nhà vua cho canh tuần khắp nơi rất là nghiêm ngặt. Tất cả quân sĩ phải sẵn sàng chờ lệnh.

Quả nhiên, màn đêm vừa buông xuống, mảnh trăng lưỡi liềm vừa ló ra, thì mặt phá Tam Giang bắt đầu lao xao nổi sóng. Gió thổi mỗi lúc một mạnh dần dần chuyển thành tiếng gầm thét ghê hồn.

Khí lạnh ùng ùng dâng lên, làm cho ai nấy rùng mình, Rồi trong phút chốc mặt biển chuyển động ba đào. Từng lượn sóng khổng lồ ào ạt tiến tới chỗ nhà vua và quân sĩ. Nhờ ánh trăng le lói, nhà vua nhận thấy một ngọn sóng lớn như hòn thái sơn âm âm dần theo hai ngọn sóng to như hai hòn núi nhỏ đen ngòm tiến về phía mình.

Tức thì, nhà vua hạ lệnh bắn đại bác vào ngọn sóng lớn. Một tiếng nổ long trời lở đất, đạn đại bác trúng ngay vào đầu sóng thần, cả ngọn núi đang sôi sục vùng tan đi, đổ ập xuống tơi bời. Tiếp theo hai phát thần công nổ lên, hai ngọn sóng còn lại xô nhau chạy trốn ra biển xa.

Luôn trong mấy ngày mặt phá Tam Giang đỏ ngầu màu máu. Người ta đồn rằng song Ông đã bị hạ, còn sóng Bà và sóng Con thì trốn chạy không biết đến cửa biển nào.

Từ đó đến sau, sóng thần hết còn hoành hành trên mặt biển nữa. Ghe thuyền đi lại bình an.

# ANH ĐÁNH CÁ VÀ CÔNG CHÚA THỦY TÊ

Ngày xưa, có một nàng công chúa Thủy tề, bữa nọ hóa làm con cá nhỏ bơi theo dòng nước để du ngoạn. Mỗi mê cảnh đẹp, công chúa Thủy tề bị lọt vào trong lưới của nhà thuyền chài. Thế rồi công chúa hóa cá bị bắt thả vào gấm thuyền phải nhịn đói trọn một hôm chẳng có gì ăn. Do sự tình cờ, người con trai, con của lão thuyền chài, trong mỗi bữa ăn làm rớt cơm xuống gấm thuyền, nhờ vậy nàng công chúa hóa cá cũng tạm no lòng khỏi phải chết đói.

Đã vậy, anh ta thấy con cá rất đẹp bắt lên xem, rồi sút tay làm rơi con cá xuống sông. Công chúa Thủy tề thoát chết vội vã trở về thủy cung. Chẳng ngờ, từ hôm đó công chúa Thủy tề đâm ra tương tự người con trai đã cho nàng ăn và cứu thoát nàng. Dần dà công chúa lâm bệnh nặng, vua cha lo ngại hỏi han công chúa, nàng phải thú thật đầu đuôi câu chuyện và xin phép vua cha được trở lên dương trần kết duyên cùng anh chàng đánh cá.

Vua Thủy tề muốn cho con hết bệnh nên phải bằng lòng để công chúa đi tìm duyên. Lúc đó, cha mẹ của anh chàng đánh cá đã qua đời, anh ta cũng bỏ nghề chài lưới vào ở tại hang Non Nước (thuộc tỉnh Ninh Bình), ngày ngày câu cá để sống. Công chúa Thủy tề tìm đến nơi, nhắc lại chuyện cũ và xin kết duyên cùng chàng. Chàng rất vui mừng.

Từ đó hai người sống giữa cảnh non xanh nước biếc, vợ chồng rất hòa thuận thương yêu nhau. Mỗi mười năm sau vợ chồng chán cảnh dương trần, nên đưa nhau về thủy cung sống cảnh vinh sang.

Đến sau, dân gian có câu ca dao nhắc lại cuộc tình duyên của công chúa Thủy tề và anh chàng đánh cá như vậy:

Chung quanh những chị em người,  
Giữa hòn Non Nước mình tôi với chàng.

# NHÀ SƯ VÀ CON CÁ KINH

Thuở xưa, tại miền Nam Việt Nam có nhà sư Nguyễn Được tu hành rất khổ hạnh, đệ tử của ông cũng khá đông, điều hoài mong độc nhất của nhà sư Nguyễn Được là làm thế nào có được kinh Phật để truyền bá cho nhân gian cứu người qua bể khổ.

Một hôm, sư Nguyễn Được nằm thiu thiu ngủ, bỗng có một vị Bồ tát đến gọi tên ông và bảo rằng: -Ngày mai người cùng các môn đệ hãy đi sáng phương Tây. Nếu vượt qua được những gian lao trên đường thiên lý, tất người sẽ tìm thấy chân kinh và đọc được chân kinh người sẽ thành chánh quả.

Nhớ lời báo mộng của Bồ tát, hôm sau sư Nguyễn Được hội các đệ tử nói rõ mục đích đi tìm chân kinh và bảo nếu ai muốn đi theo mình thì hãy sửa soạn hành trang.

Ngày thứ, sư Nguyễn Được và hai mươi đệ tử nhắm phương Tây mà thẳng tới. Họ không ngại nắng mưa, cứ cúi đầu rảo bước. Tới đâu thì các đệ tử khuyến giáo để lấy miếng ăn cho thầy và cho mình. Gặp những đường rừng núi mênh mông thì họ ăn hoa quả dỡ lòng, gỏi đất nằm sương rất là vất vả.

Con đường đi tới xứ Phật hãy còn xa mịt mù, các đệ tử của sư Nguyễn Được phần bệnh hoạn, phần không chịu nổi sự nhọc nhằn gian khổ, nên lần lượt xa thầy quay trở lại. Bấy giờ trên đường thiên lý đi thỉnh kinh, chỉ còn một mình nhà sư Nguyễn Được.

Ông không nản lòng thối chí, lặn suối trèo non mà đi, dốc lòng thỉnh được chân kinh. May nhờ thần thánh hiện ra giúp đỡ dọc đường nên sư ông vượt qua được nhiều núi cao rừng rậm tiến gần tới cõi Phật.

Ngày nọ, sư ông đi đến bờ biển sóng bủa chập chùng, mây nước bao la không còn thấy đâu là bờ bến nữa. Muốn đến Tây phương tất phải vượt qua biển rộng, nhà sư không có thuyền bè làm sao vượt biển được. Suy tới tính lui, nhà sư đành đánh liều bước đại xuống nước mà đi, lòng những tin tưởng thần thánh sẽ phù hộ độ trì cho mình vượt qua biển rộng.

Vào lúc đó, một con cá Kinh to lớn từ đáy biển thẳm trời lên, đỡ sư ông trên lưng rồi bơi ra biển rộng êm như ghe thuyền lướt sóng. Nhà sư mãi nhắm mắt tham thiền nhập định, cứ tưởng có thuyền Bát nhã độ mình qua biển khổ, chớ không biết rằng cá Kinh đang độ mình qua biển. Ban ngày cá Kinh nhắm theo hướng mặt trời lặn mà bơi tới, ban đêm thì nhắm theo hướng trăng sao mà đưa sư ông đi.

Ngày kia, gần tới bờ, cá Kinh bỗng lên tiếng nói với nhà sư: -Mô Phật, nhà sư đi tìm chân kinh để cứu nhân độ thế, đắc thành chánh quả, có thể nghe lời thỉnh nguyện của tôi không?

Mặc dầu chưa biết cá Kinh thỉnh nguyện điều gì, nhà sư vẫn sẵn lòng đáp một tiếng: “Được.” quên rằng đã phạm vào lời phát nguyện giữ sự im lặng trước khi tìm được chân kinh.

Được nhà sư nhận lời, cá Kinh mừng rỡ tiếp lời: -Từ cả ngàn năm nay tôi bắt buộc phải trường chay khổ hạnh để chuộc lại tội lỗi trước kia. Vậy mà tôi bị bắt buộc phải ăn thịt sống cá tươi, lòng lầy làm kinh sợ. Vậy xin sư ông hãy tâu với đức Phật cho tôi được thoát vòng khổ ải này có được chăng?

Nhà sư lại đáp: “Được.” tức là phạm vào lời phát nguyện lần thứ hai.

Thế rồi, khi tới bờ, nhà sư lên bộ, cá Kinh từ giã và hẹn đón chờ nhà sư trở về để đưa qua

biển. Nhà sư liền nhắm về hướng Tây mà đi tới. Chẳng bao lâu nhà sư đến được xứ Phật, vào một ngôi chùa, trong đó có nhiều chồng kinh sách. Nhà sư tìm được cuốn chân kinh, song vì đã hai lần phạm vào lời phát nguyện nên khi dở chân kinh ra nhà sư chỉ đọc được có một câu đầu: “Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.”

Nhà sư không nản chí, xếp chân kinh lại bỏ vào tay nải rồi quay gót trở về. Tới bờ biển, Kinh ngư y hẹn đón rước nhà sư qua biển. Nhà sư mãi mê nghiền ngẫm lời kinh đã đọc mà không thấy vẻ buồn rầu của cá Kinh. Lúc gần tới bờ bên kia, cá Kinh không còn kiên nhẫn được nữa, nên lên tiếng hỏi: -Bạch sư ông, sư ông đã đạt những lời thỉnh nguyện của tôi lên đức Phật chưa? Ngài phán thế nào? Tôi còn phải chịu trong vòng khổ ải này bao lâu nữa?

Nhà sư đang tham thiền, nghe hỏi thì giật mình để rơi tay nải đựng kinh xuống biển.

Cá Kinh tưởng là vật cứu rỗi của Phật ban cho nên đớp lấy nuốt vào bụng, có cả quyển chân kinh.

Nhà sư lão đảo lên bờ, miệng vẫn lẩm nhẩm câu kinh đã thuộc lòng. Lên tới bờ rồi, nhà sư mới nhận ra mình về tới đảo Phú Quốc. Nhà sư liền ở đó tu hành. Ngày đêm nhà sư vẫn nghĩ đến quyển chân kinh nhưng không làm sao lấy lại được. Về sau, khi gần chết, sư Nguyễn Được khắc lên núi Bãi Sập và Thạch Động câu kinh của mình học được.

Theo lời truyền tụng, để ghi nhớ việc đi tìm chân kinh, các đệ tử của Nguyễn Được bèn lấy gỗ chạm trở hình con cá Kinh để làm mõ tụng kinh. Cũng từ đó, các nhà tu hành mỗi lần tụng kinh đều gõ vào đầu mõ cá Kinh để nhắc lại câu mở đầu “Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.”

# CHUYỆN CÁ TRÊ VÀ CON CỐC

Có đôi vợ chồng con cóc nọ sống tại bờ ao, sự tình cờ ở dưới ao có đôi cá trê muộn màng không có con. Ngày nọ, cóc cái xuống nước đẻ ra trăm trứng, đến lúc nở ra thành một bầy nòng nọc đầu tròn, đuôi dài, mình đen giống rất cá trê con.

Đôi vợ chồng cá trê thấy vậy lấy làm mừng rỡ, đuổi cả bầy nòng nọc về hang, ngày đêm nuôi dưỡng, săn sóc, tăng tiu lại khoe với các loài thủy tộc đó là con mình. Các loài thủy tộc thấy nòng nọc giống cá trê con quá nên đều tin là thật.

Ngày hôm sau, vợ chồng cóc xuống ao, thì thấy đàn con của mình, chẳng hiểu bị ai bắt đem đi biệt dạng. Vừa rầu vừa giận, vợ chồng cóc dắt nhau đi kiếm con từng bưng, tỏ mỗ, gặp ai cóc cũng hỏi thăm, chẳng một ai biết đàn con của cóc phiêu lạc về đâu cả.

Vợ chồng cóc không nản chí, tiếp tục việc kiếm tìm, quyết đến lúc nào gặp được con mới thôi. Ngày kia, vợ chồng cóc lại lạc đến trước hang cá trê, một cảnh tượng hiện ra trước mắt làm cho họ vui mừng và kinh ngạc: bầy nòng nọc đang cùng nhau nô giỡn trước cửa hang. Tức thì vợ chồng cóc hề hui gom bầy con lại để đem đi. Chẳng dè vào lúc đó, vợ chồng cá trê đi kiếm ăn về, thấy vợ chồng cóc làm như vậy thì xông ra cản lại, cho rằng vợ chồng cóc làm ngang toan bắt cóc con của họ đem đi.

Đôi bên trước còn cãi lể, sau đâm ra ẩu đả với nhau. Vợ chồng cóc chậm chạp, không giỏi lặn ở dưới nước nên bị vợ chồng cá trê đánh chém tơi bời, thương tích đầy mình phải bỏ chạy.

Về nhà, vợ chồng cóc chịu không nổi sự ức lòng nên phát đơn đi kiện. Ông Trạch lãnh phần xử vị này, mới cho đôi vợ chồng cá trê bảo dắt đàn nòng nọc đến cửa công để hầu kiện.

Thoạt đầu, vợ chồng cá trê nằng nặc quyết cho rằng, đàn nòng nọc là con của mình mà vợ chồng cóc toan nhận diện, bằng cớ là đám nòng nọc giống mình chứ không giống cóc. Phàm con cái thì giống cha mẹ chứ nào giống người dưng, vậy phải trừng trị vợ chồng cóc về tội vu oan giá họa.

Vợ chồng cóc thấy vợ chồng cá trê ăn nói ngược ngang như vậy thì tức lắm, ngật vì bầy nòng nọc giống cá trê quá lể, nên vợ chồng cóc không dám nặng lời trả treo lại.

Ông Trạch vốn là tay xử kiện có nhiều kinh nghiệm đã đoán biết một phần sự ngay, gian trong vụ án này, nên ông bảo: -Phép nước sẽ thăng tay trừng trị kẻ nào gian tà xảo trá. Nay có một bầy con mà hai kẻ giành giật, ai cũng tranh bảo là con của mình. Vậy hai kẻ tranh nhau, tất nhiên có kẻ ngay, người gian. Bây giờ ta truyền: hễ kẻ nào ngày thì được lãnh bầy con và được thưởng ăn trên ngồi trước, nhiều kẻ phục tùng, còn kẻ nào gian thì bị xử một trăm hèo và chịu sự tanh hôi của người chê kẻ trách.

Nói rồi, ông Trạch đem bầy nòng nọc nhốt vào một nơi kín đáo, truyền cho trê, cóc ba ngày nữa hay đi hầu kiện.

Đúng ba ngày vợ chồng trê, cóc đều nôn nả trở lại cửa công. Ông Trạch mới trịnh trọng nói rằng: -Bây giờ rất dễ biết bầy nòng nọc là con của ai. Vậy anh trê và anh cóc hãy chờ đứng ngọ này, ta thả bầy nòng nọc ra, hễ con của ai nó sẽ theo người nấy.

Vợ chồng trê đều vui mừng hí hửng chắc phen này mình thắng kiện, vì họ nuôi bầy nòng nọc đã quen hơi, tức nhiên chúng sẽ theo về với mình.

Không ngờ đó là mẹo của ông Trạch. Vào đúng Ngọ thì bày nòng nọc đứt đuôi hóa thành cóc. Bởi vậy mặt trời vừa đứng bóng, ông Trạch truyền thả bày nòng nọc ra, thì chỉ thấy một đàn nòng nọc đứt đuôi hóa cóc nhảy lom xôm theo về với cha mẹ cóc.

Cha mẹ cóc vui mừng, cả cười banh cả miệng ra. Còn cá trên thì xấu hổ cúi gằm mặt xuống.

Ông Trạch cứ theo phép công mà trị kẻ gian tà, truyền đánh vào đầu vợ chồng trê một trăm hèo để răn phạt. Vì vậy đầu cá trê trở nên dẹp lép như ngày nay.

# TỪ THỨC GẶP TIÊN

Từ Thức là một ông quan thanh liêm, tánh tình hào phóng, lòng hay thương người. Khi ngồi cai trị ở huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh, Từ Thức rất được lòng thiên hạ bởi sự nhân hậu của Từ.

Gần chỗ huyện đường có một ngôi chùa, trở sanh một gốc mầu đọt. Hằng năm mỗi độ hoa nở, khách thập phương đến xem đông như ngày hội, tiếng đồn khắp xa gần.

Năm đó, khi hoa vừa nở thì có một cô gái nhan sắc tuyệt trần, đến xem hoa, rủi chạm phải tay làm cho hoa rụng. Lính liền bắt giữ lại không cho về. Thời may, lúc đó Từ Thức chợt đến nghe chuyện như vậy, liền xin tha cô gái và cởi áo cừu đang mặc trao cho người giữ hoa để đền.

Cô gái được thả ra, lạy tạ Từ Thức rồi bỏ đi. Từ Thức cũng không buồn hỏi thăm đến tên họ, quê quán của nàng.

Ngày ngày, Từ Thức ham cảnh gió mát trăng trong, ngâm hoa vịnh nguyệt hơn là ngồi chốn công đường, vì vậy chàng hay mang bầu rượu túi thơ đi lang thang tìm cảnh đẹp. Quan trên thấy vậy buông lời khiển trách, Từ Thức lấy làm phiền nên treo ấn từ quan, không muốn trói buộc mình trong vòng danh lợi.

Từ đó, Từ Thức bình bồng một chiếc thuyền con ngao du đây đó. Một hôm thuyền của Từ Thức đến cửa Thần Phù, trông ra ngoài biển thấy một vầng mây ngũ sắc kết thành hình đóa hoa sen. Chàng động tánh hiếu kỳ cho thuyền lướt tới. Trước mặt chàng bỗng hiện ra một dãy núi non thanh lịch. Chàng buộc thuyền lại, một mình lên bờ, núi đá chập chồng không làm sao vượt lên được nữa. Còn đang phân vân, những muốn lui về, bỗng thấy vách đá nứt ra, hiện thành cửa động. Chàng bước vào, được vài bước tự nhiên cửa động đóng lại. Chàng đánh liều đi lần tới trước, được một lát thì con đường rộng mở thênh thang, một dãy đèn đài hiện ra với ánh sáng chói lòa, hoa thơm tỏa hương man mác.

Từ Thức say sưa ngắm cảnh, thoát nghe tiếng cười trong trẻo vẳng lên, ngẩng nhìn. Từ chợt thấy hai cô gái áo xanh vừa cười vừa bảo: -Kìa chú rể nhà ta đã đến.

Rồi hai nàng đến bảo Từ Thức: -Phu nhân chúng tôi cho mời Từ lang vào.

Từ rào bước theo hai nàng, vào đến cung điện. Từ nhìn thấy hai bức hoành phi thếp chữ vàng “Quỳnh Hư Chi Điện.” “Giao Quang Chi Các.”

Một bà tiên mặc áo trắng ngồi ở giữa điện ra dấu mời Từ ngồi rồi hỏi: -Từ sinh có biết nơi này là đâu không?

Từ Thức đáp: -Lòng tôi còn đầy trần tục không rõ đây là nơi nào, dám xin phu nhân chỉ dạy.

Bà tiên nói: -Đây là hang thứ ba mươi sáu, động Phù Lai. Ta là Ngụy phu nhân tiên chủ núi Nam Nhạc, vì thấy người có đức nên cho mời đến.

Nói rồi bà tiên quay vào trong gọi một tiếng, tức thì một tiên nữ từ trong tha thướt bước ra. Vừa thấy mặt nàng, Từ Thức nhớ ngay đến cô gái làm gãy cành mầu đọt ở hội thưởng hoa.

Từ Thức còn đang ngơ ngác, thì bà tiên lên tiếng: -Nàng này là con gái ta tên gọi Giáng Hương, ngày trước gặp nạn ở hội thưởng hoa nhờ chàng cứu thoát. Để đáp lại ơn xưa, ta

cho nó kết duyên cùng chàng.

Từ Thức không thể từ chối, nên liền đót hôn lễ cử hành dưới ánh đèn mờ phụng. Các tiên nữ đến mừng cưới rất đông. Từ Thức say sưa nhìn Giáng Hương xinh đẹp trong chiếc áo cưới. Các tiên đều chúc tụng, chúc rượu cho Từ Thức đến say, rồi đưa vào loan phòng.

Ngày tháng trôi qua mau, Từ Thức sống trong hạnh phúc bên cạnh Giáng Hương đã được một năm. Một hôm, Từ Thức ra xem hồ, thấy sen nở từng búp, thì động lòng nhớ đến cõi tục. Chàng dắt Giáng Hương lên đỉnh non tiên trở con thuyền đang lướt sóng trên mặt biển mà nói: -Khi ra đi, anh còn có mẹ già không ai phụng dưỡng, mãi say hương lửa duyên tiên mà anh quên mất đạo làm con. Vậy nàng hãy cho ta trở về quê hương lo bề báo hiếu rồi ta sẽ trở lên cùng nàng sống mãi nơi cảnh tiên. Nàng Giáng Hương buồn bã báo tin cho mẹ hay. Ngụ phụ nhân than rằng: -Ta không ngờ con người ấy lòng trần chưa dứt, thôi thì đành vậy chớ biết sao.

Bèn ra lệnh cho Giáng Hương sắm sửa một chiếc xe mây để đưa Từ Thức về cõi trần. hai người gặt lệ trong cuộc chia tay.

Từ Thức về đến làng xưa, mỗi vật đều hoàn toàn thay đổi, người trong làng không một ai quen biết, nên chẳng nhận ra Từ. Chỉ có bãi cát còn dấu còn tro tro ra đó.

Đi tìm những người già cả trong làng hỏi xem có ai biết đến Từ Thức không, thì có người đáp: -Theo lời ông cô tôi kể lại thì ngày xưa tại làng này có ông Từ Thức đi lạc vào núi đã trên trăm năm rồi, từ ấy đến nay đã trải qua ba đời vua.

Hỏi người khác, họ cũng đáp y như vậy, bấy giờ Từ Thức mới biết một ngày ở trên tiên bằng một trăm năm ở dưới trần. Lòng Từ Thức buồn vô hạn. Muốn trở lại cảnh tiên thì xe mây đã biến thành chim loan bay mất rồi.

Từ Thức chẳng còn hy vọng gặp lại Giáng Hương nên khoác áo tơi, đội nón lá, chống gậy trúc đi vào núi Hoành Sơn rồi biệt tích.

# TÍCH NGUYỆT LÃO TƠ HỒNG

Vi Cố là một thợ sanh văn hay chữ tốt nhưng chưa gặp hội phong vân, thi mãi không đậu, nên đành quay về mượn thù gió trăng tiêu sầu giải muộn. Một hôm, thợ thẩn dưới trăng, Vi Cố thấy một ông già ngồi dưới cội tùng xem sách. Lại gần thì thấy bên cạnh ông già có một chiếc giỏ đựng toàn chỉ đỏ.

Vi Cố mới lân la làm quen với ông già rồi hỏi ông đọc sách gì đó, còn chiếc giỏ đựng chỉ đỏ làm gì?

Ông già nọ đáp: -Cuốn sách đang xem chính là sổ duyên nợ có đủ tên những cặp vợ chồng sẽ lấy nhau, còn giỏ chỉ đỏ là tơ hồng để buộc chặt chân vợ chồng lại với nhau cho đến trọn đời.

Vi Cố lấy làm lạ lắm, hỏi: -Như tôi đây chưa vợ, không biết ngày nào mới có vợ, và vợ tôi là ai, ở đâu?

Ông già nọ lật sách xem một hồi rồi nói: -Còn lâu lắm người mới lấy vợ, vợ người sẽ là con gái của cụ ăn mày ở chợ này.

Nói rồi ông già cười lên mấy tiếng, biến mất. Vi Cố nửa tin, nửa ngờ và lấy làm lo lắng. Hôm sau, ra chợ Thang Âm dò xét hư thực. Quả nhiên, Vi Cố gặp một người đàn bà ăn xin đang dắt một đứa bé đi chập chững.

Sợ phải kết duyên với con nhà bần tiện, Vi Cố liền dùng dao định chém chết đứa bé. Chẳng ngờ lưỡi dao vừa xốt qua đầu, mẹ đứa bé hoảng kinh bỗng nó chạy trốn mất, nó chỉ bị thương nơi đầu.

Mười lăm năm sau, Vi Cố thi đỗ ra làm quan rồi kết duyên cùng con gái một vị quan già. Thời gian qua, một hôm rồi rảnh, Vi Cố đùa cợt với vợ, chợt nhìn thấy cái sẹo trên đầu, liền hỏi thăm duyên cớ. Chừng nghe vợ thuật chuyện, Vi Cố mới biết vợ mình không ai khác hơn là đứa bé con của người đàn bà ăn xin ở chợ Thang Âm mà ông định giết chết ngày xưa. Về sau, được vị quan già xin làm con nuôi.

Bấy giờ Vi Cố đã hiểu rõ sự huyền bí của đất trời. Thiên cơ đã định thì không tài nào cãi được.

Do chuyện này, mà từ đó tới sau người ta gọi ông già dưới trăng là Nguyệt Lão, chỉ đỏ là tơ hồng. Và trong những đám tân hôn người ta thường chúc câu “bách niên giai lão.”bởi sự tích này mà ra vậy.

# SỰ TÍCH THÁP BÀ

Vào lúc nước ta nội thuộc nhà Minh (bên Tàu) tại tỉnh Nam Định có vợ chồng người nông dân tên là Lương, sinh được một gái, nhan sắc mặn mà đặt tên là Huệ. Khi cô Huệ vừa lớn lên thì cha mẹ qua đời. Huệ phải bỏ tỉnh Nam Định đi tha phương cầu thực. Về sau cô Huệ lưu lạc đến Thăng Long, nhờ biết hát nên làm nghề đào hát.

Lúc bấy giờ, nhờ có sắc, có duyên lại hát hay, nên đào Huệ được nhiều vương tộc công tử gả ghe, nhưng cô đào Huệ không muốn lấy chồng, ở vậy theo đuổi nghiệp cầm ca.

Dưới sự cai trị khắc nghiệt của quân Minh, dân tình hết sức ta thán: nào sưu thuế, nào phải mò trai lấy ngọc, nào lên rừng tìm ngà voi, tề giặc khiến cho cô đào Huệ phải xót thương cho đồng bào bị áp bức quá tay.

Thuở đó, Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn được dân chúng trong nước theo về rất đông. Cô đào Huệ bèn tìm cách liên lạc với nghĩa quân. Được ít lâu, cô đào Huệ mở một quán rượu tại thành Thăng Long đón rước quân sĩ nhà Minh hằng ngày lui tới. Không phải cô đào Huệ muốn thân thiện với chúng để tìm hư danh, mà là để dò thám quân tình và chờ ngày giết giặc.

Khi biết rõ tình hình quân giặc, cô đào Huệ liền mật báo cho Lê Lợi biết để sắp đặt việc đánh chiếm thành Thăng Long.

Lúc đó quân Minh thua nhiều trận ở Tuy Động, Bồ Cô, kéo về Thăng Long rất đông, thường đêm chúng kéo đến quán rượu của cô đào Huệ ăn uống rất đông. Nhờ có sắc, có duyên lại là đào hát danh tiếng chưa có chồng, nên quân Minh tranh nhau để chiếm đoạt cô đào Huệ cho kỳ được.

Đêm đó, trước giờ nghĩa quân Lê Lợi tiến đánh thành Thăng Long, cô đào Huệ phục rượu cho quân Minh say khướt rồi bỏ vào bao cột miệng lại đem quăng xuống sông Nhị, khiến một số quân Minh phải chết ngộp.

Rủi là trong cuộc giao tranh ác liệt giữa nghĩa quân và quân Minh trấn giữ thành Thăng Long, cô đào Huệ bị quân Minh giết chết.

Sau khi đuổi được quân Minh ra khỏi nước Nam, Lê Lợi lên làm vua, phong cho cô đào Huệ là Phúc Thần Kiến Quốc Trinh Liệt phu nhân, lập đền thờ ở huyện Thọ Xương (phố Hàng Trống ở Hà Nội), tục gọi là đền Đông Hương.

Đến sau, có lần thôn Tự Tháp (huyện Thọ Xương) bị một trận hỏa hoạn khủng khiếp. Giữa lúc lửa cháy dữ dội, người ta thấy một người đàn bà hiện ra trên ngọn cây tay cầm quạt, quạt tắt ngọn lửa, cứu nhiều gia đình thoát nạn.

Dân chúng nhớ ơn gọi nơi thờ cúng cô đào Huệ là Tháp Bà, hằng năm cúng tế rất linh đình và để tỏ lòng cung kính, trong lúc cúng kiến dân chúng không bao giờ dùng hoa huệ, tức là tên tộc của cô đào Huệ vậy.

# CHUYỆN THƯỢNG CÔNG LÊ VĂN DUYỆT CHÉM LÃNH TẠO

Lãnh Tào, người gốc ở huyện Hương Sơn, tỉnh Nghệ An, nghề văn nghiệp võ đều lâu thông, hiềm vì tánh tình nóng nảy, phóng túng không chịu phục tùng một ai, nhất là các quan của triều đình thì Lãnh Tào ra mặt chống lại hẳn. Có một lần Lãnh Tào bị bắt giam về tội phạm thượng, nửa đêm Tào bẻ gãy gông xiềng, giết lính canh vượt ngục trốn đi. Sau đó, Lãnh Tào chiêu tập được một số người lập thành đội ngũ, chiếm trọn Trường Mỹ làm căn cứ, xưng hùng xưng bá một cõi. Quan quân địa phương không đủ sức triệt hạ Lãnh Tào.

Lúc bấy giờ vua Minh Mạng đang trị vì, xuống chiếu cho Thượng Công Lê Văn Duyệt ra làm Tổng trấn Nghệ An để đánh dẹp Lãnh Tào. Gần có cả năm, Lãnh Tào rất giỏi trốn tránh nên Thượng Công Lê Văn Duyệt không làm gì được, đành phải ra yết thị ban thưởng cho ai bắt được Lãnh Tào.

Lãnh Tào chẳng hề nao núng, quyết một phen đo tài đua trí với ngài Thượng Công.

Một hôm, Thượng Công Lê Văn Duyệt đang ngồi tại phủ đường thì quân vào báo, có quan Thanh tra của triều đình phái đến để gặp ngài Thượng Công. Bước ra nghinh tiếp, ngài Thượng Công thấy một đoàn người mũ áo chỉnh tề, kéo cờ “Phụng mệnh Khâm sai.” đã tiến vào phủ đường. Thượng Công Lê Văn Duyệt liền mở cuộc tiếp kiến trọng hậu. Lúc ấy vị quan Khâm sai mới nắm tay ngài Thượng Công mà hỏi rằng: - Từ ngày đảo nhậm tỉnh này, Thượng Công có biết Lãnh Tào là ai không?

Rồi vị quan Khâm sai, chẳng đợi ngài Thượng Công trả lời, lấy tay chỉ vào ngực nói tiếp: - Lãnh Tào chính là tôi đây, tôi có vết son ở bên tai. Từ trước tới nay tôi có làm gì trái với phép vua luật nước đâu mà ngài ra lệnh bắt tôi? Bữa nay tôi giả làm Khâm sai triều đình để vào đây gặp ngài, vậy ngài hãy tính sao thì tính.

Ngài Thượng Công ngó Lãnh Tào rồi nói: - Ta đến đảo nhậm xứ này, ai nghe oai danh cũng đều phục, chỉ có người không chịu phục tùng, kết bè kết đảng thì ta phải ra lệnh bắt người. Nhưng, nay nhà người đã ra mặt thì ta cũng tha thứ cho. Vậy ta ban cho nhà người một trăm lượng vàng, một trăm lượng bạc, nhà người đừng chống lại quan quân nữa và hãy kết làm huynh đệ với ta, ta sẽ tâu với triều đình phong quan chức cho nhà người. Nhà người nghĩ sao?

Lãnh Tào đáp: - Vàng bạc thì tôi nhận, còn quan tước thì tôi không màng. Nay tôi có công đến đây, vậy ngài hãy cho một trăm tên quân đưa tôi về rừng là êm chuyện.

Thượng Công Lê Văn Duyệt sợ có sự lợi thôi tại phủ đường, nên phải cho một trăm tên lính đưa Lãnh Tào về Trường Mỹ. Từ đó tiếng tăm Lãnh Tào càng lừng lẫy.

Thua trí Lãnh Tào, Thượng Công Lê Văn Duyệt lấy làm tức lắm, mới ngầm ngầm sai người đi tìm bắt mẹ và vợ của Lãnh Tào. Đó rồi, ngài Thượng Công truyền làm một cái chòi cao ba trăm thước để mẹ và vợ Lãnh Tào ở trên đó rồi gởi thơ cho Lãnh Tào buộc phải về hàng, không thì mẹ và vợ bị xử chém.

Động lòng hiếu tử, xót nghĩa phu thê, Lãnh Tào đành phải bỏ cuộc đời ngang dọc ở Trường Mỹ, đem thân về nạp cho Thượng Công Lê Văn Duyệt để cho mẹ và vợ được thả ra.

Lúc về đến thành, thấy mẹ và vợ bị nhốt trên lầu cao làm con tin. Lãnh Tào không khỏi chạnh lòng, mới làm ra một bài phú, ví mình là tay chọc trời khuấy nước, nhưng vì chữ hiếu, chữ nghĩa mà phải bó thân về hàng, ngài Thượng Công xem qua bài phú này, cho rằng Lãnh Tào cố óc ngạo mạn, lại căm giận Lãnh Tào đã khi dễ mình lúc trước, nên thừa lúc Lãnh

Tạo vừa vào thành liền cho phục binh bắt trối lại đem ra chém đầu. Đoạn dâng sớ về trào kể tội Lãnh Tạo, kèm theo bài phú để làm bằng.

Vua Minh Mạng xem qua bài phú của Lãnh Tạo, liền xuống lệnh khiển trách Thượng Công Lê Văn Duyệt đã tự chuyên giết chết một người tài giỏi và phạt Thượng Công phải mất bổng lộc trong một năm.

# CHUYỆN ÔNG CÔNG QUỲNH

Đời xưa ở nước ta có ông Công Quỳnh tục gọi là Trạng Quỳnh, tài giỏi mưu cao, nhưng có cái tật ưa đùa giỡn. Từ vua, quan cho chí dân giả, ông muốn đùa bốn chế nhạo ai thì đùa chứ không hề biết kiêng nể, lại nhờ có đùa bốn một cách khéo léo tài tình nên Công Quỳnh không bị ai thù oán hay ghét như gì cả.

Một bữa nọ, nhân qua bến đò, nghe bọn chèo đò than thở với nhau về nỗi ế khách không kiếm đủ ăn, Công Quỳnh liền hỏi: -Nè tụi bây có muốn dắt khách không?

Được Trạng hỏi đến, các gã chèo đò đều mừng rỡ đáp rằng: -Muốn lắm!

Công Quỳnh nhìn ra giữa sông thấy có một cái cò, liền bảo các gã chèo đò ra đó dựng lên một cái chòi, rồi đánh trống khua chiêng inh ỏi. Bên ngoài, Công Quỳnh cho dán lên cửa một tờ giấy có mấy chữ do ông viết ra: “Đ. cha đưa nào đi coi về nói lại.”

Những kẻ háo kỳ trong làng nghe thấy rùm beng ở ngoài cò, không biết là chuyện gì nên rủ nhau đi coi đông như đám hội, bọn đưa đò chèo chống mỗi cả hai tay mà khách qua lại vẫn nườm nượp. Lại một cái là những kẻ đi coi rồi, về nín thinh, có ai hỏi thì chỉ lắc đầu chớ không đáp.

Bọn chèo đò kiếm được khá tiền, không còn than thở nữa, riêng người đi xem rất tức nhưng sau khi biết đó là mưu của Công Quỳnh thì ai nấy đều nín khe, không dám trách. Bọn chèo đò được một dịp kiếm tiền nên càng phục tài Công Quỳnh và cảm ơn rồi rít.

Một lần nọ, trời vừa hừng sáng, Công Quỳnh lơn tơn ra chợ, rảo qua các hàng thịt nói rằng nhà mình có đám giỗ lớn, đãi nhiều người ăn, nên bảo các hàng thịt thái nhỏ thịt ra để sẵn đó, ông sẽ cho người nhà đến lấy.

Tin bằng lời, các hàng thịt đua nhau xắt thịt để đó, tưởng chắc là trúng mồi lớn. Chẳng ngờ, thịt thái ra để cả thối, đợi từ sớm mai tới chiều chẳng thấy ai đến lấy. Chẳng lẽ cứ chờ đợi mãi thịt sẽ thúi mất, nên các người hàng thịt đồng kéo tới nhà ông Công Quỳnh nhắc lại chuyện mua thịt hồi sáng.

Thản nhiên như không, Công Quỳnh nói với các người bán thịt: -Này, tôi có làm gì đâu mà mua thịt?

Các hàng thịt đều nói: -Hồi sáng ông có bảo thái thịt để làm giỗ.

Công Quỳnh lắc đầu: -Bậy lắm. Ai bảo thái thịt thì các người cứ chửi nó, ta vô can.

Các hàng thịt tức mình ráp nhau chửi bới kẻ nào bảo thái. Lúc bấy giờ nhằm niên hiệu Bảo Thái, Nhà vua nghe xôn xao ngoài chợ và lại nghe các hàng thịt chửi bới kẻ nào bảo thái, mới sai quân hầu đi dò hỏi. Chừng vỡ lẽ ra, nhà vua mới hiểu Công Quỳnh bày mưu cho các hàng thịt có cớ hại tên mình. Biết vậy mà không giận, nhà vua truyền mua hết cả thịt đã thái rồi và cho mời Công Quỳnh vào cung trách khéo. Công Quỳnh chỉ cười hì hì.

# TÍCH CÂY MÍA VÀ LỄ CHIÊU HỒN

Ngày xưa, có người bộ hành lạc lõng trên đường thiên lý đã nhiều ngày, nên đói khát đuối sức. Vừa may, người bộ hành đến một vườn mía trông trước nhìn sau chẳng thấy chủ vườn ở đó, mới bẻ mía ăn đỡ lòng, đoạn lấy một xâu tiền điều buộc vào cây mía rồi ra đi.

Một lát sau, chủ vườn ra vườn thấy mất một cây mía lại chợt thấy xâu tiền kẽm buộc vào cây mía kê bên, lấy ra đếm thì thấy hơn giá tiền một cây mía quá nhiều. Chủ vườn mía nghĩ rằng có kẻ đã ăn mía trả tiền, nhưng số tiền còn thừa, phải kiếm cho được người ăn mía mà trả lại, không thì chủ vườn chẳng yên lòng. Nghĩ như vậy rồi, người chủ mía mới đi tìm người bộ hành.

Xế chiều, người chủ vườn gặp người bộ hành nằm chết trên đường, nghĩ thương tình, người chủ vườn mới vác người bộ hành đến một cái chùa gần đó, kể hết sự tình cho ông nghe và nhờ sư ông tụng kinh siêu độ.

Nhà sư liền lấy cây mía buộc tiền vào rồi đặt lên đàn, đoạn đọc kinh cứu khổ, gọi là lễ truy hồn hay lễ chiêu hồn.

Cuộc lễ vừa xong, hồn người bộ hành bỗng trở về nhập với xác, giúp người sống lại.

Vì truyện tích này mà từ đó về sau, mỗi khi có lễ chiêu hồn, các pháp sư hay thầy sãi đều dùng cây mía có buộc xâu tiền kẽm để làm đồ tế lễ.

# VIÊN NGỌC QUẠ

Một anh chẵn trâu thật thà, bữa nọ dắt trâu ra đồng cho ăn cỏ, bị kẻ trộm bắt mất trâu không dám về nhà vì sợ chủ bắt đền. Anh ta buồn rầu nằm dưới gốc cây cổ thụ, chỉ muốn chết đi cho được yên thân.

Chẳng ngờ vào lúc đó, có một đôi quạ bay đến đậu trên cành cây, nhìn thấy anh chẵn trâu nằm bất động tưởng là anh chết rồi, nên một con quạ đáp xuống định mổ mắt anh mà ăn. Lẹ tay anh chẵn trâu vồ được con quạ, giận dữ anh nói rằng: -Tao phải giết mày mới được, chưa chi mà mày định móc mắt tao ăn tươi nuốt sống. Tao quyết không dung tha mày.

Bị thất thế, và thấy cái chết trước mắt, con quạ phải xuống nước nhỏ, năn nỉ anh chẵn trâu: -Tôi trót lỡ lầm, vậy anh đừng giết tôi, tôi sẽ đền ơn anh một vật quý.

Nói rồi, quạ nhả ra một viên ngọc và bảo anh chẵn trâu: -Đây là viên ngọc ước, ai có viên ngọc này ước chi được nấy. Bây giờ anh muốn ước gì, tôi sẽ ước cho anh xem.

Anh chẵn trâu chợt nhớ đến con trâu bị mất, nên ước được một con trâu đem về trả cho chủ.

Quả nhiên, anh ước mong thì thấy con trâu đứng đĩnh bước về. Anh mừng rỡ, nhận lấy viên ngọc, thả con quạ rồi dắt trâu về.

Hôm sau, anh thôi nghề chẵn trâu, cầm viên ngọc ra đứng giữa đồng ước được một tòa nhà năm rồng, bảy phượng. Tức thì tòa nhà hiện ra, đầy đủ năm rồng bảy phượng, vàng son lộng lẫy như đền đài của một vị vương tước.

Anh lấy làm đẹp ý, lại ước thêm một cánh đồng cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi, tức thì anh ta có ngay cánh đồng như ý muốn.

Có nhà cửa, đất ruộng rồi, gã chẵn trâu lại thêm muốn một cô vợ đẹp, mày tằm mắt phượng, xinh đẹp như Hằng Nga. Ước vừa xong, thì cô gái con nhà giàu nọ, đẹp như tiên giáng thế tìm đến xin kết nghĩa châu trần.

Ăn ở với nhau trong cảnh sung sướng được ít lâu, cô gái nhà giàu tò mò hỏi gã chẵn trâu rằng: -Trước kia, anh nghèo túng lắm, chẳng hiểu làm cách nào mà ngày nay anh giàu có như vậy? Anh có phép tiên chăng?

Gã chẵn trâu thật thà kể lại chuyện quạ cho viên ngọc ước, nên muốn ước gì được nấy cho vợ nó nghe. Cô gái nhà giàu liền chíp bụng, rình mò lúc gã chẵn trâu ra đồng trông coi ruộng lúa, bèn trộm lấy viên ngọc quạ rồi trốn về ở với cha mẹ.

Khi gã chẵn trâu về nhà thấy mất vợ và viên ngọc thì buồn bã thất vọng, bỏ lên núi ngồi khóc một mình. Lúc bấy giờ có ông Bụt hiện ra hỏi rằng: -Gã kia buồn tủi việc gì mà ngồi khóc ở chỗ vắng vẻ này, không sợ thú dữ ăn thịt sao?

Gã chẵn trâu đáp: -Vợ tôi nó phản tôi, tôi có viên ngọc quý bị nó ăn cắp trốn đi rồi nên tôi không muốn sống nữa.

Bụt động lòng thương mới bảo anh ta: -Thôi đừng khóc nữa, để ta giúp ngươi lấy lại viên ngọc quý.

Nói rồi, Bụt lấy trong tay áo ra một cành hoa đỏ và một cành hoa trắng trao cho gã và dặn

rằng: -Người hãy đem cành hoa trắng này cài lên cửa nhà cô gái nhà giàu, tự nhiên nhà nó sẽ sinh ra lắm chuyện tức cười. Rồi đợi chừng nào nó cầu cứu đến, hãy đem cành hoa đỏ này lại chữa, nhưng hãy bảo nó trả ngọc rồi mới chữa, nhờ đó người sẽ lấy lại được viên ngọc.

Gã chần trâu mừng rỡ lạy tạ ông Bụt rồi cầm hai cành hoa về nhà, đem cành hoa trắng lên cắm lên cửa nhà vợ.

Mùi thơm của hoa tươi, đưa hương ngào ngạt, hai ông bà nhà giàu và cô gái bước ra xem, rồi tranh nhau ngửi. Lại thấy, chỉ trong nháy mắt, lỗ mũi của ông, bà cùng cô con gái bỗng dài ra mãi, lủng la lủng lẳng trước ngực khác nào cái vòi voi.

Bấy giờ, ông nhìn bà, bà nhìn con, cả ba ngo ngoe ngẩn ngẩn, nửa khóc nửa cười, không biết làm thế nào cho mũi thun ngắn lại, đành chỉ thở ngắn than dài để cho thiên hạ cười chê. Chợt nhớ tới thằng rể của mình, ông bà mới bàn nhau nên cầu cứu với gã chần trâu, họa may mới thoát được nạn chẳng?

Nghe ông bà già vợ yêu cầu, gã chần trâu liền cầm cành hoa đỏ tới. Gặp anh ta, ông nhà giàu meo máo nói: -Không hiểu sao cả nhà, người nào người nấy mũi đều như thế này?

Gã chần trâu vội bảo: -Đó chẳng qua tại vợ tôi mó sinh tâm gian xảo, ăn trộm viên ngọc quý đem về giấu ở nhà này mới sinh ra có sự. Nếu muốn được yên lành lại như cũ, thì ông bà bảo nó trả ngọc lại cho tôi, tôi sẽ chữa cho hết bệnh tức thì.

Ông bà nhà giàu bèn van nài rằng:

Cửa là gạch, nghĩa là vàng,  
Cửa chàng lại trả cho chàng lo chi.  
Chàng mà chữa được thôi đi,  
Vợ thì chàng lấy, ngọc thì chàng mang.

Đó rồi ông bà kêu con gái bảo đem ngọc ra trả. Gã chần trâu nhận lấy viên ngọc quý rồi, liền đưa cành hoa đỏ cho mỗi người người trong giầy lát thì mũi có rút lại y như xưa.

Cả nhà mừng rỡ. Cô gái lại phải theo chồng về làm vợ gã chần trâu. Từ đó, không dám nghĩ đến chuyện trộm ngọc nữa. Cả vợ chồng gã chần trâu trở nên thuận hòa vui vẻ, đến sau sinh được một con trai, một gái đều thông minh, đỉnh ngộ.

Khi tuổi già sắp chết, một hôm hai con quạ thành linh hiện ra trên cây trước nhà, cất tiếng kêu:

Cho mau, cho mau,  
Trả ngọc cho mau.

Tức thì trong nhà sáng rực, rồi viên ngọc vụt chốc biến đi mất dạng.

# CỌP HÚT Á PHIỆN

Ở núi Mẫu Sơn, thuộc châu Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xưa kia có một tay bợm ghiền á phiện tên là Điều Văn Khái. Gần nhà tên Khái, từ mấy tháng qua, ông cọp chúa cứ đi tới đi lui rình rập kiếm mồi. Ông cọp chúa này ăn thịt người nhiều quá nên trở thành “tinh.” khi thì tàng hình giả người hoặc giả dạng gấu ... để dễ bề hành động.

Cọp chúa nghĩ thầm: -Còn mười ngày nữa, mình phải ăn thịt tên Khái, vì tên của hắn đã ghi rõ ngày giờ măn căn dứt sổ trong sổ của Nam Tào. A! Ta đã có cách ...

Nghĩ vậy, cọp chúa bèn giả dạng người, đi tới lui gần chòi của tên Khái để làm quen. Tên Khái thật tình mời: -Chào bạn! Bạn ở gần đây hả? Bấy lâu nay tôi ít khi đi dạo xóm nên chưa biết mặt bạn. Xin mời bạn hút á phiện với tôi cho vui.

Mùi á phiện thơm tho khiến cọp sướng khoái. Lần lần, cọp hóa ra ghiền á phiện, nằm bên cạnh tên Khái, suốt ngày cả hai người đàm đạo rất tương thân tương đắc.

Nhưng ngày giờ thi hành phận sự đã đến. Cọp đành nói thật đầu đuôi với tên Khái: -Này anh bạn. Tôi đây vốn là cọp, hóa ra hình người để rình rập bắt anh và ăn thịt.

Tên Khái lồm cồm ngồi dậy, sửng sốt: -Tội nghiệp tôi mà! Mấy ngày rày, tôi đối xử với anh như bát nước đầy, nào đã xảy ra điều gì khiến anh giận.

Cọp đáp: -Tôi thương anh lắm, ngại vì Nam tào ra lệnh như vậy, biết sao bây giờ?

Tên Khái mãi khóc lóc. Rốt cuộc, cọp bày ra một kế: -Này anh Khái! Anh xem kỹ trong quyển sổ của Nam Tào. Mấy người tới sổ, bị tôi ăn thịt rồi đều có ghi dấu son. Còn đây là tên tuổi của anh rành rành. Bây giờ anh phải lấy chút ít móng tay, chút ít móng chân và vài sợi tóc mai cho tôi ăn đỡ. Đồng thời, anh chích đầu ngón tay cho tôi vài giọt máu.

Tên Khái vô cùng ngạc nhiên hỏi: -Chích máu để làm gì?

Cọp đáp: -Để tôi chấm làm dấu, hủy bỏ tên của anh trong sổ, còn móng tay, móng chân và tóc của anh thì tôi dùng mà ăn đỡ.

Thế rồi nhờ phương kế ấy, tên Khái được tiếp tục sống ở trần gian mà hút á phiện cho đến chết.

Qua câu chuyện kể trên, ta hiểu vì sao những người già cả, thủ cựu rất cẩn thận không để móng tay hoặc tóc rụng rơi rớt. Những món ấy tượng trưng cho sinh mạng của con người! Nếu lơ đãng kẻ gian sẽ dùng nó mà thư, êm, hoặc bày ra bùa mê hòng lường gạt của cải, ái tình.

# ANH CẢ VÀ ANH HAI

Theo tục lệ cổ truyền, đứa con đầu lòng được cha mẹ gọi là con Cả “con thứ nhất.” rồi đến con thứ hai “thằng hai.” đứa con thứ ba “thằng ba.” vân vân.

Nhưng đặc biệt ở miền Nam, đồng bào đã sửa đổi cách xưng hô đó.

Đứa con đầu lòng được gọi là thằng Hai, đàn em gọi đó là anh Hai, mặc dầu đó là đứa thứ nhất. Tại sao có sự kiêng cử lạ lùng, bỏ ngôi thứ ấy?

Các cụ già giải thích bằng hai cách sau đây: Khi vua Gia Long tẩu quốc ở đất Gia Định (ngày xưa gọi miền Lục tỉnh Nam Kỳ là Gia Định), ngài hạ sinh hoàng tử Cảnh, Đông cung thái tử được gọi nôm na là hoàng tử Cảnh, hoặc nhiều người không dám gọi đích danh nên chỉ nói trợn, ông hoàng Cả, vì hoàng tử Cảnh là con đầu lòng, con Cả của vua Gia Long,

Do đó, tiếng Cả để dành riêng cho đứa con đầu lòng của vua. Người lương dân đặt cho đứa con đầu lòng của mình là thứ Hai.

Lại còn có người giải thích ở miền Nam mỗi làng xưa kia đều do một ban hương chức hội tề cai quản. Vị hội tề đứng đầu trong là ông hương Cả. Dân chúng không dám dùng tiếng Cả để đặt tên con, khi gọi đứa con của mình “Cả ơi! Cả, lại đây mẹ biểu ...” lại vô tình xúc phạm đến ông hương Cả.

Để tránh sự lầm lẫn ấy, họ đặt cho đứa con đầu lòng một ngôi thứ khá, thứ Hai gọi thằng Hai thay cho thằng Cả.

Cả hai ý kiến này chưa có gì rõ rệt, tùy ý kiến của mỗi người nhận xét vậy.

# ÔNG CỌP ĐÌNH TÂN KIỂNG

Vùng Tân Kiểng xưa kia là nơi sung túc không kém gì Chợ Lớn hoặc chợ Bến Nghé (Sài Gòn).

Vào mùa xuân năm Canh Dần (1771), cách đây non hai trăm năm, dân chúng ở Tân Kiểng đang vui chơi thưởng xuân, bỗng có con cọp từ phía rừng Sát chạy vào chợ, giết hại và gây thương tích cho nhiều người. Dân chúng hoảng sợ, chạy đến báo cáo sự tình cho quân sĩ triều đình ở đồn Dinh (Tân Thuận). Quân sĩ kéo đến, bao vây bốn mặt nhưng con cọp nọ quá dữ, rút vào vách nhà, lùm cây mà thủ thế.

Một ông thầy tu, gọi là Tăng Ân bèn trình bày với quân sĩ: -Con cọp này quá lợi hại. Tuy là Phật tử, thể phát quy y nhưng bản đạo xin ra sức cứu dân độ thế.

Quân sĩ đồng ý. Nhưng ông Tăng Ân còn một người đồ đệ tên là Trí Năng. Vì quá thương thầy nên Trí Năng can lại.

Ông Tăng Ân đáp: -Thầy còn dẻo sức. Để thầy đánh cọp. Đệ tử tuy sung sức nhưng liệu đối phó nổi với con ác thú này chăng?

Nói xong, ông Tăng Ân dùng ngọn côn mà hươi lên, xông vào quyết sống chết.

Tài nghệ của ông Tăng Ân quả thật là cao cường. Chập sau, con cọp bị thương nặng, bò núp vào trong lùm tre mà cố thủ. Ông Tăng Ân chạy theo đánh tới tấp, nhưng con cọp nọ lúc hấp hối lại trở nên quá hung tợn.

Đồ đệ Trí Năng hét to: -Xin thầy để tôi vào tiếp sức.

Chưa dứt lời, con cọp nhảy chồm ra, ông Tăng Ân bước thối lui, té sấp xuống cái mương nhỏ. Cọp vồ ông Tăng Ân.

Thấy thì của mình lâm nguy, Trí Năng chạy ra đánh mấy đòn côn khiến cọp chết tại trận, Nhưng hỡi ôi! Vì vết thương trầm trọng, ông Tăng Ân cũng trút hơi thở cuối cùng.

Dân chúng vùng chợ Tân Kiểng vô cùng thương xót, cử hành lễ an táng của ông Tăng Ân vô cùng trọng thể. Họ an táng ông tại chỗ, trên mộ có xây tháp để ghi công đức.

Nay tháp ấy hãy còn. Và tại đình Tân Kiểng (Sài Gòn) theo tục lệ có vẽ hình một ông cọp thật to, nhắc lại thành tích xa xưa của ông Tăng Ân, người Phật tử xả thân để cứu dân.

# ÔNG NGUYỄN CHẤT

Cách đây hơn một trăm năm mươi năm, vùng Cần Giuộc (Long An) đã có xóm làng đông đúc nhưng xung quanh toàn rừng rậm. Bấy giờ ông Nguyễn Chất thừa với cha mẹ: -Con muốn xuất gia đầu Phật, chẳng hay cha mẹ định liệu ra sao?

Cha mẹ ông đáp: -Người đi tu cần có chí, có nghị lực tinh thần, chẳng bao giờ để ý đến sự đau khổ của thân xác. Nếu quả thực con mộ đạo thì con hãy lấy tay cầm một cục than lửa cho cha đốt thuốc.

Ông Nguyễn Chất lặng lẽ vào bếp, bốc cục than lửa mang ra. Lửa cháy phồng da nhưng sắc mặt ông vẫn không mảy may lộ vẻ đau đớn.

Hiểu được chí nguyện của con, cha mẹ vui lòng cho phép Nguyễn Chất theo thầy đến tu tại chùa Vinh Quang, lấy pháp danh là Viên Ngộ, khách thập phương gọi ông là Tăng Ngộ.

Ông Tăng Ngộ chỉ ăn mỗi ngày một buổi Ngọ phạn<sup>[1]</sup> mà thôi. Xung quanh chùa, bấy giờ cây cỏ sầm uất. Ông kêu gọi thiện nam tín nữ đến làm công quả, khai phá rừng hoang, đắp đường sá, khiến việc giao thông, mua bán trong vùng ngày càng tiện lợi. Đích thân ông Tăng Ngộ cũng đứng đầu chặt cây, ruồng gai. Đôi khi gặp cọp, ông dừng dừng làm công việc, cọp phải cúi đầu, chẳng bao giờ dám quấy rối thiện nam tín nữ.

Về sau ông Tăng Ngộ đến làng Thanh Ba, cất chùa Lan Nhược, đúc tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát. Khi đúc tượng lần đầu, phía sau lưng tượng có khuyết một chỗ.

Ông Tăng Ngộ nghĩ thầm: -Chắc là đức Địa Tạng muốn thử lòng ta.

Rồi ông bày lễ đúc tượng một lần thứ nhì. Khi nồi nấu đồng đang sôi, ông Tăng Ngộ bèn chặt đứt một ngón tay của mình và thả vào. Sau đó, khi đồng đã nguội, pho tượng hoàn thành tốt đẹp, không khuyết như lần trước.

Vài năm sau, cha ruột của ông mang bệnh, ông đến trước Phật đài xin trường tọa ngồi suốt ngày để báo hiếu. Năm Minh Mạng nguyên niên (1820) trong vùng xảy ra bệnh trái giống. Ông Tăng Ngộ cầu xin đức Địa Tạng phù hộ dân làng rồi nguyện tịch cốc, không ăn bữa cơm nào.

Hai mươi sáu năm sau, năm 1846, ông Tăng Ngộ nghĩ rằng mình đã tu quá lâu mà chưa thành chánh quả, nên nguyện tuyệt thủy (nhịn uống nước). Bốn mươi chín ngày sau ông mất. Dân làng xây tháp kỷ niệm ông. Ngôi chùa mà ông xây cất ngày xưa, nay hãy còn ở Thanh Ba (Cần Giuộc) và khu vực do ông điều khiển khai hoang mãi đến nay dân chúng còn gọi là Giồng Ông Ngộ. Ông Ngộ tức là ông Tăng Ngộ, tên thật là Nguyễn Chất trong truyện vừa kể trên.

-----

1. Ngọ phạn: bữa cơm trưa.

# BÃI ÔNG NAM Ở CÀ MAU

Ở gần mũi Cà Mau có một bãi bùn gọi là bãi ông Nam.

Tại vàm sông Ông Đốc còn ngôi miếu cổ kêu là miếu ông Nam.

Ông Nam là ai?

Đó là biệt danh mà đồng bào miền biển dùng để ám chỉ loại cá ông (cá voi). Xưa kia, lúc tàu quốc, vua Gia Long đã một lần gặp giông tố ngoài biển khơi, thuyền rồng sắp chìm nhưng nhờ con cá ông chạy đến đỡ chiếc thuyền nọ trên lưng rồi đưa vào bãi.

Được thoát chết, vua Gia Long phong cho cá ông chức Nam Hải Đại Tướng Quân, tức là ông đại tướng ở biển Nam Hải. Riêng về miếu ông Nam ở vàm sông Ông Đốc đồng bào hãy còn truyền tụng câu chuyện cổ tích sau đây: Xưa kia, Long vương giao phó con cá ông nọ gìn giữ vùng vịnh Xiêm La, sẵn sàng cứu vớt các thuyền sắp bị chìm vì giông tố.

Nhưng ông Nam sau khi lãnh trách nhiệm cứ yên trí rằng mùa ấy sóng gió yên tĩnh. Hôm ấy, ông bảo: -Lúc rảnh rang, ta đại gì mà không đi ngao du vòng quanh mũi Cà Mau cho biết đó đây.

Thế là ông Nam đi lặn lặn đến phía biển Bạc Liêu, Sóc Trăng. Nhưng bỗng nhiên, phía vàm sông Ông Đốc trời lại nổi giông tố, thuyền của dân đánh lưới vào bờ không kịp sắp đắm.

Ông Nam vô cùng hốt hoảng vì đã bỏ bê phận sự, đi quá xa. Nếu về vòng quanh theo mũi Cà Mau thì đường dài bằng đội ba trăm cây số. Rốt cuộc ông Nam bèn cương quyết: -Ta phải theo vàm sông trở vào đất liền mà đi tắt, họa chăng ...

Chập sau, ông Nam đến cửa Bồ Đề, vào ngọn sông để tìm cách chạy ra sông Ông Đốc. Nhưng thân xác ông quá to, sông rạch chật hẹp, khiến ông đuối sức vì lằm lúc phải bò trườn lên bờ. Sau rốt, ông về đến vàm sông Ông Đốc, tuy cứu không kịp các thuyền đánh lưới, nhưng kịp thời chịu tội với Long vương.

Người đời sau, nhớ sự hy sinh của ông Nam nên lập miếu thờ. Có người bảo rằng ít lâu, sau trận giông ấy, ông phải chết vì bị sảy thai.

# SỰ TÍCH BÀ MÃ CHÂU

Ở Việt Nam ta, những vùng có người Việt gốc Hoa phần đông đều sùng bái bà Mã Châu, cất chùa mà thờ, gọi nôm na là chùa bà Mã Châu, chùa Bà hoặc chùa Thiên Hậu Thánh Mẫu.

Bà tên thật là Mi Châu, sinh trưởng ở tỉnh Phước Kiến, đời nhà Tống, cách đây hơn chín trăm năm. Lúc nhỏ bà rất thông minh, tu theo Phật giáo và học thêm trong những pho sách cổ thư tìm được dưới giếng lạn.

Cha của bà cùng với hai người con đi buôn bán, chuyến đi chuyến về đến tỉnh Giang Tây. Chuyến đó thuyền bị giông tố, cả ba đều té xuống biển, sắp chết đuối.

Lúc giông bão đang diễn ra ở biển khơi, bà Mi Châu ngồi ở nhà, dệt vải cạnh mẹ. Bỗng nhiên, bà Mi Châu ngừng tay dệt, đôi mắt nhắm lại, hai tay đưa về phía trước như đang trì níu vật gì quá nặng, bà mẹ sợ hãi, nắm vai bà Mi Châu mà hỏi: -Chuyện gì vậy? Hay là bữa nay con đang bệnh. Nếu mệt thì con nghỉ dệt.

Bà Mi Châu không trả lời.

Mẹ càng hốt hoảng: -Sao con mê sảng vậy? Hãy tỉnh dậy. Mẹ đi rước thầy về trị bệnh cho con. Điềm gì vậy?

Vừa nói, bà mẹ vừa lắc mạnh vào vai bà Mi Châu. Chập sau, bà Mi Châu mở mắt, khóc nức nở: -Thưa mẹ! Chuyến này thuyền của ba và hai anh con bị giông tố. Con cố sức cứu cha nhưng mẹ đã níu vai con mà khuấy rối. Rốt cuộc cha của con đành theo số mạng. Lúc bối rối, cha của con mới đưa tay lên, cầu cứu nhưng tại mẹ mà con cứu không được. Còn hai người anh của con đều an toàn tính mạng, nhờ con cứu trước.

Bà mẹ bán tín bán nghi, ngờ Mi Châu vừa tỉnh giấc chiêm bao nên nói nhảm.

Vài hôm sau, chiếc thuyền buôn trở về nhà với hai người con trai còn sống sót. Đại khái, hai người anh thuật lại: lúc chơi với giữa biển, họ được một bàn tay vô hình kéo lên thuyền. Riêng về người cha thì bị cuốn trôi.

Tin ấy đồn đãi gần xa. Từ đó, dân đi biển gặp sóng to gió lớn đều kêu tên bà Mi Châu mà khẩn vái, cầu cho tai qua nạn khỏi.

Năm Canh Dần (1110), vua nhà Tống phong cho bà Mi Châu là Thiên Hậu Thánh Mẫu

Lễ cúng bà cử hành khoảng hai mươi ba tháng ba âm lịch mỗi năm. Người Việt gốc Hoa sùng bái bà Mi Châu (nói trại là Mã Châu) vì bà phù hộ đi đường bình an từ Trung Quốc sang đây đồng thời bảo vệ họ qua các tai nạn, bệnh tật khác.

# ĐỨC HẠNH CỦA BÀ THÁI HẬU TỪ DŨ

Tại Sài Gòn, ai cũng biết nhà bảo sanh lớn nhất: nhà bảo sanh Từ Dũ.

Bà Từ Dũ sinh cách đây hơn một trăm năm mươi năm, tại tỉnh Gia Định, huyện Tân Hòa, giống Sơn Quy nay là Gò Công. Cha của bà là quan thượng thư bộ lễ Phạm Đăng Hưng.

Lúc còn nhỏ tại gia đình, bà tỏ ra thông minh, ham học kinh sử.

Năm mười bốn tuổi, bà được tuyển vào cung, hầu hạ vua Thiệu Trị, rồi sanh ra vua Tự Đức.

Bà dạy con (vua Tự Đức) rất kỹ lưỡng, soạn ra pho sách “Tự Huấn Lục.” để dạy vua về đạo đức, cách cai trị dân. Vua Tự Đức rất có hiếu, hằng đêm châu chực bên mẹ, đọc kinh sử cho mẹ nghe đến quá khuya, gặp việc khó giải quyết, vua Tự Đức thường hỏi ý kiến của bà Từ Dũ. Năm đó, triều đình cử hai vị quan đến khu rừng nọ để phá đất hoang, hai vị quan ấy trốn tránh nhiệm vụ, trở về tâu rằng: -Vùng rừng rậm nọ khí hậu ẩm thấp, gây bệnh hoạn, khó bề trồng trọt.

Nghe qua, bà Từ Dũ vừa buồn, vừa giận, bèn ban xuống lời dụ, nhắc nhở ai nấy nên khai thác đất hoang:

Tân hóa đạo, chỗ đất rừng rộng lớn,  
Siêng mở mang thời địa lợi biết bao.  
Đạo tôi con đi chọn lựa nơi nào,  
Không đành ở lại đồ cho lam chướng.  
Ban đầu ít, dần về sau thịnh vượng,  
Ráng cần lao mới để tiếng sộ non.  
Nếu đất hoang, đành đoạn để cho hoang,  
Giúp trộm giặc ở hang nơi tàng tị.  
Việc đời thấy tiên nan mà hậu dị,  
Nỡ cam tâm hủ ký biết nài sao.

Nhờ đó, các vị quan ăn năn, cố gắng khai khẩn thêm đất mới, đem dân đến lập nghiệp.

Đối với bọn cung nhân quá đông đảo trong hoàng thành, bà Từ Dũ luôn luôn khuyên họ đừng ở không, mất thời giờ vô ích. Bà dạy họ lúc rảnh rang phải nuôi tằm, ươm tơ.

Dè dẫu, bọn cung nhân nọ ỷ thế, mua lá dâu của dân chúng mà không trả tiền. Bà Từ Dũ hay tin ấy bèn quát mắng: -Sao bọn người lộng quyền như vậy. Chẳng qua là ta muốn giúp các người học chuyện nữ công. Từ rày về sau, ta đình bãi việc nuôi tằm.

Mặt khác, bà đã ra lệnh cho quan hầu phải đi điều tra kỹ lưỡng từng nhà, trả lại số tiền mua lá dâu mà trước kia bọn cung nhân đã ỷ thế mua chịu.

Trong việc cư xử hàng ngày, bà luôn luôn tránh việc sát sinh hại vật. Ở cung Gia Thọ, nơi mé bên phía đông, trên thêm có một ổ kiến khá đông. Quân hầu dùng chổi mà quét kiến, nhưng chập sau kiến ở dưới hang lại bò lên, quân hầu bảo nhau: -Ta nấu nước sôi mà xối vào. Lũ kiến sẽ chết tức khắc hết cả ổ.

Bà Từ Dũ can gián: -Các người hãy dừng tay.

Rồi bà nói thềm, như khuyên lũ kiến: “Chúng bay kéo đi nơi khác mà ở, kéo quân hầu xối nước ngay ổ bây giờ.”

Chập sau lũ kiến kéo đi sạch.

Đức vua Tự Đức thường đi ngự ở sông Lợi Nông, bắn chim để giải buồn.

Hôm ấy, vua Tự Đức đi vắng, dẫn nữ quan ở nhà tàu cho bà Từ Dũ biết. Nhưng viên nữ quan quên tàu việc ấy, bà Từ Dũ suốt buổi nóng lòng chờ đợi con.

Đến chiều hôm ấy, vua Tự Đức trở về, qua thăm mẹ. Bà Từ Dũ rơi nước mắt, mắng rằng: - Có một mẹ một con vậy mà con đi xa không cho mẹ hay trước. Mẹ ở nhà mãi trông đợi.

Vua Tự Đức bèn quỳ lạy, chịu tội: -Thưa mẹ, từ rày về sau, con không dám nữa.

Nhân dịp ấy, bà Từ Dũ nhắc lại cho vua Tự Đức nghe: Đức Cao Hoàng Hậu (vợ vua Gia Long) luôn luôn can gián con cháu chẳng được bắn chim. Lý do rất dễ hiểu, nếu chim trống chết, chim mái sống lẻ loi, nếu chim con chết, chim mẹ buồn. Nếu muốn tập bắn, các hoàng tử cứ lo tập bắn bia. Tự hậu đừng sát sinh hại vật nữa.

Bà Từ Dũ hưởng thọ chín mươi ba tuổi.

# CHÀNG RẼ KHỜ

Xưa kia có anh trai tráng nọ quá khờ khạo, vì nhà túng bần nên anh sẵn sàng ở rể, giúp việc cho gia đình bên vợ.

Anh than phiền với bà mai dong: -Khó quá. Về nhà cha vợ, tôi phải xử sự ra sao đây? Không khéo lại mất vợ.

Bà mai dong đáp: -Dễ quá. Mọi việc đều xong xuôi. Anh hãy về giúp đỡ gia đình bên vợ, trông coi mọi việc.

-Nghĩa là làm sao?

-Hãy thấy cha vợ làm bất cứ công việc gì dầu nặng dầu nhẹ, anh phải ra sức làm y như vậy để giúp đỡ.

Chàng rể vô cùng mừng rỡ: -Vậy thì dễ quá. Tôi xin vâng theo lời dạy.

Hôm nọ, sau khi ăn cơm xong, người cha vợ xách búa ra vườn đốn cây. Chàng rể lật đật xách búa đi theo.

Đến vườn, cha vợ hươi búa chặt vào cây.

Chàng rể sực nhớ lời dạy của bà mai dong, liền chạy đến bên cạnh cha vợ mà thưa: -Để con đốn cây này giúp cha,

Người cha vô cùng mừng rỡ, bỏ gốc cây ấy qua đốn gốc khác ở kế bên.

Nhưng chàng rể lại ngây ngô, chạy đến thưa: -Để con đốn cây này.

Người cha liền qua gốc cây khác, chàng rể vẫn tiếp tục xách búa đến chàng ràng. Rốt cuộc, cả hai cha vợ và rể chẳng đốn xong cây nào cả.

Thế là người cha vợ tức giận, xách búa ra đi phía xa hơn. Ngạc nhiên làm sao, chàng rể lại đi theo bèn gót. Người cha vợ sinh nghi: -Hay là nó nổi cơn điên? Rủi bễ gì, nó dám vác búa chém mình.

Thế là người cha vợ chạy một mạch. Chàng rể lại chạy theo, chiếc khăn vấn đầu của người cha bị tuột xuống đất, chàng rể cũng bắt chước, lột khăn trên đầu mình mà ném xuống đất. Người cha vợ càng hoảng sợ, té sấp rồi lồm cồm ngồi dậy; phía sau, chàng rể lại giả bộ té.

Về đến nhà, người cha bèn đâm vào vai vợ mình mà báo nguy: -Má bây trẻ ơi! Thằng rể nhà mình nó phát điên rồi. Chạy nhanh, kéo nó chém.

Ngờ đâu, chàng rể cũng bắt chước cha vợ, đâm vào vai bà mẹ vợ một đâm khá đau điếng.

Cha vợ và mẹ vợ hốt hoảng chạy ra khỏi nhà, loay hoay bên gốc cây, nhưng chàng rể hăng máu nọ vẫn bắt chước đến gốc cây. Rốt cuộc hai ông bà té nhào xuống mương, la inh ỏi, kêu cứu với chòm xóm.

Chàng rể lại nhảy xuống mương, la inh ỏi theo.

Hàng xóm chạy lại, bắt chàng rể để hạch hỏi duyên cớ. Bấy giờ ai nấy mới hiểu: Anh ta

chẳng có ác ý gì cả mà trái lại chỉ muốn giúp đỡ cha mẹ vợ theo lời bà mai dong.

# CỌP KHÔNG BIẾT TRÈO CÂY

Xưa kia, trong chốn sơn lâm, con mèo và con cọp thường ganh tị nhau, dành quyền cai quản.

Con mèo đưa ra lý lẽ: -Trong rừng có nhiều cây cao, muốn trông chừng gần xa phải biết trèo nhanh nhẹn như tôi. Anh thì to lớn thật nhưng chỉ quanh quẩn trên mặt đất.

Cọp tức giận thét to: -Tôi không trèo, bởi vì tôi chưa muốn trèo. Đi trên mặt đất, bắt nai, hươu ăn thịt sướng hơn. Nếu cần, tôi sẽ trở tài cho anh thấy.

Mèo đắc ý nói: -Được rồi. Lời nói với việc làm phải đi đôi với nhau. Hay là sáng mai, ta đến gốc cây sến đằng kia để tranh tài cao thấp.

-Hay lắm, ngày mai tôi sẽ đến.

Sáng hôm sau mèo và cọp đến gốc cây sến, mèo bảo: -Cuộc đua bắt đầu. Anh cọp hãy xem đây.

Cọp gật đầu: -Mi hãy trèo lên trước. Ta trèo sau cũng không muộn.

Mèo nhanh trí, trèo lên từ từ rồi rưới nước tiểu khắp cả cành lá.

Tiểu xong mèo bình tĩnh trèo trở xuống, mặt mày hớn hờ nói nhanh: -Bây giờ đến lượt anh cọp trở tài cho tôi xem thử.

Cọp ngấm nghĩa thân cây sến, cười giòn: -Cây thấp quá, tôi leo như chơi.

Mèo đáp: -Anh cứ leo. Nếu cả hai chúng ta đều huề nhau thì sáng mai, ta chọn gốc cây to khác.

Cọp rống lên, giương móng, nhe nanh, lấy sức rồi trèo lên nhanh nhẹn.

Nhưng rủi thay, vừa trèo được nửa đường, nước tiểu trên các cành lá rớt xuống, trúng ngay mắt của con ác thú. Tuy đôi mắt xốn xang nhưng cọp chẳng dám nhắm, sợ té. Hồi lâu, cọp sợ mang bệnh, phải mù mắt. Nghĩ vậy cọp quày quả rút lui.

Mèo cười to: -Sao vậy? Anh chưa trèo tới ngọn cây mà?

Cọp lắc đầu: -Thôi, mắt tôi như mù. Tôi xin chịu thua. Từ rày về sau, tôi chỉ lãnh chức “chúa sơn lâm.” ở trên mặt đất. Đồng thời, tôi xin thề chẳng bao giờ dám trèo nữa.

Bởi vậy ngày nay cọp chẳng bao giờ biết trèo.

# MĂNG XÀ VƯƠNG Ở TÂN BẰNG

Xưa kia, quan ngự y Nguyễn Hữu Long chạy theo phò tá vua Gia Long. Rủi thay, vì quân Tây Sơn đuổi theo ráo riết, quan ngự y chạy thất lạc đến Tân Bằng, thuộc sông Cán Gáo, vùng U Minh Thượng, tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang)

Vừa đến xóm, bỗng nghe tiếng chiêng trống nổi lên inh ỏi. Quân sĩ đến thám thính rồi trở về báo cáo: -Thưa ngài, dân trong xóm đang làm lễ. Họ bắt hai đứa bé, đem tắm rửa sạch sẽ rồi đốt hương trầm, chờ hiến dâng cho Măng Xà Vương.

Quan ngự y hỏi: -Chùng nào Măng Xà Vương tới?

-Dạ, chúng tôi chưa rõ.

Nghe xong, quan ngự y bèn đến nơi, hỏi han dân chúng. Các ông kỳ lão đều tỏ vẻ sợ hãi, trình bày đầu đuôi sự việc. Hằng năm, đúng dịp hai con Măng Xà Vương từ ngoài biển khơi vịnh Xiêm La đến khuấy rối xóm làng. Đôi Măng Xà Vương nọ to như cái khạp bò, khi chúng đến cả khu rừng rụng chuyển, nổi giông gió, sập nhà cửa. Dân làng khẩn vái, hứa nộp cho Măng Xà vương hằng năm hai đứa trẻ. Nhờ vậy, Măng Xà Vương không còn hung hăng như trước.

Nhìn qua cuộc lễ, quan ngự y vô cùng xúc động, nhất là khi ông thấy hai đứa bé vô tội kia.

Quan ngự y hỏi nhanh: -Chùng nào Măng Xà Vương đến?

Các ông kỳ lão thưa: -Dạ, tối mai vào khoảng canh ba, giờ tỵ.

-Các ông cứ yên trí, nghe lời tôi.

-Dạ, rủi có bề gì “họa hổ bắt thành.” gây thêm tai hại cho dân trong xóm.

-Đừng ngại, ta cứ làm như vậy, như vậy. Điều quan trọng là đừng tiết lộ trước, e dân chúng xôn xao làm cho kế hoạch có thể thất bại.

Thế là ngày hôm sau, đích thân quan ngự y điều khiển vài người dân tín cẩn, bảo họ tìm hai con chó thật mập, đem về cạo lông, mổ ruột tại căn chòi xa vắng tận núi rừng.

Mặt khác quan ngự y truyền cho quân sĩ tán vài vị thuốc cho thật nhuyễn. Đâu đó xong xuôi, quan ngự y dạy họ bỏ thuốc tán ấy vào bụng hai con chó, may ruột kín mít.

Đêm hôm sau, dân chúng tề tựu đến sân lễ. Cha mẹ của hai đứa bé ấy khóc la thảm thiết, khi thấy con mình bị nhin đói, ngất xỉu trong bầu không khí đầy khói trầm ngọt ngào.

Đến canh hai, các ông kỳ lão đứng ra, kêu gọi dân chúng: -Bà con hãy yên tâm, rút lui vào nhà. Đừng lấp ló ngoài cửa mà chết oan mạng.

Ai nấy ngỡ ngác nhưng rút cuộc đành tuân lời. Riêng có cha mẹ và thân nhân của hai đứa bé thì cứ ngã lăn ra mà khóc mãi.

Chờ khi mọi người đã khuất dạng, quan ngự y Nguyễn Hữu Long nói với cha mẹ của hai nạn nhân nọ: -Bây giờ các người cứ tự tiện đem con về đừng cho chòm xóm hay biết.

Họ ngỡ ngác: -Chúng tôi sợ Măng Xà Vương trả thù.

-Thôi, cứ đi mau đi. Lát nữa đây, ta đủ tài trí ứng phó.

Sau đó, theo lệnh của quan ngự y, quân sĩ đem hai con chó đốm thuốc nọ ra sân. Quân sĩ dựng hai con chó theo dáng điệu của đứa bé quỳ.

Họ dùng mực và son để tô miệng và mắt xác chó cho giống với dáng điệu đứa bé.

Quan ngự y căn dặn lần chót: -Các anh nào chuẩn bị nước sơn? Đã tới chưa.

Vừa dứt lời, cây rừng chuyển rặng rắc như giông bão. Quan ngự y khoát tay, bảo những người còn lại: -Chúng ta hãy núp cho thật kỹ để chờ cơ hội ...

Ngoài sân, đỉnh trâm bay nghi ngút. Hai con chó bị cạo lông, xem trắng phếu, mơ hồ giống như hai đứa bé. Bỗng đâu, giông gió im bặt. Hai con Mãng Xà Vương xuất hiện, bò sát đất, từ từ xấp lại gần đỉnh trâm rồi dựng mình lên, khoe cái mõng khá to, múa qua múa lại.

Quan ngự y mừng thầm nói với quân hầu: -Chúng nó quá tin nơi hai con chó. Trước khi đỡp mồi, Mãng Xà Vương còn giỡn mồi. Rõ ràng chúng nó đi có cặp, một con đực, một con cái.

Vài phút sau, hai con Mãng Xà Vương quán lấy mồi, nuốt trọn vào họng rồi bò tới bò lui, dáng điệu càng uể oải.

Chất thuốc mê hồn ngấm dần ...

Chẳng bỏ lỡ cơ hội, quan ngự y khoát tay ra hiệu lệnh. Bọn quân hầu đem nước sơn ra, tiến dè dặt đến bên cạnh hai con ác thú.

-Sơn cho nhanh lên, mỗi con một màu khác nhau.

Mãng Xà nằm mê man. Quân hầu tha hồ sơn phết: con đực sơn xanh, con cái sơn đỏ.

Các vị kỳ lão hỏi khế: -Tại sao thượng quan chưa ra lệnh giết nó.

Quan ngự y đáp: -Thế của nó tuy vậy chó vẫn còn mạnh. Quân hầu của ta chỉ gồm vài người, nhưng ta bảo đảm từ rày về sau chúng nó sẽ chẳng dám trở lại gây rối nữa.

Hai con Mãng Xà bỗng cựa quây vì chất thuốc “mê hồn.”lần lần mất công hiệu. Nhưng khi nhìn nhau, trông thấy những màu sắc kỳ lạ, chúng trở nên hốt hoảng, xem nhau như kẻ thù khác loại, quá xa lạ. Thế là con Mãng Xà đực và con Mãng Xà cái nổi giận, cắn nhau, rượt nhau như giông như gió, đi mất dạng về phía vịnh Xiêm La.

Từ đó về sau, chẳng bao giờ đôi Mãng Xà nọ trở lại đất liền nữa.

# TIẾNG HÁT CỦA HÀ Ô LÔI

Truyện Lĩnh Nam Trích Quái có chép sự tích chàng Hà Ô Lôi như sau đây: Đời nhà Trần, quan An Phủ Sứ vâng lệnh vua đi sứ quan bên Trung Hoa. Quan tên thật là Đặng Sĩ Dinh, cư ngụ tại làng Ma La.

Người vợ của Đặng Sĩ Dinh ở nhà một mình. Đêm đêm, vị thần của làng Ma La bèn giả dạng Đặng Sĩ Dinh, lên vào phòng của người vợ để tư thông.

Đến lúc hừng sáng, vị thần ấy bèn biến mất.

Thấy chuyện kỳ lạ, người vợ bèn hỏi chồng (tức là thần Ma La trá hình): -Tại sao chàng đi sứ tận bên Trung Hoa mà ban đêm lại về nhà được như vậy? Ban ngày, chàng ở đâu?

Thần Ma La đáp: -Vua đã sai vị quan khác đi sứ thế cho ta. Hàng ngày, ta hầu vua, đánh cờ với vua. Lúc ban đêm rảnh rang, nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng, ta lên về nhà thăm nàng. Hừng sáng, ta phải đi ngay, kéo vắng mặt ta, vua quở trách.

Cuộc ái ân thầm kín nọ kéo dài khá lâu, người vợ mang thai.

Năm sau, Đặng Sĩ Dinh đi sứ về nhà, thăm vợ. Thấy ngày sanh của vợ đã gần kề, Sĩ Dinh nổi giận tố cáo với vua. Vua truyền hạ ngục người đàn bà mất nết ấy.

Một đêm nọ, vua nằm chiêm bao thấy vị thần mách bảo: -Ta là thần Ma La, bấy lâu nay ta ăn ở với vợ Sĩ Dinh. Tại sao Sĩ Dinh ngày nay cướp vợ và con ta? Xin nhà vua phân xử.

Vua đáp: -Được rồi, ta hứa giải quyết ổn thỏa đôi bên.

Rạng ngày hôm sau, nhớ đến giấc mộng, vua gọi Sĩ Dinh đến phán rằng: -Ta trả tự do cho vợ người. Từ rày về sau người phải ăn ở thuận hòa với vợ. Còn đứa con trong bào thai, sau khi chào đời, phải giao cho thần Ma La.

Để đánh tan sự thắc mắc của Sĩ Dinh, nhà vua thuật lại những điều nghe thấy qua giấc thần mộng

Ba ngày sau, đứa bé ra đời, nước da của nó đen như mực, láng bóng như thoa mỡ. Vua bèn trợ cấp để nuôi dưỡng nó; năm nó được mười lăm tuổi, vua cho phép nó vào hoàng thành, tới lui thông thả.

Đứa bé ấy tên Hà Ô Lôi, một hôm đi dạo chơi xa hoàng thành, gặp tiên ông Lã Đồng Tân (một vị trong số Bát tiên).

Lã Đồng Tân hỏi: -Người muốn cầu mong điều gì chẳng? Ta sẵn sàng giúp đỡ.

Hà Ô Lôi đáp: -Thưa tiên ông, tôi chẳng muốn làm vương làm tướng gì cả. Tôi chỉ muốn có gương mặt xinh xắn, giọng ca lạnh lớt.

Lã Đồng Tân nói: -Người ao ước có thanh sắc, nguy hiểm lắm. Người có sắc đẹp, hát hay, thường gặp điều hoạn nạn. Rốt cuộc, chỉ còn chút danh tiếng mà thôi. Nhưng người ao ước như vậy, lẽ đâu ta chẳng chiều lòng.

Nói xong, Lã Đồng Tân bảo Ô Lôi hả miệng ra, rồi nhỏ một chút nước miếng vào miệng nó.

Từ đó về sau, Ô Lôi trở nên thông minh, lanh lẹ khác thường. Chàng ta xuất khẩu thành thơ, giọng ngâm lại thanh tao quyền rũ lạ thường, các tiểu thư say mê chàng ta, muốn dòm tận mặt chàng để kết thân, giao duyên. Tin ấy thấu tai vua, vì quá thương mến Ô Lôi, vua ra lệnh cho dân chúng: -Nếu Ô Lôi gian phạm với con gái nhà ai, quan quân nào bắt hãn tại trận, dẫn về cho vua răn phạt thì sẽ được thưởng một ngàn quan. Bằng ai quá hung hăng, lỡ tay giết chết Ô Lôi thì vua sẽ phạt một vạn quan.

Bấy giờ, ở làng Nhân Mục, có một nàng quận chúa tên là A Kim, nhan sắc tuyệt đẹp. Nàng góa chồng, vua mến yêu nàng nhưng tính nàng vẫn khăng khăng. Vua bèn bảo Ô Lôi: -Quận chúa A Kim quá đoan trang, kiêu căng, người có mưu kế gì chăng? Mi có cách nào gần gũi với quận chúa, ta khen thưởng đấy.

Ô Lôi suy nghĩ hồi lâu rồi đáp: -Thần nguyện dùng mọi cách để quyền rũ cho kỳ được quận chúa A Kim. Trong vòng một năm nếu điện hạ không thấy thần trở về hoàng thành, ắt là cơ mưu bại lộ, thần bị ám hại.

Vua nhận lời, Ô Lôi lạy vua ra đi. Anh ta bèn cải trang, giả dạng như đứa giữ ngựa, ăn mặc rách rưới, tay xách cái giỏ tre. Đến dinh của nàng quận chúa, anh ta mua trâu cau, tặng cho đứa thị tì để xin phép vào cắt cỏ ngựa trong vòng rào.

Nhưng khi vào trong, thay vì cắt cỏ, Ô Lôi bèn cố ý cắt tất cả loại hoa lài, hoa sói trong vườn.

Đứa thị tì tức giận, la lên: -Quân gian ác! Mi lén vào đây phá hại vườn hoa. Để ta trình với bà quận chúa, bắt trói mi cho đáng tội.

Vài ngày sau, đứa thị tì hỏi Ô Lôi: -Người làm công cho ai? Tại sao chẳng thấy ai đến đây xin lỗi quận chúa, lãnh cho người về?

Ô Lôi bèn thưa: -Tôi là kẻ vô gia cư, vô nghề nghiệp, không cha không mẹ. Hôm nọ có vị quan đi ngang qua đây mượn tôi cắt cỏ. Tôi quá mừng nhưng vì ngu dốt, cắt lầm mớ hoa quý mà ngỡ rằng cắt cỏ. Bây giờ tôi xin ở đây, làm nô tỳ cho bà quận chúa để hy vọng được tha tội.

Thế là Ô Lôi được nhìn nhận là kẻ gia nhân của quận chúa A Kim. Trong lúc ra vào để làm công việc lật vật, Ô Lôi bèn trở tài ca xướng, ngâm thi vịnh phú. Cả gia nhân và luôn cả quận chúa A Kim đều say mê giọng ca thiên phú của Ô Lôi. Một hôm trời đã quá tối mà cả bọn nữ tỳ đều quên tắt đèn trong dinh. Quận chúa gọi chúng đến, quở mắng một trận nên thân: -Tại sao bọn người xao lãng công việc trong dinh? Chừng này mấy giờ rồi?

Cả bọn nữ tỳ quỳ xuống chịu tội. Một đứa mạnh dạn trình bày lý do: -Thưa quận chúa, chiều nay chúng con nghe tiếng cắt cỏ hôm trước ca hay hay quá. Thật là mê hồn, từ hồi nào đến giờ, chưa ai tài giỏi như nó.

Quận chúa A Kim bắt đầu suy nghĩ, cảm thấy bọn nữ tỳ thành thật. Nàng chú ý những đêm kế tiếp. Cứ lúc chạng vạng, Ô Lôi rảnh rang công việc, hát lên lanh lảnh theo lời yêu cầu dồn dập của bọn nữ tỳ. Tuy nằm trong phòng the, ngăn cách với bên ngoài nhưng quận chúa vẫn nghe con tim cô độc của mình rung động. Quả thật, hãn là kẻ biệt tài.

Với bản chất đa sầu đa cảm, quận chúa gọi Ô Lôi đến, nói giọng thân mật: -Từ rày về sau ta cho phép người làm gia đồng, người được quyền ra vào phòng ta, chớ ta sai bảo những công việc riêng. Người khỏi chế cỏi, cắt cỏ nữa ...

Lâu ngày, Ô Lôi trở thành người hầu thân tín nhất của quận chúa. Công việc của anh ta trở

nên nhẹ nhàng, thích thú. Thịnh thoảng, quận chúa ra lệnh cho anh ta ngâm thơ, ca hát. Ban đêm, anh ta cầm đèn đứng hầu cho quận chúa đọc sách, ngâm thi.

Ngày qua tháng lại, quận chúa đem lòng yêu thương chàng nô tỳ trẻ tuổi ấy, ghiền giọng cười tiếng nói của anh ta. Nhưng vì lễ giáo ràng buộc, quận chúa tránh tiếng, e gây dư luận không tốt.

Nàng bắt đầu mang bệnh tương tư, sức khỏe ngày càng hao mòn. Trong khi ấy, hằng đêm, giọng ca của Ô Lôi như thúc giục, quyến rũ quận chúa đi vào con đường tội lỗi.

Đêm ấy, chờ cho bọn nữ tỳ ngủ say, quận chúa A Kim khẽ nói với Ô Lôi: -Bấy lâu, ta cảm mến người, giọng hát thiên phú của người khiến ta nhuốm bệnh tình. Đêm nay ta với người cứ ở trong phòng này cho đến sáng.

Sau những ngày ân ái toại nguyện, bệnh tình của quận chúa thuyên giảm rồi dứt hẳn. Quận chúa cảm thấy yêu đời, bắt chấp dư luận và màu da quá đen đúa của Ô Lôi, nàng nói: -Ta sẵn sàng giúp người tiền bạc, ruộng đất để người trở thành người khá giả suốt đời sống bên cạnh ta, người nghĩ sao?

Ô Lôi nhanh trí đáp ngay: -Đời tôi không cha mẹ họ hàng, nay được quận chúa đoái nghĩ đến, thật quá lòng mong ước của tôi. Điền sản, vàng bạc, ngọc ngà, châu báu tôi không cần, tôi chỉ muốn một điều này, nếu toại nguyện thì dầu chết cũng vui.

Quận chúa A Kim hỏi nhanh: -Người cứ nói.

-Tôi chỉ nguyện được thấy cái mũ vàng khảm ngọc của quận chúa, đội thử lên đầu một lần.

Vì yêu đương quá mức, quận chúa sẵn sàng nhận lời: -Dễ quá! Nếu cần, ta tặng cho người làm của riêng gọi là kỷ niệm.

Cái mũ quý giá ấy vốn của tiên đế ban cho quận chúa, để nàng đội khi dự lễ trong triều đình. Bấy giờ, Ô Lôi mừng rỡ, mang cái mũ ấy, lên trôn ra khỏi dinh của quận chúa, trở về hoàng thành ra mắt vua, tường trình tất cả mọi việc.

Vua cười vui, lập tức gọi quận chúa A Kim vào chầu. Trong khi đó, A Lôi nghiêng nhiên đội cái mũ ấy, đứng bên cạnh vua.

Gặp quận chúa, vua chỉ vào Hà Ô Lôi rồi hỏi nàng: -Có biết tên đội mũ này không?

Quận chúa A Kim bẽn lẽn, hiểu rằng nhà vua muốn chế diễu, mỉa mai để trả thù nàng. Nàng ra về, tin ấy loan truyền khắp cả hoàng tộc. Ai nấy đều chế nhạo quận chúa A Kim, nhưng tài năng của Hà Ô Lôi cũng nhờ đó mà được nhiều người chú ý hơn. Nhờ địa vị là kẻ thân tín của vua, Ô Lôi cứ tiếp tục ra vào các dinh thự, ngâm thơ, ca hát và dụ dỗ các cô gái quyền quý. Tuy biết anh ta là phường sở Khanh nhưng rút cuộc nhiều người sa vào bẫy.

Đôi khi, hắn bị bắt gặp quả tang nhưng ai nấy đều ngán uy quyền của nhà vua, chừ chưa dám đánh đập hắn thẳng tay, sợ vua bắt phạt tiền.

Nhưng thói thường “ăn quen chồn đèn mắc bẫy.” phen nọ Hà Ô Lôi, thông với đứa con gái đầu lòng của Minh Uy Vương. Vương bèn bắt hắn, giam trong phòng nhưng chưa dám giết cho hả cơn giận. Vương đến hoàng cung, xin gặp mặt vua để tố cáo: -Tâu điện hạ, Hà Ô Lôi lén vào nhà của thần, ban đêm thần lỡ tay đánh chết vì chẳng phân biệt được lúc trời tối.

Nhưng nhà vua ngỡ rằng Hà Ô Lôi đã chết thật nên phán như sau: -Nếu hãn phạm tội, bắt tại trận, giết hãn rồi thời thôi, ta chẳng phiền hà gì cả.

Thế là Minh Uy Vương về nhà, hạ lệnh giết Ô Lôi. Trước khi sắp chết, Ô Lôi nhớ đến lời của Lã Đồng Tân ngày xưa, hiểu rằng tiên ông đã dạy rất đúng “Có sắc đẹp, có giọng hát hay thì càng đem lợi và càng đem hại cho hãn mà thôi. Lợi hại ngang nhau.”

# MẠNH MẪU DẠY CON

Thầy Mạnh Tử là nhà hiền triết nổi danh ở Á Đông, học trò của đức Khổng Tử.

Sở dĩ Mạnh Tử nên bậc thánh hiền, ngàn đời lưu danh, phần lớn đều nhờ công đức dạy dỗ của mẹ – bà Mạnh Mẫu. Hồi thầy Mạnh Tử còn nhỏ, nhà ở gần nghĩa địa, suốt ngày bên cạnh nhà toàn là cảnh thê thảm: đào huyết, kẻ la người khóc.

Tuổi nhỏ hay bắt chước, thầy Mạnh Tử cũng ra xem, khóc la như người lớn.

Bà Mạnh Mẫu nói: -Nếu cứ ở đây lâu ngày, con ta sẽ hư hỏng tính tình.

Sau đó bà dời nhà đến gần chợ.

Hằng ngày thầy Mạnh Tử ra chợ, thấy thiên hạ mua bán, nên về nhà thầy cũng bắt chước buôn bán với các trẻ con lân cận. Bà mẹ không vừa ý: -Ở đây lâu ngày, con ta khó thành người.

Bà lại dời nhà đến gần trường học. Thấy đám trẻ con đến trường siêng năng học hành, ăn nói có lễ phép, thầy Mạnh Tử cũng bắt chước theo chúng, đòi với mẹ cho mình đi học.

Bà Mạnh Mẫu rất đổi vui mừng: -Chỗ này là chỗ tốt, ta nên ở.

Một hôm nọ, thầy Mạnh Tử thấy người hàng xóm thọc huyết heo. Thầy liền chạy về nhà hỏi mẹ: -Thưa mẹ, họ giết heo để làm gì vậy?

Lúc vui miệng, bà Mạnh Mẫu trả lời: -Họ giết heo để cho con ăn thịt.

Nói xong, bà vô cùng hối hận nghĩ thầm rằng: “Con mình còn bé, chẳng lẽ mình là mẹ nó mà lại nói dối.” Tuy trong nhà túng hụt, ngay buổi sáng hôm ấy bà cũng ráng nhín nhút, mua miếng thịt heo đem về cho con ăn.

Hôm nọ, thầy Mạnh Tử đang học trong lớp bỗng nhiên ham chơi, bỏ lớp học chạy về nhà.

Bà Mạnh Mẫu ngồi dệt vải trên khung cửi, thấy con hư hỏng như vậy liền cầm dao cắt đứt tấm vải đang dệt dang dở trên khung.

Thầy Mạnh Tử sợ sệt, chưa hiểu vì sao mẹ hành động như thế.

Mẹ giải thích: -Việc học hành của con cũng giống như việc dệt cửi của mẹ. Con bỏ học chẳng khác nào mẹ cắt đứt tấm vải này.

Mạnh Tử nghe qua, xin lỗi mẹ, trở vào lớp học. Từ đấy, thầy siêng năng hơn trước, lớn lên trở thành bậc đại thần. Đó cũng là nhờ công ơn dạy dỗ của mẹ từ khi thầy còn bé.

# TRUYỆN PHÙ ĐỒNG THIÊN VƯƠNG

Đời vua Hùng Vương thứ ba, nước ta sống trong cảnh thái bình, an lạc. Vua Tào bấy giờ là Ân Vương tìm cách gây sự để kéo quân sang xâm chiếm nước ta.

Vua Hùng Vương bèn triệu quần thần, bàn kế hoạch ứng phó. Một đạo sĩ bàn với vua: -Nên cầu Long Quân (Rồng thần) thử xem sao.

Vua đồng ý, đắp đàn, đốt hương cầu tế suốt ba ngày, bỗng sấm sét nổi dậy. Ngoài ngã ba đường xuất hiện một ông lão hình dáng phi thường cao hơn sáu thước, bụng lớn, râu tóc bạc phơ. Vua biết điềm trời xui khiến nên đích thân ra đường mời ông lão vào hoàng thành, ông lão chẳng ăn uống, nói năng gì cả.

Vua nài nỉ: -Nay vua nhà Ân sắp xua quân đánh nước ta, nếu có mưu kế chi, xin ông dạy bảo.

Ông lão xử quẻ rồi nói: -Ba năm nữa, giặc Ân mới tràn qua. Bây giờ vua hãy truyền lệnh cho quân sĩ luyện tập siêng năng. Mặt khác, vua phải cầu hiền, ai dẹp được giặc thì phong cho tước ấp ...

Nói dứt lời, ông lão nọ bay bổng lên không trung biệt mất. Vua hiểu đó là Long Quân.

Đúng như lời tiên tri, ba năm sau giặc Ân từ bên Tào kéo sang. Vua sai sứ giả đi khắp chốn tìm nhân tài. Đến làng Phù Đồng, sứ giả hay tin trong làng có ông phú hộ, tuổi hơn sáu mươi mới sinh được đứa con trai ba tuổi. Tính tình của đứa bé khác hơn thiên hạ, nó không biết nói, cứ nằm ngửa suốt ngày.

Hay tin vua chiêu hiền, người cha bèn nói đùa với con: -Sinh thằng bé này thật vô dụng, phải cho nó biết đánh giặc cứu nước.

Bỗng nhiên đứa bé ngồi dậy, khai khẩu: -Hãy mời sứ giả vào đây, con sẽ liệu.

Sứ giả gặp đứa bé, ông ta chưa tin tưởng nơi năng lực của nó: -Mày đừng nói đùa. Đánh giặc là việc hệ trọng.

Đứa bé nói nhanh: -Sứ giả hãy tâu lại với nhà vua: hãy đúc cho ta một con ngựa sắt cao mười tám thước, một thanh gươm sắt dài bảy thước, một cái nón thật dày ... Ta sẽ phá giặc Ân tan tành.

Hay tin ấy, vua sực nhớ đến điềm của Long Vương năm trước, truyền lệnh rèn đúc những khí giới mà đứa bé quái dị nọ đòi hỏi.

Sau khi nhận thanh gươm, con ngựa và cái nón, đứa bé nói với mẹ: -Bữa nay mẹ nấu cơm thật nhiều để con ăn no, trước khi ra trận, gần đến ngày rồi.

Từ đấy, đứa bé lớn lên như thổi, hàng xóm phải đem trâu bò đến góp phần ăn cho đứa bé. Tuy nhiên đứa bé vẫn than rằng còn đói. Về quần áo, làng xóm phải chạy vay mua sắm cho nó, sau rốt phải kiếm bông lau, bông sậy về kết thêm để che thân mà nó vẫn cho rằng chưa đủ.

Quân nhà Ân ỷ thế đông đảo, từ bên Tào kéo sang đến Trán Sơn. Đứa bé vung vai, duỗi chân đứng dậy, mình cao mười trượng. Sau khi nhẩy mũi hơn mười tiếng, đứa bé vung gươm hét to: -Ta là thiên tướng đây!

Rồi cỡi ngựa sắt, đội nón sắt, xua quân đến dạn trận, ứng chiến với quân Tàu. Giặc nhà Ân bị tan vỡ, lớp chết, lớp đầu hàng. Tục truyền rằng lúc ấy con ngựa sắt vừa sải, vừa phun lửa.

Sau khi thắng trận, đưa bé cỡi ngựa bay về trời tại núi Sóc Sơn.

Vua Hùng Vương nhớ ơn, tôn đưa bé làm Phù Đổng Thiên Vương, dạy dân làng Phù Đổng hằng năm phải tế lễ.

Từ đó về sau, giặc Ân chẳng dám tràn qua nữa, dân chúng hưởng cảnh âu lạc thái bình suốt sáu trăm bốn mươi năm. Đời sau, có bài thơ ca tụng công đức Phù Đổng Thiên Vương:

Vệ linh năm tháng đám mây nhàn,  
Muôn tía nghìn hồng chói thế gian.  
Ngựa sắt ở trời, danh ở sử,  
Uy linh lừng lẫy khắp giang san.

Người đời nay suy theo tích xưa cho rằng Phù Đổng Thiên Vương là người Việt đầu tiên biết sáng chế lại thiết giáp.

# THẦY PHÁP SỢ MA

Ở xóm Đông, có một ông lão thầy pháp lừng danh. Một hôm nọ, lúc ăn cơm, vợ của lão bèn hỏi ướm thử: -Mình sợ ma quỷ không? Ma quỷ có thật hay không?

Lão cười đáp: -Nhất định có ma quỷ. Và tôi chẳng bao giờ sợ chúng nó. Nghề của tôi rất già dặn, dầu ma quỷ thứ dữ, tôi trừ gáp một khi. Nếu non tay ần, tôi đã bị chúng nó vật từ lâu rồi.

Nhưng người vợ vẫn chưa tin, tìm cách thử thách tài năng của chồng. Chiều hôm đó, lão đi làm đám ở xóm bên cạnh. Vợ lão đứng nép vào bụi cây rậm rạp, tay cầm một khúc củi cháy đang dở.

Trong đêm khuya, lão phù thủy lò mò lần bước trở về. Vợ lão hay trước, bèn thổi lên cho đóm than cháy đỏ.

Lão mang cái đĩa <sup>[1]</sup> đầy xôi, chuối, gà luộc của thân chủ tặng cho. Người vợ bèn từ từ nâng khúc than cháy đỏ lên cao, quơ qua quơ lại như bóng oan hồn yếu tử bay vờ trong cõi ảm.

Lão hoảng hốt, rồn tóc gáy, sức nhớ tới mấy câu thần chú trừ tà. Lập tức lão thủ bộ, bỏ đĩa xôi thịt xuống đất, hai tay chấp bắt ần, miệng đọc lẩm bầm: -Yểm thiên lý thu lai, vạn lý thu lai.

Vợ lão nín cười, đi xăm xăm lại gần, quơ tới quơ lui khúc củi cháy đang dở.

Lão thầy pháp sợ điếng hồn, tay chân run lẩy bẩy, quên cả việc bắt ần, quên cả đĩa xôi thịt. Lão ta cầm đầu chạy thẳng về nhà, miệng đọc hốt hải: -Yểm thiên lý ... Yểm vạn lý ... trời đất ơi, tha tội cho tôi, tội nghiệp tôi. Sáng mai tôi sẽ cúng xôi cho các người.

Chờ cho lão chạy khuất dạng, vợ lão bước ra đường xách cái đĩa, ung dung trở về, đem giấu kín trên giàn bếp.

Sáng hôm sau, lão cố giữ nét mặt trầm tĩnh, vợ lão hỏi: -Mình đói bụng không?

Lão đáp: -Đói chớ.

-Vậy thì vợ chồng mình cùng ăn bữa xôi thịt ...

Nói xong, bà vợ đem mấy vát xôi đặt vào đĩa rồi rút con gà luộc trong đĩa, đem chặt từng khúc ...

Lão trố mắt ...

-Xôi này giống như xôi ... Con gà này giống con gà ...

Bà vợ nói nhanh: -Mình lẩm cẩm quá. Xôi là xôi, gà luộc là gà luộc. Con ma hồi tối là ... con ma, chẳng có gì ngạc nhiên cả.

Lão thấy pháp cú đầu ăn miết, mặt mày sượng sùng e thẹn, hiểu rằng mình đã làm mưu của vợ hồi tối.

-----

1. Đây: túi to bằng vải, có dây rút ở miệng, dùng đựng đồ mang đi đường.

# ĐỐT ĐẶC HƠN CHỮ LÒNG

Ông bá hộ nọ sinh ra hai người con gái xinh đẹp. Với bản chất lo xa, ông gả đứt con gái thứ hai cho một thanh niên dốt đặc, suốt ngày anh ta chỉ biết chăm lo việc đồng áng. Riêng về đứa con thứ ba, ông gả cho một chàng nho sĩ đang học hành dở dang.

Hôm nọ, nhân lúc rảnh rang, ông bá hộ rủ hai chàng rể đi dạo chơi ngoạn cảnh. Trên dòng sông trong vắt, nước chảy êm đềm, ông thấy một con ngỗng vừa lội, vừa kêu inh ỏi.

Ông bèn hỏi: -Này hai con, tại sao con ngỗng kêu to như thế?

Chàng rể thứ ba, ỷ mình biết chút ít chữ nghĩa, bèn vỗ trán suy nghĩ rồi long trọng nói: - Trường cảnh tắc đại thanh.

Trong khi ấy chàng rể thứ hai giải thích: -Con ngỗng kêu to vì trời sanh nó sẵn như vậy.

Chập sau, ông bá hộ gặp một con vịt lội tung tăng trong ao, ông hỏi hai chàng rể: -Tại sao nó nổi phều trên mặt nước.

Chàng rể nho sĩ nói câu chữ: -Đa mao thiếu nhục tắc phù.

Chàng rể nông dân lắc đầu: -Chẳng có gì lạ cả. Trời sanh nó nổi thì nó nổi

Mãn cuộc du ngoạn, ông bá hộ đưa hai chàng rể về nhà uống rượu, ông gật gù khen chàng rể thứ ba: -Con học nhiều, rành sách vở thánh hiền. Hồi nãy con giải đáp rành rẽ, cha lấy làm vui lòng ...

Người rể thứ hai nghe vậy, tỏ thái độ bất mãn: -Vậy chớ hồi nãy khi thấy con ngỗng kêu lớn tiếng, dượng ba nói câu gì?

Người rể thứ ba đáp: -Trường cảnh tắc đại thanh, nghĩa là cổ dài thì kêu tiếng to lớn.

Người rể thứ hai đáp: -Vô lý quá. Vậy chớ con ếch, con ễn ương đâu có cổ dài, chúng nó vẫn kêu to! Còn dượng cất nghĩa tại sao con vịt nổi phều trên mặt nước?

-Tôi nói: đa mao thiếu nhục tắc phù, nghĩa là nhiều lông ít thịt thì nó nổi.

Người rể thứ hai cãi: -Vậy chớ chiếc thuyền đâu có lông, đâu có thịt mà nó vẫn nổi phều trên mặt nước! Tóm lại, hai câu chữ nho của dượng Ba đều ... trật cả. Theo ý kiến nông cạn của tôi thì “ngỗng kêu lớn tiếng.” “vịt nổi trên mặt nước.” đều do trời sinh ra như thế, chẳng cần giải thích lời thôi.

Người rể nho sĩ lắc đầu, nhìn nhận rằng lời nói ngang tàng của chàng dốt cũng có lý.

Ông bá hộ bèn cười khì, lầm bầm: -Thế mới hay, lời tục thường nói: “Thà dốt đặc còn hơn chữ lỏng.”

# MUÔN SỰ CỦA CHUNG

Ca dao Việt Nam có câu:

Người đời muôn sự của chung,  
Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi.

Câu ấy ngụ ý khuyên răn người đời nên ăn ở rộng rãi, đừng quá ích kỷ, nên thương yêu kẻ nghèo khổ, sa cơ thất thế.

Xưa kia, có vị đạo sĩ tu tiên tại núi Lao. Một lúc rảnh rang, đạo sĩ xuống núi để dò xét tình hình người dưới trần tục. Đạo sĩ bèn giả dạng làm phu nghèo khổ. Lúc chợ đang nhóm họp đông đảo, đạo sĩ đến gần một anh bán trái đào mà nói: -Tôi đang khát nước. Anh cho tôi xin một trái.

Anh họ nói nhanh: -Ông lão này vô duyên quá! Ở đây chỉ có bán với buôn, ông ngủ mê à? Tôi chẳng cho ông trái nào cả.

Đạo sĩ nài nỉ: -Anh còn hàng trăm, hàng ngàn trái đào chồng chất trên cỗ xe bò này. Cho tôi một trái, thiết tưởng anh chẳng thiệt hại gì đâu? Anh nên suy nghĩ lại.

-Đừng nói nhiều vô ích, ông hãy đi nơi khác.

Đạo sĩ mỉm cười: -Bây giờ tôi mua một trái. Anh bán không?

-Đưa tiền cho tôi xem.

Đạo sĩ đưa tiền cho anh họ rồi ông cầm một trái đào mà ăn ngon lành. Ăn xong, ông lại nài nỉ: -Cho tôi xin thêm một trái. Tôi còn đói quá.

Anh họ cương quyết từ chối. Hai người cãi vã, ban đầu còn êm thấm, lần lần sinh to tiếng. Người qua kẻ lại xúm nhau xem, ngày càng đông.

Đạo sĩ cáo từ, xin phép đi nhưng anh họ nắm tay lại: -Ông định ăn cắp của tôi trái đào này à?

Người đứng xem bên bàn tán, có kẻ nói: -Thôi! Tôi sẵn sàng trả tiền trái đào này dùm cho lão ấy.

Đạo sĩ gật đầu cảm ơn người lạ mặt, ông ta ung dung ăn, sau chót, ông cầm cái hột đào, thối bùa phép vào, đem chôn dưới đất, ngay nơi ông ta đứng.

Chôn xong, ông ta nói to: -Bà con cho tôi xin một chút nước sôi.

Ai nấy ngạc nhiên, tò mò muốn xem ông lão họ giở trò gì. Một người tình nguyện chạy vào quán nước mượn cái ấm nước sôi, đem ra trao cho lão.

-Này, ông dùng nước sôi để làm gì?

Ông lão đáp: -Thiên cơ bất khả lậu.

Nói xong ông tưới nước sôi ngay nơi chôn hột đào khi nãy.

Thế rồi, trong phút giây, mặt đất nứt nẻ, hột đào lên mọng, nở ra gốc con hai cái lá xanh to mơn mớn, gốc cây đào to lớn dần, mọc thêm nhánh to, nhánh nhỏ. Lá trở xum xuê ngay các chồi non. Trong phút chốc, cây đào nọ trở bông. Bông lớn lên, kết trái, ban đầu trái còn xanh nhưng bỗng nhiên mùi thơm ngào ngọt dâng lên bát ngát. Cả đám cử tọa reo hò: - Xem kìa, trái chín hết rồi.

Lão ta đáp: -Nếu trái đã chín, ta sẵn sàng hái xuống, tặng cho bà con ở chợ này mỗi người ăn một trái cho biết. Nó giống đào tiên, lâu lâu mới trở một lần.

Ban đầu, nhiều người do dự, bàn tán lợi hại: -Tại sao lão này tử tế quá, hay là đào tiên giả?

Nhưng ăn xong, ai nấy đều nhìn nhận: -Đào ngon thiệt.

Họ xin thêm một người một vài trái, đem về làm giống và tặng cho bà con họ hàng.

Thái độ của ông lão luôn luôn vui vẻ, ông leo lên tận ngọn cây, hái đến trái cuối cùng, đem xuống tặng. Hái xong, lão nói to: -Bây giờ tôi xin kiếu bà con, cho tôi mượn cây dao.

Cầm lấy cây dao, lão đốn góc đào nọ, vác lên vai, đi lững thững về dãy núi xa xa.

Nhưng anh bán đào bỗng la hoảng, khi nhìn thấy cả xe đào biến mất, chẳng còn một trái. Té ra, nầy giờ lão già hóa phép đem tất cả đào của hắn phân phát cho khách qua đường, và cái gốc cây đào mà lão vác trên vai chính là cái gọng xe, bị lão chặt đứt hết một khúc. Anh bán đào khóc hu hu trong khi người xung quanh cười rộ ...

# CON BẠCH TRĨ

Đời nhà Châu của Trung Hoa, nước ta thuộc về Hùng Vương trị vì. Bấy giờ nước ta được an cư lạc nghiệp. Để kết tình giao hảo với nhà Châu, vua Hùng Vương sai sứ mang cho vua nhà Châu một con trĩ lông trắng. Giống trĩ này rất quý, khó kiếm, lâu lâu mới thấy xuất hiện ở dãy Trường Sơn một lần.

Bấy giờ vì ngôn ngữ bất đồng, vua nhà Châu phải khổ công tìm cho kỳ được một người dịch lại mới hiểu.

Chu Công bèn hỏi sứ giả: -Người đất Giao Chỉ cắt tóc ngắn, xăm mình, đầu không đội nón, ngón chân cái bẹt ra ... tại sao có những phong tục kỳ lạ như vậy.

Sứ giả của vua Hùng Vương trả lời rành mạch: -Người Giao Chỉ cắt tóc ngắn để khi vào rừng không vướng vào nhánh nhóc, mình xăm để giống như con rồng, khi lặn xuống nước để chài lưới thì loài thường luồng chẳng dám xúc phạm đến thân thể, ngón chân cái bẹt ra để dễ bề trèo lên cây, trèo lên đá núi, đầu trần để được mát mẻ khi trời nóng bức, ngoài ra, dân chúng tôi còn ăn trầu để khử mùi ô uế và nhuộm cho răng đen.

Chu Công hỏi tiếp: -Sứ giả đến đây để cầu mong điều gì?

Sứ giả đáp: -Từ ba năm qua, tiết trời âm ỉ, không giống tổ bão bùng, gió thuận mưa hòa. Chúng tôi ngỡ rằng tại Trung quốc có thánh nhân xuất hiện nên đến tìm (ý của sứ giả muốn nói đến đức Khổng Tử truyền bá Nho giáo).

Chu Công cảm phục sứ giả, sai các cận thần bày tiệc thết đãi, thưởng lụa là gấm vóc rồi tiễn sứ giả, nhưng vì đường quá xa xôi sứ giả đáp: -Chúng tôi quên đường về.

Chu Công truyền đóng một cỗ xe có hai con ngựa kéo. Trên xe ấy Chu Công bố trí một cây kim chỉ nam, giống như kiểu địa bàn ngày nay.

Sứ giả cứ ngồi lên xe, cho ngựa kéo, nhắm theo hướng Nam của cây kim ấy chỉ mà về nước.

Căn cứ vào tài liệu nói trên, chúng ta thấy từ đời nhà Chu, người Trung Hoa đã phát minh ra địa bàn tìm phương hướng. Vài nhà khảo cổ bảo rằng nhờ xem vóc dáng con trĩ ở dãy Trường Sơn mà các họa sĩ Trung Hoa vẽ ra con chim Phụng Hoàng, thêm lông, cánh. Và giống dân Giao Chỉ ấy chưa ắt là người Việt Nam hay người Chiêm Thành.

# SỰ TÍCH CÂY PHƯƠNG

Ở các chùa chiền thường có treo một tấm vải dài, viết chữ nhỏ, gọi là ngọn phương.

Theo tích xưa, ngọn phương ấy là hình ảnh của con rắn bị trừng phạt.

Thuở ấy, có anh nông phu nọ bắt được con rắn nhỏ, đem về nuôi nấng kỹ lưỡng. Tuy bận công việc đồng áng, anh vẫn tìm bắt cá, nhái, ếch đem về cho rắn ăn, nhiều khi rắn quá đói, anh nọ sẵn sàng cho rắn ăn mấy con gà nuôi trong nhà.

Rắn càng ngày càng lớn, ăn càng nhiều. Hôm ấy, nó than đói. Anh nông phu lắc đầu: -Hết phương thế rồi. Bữa nay ta chưa kiếm được thức ăn cho mày. Thôi ráng chờ sáng mai đi.

Rắn nổi giận, trở mặt, phùng mang trợn mắt: -Ông không nuôi tôi nổi thì tôi phải cắn ông chết.

Anh nông phu vô cùng buồn bã, nói với rắn: -Lời tục thường nói: Cứu vật, vật trả ơn. Tại sao mi đem oán mà báo ơn? Bây giờ ta sẵn sàng chịu cho mi cắn, nếu hành động của mi được các loài vật khác công nhận.

Rắn gật đầu: -Vậy thì ông đi với tôi.

Hai bên bèn lên đường, chập sau gặp con hạc đậu trên ngọn cây. Rắn trình bày đầu đuôi sự việc, hạc nghe xong bèn nổi giận: -Rõ ràng mi là kẻ vong ân bội nghĩa. Nếu không có chủ nhà thì làm sao mi đủ thức ăn, sống đến ngày nay.

Rắn chưa chịu thua, nói với chủ nhà: -Ta hãy đi tìm vài con vật nữa.

Hai người đi mãi, bỗng gặp con rùa bò lê lét bên bờ ao. Rắn bèn thuật lại hoàn cảnh của mình. Rùa gật đầu: -Mi nên cắn chủ nhà cho hắn chết rồi đòi. Hắn nuôi mi tại sao hắn lười biếng để mi chịu đói khát?

Chủ nhà nói: -Nãy giờ ta chỉ mới gặp hai con vật, con đồng ý, con phản bội. Để giải quyết, ta cần gặp con thứ ba.

Con quạ đậu ngất ngễ trên cành cây được mời xuống, nghe vừa dứt câu chuyện, quạ nổi giận: -Đồ vô ơn bạc nghĩa. Ta đồ mi chạy thoát.

Rồi quạ mổ liên tiếp vào đầu, vào bụng rắn. Rắn chết ngay tại trận, mình mẩy nát bấy.

Nhưng con rắn vẫn chưa chịu thua. Hồn của nó bay vờn vờn đến tìm đức Như Lai để nhờ phân xử.

Phật nghe rõ câu chuyện, phán rằng: -Hạc là loài có nghĩa, từ nay ta cho nó đứng trên cao, rùa nói vô lý, ta cho nó bò dưới thấp. Còn rắn là vật vô ơn, bị quạ giết đáng lắm. Từ nay con quạ hãy tha xác rắn bêu lên ngọn cây, nêu gương cho muôn loài vạn vật soi vào đó mà rắn lấy mình.

Từ đó về sau, hạc được đứng chầu trên bàn hương án, rùa phải cố sức đội bia đá, quạ đậu trên chót vót cây phương và hình dáng lòng thòng của lá phương chính là hình con rắn phơi xác.

# QUÊ TỬ VI TỐT XẤU

Ngày xưa, vị hoàng đế nọ sau khi bình định sơn hà bèn trở về cố hương, giao thiệp thân mật với các bậc kỳ lão trong làng, bày tiệc yến ẩm để tạ ơn xưa.

Vị hoàng đế ngồi nơi ghế danh dự, xung quanh ngài còn hàng trăm quân sĩ hầu cận, giữ trật tự. Bỗng nhiên, một quân hầu đến quỳ trước mặt vua: -Tâu bệ hạ, có ông lão nọ muốn ra mắt nhưng bệ tôi ngăn cản, chờ lệnh của bệ hạ.

Vị hoàng đế tỏ vẻ không bằng lòng: -Cứ gọi lão ấy vào đây hầu chuyện cùng ta.

Chập sau, một ông lão quê mùa bước tới, quỳ xuống lạy ...

Hoàng đế nói nhanh: -Cứ bình thân. Chuyện gì quan trọng.

Ông lão đáp: -Kẻ phàm phu này muốn kêu oan với Điện hạ một điều nhưng nói ra sợ phạm thượng.

-Cứ nói. Ta không hề câu chấp.

-Tâu Điện hạ, tính theo quê tử vi thì Điện hạ và kẻ phàm phu này cùng sinh vào một làng, một ngày, một giờ. Nhưng lớn lên, cố sao Điện hạ trở nên một bậc kỳ tài, trị vì muôn dân trăm họ, còn kẻ phàm phu này cứ sống hẩm hiu, cơm ăn chưa đủ, áo chưa đủ thay. Mong Điện hạ xét dùm. Tại sao dường như con tạo trở trêu, bày nhiều điều ... hơi bất công.

Hoàng đế mỉm cười, truyền quân hầu rót rượu mời ông lão quê mùa ấy. Chập sau, hoàng đế hỏi khẽ: -Hàng ngày lão sinh sống bằng nghề gì?

-Tâu Điện hạ, vì tuổi già sức yếu, hàng ngày kẻ phàm phu này chuyên nghề nuôi ong mật, bán sáp và mật mà độ nhật, ngoài ra chẳng còn nguồn lợi nào khác nữa.

-Tất cả được bao nhiêu ổ ong?

-Tâu Điện hạ, được mười tám ổ.

Hoàng đế thích chí, vỗ vai ông lão mà giải đáp: -Thế là rõ ràng quá rồi. Lão sung sướng hơn ta. Quê tử vi đúng lắm.

Ông lão ngơ ngác: -Xin Điện hạ ... nói thêm.

-Trời đã định cho mỗi chúng ta trị vì thiên hạ. Như ta đây, lên ngôi hoàng đế nhưng quyền hành chỉ gồm một nước. Còn lão, trời hậu đãi hơn nhiều, cho cai trị đến mười tám nước. Mỗi ổ ong là một nước, có ong chúa, có quần thần, có dân chúng. Mười tám ổ ong tức là mười tám nước chư hầu dưới tay của vị hoàng đế trung ương. Vị hoàng đế ấy chính là lão đó.

Ông lão gật đầu, suy ra lời vị hoàng đế, gãi hửu lý. Hoàng đế truyền ban thưởng cho lão một trăm quan tiền rồi an ủi: -Thế là bằng lòng rồi chứ. Lão hãy uống rượu với ta rồi trở về nhà, vui sống với mấy ổ ong, đừng trách trời, đừng oán người.

# LÝ ÔNG TRỌNG ĐÁNH GIẶC HUNG NÔ

Ở nước ta, vào cuối đời vua Hùng Vương có một người cao lớn vạm vỡ khác thường, cao hai trượng ba thước, tính tình quả hung hăng. Tên của dị nhân ấy là Lý Thân.

Vì phạm tội sát sanh, Lý Thân bị bắt nhưng vua Hùng Vương tiếc con người dị tướng ấy, ra lệnh ân xá.

Qua đời nhà Thục, An Dương Vương trị vì nước ta. Bấy giờ vua Tàu là Tần Thủy Hoàng toan gây chiến. An Dương Vương bèn bắt Lý Thân cống hiến cho vua Tàu để cầu hòa. Nhìn hình dáng của Lý Thân, Tần Thủy Hoàng rất đặc ý.

-Lý Thân là người kỳ tướng, ắt có kỳ tài.

Rồi phong cho Lý Thân chức Ty Lệ Hiệu Úy.

Từ đó, Lý Thân được Tần Thủy Hoàng trọng dụng, trấn giữ vùng Lâm Thao, ngừa giặc Hung nô khuấy nhiễu biên giới. Thấy hình thù quái đản của Lý Thân, bọn Hung nô khiếp vía, chẳng dám lại gần.

Tần Thủy Hoàng phong cho lý Thân tước Vạn Tín Hầu, rồi cho phép về quê quán.

Về sau, bọn Hung nô ỷ thế, đến biên giới nước Tần toan quấy nhiễu, Tần Thủy Hoàng sai sứ qua nước ta, đòi Lý Thân trở lại dẹp giặc. Lý Thân không đồng ý, lén trốn lên núi mà ở, biệt tích ...

Để khỏi phật lòng sứ Tàu, vua An Dương Vương bèn trả lời: -Lý Thân đã chết vì bệnh thổ tả.

Sứ Tàu không tin, vua An Dương Vương bèn cho nấu cháo, đổ xuống khe suối rồi chỉ cho sứ Tàu thấy: -Đó, Lý Thân ăn xong, phải bệnh nên mưa ra tại đây.

Sứ Tàu tin nơi bằng có ấy. Nhưng Tần Thủy Hoàng sai người qua nước ta để yêu cầu: -Nếu Lý Thân đã chết thì hãy ướp xác gửi qua bên Tàu.

Cực chẳng đã, An Dương Vương đành tìm kiếm cho kỳ được Lý Thân. Lý Thân buồn bã vô cùng nhưng vì tuân lời vua nên đành tự vận mà chết.

Vua An Dương Vương dùng thủy ngân ướp xác Lý Thân, đem nạp cho Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng vô cùng thương tiếc, bèn truyền lệnh đúc tượng Lý Thân, ban cho hiệu là Lý Ông Trọng.

Tượng ấy bằng đồng, thật to lớn, trong ruột trống rỗng có thể chứa đến vài mươi người.

Đúc xong, vua truyền tượng Lý Ông Trọng đặt tại cửa thành Hàm Dương. Bấy giờ sứ giả Hung nô thường qua nước Tàu để thương thuyết. Khi sứ giả đi ngang qua, Tần Thủy Hoàng sai quan sĩ núp vào trong ruột của pho tượng, làm cử động tay chân ... Vì nhìn không rõ, các sứ giả ấy về đất Hung nô thuật lại: -Quả thật quan hiệu úy Lý Thân còn sống, ta chẳng nên gây hấn với nước Tàu nữa.

Đời nhà Đường, nhân lúc Triệu Xương phụng mạng vua Tàu qua cai trị nước ta, Lý Thân lại hiện hồn về báo mộng. Khi thức dậy, Triệu Xương bèn cho điều tra quê quán của lý Thân, tìm ngôi nhà cũ hồi xưa rồi lập đền thờ phụng.

Ngôi đền ấy rất linh hiển, về sau Cao Biền khi cai trị nước ta cũng truyền lệnh khắc tượng của Lý Ông Trọng mà thờ, dân chúng hàng năm cử hành lễ tế rất trang nghiêm.

# NGƯỜI BÁN DẦU

Đời nhà Tống, ông Trần Nghiêu Tư nổi danh là tay thiện xạ bá phát bá trúng. Gặp những tay thiện xạ khác, Trần Nghiêu Tư luôn luôn khoe khoang: -Khắp nước Trung Hoa, chưa ai tài giỏi hơn tôi.

Hàng ngày Trần Nghiêu Tư ưa tập dượt bắn cung, tìm các loại chim chóc trong vườn mà giết thử. Hôm ấy, có ông lão bán dầu đi ngang qua. Thấy người bắn quá giỏi, ông ta tò mò, đặt gánh xuống xem rất lâu. Sau khi bắn xong một loạt chín mươi mũi tên, Trần Nghiêu Tư lấy làm tự đắc, nhìn xung quanh chợt thấy ông lão bán dầu. Ông lão gật đầu khẽ ...

Trần Nghiêu Tư gọi ông lão: -Ông biết bắn cung à? Bắn như tôi, ông phục tài không?

Ông lão đáp: -Chẳng có chuyện gì đáng phục cả. Trên thế gian này, hễ làm quen tay thì tất nhiên sẽ khéo léo. Thí dụ như bạn này, tôi thấy ông bắn mười phát, trúng đích được tám, chín. Tài nghệ của ông chỉ tạm gọi là được, vậy thôi.

Trần Nghiêu Tư tức giận, cho rằng ông lão khinh khi mình: -Ông này ăn nói lếu láo quá! Vậy chớ ông bắn được như tôi không?

Ông lão đáp: -Tôi có sở trường khác. Bấy lâu nay sống nhờ nghề bán dầu, tôi trau dồi nghề rót dầu, chắc ông khó làm được như tôi. Ông hãy xem này.

Dứt lời, ông lão đặt một cái bầu xuống đất, ông đặt thêm một đồng tiền điều trên miệng bầu rồi từ từ rót dầu xuống.

Giọt dầu từ trên cao, nhều thẳng, chui qua lỗ vuông của đồng tiền điều trước khi rót vào đáy bầu, ông lão cứ rót như vậy mãi đến khi cái bầu gần đầy rồi nói với Trần Nghiêu Tư: - Ông xem, mặt đồng tiền vẫn khô ráo, chẳng dính chút dầu nào. Tôi chẳng phải tài giỏi hoặc có thiên tư gì, chẳng qua là quen tay ... Cũng như ông bắn cung vậy thôi.

Trần Nghiêu Tư gật đầu thấm ý. Từ đó về sau ông đổi tính, bớt khoe khoang hơn trước.

# TÍCH ÔNG BỒN

Ở Chợ Lớn, tại góc đường Khổng Tử và Phùng Hưng có ngôi chùa Phước Kiến thờ ông Bồn, thành lập cách đây hơn một trăm năm.

Ông Bồn là ai?

Sử Tàu ghi rõ: Đời Vĩnh Lạc (1403-1424) vua Tàu sai quan Thái giám tên là Trịnh Hòa đi điều tra các nước ở miền Đông Nam Á. Quan Thái giám tuân lệnh, tìm cách liên lạc với những người Huê kiều hải ngoại, chăm sóc đến đời sống của họ, dạy họ phải giữ thuần phong mỹ tục. Chuyến trở về, quan Thái giám mua ngọc ngà châu báu, các sản phẩm miền nhiệt đới từ Ấn Độ, Nam Dương quần đảo, Chiêm Thành, Mã Lai, Xiêm, Việt Nam đem về dâng cho vua.

Khi đi du hành, ông Trịnh Hòa cố gắng giúp đỡ dân chúng, thi ân bố đức, giúp giới Huê Kiều tìm sinh kế,

Sau khi ộng mất, giới Huê Kiều hải ngoại nhớ ơn ông, thờ ông làm phúc thần. Vua Tàu phong sắc cho ông chức tước “Bồn Đầu Công.” gọi tắt là ông Bồn.

Ở những xóm đông đảo người Việt gốc Hoa, ngày nay còn nhiều người thờ ộng Bồn và nhắc lại sự tích ông bồn đi chân bần thời xưa. Do đó nhiều người ngỡ ông Bồn là Bao Công!

# ÔNG THỔ ĐỊA ĐẰNG CHÂU

Đời nhà Tiền Lê, vua Lê Ngọa Triều là bậc bạo chúa hôn quân, mỗi ngày lo say mê tửu sắc, bỏ phế việc nước.

Bấy giờ Lý Thái Tổ, khi chưa lên ngôi, còn là một vị quan nhỏ ở đất Đàng Châu. Một hôm, Lý Thái Tổ đi thuyền giữa sông, chợt nhìn lên ngôi miếu trên bờ, hỏi quân hầu: -Ngôi miếu ấy thờ thần nào vậy?

Quân hầu thưa: -Dạ, đó là nơi thờ ông Thổ Địa của vùng đất Đàng Châu này. Dân trong làng thường đến cầu đảo để gió thuận mưa hòa. Bấy lâu, Thổ thần nổi danh là linh thiêng ...

Lý Thái Tổ chưa tin, nên nói vọng lên miếu: -Nếu linh hiển thì xin Thổ Địa hãy hóa phép làm một trận mưa trên sông, phân nửa bên này thì mưa, phân nửa sông bên kia thì tạnh.

Chập sau, trời chuyển mù mịt, mưa rớt trên phân nửa sông mà thôi. Bên kia, nơi Lý Thái Tổ ngồi thuyền, nắng sáng rực rỡ.

Lý Thái Tổ kinh ngạc, sai người tu bổ ngôi miếu ấy, cúng tế trọng thể.

Từ đó, Lý Thái Tổ tin nơi vận mạng để vương của mình. Thừa lúc vua Lê Ngọa<sup>[1]</sup> Triều làm nhiều điều mất lòng dân, vua Lý sửa soạn binh mã, chờ cơ hội để khởi nghĩa, rồi đến miếu Thổ Địa xin cầu mộng.

Đêm ấy, vua thấy Thổ Địa hiện về dạy bảo: -Muốn thắng tất thắng. Muốn thành tất thành.

Khi thức dậy, vua bàn với quần thần. Ai nấy đều bảo đó là điềm tốt.

Về sau, vua Lý Thái Tổ lên ngôi, sửa vùng Đàng Châu trở thành một phủ.

Thần Thổ Địa ngày xưa được sắc phong là Khai Thiên Thành Hoàng Đại Vương.

Đời nhà Trần, thần được phong thêm mấy chữ Khai Thiên Trấn Quốc.

Đền ở phía trong đê, hàng năm nước lụt tràn lên, đê quá yếu và quá thấp, nhưng vẫn chống giữ nổi trước sức nước. Dân làng truyền tụng: -Khi nước dâng quá cao, nửa đêm chiêm trống inh ỏi. Dưới ánh trăng mờ, thấy nào xe ngựa, cờ lọng phát phơ. Ngoài ra hàng trăm bóng người đi theo sau, chỉ tay về phía nước lũ đang dâng cao. Phải chăng nhờ sức hộ trì của Thổ Địa mà đê vẫn đứng vững.

Nhưng lần lần, sóng đánh vào bờ, đất lở dần dần tới sát chân nền. Quan địa phương chạy sớ về triều đình, xin phép sửa sang lại, đắp nền khác to hơn ở trên đê lớn, phía trong xa.

Một đêm nọ, số dân phu đang ngủ yên giấc sau một ngày làm việc mệt mỏi, chợt nghe tiếng người thúc giục: -Các người hãy cho ta mượn cuốc, xuống<sup>[2]</sup>, nhanh lên. Rồi cứ nằm ngủ như trước, để mặc bọn ta làm việc. Cấm chẳng cho ai đi tới đi lui, nghe chưa?

Dân phu sợ hãi, lắng nghe tiếng bọn người ấy hi hục đào xới. Đến sáng, mặt trời mọc tỏ rõ, họ giật mình ngơ ngác. Trong đêm vừa rồi, đoàn âm binh đã xúm nhau dời tất cả cột kèo,

trụ đá qua bên kia sông, xây cất bên ấy để phòng ngừa đất lở.

Ngôi Thổ Địa càng lừng danh, ai có việc cầu ước đến khấn vái luôn luôn được mẫn nguyện.

Nhân ngày rước sắc thần, quan tri phủ ở địa phương có làm một bài thơ ca ngợi Thổ Địa:

Bờ bãi đất chia rãnh chói chói,  
Khai thiên huyền tạo ngóng với với.  
Đền thành muốn biết chân linh tích,  
Đêm ấy công thần khéo chuyển dời.

-----

- 1. Trong sách chép là Lê Ngọc Triều. Tìm trên Net, thấy có một bài viết khác nói về Thần Thổ Địa Đàng Châu của trang Web: Lịch Sử Việt Nam.
- 2. Xuống: thưởng.

# TRUYỆN PHẠM TỬ HƯ

Sách Lĩnh Nam Chích Quái có chép chuyện sau đây để nêu gương của Phạm Tử Hư thờ thầy học là Công Trục.

Đời nhà Lý, Phạm Tử Hư là cậu học trò nghèo, nhưng rất hiếu học, nhờ ơn một nho sĩ tên là Công Trục sớm hôm dạy dỗ. Việc học tập đang tiến hành, dè đâu nửa chừng Công Trục nhuốm bệnh rồi mất.

Công Trục chỉ để lại một đứa con nhỏ tuổi, không ai lo việc phụng thờ.

Trước tình cảnh ấy, Tử Hư về nhà nài nỉ với mẹ ruột: -Thưa mẹ, bấy lâu nay con chịu ơn thầy Công Trục. Giờ đây thầy mất, thiếu người thờ phụng. Xin mẹ cho con xin chút ít ruộng đất, về phần chia cho con sau này.

Mẹ của Tử Hư chiều ý con: -Mẹ có thể cho con sáu sào ruộng.

Tử Hư nói: -Vậy xin mẹ cho phép con bán trước hai sào để giúp thầy.

Hai sào ruộng ấy bán được ba mươi quan tiền. Sau khi làm lễ tế, Tử Hư cất một cái chòi tranh gần bên mộ của thầy, ngày đêm lo việc nhang khói, đảnh đảnh suốt ba năm cho trọn thời kỳ để tang.

Khoa thi đang kỳ mở hội, Tử Hư đến kinh đô thi đậu tam trường rồi đậu tứ trường. Tháng 11 năm Đinh Mão, Tử Hư lại đi thi lần chót. Vì đi quá nhọc nhằn mệt mỏi nên buổi trưa nọ Tử Hư ghé vào chùa Châu Võ mà nghỉ tạm cho mát.

Vừa bước vào chùa, Tử Hư vô cùng ngạc nhiên, thấy thầy cũ của mình là Công Trục đã ngồi bên trong tự bao giờ.

Tử Hư hoảng sợ nhưng cũng mừng, bèn quỳ lạy: -Thưa thầy, từ bảy tám năm qua thầy đã mất. Tại sao thầy hiện về đây được?

-Tử Hư! Con hãy an tâm. Thầy cảm nghĩ tám lòng hiếu thảo của con nên muốn gặp mặt con để dạy bảo đôi điều.

-Xin thầy tha tội. Bấy lâu nay vì quá túng bần, con chưa cúng kiến; hôm nay con lại thiếu lễ vật.

Thầy đáp: -Này Tử Hư! Xưa kia nhờ ta sống liêm khiết, tuân theo đạo lý nên sao khi thác, Ngọc Hoàng cho ta làm Phán quan trông coi những kỳ thi, lựa người hiền đức tài năng ...

Tử Hư hỏi: -Thưa thầy, phen này con thi đậu hay thi rớt. Nếu có thể, xin thầy mách bảo ...

-Thầy đáp: -Thiên cơ bất khả lậu. Tuy vậy, thầy hứa cố gắng giúp con. Con hãy về nhà, lo học tập thêm đi. Rồi đợi ngày 20 tháng chạp năm sau, con đến chùa này lần nữa, thầy sẽ mách bảo đích xác hơn.

Tử Hư về nhà chăm lo học hành, thuật cho mẹ nghe chuyện gặp thầy. Đúng ngày hẹn, chàng mua sắm rượu thịt quả lên vai, lên đường.

Đến chùa, Tử Hư lấy làm sung sướng mà gặp mặt thầy ngồi chờ sẵn tại đó. Hai thầy trò ăn uống vui say.

Tàn buổi tiệc mọn, thầy bảo: -Con hãy thay quần áo mao của người đệ tử của thầy mà mặc vào để cải trang.

Cải trang xong, thầy phát tay vài ba lượt trên không trung. Hai thầy trò đằng vân bay lên trời, ghé vào nơi làm việc của Nam Tào Bắc Đẩu.

Nam Tào ngồi giữa điện, nghe lời báo cáo của các nơi về cuộc thi sắp tới.

Đại khái, Nam Tào chủ ý tuyển chọn những người có đức hạnh và đánh rớt kẻ ngỗ nghịch.

Sau khi chọn những người đậu cao, Phán quan – thầy của Tử Hư – bèn trình bày: -Ở vùng Hoa Phong, Phạm Tử Hư nổi danh học giỏi. Xin Nam Tào chiếu cố đến.

Nam Tào lắc đầu: -Tử Hư học giỏi, trẻ tuổi ... nhưng hắn là người kiêu căng.

Thầy của Tử Hư bàn vào: -Nhưng từ bé đến giờ, Tử Hư chưa hại một ai cả.

Một vị quan nói thêm: -Thưa Nam Tào, Tử Hư mồ côi từ bé, chăm thờ thầy học rất có nghĩa. Xin Nam tào khoan dung đứng để nó rớt.

-Vậy thì kỳ thi này, ta cho nó đậu gần chót trong bảng ...

Hai thầy trò về chùa, tạm biệt. Quả nhiên khoa thi năm Mậu Thìn, Tử Hư được ghi tên vào bảng hổ.

# SỰ TÍCH MẢ NGỤY

Trong lúc ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt còn làm Tổng trấn ở thành Gia Định, thì uy thế lớn lắm, phần đông lòng người đều mến phục, nên gọi ngài là đức ông Tả Quân. Ngài có đứa con nuôi tên là Nguyễn Hữu Khôi, quê quán ở Cao Bằng, nhân khởi nghĩa binh làm loạn bị quan quân truy nã phải trốn vào Thanh Hóa, gặp Lê Văn Duyệt làm kinh lược ở đó. Khôi mới xin ra qui thuận, được ngài bằng lòng, rồi đem về Gia Định phong chức phó vệ úy và nhìn làm con nuôi, đổi thành họ Lê tức là Lê Văn Khôi.

Đến khi ngài Tả Quân mệnh chung, vua Minh Mạng bãi chức Tổng Trấn ở thành Gia Định và cử Nguyễn Văn Quế làm Tổng đốc, Bạch Xuân Nguyên làm Bố chánh vào cai trị ở Nam Kỳ. Vào lúc này nhiều đình thần dâng sớ xin tội ngài Tả quân, riêng Lê Văn Khôi thì bị bắt hạ ngục để chờ ngày gia hình. Đêm 18 tháng 5 năm 1833, Lê Văn Khôi vượt ngục, cùng các bộ tướng cũ của ngài Tả Quân, hợp sức đánh phá dinh Tổng đốc và Bố chánh. Các ông Nguyễn Văn Quế và Bạch Xuân Nguyên cùng gia quyến đều bị giết. Lê Văn Khôi chiếm thành Gia Định xong, liền sai Thái Công Triều đem binh đánh chiếm luôn sáu tỉnh ở Nam Kỳ và tự xưng là Đại Nguyên soái, đặt ra các quan chức y như là một triều đình vậy.

Triều đình Huế được tin này, liền phong Tống Phước Lương làm Thảo nghịch tướng quân, Nguyễn Xuân làm Tham tán, cùng ông Trương Minh Giảng đem binh tướng vào đánh Lê Văn Khôi.

Vì nghịch với triều đình nên quân của Khôi và các đồng đảng đều bị coi là quân Ngụy (cũng như quân phản loạn).

Quân hai bên đánh nhau nhiều trận bất phân thắng bại. Đến sau bộ tướng của Lê Văn Khôi là Thái Công Triều làm phản theo về với triều đình, cầm quân đánh lại với Lê Văn Khôi. Vì vậy lực lượng của Khôi dần dần yếu kém, các tỉnh ở Nam Kỳ lần lượt bị quân triều đình chiếm lại. Khôi và đồng bọn bị coi là Ngụy binh, bị cô lập trong thành Gia Định.

Chống cự được sáu tháng, Lê Văn Khôi ngộ bệnh rồi chết. Tuy vậy, quân Ngụy ở trong thành còn đủ sức cầm cự lâu ngày.

Nhờ thành Gia Định do ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt xây toàn bằng đá ong, thành cao, hào sâu, ở trong thành có đủ chỗ chứa khí giới, kho trữ lương thực nên dầu Lê Văn Khôi bị bệnh chết rồi, dư đảng vẫn dựa vào sự kiên cố của thành Gia Định mà cố thủ đến ba năm ròng rã, quân triều đình bị chết rất nhiều, mãi đến tháng bảy năm 1835 thành Gia Định mới bị hạ. Dư đảng của Lê Văn Khôi bị bắt tất cả là 1831 người, đều bị đem giết chôn sâu vào một cái mả khổng lồ, tục gọi là “Mả Ngụy.”

Mả Ngụy ở vào chỗ đồng Tập Trận tức là ở cuối đường Lý Thái Tổ, hiện giờ là chợ Trần Quốc Toản (Sài Gòn).

Do chuyện này mà đời sau gọi Lê Văn Khôi là Ngụy Khôi và người ta cũng thường nói: “Cái đồ Mả Ngụy đầu thai.” để trớ những đứa con ngỗ nghịch.

# TRUYỆN NGỌC VÂN CÔNG CHÚA

Về đời vua Minh Mạng, nước Việt Nam có rất nhiều uy thế đối với các lân bang. Lúc bấy giờ có ông Trương Minh Giảng và Lê Đại Cương theo lệnh vua đem quân vào đất Cao Miên để đánh đuổi quân Xiêm La theo lời vua Cao Miên là Quốc vương Nặc Ông Chân cầu cứu với triều đình Huế.

Giặc Xiêm La lui rồi, hai ông Trương Minh Giảng và Lê Đại Cương liền lập đồn lũy ở gần Nam Vang để ngăn ngừa quân Xiêm La trở lại đánh phá. Nước Cao Miên bằng lòng nhận cuộc bảo hộ của Việt Nam.

Vào khoảng cuối năm 1834, Quốc vương Nặc Ông Chân mất, nhà vua không có con trai nối nghiệp, các kẻ phiêu lưu là Trà Long và La Kiên liền lãnh việc chấp chánh. Ông Trương Minh Giảng không bằng lòng, mới viết sớ tâu với vua Minh Mạng xin lập người con gái của Quốc vương Nặc Ông Chân là quận chúa Ang Mey tức là Ngọc Vân công chúa lên làm vua và đổi nước Cao Miên là Trấn Tây Thành, chia ra làm ba mươi hai phủ và hai huyện.

Ít năm sau, vua Minh Mạng phái Lê Văn Đức làm Khai sai đại thần, Doãn Uẩn là phó Khâm sai cùng ông Trương Minh Giảng kinh lý mọi việc ở Trấn Tây Thành.

Thừa dịp này, các quan lại Việt Nam làm nhiều việc ngang trái như bắt Ngọc Vân công chúa đem về Gia Định, bắt Trà Long, La Kiên lưu đày ra Bắc Kỳ. Mầm công phẫn bùng lên từ đó, em của Quốc vương Nặc Ông Chân là Nặc Ông Đôn liền nhờ nước Xiêm La viện trợ đem quân về đánh phá Trấn Tây Thành. Quan quân Việt Nam bị thiệt hại quá nhiều, lực lượng dần dần hao mòn phải bỏ Trấn Tây Thành rút về đồn trú ở An Giang. Cuộc bảo hộ nước Cao Miên mất hẳn từ đó.

Riêng về Ngọc Vân công chúa khi bị bắt đem về Gia Định, thấy nàng có sắc lại còn quá trẻ, Khâm sai đại thần Lê Văn Đức liền ép buộc công chúa làm tỳ thiếp.

Công chúa không thuận tình, nhưng không biết làm sao từ chối, đành phải hẹn lặn hẹn lửa, đến tám tháng sau, nhân một buổi tối trời, công chúa Ngọc Vân và đứa tỳ nữ trốn ra khỏi thành Gia Định, đến ẩn náu trong một ngôi chùa ở Bà Hom.

Và để tránh cảnh làm hầu thiếp, Ngọc Vân công chúa đành phải xuống tóc quy y tại chùa này. Đến sau, Khâm sai Lê Văn Đức biết được tông tích của công chúa, đang lúc công chúa bị bệnh đậu mùa vừa hết người xấu hản đi, nên ông Khâm sai đành phải bỏ hản ý định cưỡng ép nàng. Nhờ vậy, Ngọc Vân công chúa giữ vẹn tiết sạch giá trong cho đến chết ở cửa thiền.

# NGƯỜI CÔI TRẦN XUỐNG THĂM ĐỊA NGỤC

Vào đời nhà Lê, tại huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa có người nho sĩ tên Lê Hiếu Chân rất ham mộ đạo Phật, sống thanh bạch như kẻ tu hành, thường giúp đỡ người nghèo khó, bắt cầu, giầy cỏ, dạy trẻ học không lấy tiền.

Một hôm vào khoảng canh một, Lê Hiếu Chân đang ngồi đọc sách bên ngọn đèn sáp, bỗng có hai tên quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa xông tới bắt đem đi.

Trước hết, bọn quỷ sứ đưa chàng tới gặp Thổ Địa, sau đó tới Thành hoàng, rồi áp giải chàng xuống địa ngục.

Trước tòa Đô thống của Âm ty, chàng thấy vô số người mang cùm xích, quần áo tả tơi, tóc tai đã rụng, mặt mày thiếu nảo, trước ngực mỗi người đều có mang một tấm bảng hài danh hài tánh và tội trạng khi còn ở dương trần.

Không khí thật là lạnh lẽo thê lương tối mờ mờ, đầy những tiếng kêu la than khóc. Quỷ sứ từng bày hung hăng như lang sói. Đứa cầm chìa, đứa cầm chùy, đứa cầm móc sắt, lồng lộn lên la hét từng chập. Bỗng có tiếng pháp quan gọi: -Lê Hiếu Chân, đồ tể!

Lê Hiếu Chân nghe gọi liền bước ra trình diện, pháp quan rất lấy làm kinh ngạc khi thấy trên trán Hiếu Chân có một vùng hào quang sáng rực rỡ, pháp quan liền hỏi: -Lê Hiếu Chân, trong đời anh đã giết hại bao nhiêu trâu bò anh có biết không?

Hiếu Chân rất lấy làm ngạc nhiên, kính cẩn thưa: -Bẩm phán quan, tôi là kẻ tu hành không hề sanh sinh hại vật, vả lại tôi có làm nghề đồ tể bao giờ đâu?

Phán quan chưa hết kinh ngạc: -Anh không phải làm đồ tể như bảng đã ghi trên ngực kia sao?

-Dạ không!

-Quê quán anh ở đâu?

-Dạ, tôi ở làng Trường Xuân.

-Chớ không phải Thường Xuân à?

-Dạ không, Trường Xuân với Thường Xuân khác nhau.

-Anh bao nhiêu tuổi? Sinh vào giờ nào, ngày nào?

-Dạ, tôi bốn mươi một tuổi, sanh ngày mồng một, tháng giêng, giờ thìn.

Vị phán quan bèn tra xét lại sổ bộ về tất cả mọi người ở cõi trần, thì thấy có sự lầm lẫn vì trùng tên người. Phán quan liền đòi hai tên quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa đến quở trách: -Hai người đã làm một việc lầm lẫn rất tai hại. Người này là Lê Hiếu Chân ở làng Trường Xuân khác với Lê Hiếu Chân ở làng Thường Xuân.

Người này có tâm đạo tu nhân tích đức nên số thọ đến bảy mươi tám tuổi.

Còn Lê Hiếu Chân ở làng Thường Xuân chuyên sát sinh hại vật, nên trời giảm kỷ chỉ sống được có ba mươi bốn tuổi và phải chịu hình phạt của ba tầng địa ngục.

Khi hai tên quỷ sứ bị quở vì bắt lầm người lui ra rồi, pháp quan liền nói với Hiếu Chân: -Anh là người chân tu hiền đức, quỷ sứ vì vô ý mà bắt lầm anh xuống đây, thật là sự sơ sót đáng tiếc, rồi đây chúng sẽ bị trị tội. Bây giờ anh hãy đến Tây Sơn, ta sẽ tâu với Diêm Vương đưa anh trở lại cõi trần.

Lê Hiếu Chân liền theo quỷ tốt vào ra mắt Diêm Vương. Cung điện của Diêm chúa trang hoàng bằng những chữ đồ chọi như máu. Hiếu Chân đọc thấy những chữ: “Người ác thường run sợ. Người thiện hãy yên tâm.” Giữa điện có tám bảng lớn như vậy:

Không xót thương những kẻ tội lỗi,  
Gương nghiệp trong suốt soi thấu tâm can.  
Cửa địa ngục mở rộng trước tội ác,  
Không một ai tội lỗi khỏi hình phạt.

Vào lúc đó, Diêm Vương gọi Hiếu Chân và bảo: -Số anh chưa chết mà bị bắt lầm, ta sẽ cho anh trở lại cõi trần.

Phán quan tâu: -Người này chết đã năm hôm rồi, bụng đã lạnh, có lẽ người nhà đem chôn rồi, làm cho y sống lại e khó khăn. Thêm nữa Ngọc Hoàng hay chuyện sẽ quở phạt chúng ta.

Diêm Vương liền phán: -Không sao đâu! Ta có hườn<sup>[1]</sup> thuốc hồi sinh sẽ cho nho sĩ uống vào lấy sinh khí, cho xác còn nguyên vẹn để ít hôm nữa cũng chẳng sao. Nhân thấy thiên hạ đời nay càng ngày càng làm nhiều việc ác, bỏ đường ngay nẻo chánh nên ta muốn cho nho sĩ viếng qua ba tầng địa ngục để sau này trở về dương thế, có dịp khuyên răn người trần, có phải là việc tốt không.

Nói rồi, Diêm Vương truyền đem thuốc hồi sinh cho Hiếu Chân uống và truyền đưa chàng đi xem mười tám tầng địa ngục ở Âm ty. Tới đâu Hiếu Chân cũng thấy cảnh khảo tra của quỷ sứ, hỏi ra thì những kẻ chịu hình phạt đều làm nhiều việc ác ở cõi trần.

Đến ngày thứ tám, Hiếu Chân được đưa về trần. Diêm Vương căn dặn chàng đã thấy những gì ở cõi Âm ty nên thuật lại cho người trần được biết để họ sớm tu nhân tích đức cho cái chết được nhẹ nhàng. Hiếu Chân ngỏ lời cảm ơn Diêm chúa, bỗng thấy mình bay bổng trở lại nhà, hồn nhập vào cái xác đã lạnh tanh.

Cả nhà đều kinh sợ. Vì thấy chàng chết đã liệm xác rồi, bỗng nhiên đội áo quan ngồi dậy.

Hiếu Chân liền kêu cả nhà thuật lại chuyện mình xuống Âm phủ cho họ nghe. Cả nhà đều vui mừng khôn xiết. Dân làng nghe Hiếu Chân chu du Âm phủ trở về liền kéo nhau đến xin chàng thuật chuyện cho nghe, rồi truyền tụng lại câu chuyện “Hồi dương nhân quả.” cho đến đời bây giờ.

-----  
1. Hườn: viên (đọc trại từ “hoàn”).

# HOÀNG ĐẾ BÁN HÀNH

Ngày xưa nơi miền thôn dã kia có anh nông dân nghèo, anh nghèo đến nỗi cha già bị bệnh không có tiền chạy thuốc. Hôm người cha chết trời nổi mưa to gió lớn, anh nông dân vừa vác xác cha ra đồng để chôn, rủi vấp té làm xác cha rơi xuống nước cuốn mất tăm. Anh ta tìm mãi không gặp, đành phải buồn bã trở về nhà.

Đêm đó, anh nằm ngủ, bỗng có một con rồng xanh hiện đến van xin anh hãy đưa xác cha anh đi chôn nơi khác, vì hiện cái xác đó vướng vào hàm rồng làm đau đớn vô cùng.

Anh nông dân liền hỏi rồng xanh rằng hiện xác của cha anh ở đâu. Rồng xanh bảo cho anh biết cái xác đó đang vướng vào khe đá ở ngoài cửa sông, hãy vớt lên vì nơi đó là hàm rồng.

Nói rồi, rồng xanh biến mất.

Ngày sau anh nông dân nhớ lời dặn, đến khe đá ở cửa sông tìm xác cha vớt lên đem đi chôn ở gò cao. Đêm đến, rồng xanh lại hiện đến vui vẻ cảm ơn anh nông dân, rồi tặng anh một lọ thuốc trường sinh, dặn anh hãy cất kỹ và muốn sống lâu thì đem ra dùng.

Anh nông dân liền đem lọ thuốc giấu kín trong buồng không cho ai biết. Ít lâu sau anh lấy vợ. Một hôm có chuyện ra đồng anh về chậm. Chị vợ ở nhà lục lạo trong buồng chợt bắt gặp lọ thuốc trường sinh. Mở ra xem thì hương bay ngào ngạt, dính vào tay chỗ nào thì chỗ đó trở nên đẹp để khác thường.

Chị vợ liền đem cả lọ thuốc ra sau hè đổ vào nước tắm rửa. Người vụt trở nên đẹp như tiên. Anh nông dân về trong thấy hết sức ngạc nhiên gạn hỏi, chị vợ bèn thuật lại đầu đuôi câu chuyện, anh chồng lấy lọ thuốc trường sinh ra xem quả thấy không còn một giọt.

Việc đã lỡ rồi, lại thấy vợ xinh đẹp như tiên nga, anh chồng đã không giận vợ, còn yêu thương vợ hơn trước.

Lúc bấy giờ, dân làng thấy vợ anh nông dân bỗng trở nên xinh đẹp như tiên thì trầm trồ bàn tán, chẳng bao lâu chuyện này loan truyền đi khắp nơi.

Lúc bấy giờ có ông vua háo sắc, nghe đồn về sắc đẹp của vợ anh nông dân, liền cho đòi vào cung bắt làm cung nữ. Vợ chồng đang tình mặn nghĩa nồng, bỗng bị rẽ thúi chia duyên, họ đành phải nuốt nước mắt chịu cảnh nhớ thương. Nhứt là anh nông dân chẳng biết làm sao để giành lại vợ.

Một hôm anh ra sau hè, chỗ vợ anh đã tắm rửa bằng lọ thuốc trường sinh hôm nọ, thấy khóm hành trồng cạnh đó bỗng to lớn khác thường. Anh bèn nhổ hết khóm hành gánh lên kinh đô vừa bán vừa rao:

Lá bằng đòn gánh,  
Củ bằng bình vôi.  
Ai mua hành tôi,  
Thì thương tôi với ...

Hôm đó người vợ ở trong cung, nghe người bán hành rao lên những lời kỳ lạ, liền nhận ra tiếng của chồng mình chị liền mừng rỡ cất tiếng cười.

Vị hoàng đế háo sắc từ hôm bắt được người đẹp vào cung, đã tìm đủ mọi cách để làm cho

nàng cười, nhưng lúc nào nàng cũng buồn xo, ngày đêm khóc lóc. Bây giờ thấy nàng vừa nghe người rao hành thì bật cười, liền cho quân hầu gọi anh bán hành vào cung, rồi bí mật trao đổi quần áo, gánh gánh hành vừa đi vừa cất tiếng rao để người đẹp cười với mình.

Anh nông dân đã thay đổi quần áo đóng vai vua bèn ra lệnh bắt ngay người bán hành (do ông vua háo sắc giả dạng) đem ra chém đầu.

Ông vua thất kinh hồn nói thế nào cũng chẳng ai tin nên bị chém đầu. Còn anh nông dân được lên làm vua hưởng cảnh giàu sang với người vợ đẹp.

# ÔNG TỔ NGHỀ IN LÀ AI?

Nhằm đời vua Lê Thái Tông (1434-1442) ở nước ta có ông Lương Nhữ Học người làng Lục Hồng, tỉnh Hải Dương vốn ham chuộng thơ văn và cách sao lục các văn thơ đời trước. Thuở bấy giờ ở nước ta không có nghề in. Người ta thường viết vào trúc, vào tre hoặc vào giấy bản. Một áng văn thơ dù hay muốn truyền đi phải chép bằng tay thành nhiều bản.

Ông Lương Nhữ Học nghe nói ở bên Tàu có nghề in, nhưng không biết người Tàu làm cách nào để in. Bấy giờ, ông mới tâu với vua Lê cho mình qua bên Tàu tìm cách học in. Người Tàu có tính hay giấu nghề, nên ông Lương Nhữ Học không dễ gì thâu thập cái hay của họ. Ông biết một nơi kia có những thợ in làm việc, ông bèn thuê một căn nhà ở khít bên rồi đục lỗ ở tường rình xem họ làm việc từng ngày.

Thuở đó, người ta chưa phát minh ra máy in, mọi việc ấn loát đều phải làm bằng tay. Ông Lương Nhữ Học thấy người Tàu khắc chữ vào những bản gỗ rồi thoa mực lên và đem in vào giấy, muốn in nhiều hay ít gì cũng được. Khi đã rõ bí quyết này rồi, ông liền trở về nước dạy cho dân chúng ở làng Liễu Tràng چرا bào từng bản gỗ, rồi dùng mũi dao bén khắc chữ lên gỗ đoạn đem in thì thấy kết quả tốt đẹp.

Từ đó, việc in bằng bản gỗ bắt đầu xuất hiện và dần dần lan rộng trong dân gian. Nước ta gọi đó thủ ấn phẩm hay thủ ấn họa.

Ông Lương Nhữ Học được xem như là ông Tổ nghề in ở nước ta. Năm 1440, ông mất, vua Lê phong ông cái biệt danh là “Vị đại thần truyền tụng những tác phẩm văn chương qua các thời đại.”

# TRẠNG BÙNG, ÔNG TỔ NGHỀ DỆT VIỆT NAM

Ở nước ta vào thời Hậu Lê có một danh sĩ lỗi lạc là ông Phùng Khắc Khoan, người thời bấy giờ gọi là “Trạng Bùng.” Khi vua Lê Thái Tông vừa lên ngôi, thì con cháu nhà Mạc chạy sang Yên Kinh kêu ca với vua nhà Minh rằng họ Trịnh cướp ngôi của nhà Mạc, chứ không phải con cháu nhà Lê phục nghiệp.

Để cho vua Minh biết rõ thực hư, vua Thế Tông liền sai Trạng Bùng Nguyễn Khắc Khoan làm Chánh sứ, ông Nguyễn Nhâm Thiện làm Phó sứ đem ấn tín và lễ vật sang Yên Kinh cầu phong.

Trong chuyến sang Tàu này, lúc qua Ba Thục, Trạng Bùng thấy người Tàu dệt ra những tấm lụa láng bóng trông rất đẹp. Ông liền quan sát cách thức họ kéo tơ, xe chỉ dệt thành lụa và hình dáng của chiếc khung cửi như thế nào, ông ghi chép kỹ.

Đến sau khi đi sứ trở về, Trạng Bùng bèn đem những điều mắt thấy tai nghe ra thực hành.

Trước hết ông dạy dân Nam cách trồng dâu nuôi tằm, dần dần đến việc ươm tơ, xe chỉ và cách dệt thành những tấm lụa. Từ đó, nghề dệt bắt đầu truyền bá đi khắp trong nước. Dần dần có nhiều làng, dần chúng chỉ sống thuần bằng nghề trồng dâu nuôi tằm và dệt lụa.

Riêng về Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan đã giỏi về văn chương thi phú, ông còn được dân nước ta coi là ông Tổ của nghề dệt.

# CHUYỆN PHẬT THÍCH CA VÀ SỰ TÍCH CÂY NÊU

Thuở xưa, lúc tổ tiên chúng ta còn sống ở hang hóc, khe đá, cuối bãi đầu ghềnh rất là cực khổ, lại thêm bọn ác quỷ, ma vương hiện ra khuấy phá sát hại.

Ngày kia, đức Phật Thích Ca ngồi trên tòa sen ở chín tầng mây nhìn xuống, thấy sự thể như vậy thì động lòng từ bi bác ái, mới hạ san tại đất Việt Nam. Các loài thú dữ và bọn ma quỷ, ma vương liền áp lại bao vây chặn đường đức Phật không cho đi tới nữa. Phật bèn bảo chúng rằng: -Ta ưa chỗ đất này, ta muốn có một khoảnh, các người nghĩ sao?

Tất cả đều lắc đầu từ chối và hung hăng muốn đuổi đức Phật đi. Phật liền xòe bàn tay, tức thì vàng bạc, châu báu hiện ra vô số xung quanh ngài.

Bấy giờ Phật lại bảo bọn ác quỷ, ma vương: -Tất cả những châu báu vô giá này sẽ thuộc về các người, nếu các người bằng lòng để cho ta một khoảnh đất nơi đây.

Bọn ác quỷ, ma vương đã chóa mắt vì châu báu, chúng bàn với nhau rồi thuận tình để cho đức Phật một khoảnh đất. Chúng liền hỏi đức Phật: -Khoảnh đất đó rộng chừng bao nhiêu. Có gì làm dấu hiệu?

Đức Phật bảo rằng: -Hãy nghe có tiếng kêu leng keng là dấu hiệu của ta. Khoảnh đất của ta thì rộng vừa đủ chiếc áo của ta trải ra.

Bọn ác quỷ, ma vương cả cười. Tưởng rằng rộng lớn chớ dè đâu bé nhỏ như chiếc áo trải ra.

Đức Phật lại bảo chúng: -Ta muốn rằng khoảnh đất đã thuộc về ta, thì các người không một ai được đặt chân tới nữa, các người chịu chớ?

Bọn ác quỷ, ma vương đều bằng lòng nên đáp: -Ngài cứ việc trải rộng chiếc áo ra nơi khoảnh đất nào ngài chọn.

Đức Phật bảo: -Được rồi, các người hãy lui ra, lui ra xa hết sức đi.

Bọn quỷ ma đều ngơ ngác không hiểu. Đức Phật liền quát bảo: -Sao các người còn đứng đó, hãy lui ra xa.

Dứt lời đức Phật liền cởi áo vút về phía lũ quỷ ma. Chiếc áo mở rộng ra bao trùm khắp bốn phương tám hướng. Lũ quỷ ma thất kinh bỏ chạy, áo Phật rộng lớn mênh mông đến tận chân trời.

Xong rồi, đức Phật mới gọi người Việt Nam đang sợ hãi núp trong các hang đá ra mà bảo rằng: -Ta cho các người đất này và ta che chở cho. Đến ngày cuối năm, khi các người làm lễ cúng rước ông bà tổ tiên về ăn Tết với con cháu, thế nào bọn ác quỷ, ma vương cũng tìm cách trà trộn khuấy phá. Vậy các người hãy trồng một cây tre thật cao, rồi treo ở ngọn một cái khánh mang dấu hiệu của ta, như vậy lũ quỷ ma không dám bước tới nữa vì là chỗ này thuộc giới hạn đất của chúng bán cho ta.

Từ đó, dân Việt Nam nhớ lời Phật dạy, mỗi dịp cuối năm, trong lúc sửa soạn rước ông bà tổ tiên đều có trồng cây nêu ở trước cửa nhà để trừ ma quỷ.

Lâu ngày, việc dựng nêu thành một tục lệ như câu ca dao sau sau đây:

Cu k u ba ti ng cu k u,  
Tr ng cho mau T t d ng n u  n ch .

# ÔNG HOÀNG TỬ CAM

Ngày xưa, có một bà hoàng hậu sinh ra một nàng công chúa rất xinh đẹp và thông minh, nhưng công chúa đến tuổi cập kê rồi, mà nhà vua không kén được phò mã. Hoàng đế và hoàng hậu rất buồn vì thấy con gái mãi phòng không chiếc bóng. Công chúa phải đành ở vậy đến ba mươi tuổi vẫn chưa có chồng.

Một hôm công chúa đi dạo ngoài vườn, đến dưới cây cam, trồng đã trăm năm rồi mà không có trái. Công chúa bỗng thấy một trái cây chín vàng treo tòn ten trên cành, công chúa thấy thèm ăn, liền sai tỳ nữ hái xuống, công chúa ăn vào thấy ngon ngọt lạ thường.

Vài tháng sau, công chúa bỗng thấy bụng to dần lên thì ngạc nhiên vô cùng. Vua cha sinh nghi, cho dò xét xem công chúa có lén lút đi lại với người đàn ông nào không, nhưng nhà vua không tìm được một bằng chứng nào chứng tỏ công chúa ngoại tình. Từ bé đến lớn lúc nào công chúa cũng tỏ ra là người con gái chính chuyên đức hạnh.

Không biết làm sao, vua đành phải hạch hỏi công chúa, bấy giờ công chúa mới tiết lộ việc ăn cam chín ở trong vườn. Nhà vua cho rằng công chúa đã thọ thai với thần giữ vườn.

Đến ngày nở nhụy khai hoa, công chúa sanh được một trai khôi ngô đĩnh ngộ. Vừa chào đời đứa bé biết nói, biết đi, biết đọc và học hành rất chăm chỉ.

Hoàng đế và hoàng hậu thấy vậy thì cả mừng cho rằng trời sai thiên tướng xuống giúp vua trị nước, còn triều thần thì gọi đứa bé là hoàng tử Cam.

Khi hoàng tử lên năm, ngày nọ vua muốn thưởng thức một món ăn lạ thường, bèn gọi người đầu bếp đến đưa cho ba nén bạc và bảo: -Nay trẫm muốn ăn thịt đàn bà có râu, vậy người hãy ráng tìm cho được.

Người đầu bếp lấy làm kinh sợ, xưa nay chỉ có đàn ông có râu chớ đàn bà làm gì có râu? Vả lại giết người là tội trọng không thể nào người đầu bếp dám làm. Đến sau, người đầu bếp suy nghĩ kỹ biết vua thử mình, nhưng chẳng biết tính cách nào.

Hoàng tử Cam thấy người đầu bếp buồn rầu biếng nói biếng cười, liền hỏi thăm duyên cớ. Người này thật tình kể lại lời phán dạy của vua. Hoàng tử Cam đoán biết vua muốn ăn thịt dê cái, nên bảo người đầu bếp đi mua dê về làm thịt cho vua ăn. Vua lấy làm vừa lòng.

Ngày khác, vua đòi ăn một món có ngũ vị, song chỉ đưa cho người đầu bếp có ba đồng tiền bảo đi mua. Người đầu bếp đến hỏi hoàng tử Cam, hoàng tử bảo đi mua trâu cau về dâng vua. Miếng trâu gồm có năm vị: cau, vôi, trâu, vỏ giầy và thuốc mà giá chỉ có ba đồng tiền. Vua rất đẹp ý.

Vua lại ngỏ ý muốn ăn cỏ ống, cũng chỉ đưa có ba đồng tiền. Lần này người đầu bếp lại đến thỉnh ý hoàng tử Cam. Hoàng tử bảo đi mua tỏi về dâng của. Vua rất bằng lòng.

Biết được hoàng tử là bậc thần đồng kỳ lạ, vua liền ra một kế để thử tài hoàng tử. Ngài cho mời tất cả bạn hữu của hoàng tử đến dự tiệc cùng hoàng tử. Giữa tiệc, vua đặt tất cả xa mâm đồ ăn đến năm ba thước để xem họ xoay trở cách nào. Duy có hoàng tử Cam ăn uống như thường vì biết đem theo đĩa để gấp thức ăn.

Lại một ngày nọ, nhà vua bày ra một cuộc đố vật gì nhọn nhất, rồi cùng đình thần bảo là cây kim. Hoàng tử Cam cãi lại cho rằng không phải. Vì nước có thể chui qua những lỗ nhỏ, những kẽ nhỏ nhất. Những đường nứt rạn dầu nhỏ thế nào nước cũng lọt qua được.

Nhà vua bắt đầu kinh sợ về trí thông minh tuyệt vời của hoàng tử. Lại lo rằng rồi đây trước tài giỏi của hoàng tử, triều thần tìm cách phế bỏ nhà vua để đưa hoàng tử lên ngôi. Nhà vua liền mưu tính đầu độc hoàng tử Cam để trừ hậu họa.

Bấy giờ, nhà vua dùng thuốc độc pha vào rượu bảo là ngự tửu ban cho hoàng tử uống. Hoàng tử về nhà đến cung thì thở hơi cuối cùng. Muốn được chắc ý vua sai người tâm phúc đến cung hoàng tử dò hỏi. Mẹ hoàng tử lại bảo hoàng tử đang ngồi đọc sách trong phòng.

Người tâm phúc tưởng thật về tâu lại với vua. Nhà vua muốn biết rõ thật hư nên lấy độc được, cho con gà trống uống, gà trống vùng vẫy rồi bay đi mất. Vua cho rằng vô hại, nên đem ngự tửu có pha thuốc độc cùng đình thần yến ẩm. Chẳng dè chỉ trong chốc lát cả thầy lẫn đệ tử ra chết.

Ác tâm giết người của vua bại lộ, nên bị mọi người oán ghét, họ không chịu mai táng nhà vua mà chỉ lo mai táng hoàng tử Cam vào chiếc áo quan rất đẹp rồi cho hai người mù điếu đem đi chôn. Trong lúc khiêng đi, người mù bỗng chạm phải một cành cây, bỗng dưng hai mắt sáng lại như xưa. Người điếu thấy vậy, lấy lá xát vào tai, thì tai nghe được rõ ràng. Hai người mừng rỡ, vội vàng bẻ cành cây huyền diệu kia, cạy áo quan ra xát vào thì hài hoàng tử. Trong chốc lát hoàng tử Cam sống lại. Dân chúng mừng rỡ tôn lên làm vua.

# HUYỀN TRÂN CÔNG CHÚA VÀ HAI CHÂU Ô, LÝ

Vào thời vua Trần Nhân Tông truyền ngôi cho con là Trần Anh Tông, rồi lên núi Yên tử tu hành. Thường ngày Trần Nhân Tông hay đi ngao du sơn thủy. Có lúc lại du hành vào đến tận phần đất của Chiêm Thành. Lúc đó, vua Chiêm là Chế Mân đang trị vì, vốn biết người khách tu hành ngao du sơn thủy kia là Thượng hoàng hứa gả công chúa Huyền Trân cho Chế Mân.

Sau đó, vua Chiêm sai một đoàn sứ giả hơn một trăm người đem vàng bạc, châu báu, trầm hương sang Đại Việt dâng lễ cầu hôn. Vua Trần và triều thần không chấp thuận, chỉ có ông Văn Túc Đạo Tái là chủ trương nên gả.

Việc tưởng không thành, nhưng vua Chế Mân luôn trong năm năm sai sứ dâng lễ vật, nhắc lời hứa Thượng hoàng Nhân Tông và xin làm rể nước ta. Chế Mân lại thuận đem hai châu Ô, Lý làm cống lễ, bấy giờ vua Trần mới chấp thuận.

Huyền Trân công chúa về làm hoàng hậu nước Chiêm Thành được một năm thì Chế Mân chết, thái tử nước Chiêm phái sứ giả sang nước ta dâng bạch tượng và cáo về việc tang.

Theo tục lệ Chiêm Thành, hễ vua mất thì hoàng hậu, cung phi đều phải lên giàn hỏa, hỏa táng theo vua. Vua Trần Anh Tông biết rằng Huyền Trân công chúa sẽ bị hại, nên mật sai võ tướng Trần Khắc Chung dẫn một đám tùy tướng nói thác rằng sang Chiêm quốc điều tang, kỳ thật để lập mưu cứu Huyền Trân công chúa đem về nước.

Khi đến kinh thành Đồ Bàn, Trần Khắc Chung nói với thái tử Chiêm rằng: -Bản triều sở dĩ kết thân với Chiêm quốc vì vua trước là Hoàng vương người ở Tượng Lâm, thành Điện Xung là đất Việt Thường: hai bên cỗi đất liền nhau thì nên yên phận để hưởng hạnh phúc thái bình cho nên gả công chúa cho quốc vương. Gả như thế là thương dân chứ không phải mượn má phàn giữ trường thành đâu. Nay hai nước đã kết hiếu thì nên giữ lấy phong tục tốt. Quốc vương mất, nếu đem công chúa tuần táng<sup>[1]</sup> ngay thì việc tu trai không người chủ trương. Chi bằng theo tục lệ bản quốc, trước hãy ra bãi biển để chiêu hồn ở trên trời, đón linh hồn cùng về rồi hỏa đàn sau.

Lúc ấy, các cung nữ của Huyền Trân biết rằng công chúa sẽ bị hỏa táng, nhưng không biết làm cách nào để cứu công chúa. Nay thấy sứ giả Trần Khắc Chung đến, mới hát lên mấy câu ngụ ý cho sứ Nam biết mà lo liệu cứu công chúa:

Đàn kêu tích tịch tình tang,  
Ai đem công chúa lên thang mà ngồi.

Thái tử Chiêm quốc, nghe lời nói của Trần Khắc Chung có lý nên thuận tình, để cho công chúa Huyền Trân xuống thuyền ra giữa biển làm lễ chiêu hồn. Bấy giờ, Trần Khắc Chung bố trí đầu đó sẵn sàng, đem một chiếc thuyền nhẹ đợi sẵn ở giữa biển, đợi thuyền chở công chúa ra tới nơi, lập tức cướp công chúa sang thuyền mình, dong thuyền ra khơi nhằm phương Bắc lướt tới.

Huyền Trân công chúa và Trần Khắc Chung gặp nhau chi xiết vui mừng. Họ là hai người tình cũ. Trai tài gái sắc ngộ cùng nhau thì còn gì đẹp để hân hoan bằng. Bởi vậy họ kéo dài cuộc yêu đương trên mặt biển hơn một năm mới về tới Thăng Long.

Đời sau, các văn nhân, thi sĩ cảm hứng về quãng đời lịch sử của Huyền Trân công chúa đã

dùng lời thơ, điệu hát làm nên nhiều bài truyền tụng đến đời nay.

Phản đông đều nhớ bài “Nước non ngàn dặm.”theo điệu Nam Bình, mà có kẻ cho rằng chính công chúa Huyền Trân đã soạn ra trên đường sang Chiêm quốc:

Nước non ngàn dặm ra đi,  
Mỗi tình chi!  
Mượn màu son phấn,  
Đền nợ Ô, Lý.  
Xót thay vì,  
Đương độ xuân thì,  
Sổ lao đao hay duyên nợ gì?  
Má hồng da tuyết,  
Cũng như liễu hoa tàn trắng khuyết,  
Vàng lộn theo chì,  
Khúc lý ca, sao còn mừng tượng nghe gì.  
Thấy chim hồng nhạn bay đi,  
Tình lai láng,  
Hương dương hoa quỳ,  
Dặn một lời Mãn quán:  
Như chuyện mà như nguyện.  
Đặng vài phen,  
Vì lợi cho dân,  
Tình đem lại mà cần,  
Đắng cay muôn phần.

Lại có bài thơ vịnh Huyền Trân công chúa:

Đội chác khôn ngoan khéo nức cười,  
Vốn đã không mất lại thêm lời.  
Hai châu Ô, Lý vương ngàn dặm,  
Một gái Huyền Trân của mấy mươi?  
Lòng đã khen ại lo việc nước,  
Môi son phải sống mãi trên đời.  
Châu đi rồi Châu lại về đó,  
Ngơ ngẩn trông nhau mấy đũa Hời.

Trong dân chúng có những câu ca dao nói về Huyền Trân công chúa và hai châu Ô, Lý như vậy:

Tiếc thay cây quế giữa rừng,  
Đề cho thằng Mán, thằng Mường nó leo.  
Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,  
Đã vo nước đục lại vẫn lửa rơm.

-----

1. Tuấn táng: chôn sống.

# SỰ TÍCH CÂY PHÁO

Về đời thượng cổ nước Việt Nam ta thường bị các hung thần hiện ra khuấy phá, trong số đó có vị thần tên là Na Á. Vị thần hung tợn này có người vợ hung dữ không kém chi chồng, nên thiên hạ gọi chung là ông bà Na Á.

Hai ông bà Na Á thường ẩn trong bóng tối làm cho con người trăm đắng ngàn cay. Có điều họ rất sợ ánh sáng và sự huyền ảo âm ỉ.

Không có bùa phép nào yểm nổi hai vợ chồng vị hung thần này, ngoài hai thứ kể trên

Mỗi năm đến ngày ba mươi tháng chạp, các vị lượng thần phò trợ dân gian đều phải về trời châu Ngọc Hoàng thượng đế, thừa lúc đó vợ chồng hung thần Na Á tha hồ nhiều hại dân lành. Để trừ cái họa vợ chồng Na Á làm lộng trong mấy ngày Tết, người ta bày ra việc đốt pháo và thắp nhiều đèn đuốc trong nhà để đuổi vợ chồng hung thần Na Á.

Cho nên, mỗi năm cứ đến đêm ba mươi và giờ trừ tịch, giao thừa mọi nhà đua nhau đốt pháo đùng đùng vì mọi người đều tin tưởng rằng tiếng nổ lẫn mùi thuốc pháo có sức mạnh xua đuổi được hung thần, không dám đến gieo họa trong ngày Tết.

Để trừ tà ma quỷ quái trong mấy ngày xuân, người ta còn lấy vôi bột rắc quanh nhà, dùng vôi vẽ cung tên ở trước cửa. Tục này truyền ra từ đời nhà Đinh. Lúc Đinh Tiên Hoàng dẹp xong loạn mười hai sứ quan, giặc giả trong nước vừa yên thì bệnh dịch hạch nổi lên giết hại dân chúng rất nhiều. Vua Đinh Tiên Hoàng biết không thể đương đầu nổi với thần dịch hạch, bèn cầu khẩn Trời Phật can thiệp, giúp dân được yên ổn.

Lúc bấy giờ có một vị thần hiện ra mách bảo với vua dùng vôi rắc quanh nhà, và vẽ cung tên ở trước cửa xua đuổi ma quỷ thì trừ được tai họa. Vua Đinh Tiên Hoàng theo lời ra lệnh cho mọi người làm đúng theo lời thần mách bảo. Từ đó bệnh dịch hạch giảm dần. Đến sau thành ra lệ.

Ngày nay, những chuyện đốt pháo trừ hung thần Na Á và vẽ cung tên trước cửa để trừ thần ôn dịch bị coi là mê tín dị đoan, nên bỏ lần lần không ai theo nữa.

# SỰ TÍCH BÔNG THỦY TIÊN

Ngày xưa ông nhà giàu sanh được bốn người con trai. Lúc biết mình sắp chết, ông nhà giàu liền gọi bốn quý tử đến dặn rằng: -Cha cố mạng chung rồi, thì các con nên thuận thảo với nhau. Gia tài, sản nghiệp của cha thì các con nên chia đều với nhau, đừng dành ai nhiều ai ít mà buồn lòng nhau và cũng tử vong hồn cha nơi chín suối.

Nói rồi, người cha thở hơi cuối cùng.

Chôn cất rồi, ba người con lớn lại không nhớ lời cha dặn, tranh nhau lấy những nhà cửa lớn, đất tốt, chỉ để cho người em một mảnh đất cằn cỗi với túp lều xiêu vẹo ở gần chân núi.

Người em chỉ còn có nước khóc để nhận lãnh phần gia tài chẳng ra gì. Người em luôn luôn ghi nhớ lời cha trời trăng mà càng thêm buồn tủi. Thường ngày ra ngồi ở góc nhà mà than khóc.

Một hôm, giữa lúc người em đang khóc, thì có một bà tiên hiện đến bảo rằng: -Này con, con đừng khóc nữa, khoảng đất phần của con tuy xấu, nhưng có chứa một kho tàng vô giá. Vậy con hãy nghe lời ta, đem trâu cày bừa, rồi gieo hạt giống này xuống, ngày sau con sẽ thấy một thứ hoa vô cùng xinh đẹp nở ra, bấy giờ con sẽ được sang giàu. Ta thấy con hiền lành nên giúp cho đó.

Nói rồi bà tiên trao cho người con út một gói hạt giống, đoạn biến mất. Người con út mừng rỡ làm đúng như lời bà tiên căn dặn.

Đến mùa xuân đó, đúng như lời bà tiên nói, mảnh đất mọc lên một thứ cây khác lạ, trổ hoa trắng nhụy vàng hương thơm ngào ngạt. Để nhớ ơn bà tiên, người con út đặt tên hoa là Thủy Tiên.

Các người yêu hoa và các nhà giàu, thấy hoa lạ đẹp xinh, hương thơm ngây ngất liền tranh nhau mua, đem về chưng bày ở giữa nhà cho mọi người cùng thưởng thức. Vì vậy hoa Thủy Tiên bán rất chạy, chẳng mấy năm mà người con út trở nên giàu có hơn ba người anh của mình.

Ở nước ta, ngày nay mỗi lúc Tết đến, nhiều nhà mua hoa Thủy Tiên về gọt rất khéo, sắp sọc từng chút, để nở đúng vào đêm giao thừa đem lại may mắn, tài lộc cho nhà mình.

# TRUYỆN HAI CON NGỒNG-NG CHUNG TÌNH

Tại làng kia, có một nhà cự phú thích ăn ngon. Trên mâm cơm bao giờ cũng có món ngon vật lạ, trong nhà lại nuôi heo, gà vịt, ngỗng rất nhiều, để khi nào cần thì bắt đem ra “thịt.” liền.

Ngày nọ, chủ nhà đi xa về có dắt theo một người khách quý, liền bảo gia nhân làm tiệc đãi đằng. Ăn uống xong, chủ nhà đưa khách đi dạo ngoài sân. Lúc bấy giờ, có đôi ngỗng trắng dắt bầy con đi ngang. Chủ nhà liền chỉ cho người khách xem và nói: -Bạn có thấy đôi ngỗng đó không? Trông mạnh khỏe sơn sơn, lại mập mạp nhiều thịt nữa. Ngày nay tôi sẽ thịt một con để đãi bạn.

Thuở bấy giờ, ngỗng biết nghe tiếng người. Đôi ngỗng trắng, khi nghe chủ nhà bảo vậy thì lo lắng buồn bã vô cùng. Chúng đang sống có đôi với nhau, vậy mà có con phải chết, thì làm sao chúng còn vui vẻ thản nhiên được.

Đêm đến, trở về chuồng, đôi ngỗng nhắc lại lời của chủ, rồi ngỗng đực bảo ngỗng cái: -Chủ nhà đã hứa với bạn như vậy, thì thế nào họ cũng giết mình. Vậy em hãy để cho anh chết, em ở lại ráng tàn tảo nuôi con.

Ngỗng mái cãi lại: -Anh phải sống để cho em chết. Anh cứng cỏi, mạnh khỏe hơn em, anh đủ sức nuôi dưỡng đàn con bé dại, còn em chân yếu tay mềm, có chết cũng chẳng sao, vậy anh hãy để cho em chết.

Con ngỗng đực nhất định không chịu, cãi nhau dành lấy cái chết gần suốt đêm. Đến gần sáng, ngỗng đực và ngỗng cái đồng ý thuận như vậy: Hai con cùng ra nằm ngang nhau ở cửa, nếu gã đầu bếp bắt trúng ai thì nấy chịu.

Tình cờ phòng của người khách lại ở kế bên chuồng ngỗng, khách lại biết nghe tiếng nói của loài vật. Đêm đó giữa lúc thao thức, khách nghe đôi ngỗng tranh luận bàn bạc với nhau, con nào cũng dành lấy cái chết để hy sinh cho nhau. Khách không khỏi cảm động về sự chung tình của ngỗng. Khách tự nghĩ: vì mình mà đôi ngỗng đang sống yên ổn với nhau, bỗng phải chia lìa, con mất con thấy không buồn sao được?

Muốn cho đôi ngỗng được sống bên nhau, chẳng còn cách gì hơn, từ chối bữa ăn mà chủ nhà định làm thịt ngỗng đãi mình. Nghĩ như vậy rồi, khách đợi trời sáng, bảo với chủ nhà:”

-Anh đừng làm thịt ngỗng, tôi đã thưởng thức món thịt ngỗng một lần rồi, thịt ngỗng có ngon lành gì đâu.

Chủ nhà nghe khách nói vậy, vì nể khách nên bảo người đầu bếp đừng làm thịt ngỗng.

Thế là đôi ngỗng được thoát chết. Lời bịa đặt của khách đã cứu được đôi ngỗng, không phải vì khách chán ngán không muốn ăn thịt ngỗng, nhưng vì xót thương đôi ngỗng chung tình, lúc bình yên cũng như lúc nguy nan, bị cái chết hăm dọa, đôi ngỗng cũng không hề bỏ nhau.

# HỒN TRƯỞNG HOA, MA HÀNG THỊT [1]

Ngày xưa, có người đánh cờ tướng rất cao tay tên là Trương Hoa. Khắp trong vùng chẳng có tay cờ nào đương cự nổi với anh ta. Ngày nọ, có người đánh cờ với Trương Hoa bị anh ta dồn vào thế bí, người này cứ nghĩ mãi mà không gỡ được. Trương Hoa mới nói: -Nước cờ này chỉ có tiên cờ là Đế Thích họa may mới gỡ được, còn người trần thì mong gì.

Vừa lúc đó có một ông lão ăn mày ghé lại trước nhà Trương Hoa để xin ăn. Ông lão thấy hai người ngồi đánh cờ thì bước lại xem. Biết người kia đang lâm nước bí, ông lão liền xin đi thử để giải bí cho người kia.

Trương Hoa liền nói với ông lão: -Cờ này chỉ có Đế Thích hiện xuống họa may mới gỡ được, còn ông tài cán đến bậc nào mà mong thử.

Ông lão ăn mày vẫn điềm đạm nói: -Thì ông cứ để tôi thử một nước xem sao.

Trương Hoa thấy nói mãi, ông lão cũng cứ xin thử, bắt buộc dĩ phải nhận lời. Tức thì ông lão ngồi vào bàn cờ đi một nước chẳng những gỡ bí mà còn lần lượt dồn Trương Hoa vào thế thua.

Trương Hoa vừa giận vừa kinh ngạc nhìn sững ông lão một hồi, đoạn bước xuống đất mời ông lão ngồi lên cao sụp lạy rằng: -Tôi có mắt mà không trông, lỡ phạm vào bậc vĩ nhân mà không hay, vậy xin thứ lỗi cho.

Trương Hoa lại tiếp: -Tôi chắc chắn ngài là tiên cờ Đế Thích chứ không ai. Vì người thường không cao cờ đến thế đâu.

Ông lão từ chối mãi, nhưng sau cùng cũng phải nhận mình là Đế Thích vì nghe Trương Hoa nhắc mãi đến tên mình, nên phải hiện xuống để xem tài Trương Hoa đánh cờ cao đến bậc nào. Rồi ông lão khen Trương Hoa: -Quả thật anh là tay cao cờ, đáng khen. Cùng một làng cờ với nhau tôi muốn giúp anh một việc.

Trương Hoa rất vui mừng để nghe lời ông lão nói: -Số anh không thọ, ngày chết của anh đã gần kề, vậy anh hãy dặn vợ anh khi nào anh chết thì hãy thắp hương lên mà vái tên tôi, tôi sẽ hiện đến cứu sống anh lại. Anh hãy nhớ lời tôi đứng sơ sẩy mà vợ chồng không còn gặp nhau nữa.

Nói đoạn, tiên cờ Đế Thích biến mất.

Vài hôm sau, Trương Hoa nhớ lời Đế Thích, kêu vợ dọn đồ cặn kẻ rồi lâm bệnh mà chết.

Rủi ro là vợ Trương Hoa mãi lo khóc chồng rầu rầu nên chẳng còn nhớ đến lời chồng dặn dò.

Tổng táng xong xuôi, mãi gần một tháng sau, một hôm vợ Trương Hoa quét dọn trong nhà thấy bàn cờ tướng của chồng mới sực nhớ lại lời chồng dặn dò. Chị ta bèn thắp hương quỳ lại van vái tiên cờ Đế Thích.

Chỉ trong chốc lát Đế Thích hiện đến, chị ta khóc lóc kể lể sự tình.

Đế Thích liền nói: -Bây giờ trễ rồi, chồng chị chết đã lâu, da thịt tan rã rồi còn làm sao mà cứu được nữa, lỗi này tại chị mà ra cả, ta còn biết làm sao.

Thấy Đế Thích muốn bỏ đi, vợ Trương Hoa khóc lóc khẩn cầu, kêu ca xin cứu mạng của chồng mình. Đế Thích còn đang phân vân chưa biết phải làm sao, xảy nghe nói ở bên hàng xóm có anh hàng thịt vừa từ trần. Đế Thích liền bảo với vợ Trương Hoa: -Ta chỉ còn có cách cho hồn của chồng chị nhập vào xác của gã hàng thịt vừa chết bên kia, chị có bằng lòng không?

Vợ của Trương Hoa nghĩ không còn cách nào hơn nên đành phải bằng lòng.

Tiên Đế Thích bèn làm phép đem hồn của Trương Hoa nhập vào xác anh hàng thịt.

Lúc đó, vợ của anh hàng thịt mừng rỡ vì thấy chồng sống lại, song người hàng thịt kia không nhận ra vợ của mình, và xem người xung quanh đều xa lạ. Vừa khi ấy, vợ Trương Hoa đi đến, người bán thịt mừng rỡ chạy ra ôm lấy nhận là vợ của mình. Vợ của Trương Hoa đã hiểu việc làm của Đế Thích, nên cũng nhận người bán thịt là chồng của mình, cùng dắt nhau về nhà.

Vợ người bán thịt không chịu, chạy ra níu kéo đòi chồng. Hai bên cãi lầy to tiếng với nhau, sau cùng kéo nhau đến quan để nhờ phân xử.

Quan hỏi người bán thịt nhận ai là vợ thì anh ta chỉ vào vợ của Trương Hoa và bảo không biết vợ của anh hàng thịt. Quan liền hỏi cách làm heo bán thịt thế nào, thì anh ta trả lời không xuôi, đến lúc hỏi việc đánh cò thì anh ta trả lời xuôi rớt.

Vị quan xử kiện lấy làm khó nghĩ vì hồn người này mà xác người kia, muốn làm hài lòng cả hai người vợ thì phải chia hồn và xác ra, một việc không làm được. Sau cùng, vị quan đành gọi riêng vợ Trương Hoa mà hỏi: -Trong khi chồng chị còn sống có làm điều gì đặc biệt không?

Vợ Trương Hoa thật tình kể lại chuyện tiên Đế Thích hiện xuống đánh cò và hứa sẽ cứu Trương Hoa khi chết và hứa đem hồn Trương Hoa nhập vào xác anh hàng thịt thế nào thuật rõ đầu đuôi. Vị quan lại gọi anh hàng thịt vào hỏi, anh ta thuật đúng với lời của vợ Trương Hoa.

Chuyện đã rõ ràng, nên quan xử cho vợ chồng Trương Hoa đoàn tụ. Người ta bảo “Hồn Trương Hoa, ma hàng thịt.” là do chuyện này.

-----

1. Có chỗ chép là “Hồn Trương Ba, da hàng thịt.”

# ÔNG CÔNG QUỲNH TIẾP VUA VÀ SỨ TÀU

Cái tài ứng đáp của ông Công Quỳnh như thế nào, tưởng phần đông những người có đọc chuyện xưa tích cũ đều biết. Chẳng những Công Quỳnh làm cho vua quan ta thời đó phải kính phục, mà cho đến sứ Tàu cũng phải lắc đầu bái phục.

Một lần nọ, phái đoàn sứ giả nước Tàu sang nước Nam để nhắc lễ cống, họ có mang theo một khúc cây sơn phết rất đẹp, dâng lên vua nước Nam xem, rồi đổ vua và các quan ta biết là cây gì.

Lúc bấy giờ, vua và quan ta đều cầm khúc cây lên xem một lượt, họ lấy làm khó đoán vì chẳng ai biết cây gì mà nói trúng tên.

Thói thường, cách đổ chơi như vậy của sứ Tàu là điều điểm nhục cho triều đình ta, nếu không có tài đoán ra. Vua ta và triều thần đều lấy làm bối rối, sứ Tàu chỉ hạn kỳ có ba ngày, mà mất hai ngày rồi, chẳng có ai tìm biết được cây gì. Họ định ninh thế nào cũng bị sứ Tàu cười đùa chế nhạo. Đang lúc bối rối, có người nhớ đến ông Công Quỳnh, liền tâu với vua xin với ông đến.

Ông Công Quỳnh đã nghe biết chuyện, nhưng vẫn làm như chẳng hay biết gì. Để cho bá quan thuật chuyện xong, Công Quỳnh bảo đem khúc cây ra. Ông cầm thử thì thấy nhẹ hổng khác hẳn những thứ cây thường. Dùng dao chẻ ra thì thấy nhiều sớ ít thịt, đem thả xuống nước thì trôi bằng bằng. Công Quỳnh liền cười ha hả, bảo gọi sứ Tàu đến, rồi ông ứng khẩu nói lên mấy lời: -Còn nước con no con mập, hết nước con ốm con gầy. Tức là cây gòn<sup>[1]</sup>.

Sứ Tàu đều lắc đầu le lưỡi bái phục tài xét đoán của Công Quỳnh.

Một lúc nọ nghe vua than, chẳng biết ăn món gì cho ngon miệng. Trong hoàng thành thì sơn hào hải vị, khô lân chả phụng chẳng thiếu một món gì. Đã vậy, bá quan ngày càng đều tìm của lạ dâng lên vua, vậy mà vua xử kêu là ăn không được.

Bấy giờ, Công Quỳnh nghĩ ra một mẹo. Liền viết thơ mời vua đến nhà mình ăn trứng đá, mà Công Quỳnh cam kết rất ngon miệng.

Vua lấy làm lạ quá, thử giờ đá làm gì có trứng, tại sao Công Quỳnh có trứng đá để làm món ăn? Tuy hoài nghi, nhà vua cũng chịu khó vì hành đến nhà Công Quỳnh để xem món lạ.

Công Quỳnh liền cho bắc một cái chảo thật to, đem một hòn đá tảng đặt vào chảo và đổ nước thật đầy, đầy nắp lại đoạn bảo quân hầu vua nổi lửa lên đun.

Lò lửa đặt ở giữa sân, hai bên có hai chiếc ghế dùng để cho vua và ông Công Quỳnh ngồi.

Trong lò lửa cháy phừng phừng, nước sôi ồn ào. Thỉnh thoảng vua hỏi Công Quỳnh: -Trứng đá ở đâu?

Công Quỳnh đáp: -Ở trong hòn đá đang nấu.

Vua hỏi: -Chừng nào trứng đá mới nở?

Cống Quỳnh đáp: -Còn lâu.

Từ giờ thìn đến giờ ngọ, nhà vua ngồi đợi sốt cả ruột, thỉnh thoảng lại hỏi: -Chùng nào trứng đã mới nở?

Cống Quỳnh thản nhiên đáp: -Còn lâu.

Cứ như vậy từ giờ ngọ đến giờ mùi rồi sang đầu giờ thân. Nhà vua đói rã ruột, mặt mày bí xị mà không thấy món trứng đá dọn ra để ăn.

Ở giữa sân, cái chảo nấu hòn đá cứ sôi sùng sục. Cống Quỳnh thì thản nhiên ngồi đọc sách, mặc cho nhà vua nhăn nhó kêu đói bụng.

Đợi lúc nhà vua đói lả rồi, Cống Quỳnh mới bảo gia nhân dọn ra một mâm cơm chỉ có nước tương và rau luộc, đoạn tâu với vua: -Trong lúc chờ đợi trứng đá nở ra, xin bệ hạ ăn tạm vài bát cơm đỡ đói.

Nhà vua đang đói nên thuận ăn ngay. Dầu cho bữa cơm chỉ có rau luộc với nước tương, nhà vua ăn cũng ngon lành, hết bát này đến bát khác, chẳng bao lâu nồi cơm hết sạch.

Đợi nhà vua ăn xong, Cống Quỳnh hỏi: -Bệ hạ ăn có ngon miệng không?

Nhà vua thật tình đáp: -Ngon lắm. Từ trước tới giờ, trăm mới được ăn một bữa ngon miệng nhất.

Cống Quỳnh cười ha hả, bảo dọn cái chảo nấu đá, rồi nói với nhà vua: -Bệ hạ đã được hài lòng rồi đó, còn đợi món trứng đá làm gì.

Nhà vua vẫn hỏi, món trứng đá chùng nào mới có, Cống Quỳnh cười ngất rồi bảo còn lâu. Bấy giờ nhà vua mới biết Cống Quỳnh bỡn cợt mình. Tuy vậy, được một bữa ăn ngon miệng, nhà vua không phiền mà còn khen Cống Quỳnh là tay cao mưu, nhiều bản lĩnh.

-----

1. Có sách chép là: “Còn lúa con ăn con mập con béo. Hết lúa con ăn con ốm con gầy.” Tích chuyện “Trứng Đá”, cũng có sách chép với tựa là “Đại Phong”, dịch nghĩa gió lớn rồi nói láy là “lọ tương.”

# NGƯỜI ĂN KHỎE NHẤT NƯỚC NAM

Vào thời Lê mạt vận, ở làng Tiên Châu huyện Tiên Lữ tỉnh Hưng Yên, có một người vạm vỡ, vai u thịt bắp, mạnh khỏe ít ại bì. Nhà lại nghèo, nhưng ăn uống thì thật là khỏe, mỗi bữa ăn sạch một nồi bảy cơm mà vẫn chưa no. Vì ăn mạnh như cạp nên người ta đặt tên anh ta là Lê Như Hồ.

Vì nhà nghèo nên lúc trưởng thành Lê Như Hồ phải đi ở rẻ tại làng Thiện Phiến. Nhà vợ chưa biết sức ăn của Như Hồ nên mỗi bữa chỉ cho ăn một nồi ba cơm. Ăn đói thành ra Như Hồ làm biếng học, lại bỏ phế cả công việc hàng ngày. Cha vợ thấy thế liền hỏi cha ruột của Như Hồ: -Trước kia tôi nghe nói con trai ông hiếu học lắm mà, vậy sao từ khi nó về nhà tôi, cứ lơ lơ lửng lửng như người ốm, cứ tìm chỗ ngủ chớ không học hành gì cả, có lạ lắm không?

Vốn biết sức ăn khỏe của con, cha Như Hồ bèn hỏi sui gia: -Từ khi cháu về nhà ông, ông cho ăn uống thế nào?

Ông này đáp: -Mỗi bữa một nồi ba cơm.

Cha Như Hồ mới nói: -Như vậy không được, nhà tôi nghèo rớt mồng tơi đây mà mỗi bữa tôi còn cho nó ăn một nồi bảy cơm, nó lại kêu đói, huống hồ là nồi ba, chẳng trách nó đâm ra lười biếng.

Cha vợ Như Hồ muốn rõ thật hư thế nào, bèn trở về cho Như Hồ ăn đúng một nồi bảy cơm.

Mẹ vợ Như Hồ thấy vậy liền nói: -Ông khéo kén được rẻ quý quá. Làm việc học hành chẳng ra cái gì cả, chỉ được có cái ăn khỏe mà thôi. Hạng người chỉ biết ăn cho nhiều thì còn làm nên gì được mà mình hòng nở mặt, nở mày với thiên hạ.

Cha vợ mới trả lời: -Bà đừng có lo, hễ nó ăn mạnh, tức nó làm công việc mạnh hơn người, để rồi bà nó xem.

Mẹ vợ không tin bảo: -Nếu nó mạnh hơn người thì tôi có vài mẫu ruộng kia đầy dẫy cỏ, ông hãy bảo nó dọn thử cho tôi xem.

Như Hồ nghe mẹ vợ bảo như vậy, đợi sáng hôm sau, vác dao phát cỏ ra ruộng. Đến chỗ cây đa to có bóng mát, Như Hồ thấy buồn ngủ liền nằm xuống đánh một giấc ngon lành. Lúc đó, bà mẹ vợ đi chợ về ngang cây đa, thấy Như Hồ nằm ngủ ngáy pho pho, bà ta điên tiết, đi riết một hơi về nhà, kêu chồng mà nói: -Này ông ra đồng mà xem thằng rẻ quý của ông, từ sáng đến giờ nó nằm ngủ khò dưới gốc cây đa chớ có làm quái gì đâu. Vậy mà cứ biểu tôi nấu nướng cho nó ăn thật no để nó làm việc. Làm việc gì cái thứ chỉ biết ăn ấy!

Cha vợ cũng giận lắm, cùng mẹ vợ xâm xúi đi ra đồng, định cho Như Hồ một bài học. Chẳng dè, trong lúc mẹ vợ trở về nhà, ở ngoài đồng Như Hồ choàng tỉnh dậy, lấy dao ra phát cỏ. Sức mạnh như thần, nên chỉ trong chốc lát, Như Hồ dọn sạch trơn mấy mẫu ruộng cỏ. Cá dưới ruộng chạy không kịp, chết nổi lênh bênh trên mặt nước.

Lúc cha mẹ vợ ra tới nơi thấy ruộng sạch rồi bấy giờ mới thấy rõ tài sức của Như Hồ. Cả hai không còn coi thường Như Hồ nữa.

Đến mùa lúa chín, mẹ vợ nấu cơm với nồi hai mươi cho Như Hồ ăn, rồi bảo đi gọi thợ gặt lúa. Như Hồ được ăn no liền xin ra đồng để gặt khỏi phải kêu công thợ. Đó rồi Như Hồ lấy một cây tre làm đòn xóc, và đem liềm hái, thừng chạc ra đồng. Vừa được nửa buổi. Như hồ

đã gặt xong hai mẫu ruộng, bó làm bốn bó xỏ đòn cân quảy về. Cha mẹ vợ thấy đều vui lòng hả dạ. Từ đó ngày nào cũng cho Như Hổ ăn uống no nê.

Mỗi năm vào độ mùa xuân, làng bên cạnh có tổ chức hội đánh vật. Năm đầu dự tranh đánh ngã tất cả các tay đồ vật danh tiếng. Năm sau và những năm kế tiếp Như Hổ vẫn giữ chức vô địch môn đồ vật.

Năm ba mươi tuổi. Như Hổ bắt đầu nổi tiếng văn hay chữ tốt. Đời Quảng Hòa nhà Mạc, Như Hổ thi đỗ tiến sĩ, bảy giờ có ông Nguyễn Thanh cũng thi đỗ cùng khoa với Như Hổ. Nhân lúc nói về gia thế mình, Nguyễn Thanh bị Như Hổ đùa bỡn như vậy: -Cơm gạo nhà bác chỉ đủ cho tôi ăn một tháng là sạch nhẩn.

Nguyễn Thanh cười đáp: -Bác nói khi quá, dầu bác ăn khỏe đến bực nào, tôi cũng đủ sức đãi bác trọn ba tháng.

Như Hổ cười to bảo: -Bây giờ bác thử đãi tôi một bữa xem sao.

Nguyễn Thanh không tin Như Hổ ăn nhiều nên hẹn ngày mời Như Hổ đến huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa là quê hương của mình để đãi.

Đúng ngày hẹn, Như Hổ tới nơi, Nguyễn Thanh vì bận việc quan nên quên khuấy, không có mặt ở nhà để tiếp đãi bạn. Như Hổ liền nói với vợ Nguyễn Thanh: -Tôi là bạn của quan Nghè đây, nhân có việc quan đi qua đây, có ba mươi người gia nhân theo hầu, vậy xin phu nhân cho một bữa cơm, thì tôi cảm ơn lắm.

Vợ Nguyễn Thanh tin bằng lời, sai người ở làm thịt một con heo, dọn sáu mâm cơm đem ra. Như Hổ bèn bảo người ở của Nguyễn Thanh: -Chú đi gọi bọn gia nhân của tôi vào đây.

Người ở đi tìm chẳng thấy tên gia nhân nào cả. Lúc trở về lại thấy Như Hổ ngồi ăn một mình mà hết cả một con heo và sáu mâm cơm. Ăn xong Như Hổ để lời cảm tạ rồi ra đi.

Xế chiều, Nguyễn Thanh về nhà, vợ thuật chuyện: -Bữa nay có một người nói là quen với mình, nhân việc quan đem nhiều gia nhân đi qua đây, nhờ tôi dọn cho một bữa cơm, tưởng là thật, tôi làm cho một con heo, dọn sáu mâm cơm, té ra chỉ có một mình người đó ngồi ăn, trong chốc lát hết sạch một con heo và sáu mâm cơm, chẳng khác nào quỷ đói.

Nguyễn Thanh hỏi về hình dáng, vợ tả sơ qua, ông biết ngay là Lê Như Hổ nên nói: -Đó là bạn của tôi cùng đỗ một khoa, lúc trước có hẹn đến chơi, lỡ bận việc quan tôi quên mất, thế nào người đó cũng trách tôi sai hẹn.

Sau đó Nguyễn Thanh nhân có việc, đến làng Tiên Châu, ghé thăm Như Hổ. Như Hổ bèn sai người nhà làm thịt hai con heo, thổi bốn mâm xôi, dọn ra hai bàn, mỗi bàn một con heo hai mâm xôi. Một bàn đãi Nguyễn Thanh còn một bàn dành riêng cho Như Hổ.

Nguyễn Thanh thì chỉ ăn hết một phần tư con heo, một góc mâm xôi. Còn Như Hổ ăn hết sạch một heo hai mâm xôi, lại ăn thêm một góc xôi và nửa con heo ở bàn bạn.

Nguyễn Thanh thấy vậy thất kinh, nói rằng: -Ngày xưa, ông Mộ Trạch có tiếng là ăn khỏe nhưt. Vậy mà cũng chỉ hết mười tám bát cơm, mười hai bát canh là cùng. Nếu ông ấy sanh đồng thời với bác thì cũng phải kém xa đến ba bực.

Đã ăn khỏe như thế, Như Hổ còn có tài phò vua giúp nước, về sau được phong làm Lữ Quốc Công, rồi về trí sĩ, đến bảy mươi hai tuổi mới mất.

Nói về Như Hổ, người đời cho rằng: đó là người ăn khỏe nhất nước Nam.

# CON THẰNG MỖ LÀM QUAN TRẠNG

Thuở xưa, tại tỉnh Thái Bình có một “thằng Mỗ.” tên là lão Đốp. Đã nghèo lại hiểm hoi, vợ chồng lão Đốp chỉ sanh được một trai đặt tên là Bé Con.

Vì nhà nghèo nên Bé Con không được học hành chi cả. Năm hai mươi tuổi, Bé Con giúp cha làm nghề “thằng Mỗ đi rao.”

Bấy giờ, ở Thái Bình có quan Thượng họ Lê vừa về hưu, được dân làng mến đức cử làm tiên chỉ. Quan Thượng có người con gái đến tuổi cập kê, tên là Hồng Ngọc. Đã nhiều nơi môn đăng hộ đối đi nói, nhưng Hồng Ngọc không chịu ưng ai. Ngày kia thấy Bé Con mang phần quà biếu cửa chức sắc làng đến dâng quan Thượng, tiểu thư Hồng Ngọc sanh bụng yêu thương, rồi tương tư đến mang bệnh.

Thấy con tiểu tụy ưu sầu, quan Thượng gạn hỏi mãi, ban đầu Hồng Ngọc còn giấu giếm, cuối cùng cũng phải thú thật vì yêu thương Bé Con mà sinh bệnh tương tư. Nghe qua, quan Thượng nổi trận lôi đình, mắng nhiếc con gái thậm tệ. Đòi nào quan Thượng lại chịu gả con cho con của “thằng Mỗ.”

Nhưng thấy con gái ngày càng héo hon, quan Thượng không biết phải làm sao, đành kêu Bé Con đến gả Hồng Ngọc và buộc một điều là quan Thượng không nhìn con gái nữa. Bé Con và Hồng Ngọc muốn dất đi đâu thì đi không được phép ở trong làng.

Hồng Ngọc khâu vén hết tư trang quần áo, rồi đưa người yêu vào Thanh Hóa, quyết tâm cho chồng đi học. Hồng Ngọc đưa Bé Con đến trường của cụ Thượng Phùng, nói dối là em trai của mình đến nhờ cụ chỉ dạy.

Cụ Thượng Phùng vốn có quen với cụ Thượng Lê, lại biết tiểu thư Hồng Ngọc từ thuở nhỏ, nên bằng lòng nhận Bé Con làm học trò. Và cho dọn một cái buồng riêng tại nhà cho Hồng Ngọc ở đặng buồn bán nuôi em ăn học, đợi chừng nào thành tài sẽ dất về trình diện với cha. Riêng Bé Con thì ở nhà ngoài với các cậu học trò cho tiện việc sách đèn.

Lần lữa ngày tháng trôi qua, sau thời kỳ khai tâm, Bé Con học đâu nhớ đó, tỏ ra người thông minh chăm học. Chẳng bao lâu, Bé Con trở thành nho sinh văn chương thơ phú hay nhất trường. Hàng trăm thư sinh ít có ai theo kịp.

Bấy giờ cụ Thượng Phùng mới gọi tiểu thư Hồng Ngọc mà nói rằng: -Cậu bé của tiểu thư học hành đã giỏi rồi đấy, khoa này chắc chắn thể nào cũng thi đỗ. Vậy tiểu thư hãy về báo cho phụ thân biết để tiện bề loại khai cho cậu em đi học để đến kỳ vào thi mới hợp lệ, kéo trễ thì tiếc lắm.

Tiểu thư Hồng Ngọc chẳng biết liệu sao, đành phải khai thật chuyện của mình, và cho biết Bé Con là chồng chứ không phải em ruột. Hồng Ngọc lại thưa: -Nay chồng của con chưa làm nên danh phận gì, làm sao con dám trở về nhà thưa chuyện với mẹ cha. Vậy xin cụ cho chồng con nhập tịch dân làng và nhờ thầy nói hộ với làng ...

Cụ Thượng Phùng thấy tình cảnh của đôi trẻ như vậy thì cũng động lòng thương, nên sau lúc suy nghĩ chín chắn, cụ bèn viết thư cho quan Thượng Lê thuật rõ tự sự và mời sang Thanh Hóa để liệu định cho chàng rể học giỏi đi thi. Quan Thượng Lê, đọc thư động lòng xót thương con gái, bàn tính với quan Thượng bà, rồi đi sang Thanh Hóa cho rõ thực hư.

Đến nơi, sau cuộc han huyền của đôi bạn già, cụ Thượng Phùng trao tập văn của Bé Con cho quan Thượng Lê xem. Quan Thượng xem xong lấy làm khen ngợi, nhưng nghĩ thầm:

“Không chừng cụ Thượng Phùng gạ bài cho nên chuyện.” Vậy muốn rõ trắng đen, chính quan Thượng phải thử tài Bé Con mới được. Đó rồi, quan Thương cho gọi Bé Con đến trước mặt, bảo làm bài thơ vịnh chiếc mõ.

Bé Con lãnh ý, hơi bút làm tám câu thơ như vậy:

Vì thiên hạ điếc đã lâu ngày,  
Trời mới sanh ra chiếc mõ thầy.  
Phép nước vang lừng ran cửa miệng,  
Lệnh làng thét lệt khét trong tay.  
Việc quan thúc bách ba dùi đập,  
Lộc thánh gia ban mấy học đầy.  
Lộc cóc tre già măng lại mọc,  
Đầu đình chót vót bỗng tăng mây.

Quan Thượng Lê xem xong bài thơ, lấy làm thích quá, vỗ đùi khen: -Rõ ra khẩu khí con nhà “thằng Mõ.” mà văn chương Trạng nguyên.

Rồi bảo tiếp rằng: -Con ở làng Hữu Thanh, vậy để ta đặt tên con là Hữu Thanh họ Khiếu. Để rồi ta về nhờ lý trưởng loại khai cho mà đi thi.

Đoạn gọi tiểu thơ Hồng Ngọc khen ngợi: -Con quả có mắt tinh đời, cha đành chịu cái lỗi không biết xét người. Bây giờ con hãy an lòng ở đây nuôi chồng con ăn học chờ đến ngày thi. Chừng nào chồng con thi đỗ sẽ vinh quy và vu quy một thể cho rạng rỡ tông đường.

Đến khoa thi Hương năm ấy, quả nhiên Khiếu Hữu Thanh giựt giải nguyên. Khi xướng danh ban yến, quan Thượng Lê nghe tin liền viết thư giục về vinh quy, song Khiếu Hữu Thanh chưa chịu trở về làng mà lại ở luôn Thanh Hóa tiếp tục dò mòi kinh sử chờ năm sau thi Hội, thi Đình chiếm được bảng vàng rồi sẽ vinh quy bái tổ.

Tới kỳ thi, Khiếu Hữu Thanh đỗ Hội nguyên, vào thi Đình lại đỗ luôn. Vua Lê ban sắc tứ phong “Đệ nhất giáp Tiến sĩ cấp cấp đệ nhất danh.” Được mời vào dự yến, cưỡi ngựa xem hoa, chàng tân Trạng Nguyên dâng biểu xin về vinh quy. Vua Lê ngỏ ý muốn gả công chúa Quỳnh Hoa cho Hữu Thanh, nhưng vì chàng nghĩ đến tiểu thơ Hồng Ngọc bấy lâu khôn khổ vì mình, nên thật tình bày đã có vợ nhà, nên không thể xe duyên với công chúa. Vua Lê khen chàng có nghĩa, ban cho biểu vàng: “Ấn tứ vinh quy.” và ban cho “Ngự tứ hôn.”

Hàng tỉnh, hàng quận được sức đi đón Tân Trạng, từ thành Nam trở về cờ xí rợp trời, trống chiêng dậy đất, ngựa chàng đi trước, vồng nàng theo sau.

Quan Thượng Lê được tin vui mừng khôn xiết cho kết lầu hoa để đón rể và con gái. Những người trước kia chê tiểu thơ Hồng Ngọc lấy con “thằng Mõ.” đều mắc cỡ hổ thẹn không dám lộ mặt ra ngoài.

Cu Thượng Hà bạn đồng liêu với quan Thương Lê, đến dự tiệc mừng Trạng Khiếu vinh quy, trong lúc cao hứng ngỏ ý muốn gả con gái làm thứ thiếp cho Hữu Thanh, chàng cười đáp: -Việc đó tùy tiểu thơ Hồng Ngọc có bằng lòng cho tôi lấy thứ thiếp thì tôi mới dám. Chớ công chúa Quỳnh Hoa mà tôi cũng xin từ vì đã có nơi rồi.

Hồng Ngọc nghe thế mới bảo rằng: -Công chúa Quỳnh Hoa vì sang đẹp hơn tôi mà cậu không chịu, chứ tiểu thơ Bích Châu con cụ lớn đây thì tài sắc cũng bằng nhau, lại là chỗ bạn gái trong làng, tôi thiết tưởng cậu nên nhận lời, để về đỡ tôi cùng gánh vác việc nhà càng hay.

Bấy giờ Hữu Thanh mới thuận. Mấy hôm sau, Hồng Ngọc đón Bích Châu về ở chung, cùng lo việc nhà. Cả hai trên thuận dưới hòa, mến thương nhau như chị em ruột.

Hữu Thanh làm quan được vua tin cậy, không đầy mười năm lên đến chức Thượng thư, về sau lại vinh thăng lên chức Tể tướng, sự nghiệp hiển hách một thời. Đến khi cáo lão về trí sĩ, dân làng cảm đức lập sinh từ, ngày nay là đền quan Trang Khiếu tại Đồng Thanh. Con cháu họ Khiếu ngày càng đông đúc, kể có mấy trăm người đều vinh hiển.

# CAO NHÂN TẤT HỮU CAO NHÂN TRỊ

Ngày xưa, tại làng Xuân Tiêu thuộc tỉnh Hải Dương có một tên ăn trộm nhà nghề rất tài tình. Người trong làng thấy đều ngán mặt anh ta. Thấy bóng anh ta ở đâu là thiên hạ lo canh chừng ráo riết.

Ngày nọ, có một khách qua đường đến trọ tại một cái quán, ngủ đêm đăng sáng mai lên đường. Khách mở túi bạc ra đếm rồi đặt lên đầu giường làm gối kê.

Tên trộm dò biết khách có số bạc to, nên quyết tâm ăn cắp cho được. Đêm đó, tên trộm đợi khuya, lén vào nhà trọ giả làm mèo đuổi chuột, mấy lần chạm vào khách. Bị đụng vào chân, khách chợt ngồi dậy để đuổi mèo. Tên trộm thừa dịp đó cuồn mất túi bạc. Chừng khách biết thì đã muộn rồi.

Khách lấy làm căm tức đã thua trí tên trộm. Tuy vậy, khách không phải là người tầm thường, chẳng bao giờ chịu mất của một cách nhanh chóng như vậy. Lúc đó, nhìn quanh quán bên trong quán trọ khách thấy có cái nơm bắt cá, khách liền cầm lấy, hỏi thăm nhà của tên trộm thẳng tới.

Núp ở ngoài cửa, khách thấy tên trộm đổ túi bạc của mình ra ván, rồi cùng vợ ngồi đếm. Tức thì, khách tông cửa ra, rồi đứng ngoài to tiếng đòi chia của. Tên trộm nghe vậy thì giận lắm vác gậy xông ra đuổi đánh kẻ đòi chia của. Khách liền núp vào chỗ tối, đợi chờ tên trộm bước ra khỏi cửa, khách liền bước vào nhà, thừa lúc bất ngờ lấy cái nơm cá chụp vào đầu vợ tên trộm, đoạn thồn hết đồng bạc vào túi, theo đường cũ trở về nhà trọ, đóng cửa ngủ yên tới sáng.

Khách vừa tỉnh dậy, thì đã thấy tên trộm lễ mễ mang một mâm xôi thịt đến ra mắt để tôn khách làm sư. Vì từ trước đến nay, trong nghề ăn trộm, tên trộm chưa bao giờ chịu thua ai hoặc thấy ai tài giỏi hơn mình như khách. Bấy giờ khách nói rõ quá khứ oanh liệt của mình. Thì ra chính khách là một tên ăn trộm nhà nghề rất nhiều mách lới, đã giải nghề từ lâu.

Lúc đó, tên trộm mới biết mình tài giỏi còn có người tài giỏi hơn.

# TRUYỆN CÔNG CHÚA LIỄU HẠNH

Vào đời Hậu Lê ở làng Vân Cát, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định có nhà họ Lê, tự là Thái Công, bà vợ gần ngày sanh nở, lại rủi mắc bệnh suy nhược, nằm một chỗ và ăn toàn trái cây.

Ngày nọ, có một đạo sĩ từ xa tới xin ra mắt và chữa bệnh cho phu nhân nhà họ Lê. Trước bàn thờ, đạo sĩ đọc mấy câu rồi liệng chiếc búa ngọc xuống đất. Lê phu nhân vùng ngã ra bất tỉnh rồi thấy mình được đưa lên Thiên đình. Tại đây, Lê phu nhân được dự vào một bữa đại yến, và thấy công chúa Quỳnh Hoa lỡ tay làm rớt chén ngọc, bị Ngọc Hoàng bắt tội đày xuống dương trần.

Đến lúc Lê phu nhân tỉnh lại, mới chợt hay vừa hạ sanh được một gái. Phu nhân rất lấy làm sung sướng đặt tên con là Giáng Tiên.

Lớn lên Giáng Tiên tập làm văn thơ, đánh đàn, thổi sáo, soạn nhiều bài hát rất hay. Năm mười tám tuổi, Giáng Tiên kết duyên với Đào Lang, con nuôi của vị quan trí sĩ cùng làng.

Ba năm sau, vào ngày mừng ba tháng ba, Giáng Tiên đột ngột lìa bỏ cõi trần, trở về thượng giới. Song Ngọc Hoàng thấy nàng chưa hết hạn bị đày, liền bắt nàng trở xuống thế gian. Lần này, nàng xuất hiện dưới lốt một vị nữ nhân, có hai thể nữ là Quế Nương và Thị Nương theo hầu.

Vị thần này ngự tại Phố Cát (Thanh Hóa) được mọi người xưng tôn là bà Chúa Liễu tức công chúa Liễu Hạnh. Công chúa thường hiện ra ban phước cho dân làng, cả một vùng truy phong nàng làm Thượng đẳng phúc thần.

Vào cuối đời Lê, có một vị lão quan, ngày nọ nằm mộng thấy công chúa Liễu Hạnh đi giữa hai ngàn thể nữ mang đến cho ông một chiếu sắc của Ngọc Hoàng. Rồi ông thấy công chúa Liễu Hạnh bước lên xe mây có cờ xí rợp trời.

Khi ông tỉnh lại, ông nghĩ rằng công chúa Liễu Hạnh đã đến lúc hết hạn ở cõi trần.

Sau lúc công chúa Liễu Hạnh về trời, dân gian hãy còn sùng bái, lập đền thờ trọng thể ở Phủ Giầy (Nam Định) và ở Đền Sòng (Thanh Hóa). Tại Hà Nội, có đền Sùng Sơn, đường hàng Bột thờ công chúa tục gọi là bà Chúa Liễu.

# TRUYỆN THẮNG TRỜI ĐÁNH

Thuở xưa, tại làng Bối Xuyên, huyện Thiên Bản, tỉnh Nam Định có một người đàn bà góa, một hôm đang ngủ chợt thấy một vị thần tên là Cựồng Bạo đại vương hiện đến giao cầu với mình. Thời gian sau đó, người đàn bà có mang rồi đẻ ra một đứa con trai giống hệt Cựồng Bạo đại vương.

Đứa bé lớn lên, ngang tàng, ngỗ nghịch, dữ dằn, không ai trị nổi nên mọi người gọi nó là thằng Cựồng Bạo. Được mười tuổi thì mẹ Cựồng Bạo qua đời, nó trở nên cô cút, lại bị người đời ghét vợ, nên Cựồng Bạo chỉ có cái khổ che thân, ngày ngày bắt tôm cá mà sống. Nó biết cha nó là thần Cựồng Bạo đại vương, nhưng chẳng thương yêu giúp đỡ gì nó, nên nó tỏ vẻ ngỗ nghịch bất kính.

Cựồng Bạo chỉ làm bạn với ông Táo ở trong bếp, mỗi lần bắt được tôm cá nó nướng chín rồi mời ông Táo đánh chén. Say rượu, hoặc no bụng rồi nó thường phá xóm phá làng nên ai cũng ghét, chửi rửa nó là “Thằng Trời Đánh.”

Thần Cựồng Bạo đại vương thấy thiên hạ chửi rửa con mình, lại đối với mình nó cũng chẳng coi ra gì, nên vô cùng tức giận mới tâu xin với Ngọc Hoàng hãy giết Cựồng Bạo đi.

Thấy đứa bé ngang tàng ngỗ nghịch, ai cũng tán thán nên Ngọc Hoàng tính giết, liền sai Thiên Lôi xuống đánh chết Cựồng Bạo.

Ông Táo vốn là bạn thân của Cựồng Bạo, biết được tin này, liền báo cho Cựồng Bạo hay và bày mưu cho nó để hạ Thiên Lôi. Ông Táo bày cho Cựồng Bạo lấy rau mồng tơi trộn với dầu vừng bôi lên khắp mái nhà, và trây<sup>[1]</sup> vào lá chuối gác lên mái nhà một lớp nữa. Dưới đất thì thả sẵn một con gà cồ để chờ Thiên Lôi xuống.

Mọi việc chuẩn bị vừa xong thì trời kéo mây đen, chớp sáng lòa. Được một lát thì trời đổ mưa. Lúc bấy giờ, Thiên Lôi cầm búa sét từ trên trời phóng xuống mái nhà định nhắm vào đầu Cựồng Bạo mà đánh. Chẳng ngờ Thiên Lôi phóng quá mạnh, lại không đề phòng nên trượt chân ngã quay xuống đất, búa tầm sét văng tuốt ra xa bị Cựồng Bạo đoạt mất. Đã vậy, vừa ngã quay xuống đất, Thiên Lôi bị ngay con gà cồ xáp lại đá rên rẹt. Chỉ có hai tay không, Thiên Lôi bị gà cồ đá trầy mặt, bề mảy, chạy trời chết về trời.

Thắng được Thiên Lôi một trận, Cựồng Bạo rất lấy làm khoái chí, từ đó không còn biết kiêng nể ai nữa. Riêng về Thiên Lôi, bị đánh một trận tơi bời chạy tuốt về trời, ban đầu định giấu giếm sự thất bại nhục nhã, nhưng rồi thấy dấu không êm, nên phải vào tâu trình với Ngọc Hoàng để cầu xin xá tội.

Ngọc Hoàng nghe tâu nổi giận đùng đùng, mắng nhiếc Thiên Lôi thậm tệ, rồi giao hẹn cho Thiên Lôi nếu không giết được Cựồng Bạo sẽ cách chức Thần Sét và đày xuống trần. Đoạn Ngọc Hoàng phán hỏi văn võ bá quan có mưu chước gì hay để trừ Cựồng Bạo.

Bắc Đẩu liền hiến kế nên ra lệnh cho Long vương dâng nước lên làm lụt khắp cả vùng của Cựồng Bạo, nếu nó không bị chết chìm thì cũng đói lạnh mà chết, khỏi phải ra binh khiển tướng gì cả.

Ngọc Hoàng lấy làm đẹp dạ, chuẩn y mưu kế của Bắc Đẩu, rồi ra lệnh cho Long vương đem nước làm ngập lụt cả làng Bối Xuyên.

Ông Táo biết được tin này, hối hả báo cho Cường Bạo biết và dặn bảo phải làm như vậy, như vậy ...

Cường Bạo liền chặt chuối cây, kết thành một chiếc bè, dựng lên một túp lều lợp bằng lá chuối quét nhót là mỏng tơi, rồi trên bè để một con gà trống, một cái trống, một cái chiêng để đối phó với mọi cơn bất trắc.

Đúng như lời ông Táo mách, ngày sau mưa to gió lớn, nước dâng lên cuồn cuộn làm ngập lụt cả một vùng. Vì có chuẩn bị, Cường Bạo thót lên chiếc bè chuối trốn tránh rất yên. Nước dâng cao đến chừng nào, bè chuối nổi lên cao chừng nấy. Lúc bấy giờ, Cường Bạo tay đánh trống khua chiêng, tay múa búa Thiên Lôi đã cướp được, miệng hò hét inh ỏi đòi kéo lên phá cửa nhà trời.

Khi ấy, Ngọc Hoàng đang ngự yên với triều thần, xảy nghe chiêng trống khua âm ỉ, lại có tiếng la hét đòi phá cửa trời, thì kinh ngạc sai quân ra coi thử thực hư.

Được một lát quân trở vào báo rằng: Cường Bạo đang thẳng thề, Long vương không làm gì xuể, Cường Bạo lại nhờ có nước dâng cao nên định kéo lên đánh phá cửa trời, khí thế rất dũng mãnh.

Bắc Đẩu đang dự yến, nghe tâu bày như vậy thì thất kinh, biết rằng kẻ mình đã bị hồng, nếu không kịp thời thay đổi, Cường Bạo kéo lên làm loạn Thiên cung như Tề Thiên đại thánh ngày nào thì nguy to, bèn tâu xin với Ngọc Hoàng thượng đế nên ra lệnh cho Long vương rút hết nước về biển Đông để Cường Bạo không lên trời được.

Trời cũng đồng ý: -Thằng Cường Bạo thật là đứa ngỗ nghịch cãi cha, mắng mẹ lại toan làm loạn Thiên môn, phen này ta chịu thua nó, đợi sau này sẽ trị tội nó.

Thắng được trận này, Cường Bạo càng tự kiêu, tự đắc coi trời đất chẳng ra gì, càng làm nhiều điều ngỗ nghịch. Nó cũng tưởng nó tài giỏi rồi, nên có ý khinh rẻ ông Táo, không nể đi lại giao du với ông Táo nữa. Cũng vừa lúc đó, nhà trời dò biết ông Táo thông đồng với Cường Bạo, nên ra lệnh giam lỏng ở xó bếp không được đi đâu nữa cả, trừ có ngày hăm ba tháng chạp được phép về trời dâng sớ mà thôi.

Về phần Cường Bạo, trời đất, thánh thần nó còn không biết sợ, thì nó còn biết kiêng nể ai, nhất là người cùng làng với nó. Bởi vậy, nó khuấy phá đầu này, bắt nạt đầu kia, xưng hùng xưng bá, khiến mọi người đều tức giận trừ ẻo, chửi rủa nó, kêu nó là “thằng trời đánh.”

Lời trừ ẻo, nguyên rủa đó được ứng nghiệm. Vào một hôm, Cường Bạo say rượu lão đảo đi qua một cánh đồng. Thiên Lôi từ ngày bị Ngọc Hoàng quở phạt lấy làm căm tức, nên rên ngay một lưỡi tầm sét núp trên cây, đợi Cường Bạo đi qua liền giáng cho một lưỡi tầm sét trúng ngay đầu, Cường Bạo ngã lăn ra chết tốt.

Hay tin này, dân chúng cả mừng kéo tới xem và cả thấy đều biết Cường Bạo bị trời đánh chết về tội ngỗ nghịch.

Từ đó về sau, mỗi khi thấy đứa con nào quậy phá ngỗ nghịch, người ta thường gọi đó là “thằng trời đánh.”

-----

1. Trây: bôi.

# VÌ CƯỜI MÀ CHẾT

Ngày xưa có đôi vợ chồng già, nhà rất giàu có, trong nhà có nhiều tài sản, súc vật và ruộng nương, và ở trong một ngôi nhà rộng lớn quanh năm không sợ nắng mưa đói rét.

Một hôm hai vợ chồng dắt nhau đi dạo quanh vùng, bỗng gặp một trận mưa lớn là ướt hết cả áo quần. Hai vợ chồng thấy không có ai, liền cởi hết áo quần lấy nón che rồi dắt nhau về nhà. Về đến nhà, người chồng già thấy vợ lỏa lồ cả người cho là ngộ, đưa hai tay quay vòng quanh vợ bắt chước theo điệu gà trống ve vãn gà mái rồi cười âm lên.

Giữa lúc hai vợ chồng đang đùa cợt, có một người khách qua đường, đứng đụt mưa ngoài hiên chợt nghe tiếng cười bên trong thì tò mò ghé mắt dòm vào. Chừng thấy vậy thì phá lên cười, cười nghiêng, cười ngửa, cười té lăn chềnh.

Chủ nhà chợt nghe tiếng cười ở bên ngoài thì giật mình, biết có kẻ biết chuyện kín của mình, bèn tức tốc mặc quần áo chạy ra, thì thấy khách qua đường nằm chết nhẵn răng ở mái hiên. Sờ vào mình thấy còn ấm, chủ nhà nhớ lại tiếng cười lúc nãy, mới đoán chừng khách vì cười mà chết.

Không còn biết cách nào hơn, chủ nhà liền đi báo với lý trưởng. Lý trưởng không dám tự chuyên xét xử vì lời khai mờ ớ của chủ nhà, nhất là lý do của cái chết đột ngột kia, mới làm tờ trình lên quan huyện.

Quan huyện cứ theo phép nước hể sát nhân thì giả tử, nên kết án tử hình cả hai. Vợ chồng ông nhà giàu, không dám giấu giếm sự thật nữa. Có lẽ người kia vì cười mà chết. Quan huyện mới hỏi tại sao người kia lại cười. Người chồng nói tại mình đùa với vợ. Quan huyện hỏi đùa làm sao phải làm lại thử coi có cười được không.

Người chồng xin với quan huyện đuổi hết sai nha ra ngoài, rồi cùng vợ diễn lại cái trò “gà trống ve vãn gà mái.” cho quan Huyện xem. Quan huyện thấy lối lẳng quá cũng phải ôm bụng mà cười, cười đến quặn đau cả ruột. Bấy giờ quan huyện mới nghiệm thấy, vợ chồng nhà giàu có lý: con người ta có khi vì cười quá đứt ruột mà chết, nên tha cho cả hai vợ chồng và dặn từ nay đừng có rần rắt diễn lại cái trò cười chết người nữa.

# SỰ TÍCH CHÙA THỦ HUỒN

Thuở trước, tại tỉnh Gia Định, có một người làm thợ lại tại dinh Tổng Trấn Gia Định tên là Thủ Huồn. Không phải là người hiền nhân tài đức, hàng ngày Thủ Huồn cậy thế hiếp người, chỉ mong vợ vét cho đầy túi tham.

Phàm những người có chuyện đến cậy nhờ, Thủ Huồn bắt phải đưa lễ vật trước mới làm. Trên bốn mươi tuổi rồi, Thủ Huồn vẫn chưa có con cái chi để nối dòng. Đã vậy, vợ Thủ Huồn tự nhiên đâm ra ốm nặng rồi chết.

Từ đó, Thủ Huồn buồn về gia cảnh, nên không thiết đến việc làm thợ lại nữa. Ông ta xin thôi, rồi lên đường đi ngao du đó đây.

Ngày nọ, Thủ Huồn đến tỉnh Quảng Yên, vừa gặp phiên họp chợ Mạnh Ma, có đủ người dương gian, âm phủ đến mua bán. Tình cờ, trong lúc dạo chợ, Thủ Huồn gặp vợ đang ngồi bán tại đây. Hỏi ra mới biết vợ từ âm phủ trở về. Thủ Huồn liền hỏi vợ ở âm phủ làm gì. Vợ thật tình cho biết ở âm phủ làm vú nuôi con của Diêm vương. Thủ Huồn ngỏ ý muốn theo vợ xuống âm phủ xem qua cho biết. Vợ Thủ Huồn từ chối đòi ba lần không được, bắt đắc dĩ phải đưa Thủ Huồn xuống cõi Âm Ty.

Xuống tới Âm phủ, Thủ Huồn tỏ ý muốn xem các cửa ngục, người vợ xin phép với Diêm vương. Diêm chúa liền cho quỷ tốt đưa đi. Thủ Huồn đi tới trước cửa ngục thấy một cái gông to lớn không biết dùng để làm tội ai mà không thấy người mang. Thủ Huồn mới hỏi. Chủ ngục đáp rằng: -Gông này làm sẵn để gông Thủ Huồn.

Nghe nói đến mình, Thủ Huồn vô cùng khiếp sợ, gượng gạo hỏi tiếp: -Vậy chớ Thủ Huồn là người ở đâu? Trên dương gian làm những tội gì mà bị hình phạt này.

Chủ ngục tra sổ rồi đáp: -Thủ Huồn là người ở tỉnh Gia Định, làm thợ lại tại dinh Tổng Trấn, cậy thế hiếp cô, vì tiền bạc mà dân lành vô tội sống làm ra chết, phải làm ra quấy, cho vay một vốn mười lời, làm nhiều điều bất nhân, bất nghĩa, tiếng người ta thán rất nhiều, đã có lắm người đầu cáo, tội trạng được ghi rành rành tại đây.

Thủ Huồn toát mồ hôi trán, nghĩ rằng những việc làm ám muội của mình bấy lâu tưởng chẳng ai biết, bây giờ Âm ty ghi chép rõ ràng không sai một mảy. Vậy thì khi chết xuống sẽ vô cùng thâm thảm. Vừa ăn năn Thủ Huồn vừa hỏi: -Thủ Huồn làm tội, vợ Thủ Huồn có liên can không?

Chủ ngục nói: -Chồng làm chồng chịu, còn vợ vô tội, xưa nay pháp luật phân minh như vậy, còn hỏi làm gì.

Thủ Huồn lại hỏi chủ ngục: -Người bị tội như vậy, muốn hết tội phải làm sao?

Chủ ngục đáp: -Muốn tiêu tội ác, phải biết cải tà quy chánh, thi ơn, bố đức, làm điều phước thiện, giúp kẻ nghèo khó, đừng sát sanh hại vật, điều cần yếu là lòng mình phải rèn luyện cho hiền lành, tu tâm dưỡng tánh, nhờ đó họa chẳng mới khỏi tội.

Thủ Huồn liền từ giã chủ ngục rồi mau mau đi tìm vợ báo đưa mình trở về dương thế.

Từ chợ Mạnh Ma, Thủ Huồn lập tức trở về Gia Định, rước thầy làm chay cứu vong, và đem hết chín phần mười của vợ vét bấy lâu, ra bố thí, cứu giúp kẻ nghèo, làm cầu bắc cống, không một việc phước thiện nào Thủ Huồn không làm. Những người xung quanh, thấy kẻ ác như Thủ Huồn bỗng dưng làm lành lánh dữ thì cả mừng.

Mấy năm sau, Thủ Huồn trở lại chợ Mạnh Ma tìm người vợ dưới Âm ty lần nữa, Thủ Huồn đến trước cửa ngục xem cái gông ra sao, thì thấy cái gông nhỏ hết chín phần còn một.

Thủ Huồn lấy làm mừng rỡ, thấy việc làm lành của mình có hiệu quả, mới hỏi chủ ngục rằng:  
-Tại sao cái gông trước kia lớn, bây giờ lại nhỏ như vậy?

Chủ ngục đáp: -Vì lúc sau này ở dương gian, Thủ Huồn làm nhiều điều phúc đức nên phải giảm, gông nhỏ đi.

Thủ Huồn trở về dương thế, lại làm chay làm phước, dựng một cái bè ở giữa sông để bố thí tiền gạo. Lại xây cất một ngôi chùa tại Biên Hòa, quy y Phật pháp.

Chùa Thủ Huồn hiện nay hãy còn ở Biên Hòa.

# ÔNG TỔ LÀM DA Ở VIỆT NAM

Vào thời nhà Mạc (năm 1582) ở làng Trúc Lâm tổng Phan Xá, tỉnh Hải Dương có ông Nguyễn Thới Trung, thuộc phái quan văn, được vua Mạc Đăng Dung cử theo phái đoàn đem lễ vật sang cống hiến ở Yên Kinh.

Lúc qua Hàng Châu, một thắng cảnh của nước Tàu, ông Nguyễn Thới Trung thấy dân chúng địa phương lấy da thú vật đem đi thuộc rồi làm giày dép mà mang. Ông rất lấy làm hoan hỉ xin với người Tàu học nghề đó, người Tàu muốn giữ bí mật nhà nghề nên nhất định không dạy.

Ông không nản chí, đợi khi công việc hiến lễ vật xong, bèn về ông cải dạng làm người Tàu, trà trộn sống chung với họ. Ông ở Hàng Châu được một năm thì thông thạo nghề thuộc da. Bấy giờ ông vội vã về nước, đem nghề thuộc da dạy người làng Trúc Lâm.

Ban đầu không ai tin ông thành công, dần dần ông cố công thuộc thành những tấm da tốt, rắn chắc không có mùi hôi. Rồi ông dạy người làng cách thức đóng giày, chẳng bao lâu nghề thuộc da đóng giày trở nên thịnh hành, dân chúng ở các làng kề cận được phái đến học nghề rất đông. Vài năm sau, cả nước đều biết tiếng. Riêng làng Trúc Lâm nhờ nghề thuộc da mà trở nên giàu có, ông Nguyễn Thới Trung được mọi người tôn là ông Tổ nghề thuộc da ở Việt Nam. Sau khi ông chết, dân chúng lập đền thờ ở làng Trúc Lâm, hàng năm có làm lễ tế rất trọng thể.

# TRUYỆN KHO VÀNG Ở TỈNH SƠN TÂY

Vào cuối đời nhà Lê ở tỉnh Sơn Tây có hai anh em nhà kia rất nghèo. Cả hai anh em chỉ chuyên nghề hái rau, đốn củi đổi gạo sống qua ngày.

Tuy nghèo, hai anh em vẫn nhân từ phúc hậu thường hay bố thí chén cơm, chén gạo cho kẻ già yếu tật nguyền. Trong nhà có nuôi con chó cái, lúc nó đẻ ra một con chó trắng chỉ có ba chân. Làng xóm cho là quái vật hiện lên khuấy phá bảo giết đi, anh em chẳng những không giết mà còn nuôi dưỡng con chó đến ngày khôn lớn.

Một hôm hai anh em đang ngồi ăn cơm, chợt thấy một lão ăn mày chống gậy vào cửa xin cơm. Cả hai đều nhường cơm cho lão ăn mày ăn no. Ăn xong ông lão ăn mày nói: -Tiếng đồn quả thật không sai, hai anh em một nhà đều là người nhân đức, đáng được thưởng. Ta nay không phải là kẻ ăn mày nghèo khó mà là thần giữ kho vàng Sơn Tây, lúc này muốn thử lòng các người, nay ta đã biết rồi. Ta muốn ban cho các người kho vàng.

Ông lão ăn mày tức thần giữ cửa kho vàng tiếp rằng: -Ngày xưa có một vị quan Tàu tên là Mã Kỳ, có chôn giấu tại một khu vườn thuộc huyện Lập Thạch, tỉnh Sơn Tây một kho vàng và phong ta làm thần giữ cửa, đúng hẹn một trăm năm thì cho người trở lại lấy. Ta trông đợi mãi, hơn một trăm năm rồi chẳng hề thấy người của Mã Kỳ trở lại, nhân thấy các người nghèo khó mà có lòng nhân đức nên ta định đem kho tàng tặng cho các người. Nhưng các người phải đợi đủ một trăm ngày, và phải có con chó trắng (tức chó cò) ba chân đem trước cửa kho tàng, tức là tòa miếu cổ ở khu vườn, bắt nó sủa ba tiếng, tự nhiên cửa kho tàng bên một cái bệ đá sẽ mở ra. Thôi, các người hãy cố nhớ lời, ta xin kiếu.

Nói rồi, thần giữ cửa biến đi. Hai anh em đợi đúng một trăm ngày, dắt con chó cò đến miếu hoang, tới bên cái bệ đá, bắt con chó sủa lên ba tiếng, tức thì một cánh cửa đặt ngầm trong cái bệ đá mở toang, nhìn vào trong thì thấy một dãy chum vại nằm kề bên nhau. Hai anh em bước vào mở nắp chum vại ra xem thấy toàn vàng và bạc. Dem về đếm được một nghìn cân vàng và ba vạn cân bạc.

Từ đó, hai anh em trở nên giàu có lớn. Gặp lúc Mạc Đăng Dung chiếm đoạt ngôi nhà Lê, hai anh em nhờ người cận thần tiến dâng đem biếu Mạc Đăng Dung một trăm cân vàng, một trăm cân bạc. Vua Mạc cho thân nhận rồi phong cho hai anh em tước Quận Công.

Cách ba năm sau, có năm sáu người Tàu dắt một con chó trắng đến ngay tòa miếu chôn của mở cửa kho tàng, họ chỉ thấy kho vàng trống trơn. Họ kêu khóc thảm thiết. Hai anh em Quận Công sai người đến hỏi thì họ đáp rằng: -Chúng tôi là con cháu Mã Kỳ ở bên Trung Quốc, trăm năm trước tổ phụ của chúng tôi có để tại Sơn Tây một kho tàng châu báu, hiện còn gia phả để lại đằng hoàng, nhưng chúng tôi đến đây rồi, thì kho tàng không biết ai đã lấy mất rồi, vì vậy chúng tôi buồn khổ mà khóc.

Hai anh em Quận Công nói rằng: -Nhờ thần nhân chỉ bảo, nên anh em chúng tôi lấy được kho vàng.

Mấy người Tàu liền hỏi: -Làm sao các người lấy được kho vàng, vì muốn mở cửa kho vàng phải có con chó trắng ba chân mới mở cửa được.

Anh em Quận Công bảo rằng: -Nhà chúng tôi có sẵn.

Rồi anh em thuật cho họ nghe, chuyện con chó cái nhà mình đẻ ra con chó trắng mà mọi người cho là quái vật cho họ nghe.

Họ nói: -Thế là trời đã dành cho các ngài đó, chó giống chó trắng có ba chân thì chỉ có quận Sầm Châu tỉnh Quảng Đông bên Tàu mới có mà thôi. Bây giờ của các ngài lấy rồi, chúng tôi còn giữ con chó này làm gì nữa, xin tặng luôn cho các ngài đó.

Hai anh em Quận Công thương tình, cho họ ba chục cân vàng và một trăm cân bạc để họ làm lộ phí trở về Tàu.

# NGƯỜI HÓA THÀNH CHIM

Thuở xưa, Lạng Sơn là miền rừng thiêng nước độc, làm chỗ đi đày những người trọng tội. Các người lính thú được đổi đến Lạng Sơn, đóng ở Đồng Đăng hay Kỳ Lừa cũng đều chịu lấy cảnh khổ như người đi đày: giặc Tàu thường tràn sang quấy nhiễu giết hại nhiều người, lại thêm nỗi xa gia đình, người thân thích, không bị giết thì cũng bị rừng thiêng nước độc hay cái buồn làm héo hắt lòng người.

Thuở đó có người lính thú họ Trần, từ miền xuôi đổi đến một đồn canh ở Lạng Sơn. Đồn thú ở đó bốn năm ròng rã, người lính thú vẫn chưa được phép về thăm nhà lần nào.

Một đêm nọ, đến phiên anh gác từ canh hai đến canh tư trước cửa tiền. Tính anh vừa trầm ngâm suy nghĩ như một triết gia. Lâu nay anh tự hỏi: -Tại sao con cóc, con gà trống, con cóc, cây cao, cây mọc trời sanh ra như thế kia?

-Tại sao con chó có răng mà không ăn được lúa? Tại sao con gà không có răng lại ăn được lúa? Tại sao con ba ba ở dưới nước lại lên đất mà đẻ trứng? Tại sao cây mọc cùng giống với cây cao, cây mọc có hoa ở giữa thân cây, còn cây cau thì lại có hoa ở đầu ngọn?

Bao nhiêu câu hỏi ấy cứ dồn dập hiện ra trong trí, anh họ Trần vẫn không tìm được câu giải đáp nào. Trong lúc đó ở trong dinh, viên quan hộ thành lại trần trọc mãi không ngủ được. Ông lắng nghe bên ngoài, tiếng trống canh, ở ba mặt thành thì đều đều. Chỉ có mặt tiền thì im lìm không nghe tiếng trống. Máy ngày rày có tin mật báo một bọn cướp đang từ bên Tàu kéo sang, chúng nó có thể thừa đêm tối đột nhập vào thành để cướp của. Nếu bốn mặt thành không canh tuần nghiêm ngặt, thì tai họa cho dân chúng chẳng vừa.

Nghĩ như vậy, viên quan rất lấy làm lo ngại, mới gọi một tên lính hầu theo mình đi quan sát bốn cửa thành. Ba cửa tả hữu, hậu đều được canh tuần rất nghiêm, chừng đến cửa tiền thì đầu đó lại im phăng phắc. Sanh nghĩ, viên quan bước lại gần, thấy anh lính họ Trần đang ngồi mơ mộng, cây súng gác để sau lưng không buồn ngó tới. Viên quan hộ thành đi tới gần, anh họ Trần cũng chẳng hay biết chi. Thừa lúc anh chìm đắm trong sự suy tư, viên quan lấy ngay cây súng đem về dinh rồi sai viên đội đến hỏi. Bấy giờ anh họ Trần mới giật mình tìm cây súng thì cây súng đã biến mất rồi.

Hiểu rằng, canh gác mà làm mất súng thì phải án tử hình, anh họ Trần liền theo viên đội vào hầu quan để xin tha tội.

Viên quan lạnh lùng bảo: -Canh gác mà ơ hờ như vậy, rủi quân cướp đến đây thì sao? Biết bao tính mạng ở trong tay nhà ngươi, vậy mà ngươiỡ xem thường thiết tưởng có chết cũng đáng đời.

Anh họ Trần kêu van: -Con đáng tội chết thật, song quan cho con phân tỏ đôi lời, rồi có chết con cũng cam đành.

Viên quan bảo: -Thì ngươi cứ phân giải đi.

Anh họ Trần nói: -Con có nhiều điều không thể cất nghĩa được. Tỷ dụ tại sao con chó có răng mà không ăn được lúa? Tại sao con gà không có răng lại ăn được lúa? Tại sao con ba ba ở dưới nước lại lên đất mà đẻ trứng? Còn con cóc ở trên đất lại xuống nước mà đẻ trứng? Tại sao cây mọc cùng giống với cây cau, cây mọc có hoa ở giữa thân cây, còn cây cau lại trổ hoa ở đầu ngọn. Bao nhiêu chuyện trái ngược này xin quan làm ơn cất nghĩa dùm, nếu quan cất nghĩa được, con dầu có chết, lòng cũng không còn ảm ức.

Viên quan suy nghĩ nát óc cũng không làm sao cắt nghĩa được những hiện tượng mà Tào hóa đã an bài. Nhưng không lẽ nói thật với anh họ Trần chẳng hóa ra mình cũng dốt như anh ta? Nên đành bảo giam anh ta lại để chờ mình suy nghĩ.

Ngày tháng trôi qua, một hôm viên quan có lệnh đổi về Hà Nội. Thời kỳ này, các nhà truyền giáo Tây phương lần lượt đến Hà Nội khá đông, gặp một linh mục, viên quan bèn đem những hiện tượng trái ngược nhau ra hỏi. Vị linh mục vốn là một nhà vạn vật học nên trả lời rất rành mạch, như vậy: -Chó thuộc loài ăn thịt, nên Tào hóa sanh ra có hàm răng cứng và bện để nhai xé mồi. Gà chỉ có mỏ mà không có răng, song có nhiều dung dịch (nước miếng) để thấm cho mềm những hột cứng như hột lúa, rồi mề gà như một cối xay làm nhuyễn các vật cứng thành ra chất bột. Con ba ba mặc dầu sống dưới nước, song thở bằng hai lá phổi có bọc không khí, cho nên thỉnh thoảng ba ba phải trồi lên mặt nước để hít thở khí trời. Khi hai lá phổi đầy không khí rồi, nó có thể lặn xuống nước như thường. Ba ba con cũng có bộ phận hô hấp như thế, nên con cái phải lên để trên đất, để khi nở ra hít thở khí trời cho chóng lớn rồi mới xuống nước.

Con cóc là giống vật thở bằng phổi như con rùa, song con là loài nòng nọc thì thở bằng mang nên nòng nọc chỉ có thể sống dưới nước, nhưng đến lúc trưởng thành thì rụng đuôi và biến dạng, phổi thành hình, nòng nọc hóa thành cóc mà nhảy lên bờ. Vì thế mà ta thấy cóc đẻ dưới nước, ba ba lại đẻ trên mặt đất để bảo tồn nòi giống.

Riêng cây móc và cây cau tuy cùng một giống nhưng Tào hóa muốn cho hai thứ cây này sanh hoa kết quả khác nhau. Cây móc trổ hoa ở giữa thân cây, thì chỉ nở hoa một lần thôi rồi tàn rụng cũng như cây chuối chỉ có hoa kết quả một lần. Còn cây cau trổ hoa ở đầu ngọn, mỗi năm có thể nở đến hai buồng cau, và kế tiếp trổ hoa kết trái nhiều lần.

Như khám phá được những điều bí mật nhất của Tào hóa, viên quan rất lấy làm hài lòng sung sướng, tức tốc trở về Lạng Sơn để gặp anh họ Trần đặt cắt nghĩa cho anh ta nghe.

Nhưng khi viên quan về tới nơi, thì anh họ Trần bị bệnh mà chết trước đó mấy hôm, xác anh ta được chôn cạnh bờ sông.

Anh chết nhằm giờ linh nên hóa thành chim đêm ngày cất tiếng kêu thảm thiết những lời này:

Ba ba, con cóc, buồng móc, buồng cau.

Viên quan cho rằng anh họ Trần chết oan và hồn còn vấn vương những điều thắc mắc nên hóa làm giống chim linh, bèn dựng lên một tòa miếu để thờ trên bờ sông Kỳ Cùng, đến nay vẫn còn.

# CHUYỆN NI CÔ TUỆ KHÔNG

Ngày xưa tại chùa Phước Thọ, có một ni cô trẻ đẹp, pháp danh là Tuệ Không. Đã đẹp về sắc, ni cô Tuệ Không lại là bậc văn hay chữ tốt ít có kẻ nam nhi nào sánh bằng.

Bởi vậy chùa Phước Thọ, không lúc nào vắng bóng người đến chiêm ngưỡng tài của ni cô.

Người bá tánh tranh nhau đến xin tranh, xin chữ viết, nhưng ni cô Tuệ Không chẳng tặng cho ai cả, chỉ làm ra để họ xem tại chùa rồi thôi.

Đã vậy, nhiều người vì ngưỡng mộ tài đức của ni cô nên tặng vàng bạc rất nhiều, trước sau ni cô đều từ chối, không nhận của bá gia.

Ngày kia ni cô Tuệ Không rời khỏi chùa Phước Thọ đi ra ngoài ngoạn cảnh. Giữa đường ni cô gặp một lão ăn mày kêu van xin ăn. Ni cô muốn giúp đỡ lão ăn mày, ngặt vì không tiền, cũng không có cơm gạo mang theo. Rốt cuộc ni cô đành hẹn với lão ăn mày ngày mai đến chùa sẽ được giúp đỡ.

Ngày sau, lão ăn mày y hẹn đến chùa Phước Thọ tìm Tuệ Không. Ni cô trao cho lão ăn mày những chữ viết rất đẹp của mình và bảo: -Cụ cứ cầm tờ giấy cho chữ viết này đến các nhà giàu mà bán tức được nhiều tiền, khi nào hết cụ lại đến đây.

Lão ăn mày nghe theo lời Tuệ Không đem mảnh giấy có chữ viết đi bán, nhiều người tranh nhau mua, nên bán được giá cao. Lão ăn mày lại đến xin ni cô chữ viết nữa, ni cô sốt sắng đem cho. Nhiều lần như vậy, lão ăn mày trở nên giàu có, thừa ăn thừa mặc hưởng cảnh ấm no. Bây giờ lão mới nghĩ đến sự đáp ơn cho ni cô. Lão dựng lên một cái thảo lư ở ngoài cửa tam quan chùa Phước Thọ, xin làm thủ hộ, ngày ngày lo việc quét dọn trong chùa.

Trong làng, có kẻ thô hào manh tâm muốn chọc ghẹo ni cô, đã nhiều lần rồi ni cô cự tuyệt nên hằn đăm ra thù oán, bèn ngầm mượn một bọn côn đồ chờ cơ hội làm nhục ni cô.

Một hôm Tuệ Không rời khỏi chùa đi vào núi để tìm rễ cây làm thuốc. Thừa dịp này bọn côn đồ nom theo. Đợi đến quăng vắng, chúng liền ủa ra bao vây, đùa cợt rất là thô bỉ. Một mình ở giữa chỗ vắng vẻ, ni cô tự biết mình khó thoát khỏi tay bọn chúng, nên đem lời phải trái khuyên lơn chúng không nên làm điều sai quấy. Nhưng bọn chúng toàn là kẻ vô lương còn biết gì phải trái. Đã không nghe lời khuyên lơn, chúng lại còn đăm ra khinh lờn, đưa nắm tay, đưa giữ lấy chân, đưa toan giở trò cưỡng hiếp. Ni cô chống cự gần đuối sức, tưởng đã phải ô nhục, rất may vào lúc đó, lão ăn mày chạy đến dùng gậy hỗn chiến với bọn côn đồ. Nhờ liều chết và lòng quả cảm nên lão ăn mày đánh đuổi bọn côn đồ, đưa ni cô trở về chùa bình yên vô sự.

Từ đó, lão ăn mày luôn lo công quả cho chùa và hết lòng bảo vệ ni cô, thành ra tên thô hào và bọn côn đồ không dám dở trò gì nữa.

Tục truyền rằng ni cô Tuệ Không là Quan Thế Âm tái thế, còn lão ăn mày là một vị hộ pháp hóa kiếp.

# MÀI DAO DẠY VỢ

Ngày xưa có một anh nhà quê rất hiền lành nhân hậu, nhưng lại gặp phải người vợ rất là chanh chua độc ác.

Trong nhà còn một bà mẹ già, bà cụ lại là người khắc nghiệt, thành ra giữa mẹ chồng và nàng dâu thương hay có chuyện lục đục, gấu ó nhau. Gia đình mất hòa khí mà hàng xóm cũng chê cười. Người chồng chịu lắm sự bức mình, ngao ngán. Một bên thì hiếu, một bên thì tình, nghiêng bên này thì bên kia giận, nghiêng theo bên kia thì bên này trách, thành ra anh ta đành đánh chữ làm thình. Chỉ đợi khi nào vắng vợ thì dùng lời phải chăng nói với mẹ, lúc nào vắng mẹ thì hết sức khuyên răn vợ nên nhẫn nhịn mẹ mình. Chị vợ đã chẳng nghe lại còn to tiếng trả treo với chồng.

Anh ta khổ quá, chỉ biết thở vắn than dài buồn cho số phận chớ biết làm sao. Một hôm anh bóp trán nghĩ ra một kế, rồi ra chợ mua một con dao bầu thật lớn, đem về cứ lấy đá ra mài, mài xong đem liếc, liếc rồi lại mài, ngày này qua ngày khác anh ta chuyên chú vào việc mài dao.

Chị vợ chanh chua thấy vậy lấy làm lạ quá, to nhỏ hỏi anh ta thì anh ta chỉ lắc đầu không đáp. Chị vợ tức lắm, quyết tìm cho ra lẽ, nên làm ầm lên cho hàng xóm biết chuyện anh chồng mài dao. Bấy giờ anh chồng mới chịu nói: -Mày đâu có biết tao mài dao cho bện cốt để cố dịp làm thịt mẹ đó thôi. Mẹ đã già rồi chẳng chết nay cũng chết mai, rốt cuộc rồi cũng phải chết. Chi bằng giết mẹ cho rồi, chớ để mẹ sống ở đời, ngày nào cũng to tiếng với mày, trong nhà xào xáo, mày thì không nhìn, hàng xóm chê cười, nhục nhã để đâu cho hết. Vậy thì làm thịt mẹ cho êm chuyện và mày không còn cãi với ai nữa.

Chị vợ nghe chồng nói vậy thì có vẻ suy nghĩ rồi dậm ra hồi hận, biết lỗi của mình không nhỏ, nên từ hôm đó không dám to tiếng với mẹ chồng nữa. Người chồng mừng thầm, nhưng chưa chắc vợ đã thật hồi tâm. Đợi ít lâu sau, một hôm người chồng lại đem dao ra mài rồi thử đi thử lại năm ba lần. Người vợ nhìn thấy lòng nao nao sợ hãi. Người chồng liền kêu vợ lại gần rồi làm bộ quả quyết nói rằng: -Bữa nay tao làm thịt mẹ đây, mày hãy vào trong nấu nước đi.

Nói rồi xách dao xăm xăm lại chỗ bà mẹ đang nằm làm bộ định giết mẹ.

Chị vợ thấy vậy thất kinh hồn vía, chạy lại ôm lấy chồng kêu khóc năn nỉ: -Thôi trăm lay mình, ngàn lay mình, chuyện gì cũng do tôi cả, chớ không ở mẹ già, tôi đã biết hồi cải rồi, mình đừng giết mẹ. Từ nay tôi xin tu tình nghe theo lời mình, tôi xin hứa không bao giờ cãi vấ với mẹ nữa.

Người chồng bấy giờ mới chịu tin, không tính giết mẹ nữa. Quả nhiên, từ đó về sau trong nhà thuận hòa vui vẻ, mẹ chồng nàng dâu hết lòng kính trọng thương yêu nhau.

# NÚI HÀM RỒNG Ở THANH HÓA

Ở Thanh Hóa, ven bờ sông Mã có một thắng cảnh lừng danh: núi Hàm Rồng.

Đứng về hình thể mà xét thì toàn thể dãy núi này gồm chín mươi chín ngọn, giống như thân con rồng đang bò lượn cong queo. Ở sau chót là ngọn núi cao nhô lên, giống hệt đầu con rồng.

Đầu rồng, có hai cái hang, hang thứ nhất chứa được năm sáu chục người, hang thứ nhì nhỏ hơn chứa được chừng năm sáu người.

Người ta bảo đó là hai con mắt rồng, hang to là mắt Đực, hang nhỏ là mắt Cái (âm và dương). Một ngọn núi khác nổi lên giống như mũi rồng. Miệng rồng như há ra ở sát mặt sông, hàm trên ở nơi cao, hàm dưới là dãy đá ăn ngầm dưới đáy sông.

Đó là con rồng đang uống nước. Nhiều người nhìn hình thể lạ lùng ấy nên so sánh khác nhau.

Người thì bảo đó là bầy rồng đang dành nhau trái châu, kẻ thì cho rằng đó là con rồng đang giốn trái châu.

Hình thể núi Hàm Rồng rất hiểm trở, nước chảy sát vách đá, đáy sông là đá ngầm lờm chờm rất nguy hiểm cho thuyền bè. Đời nhà Minh, người Trung Hoa nhìn nhận rằng nước Việt Nam có thắng cảnh mà núi Hàm Rồng là kỳ quan đứng đầu. Vua nhà Minh ở Trung Hoa đã sai người đến xứ ta để tế lễ tại Hàm Rồng.

Nhiều thi sĩ đến đây thường ngoạn, ngâm thơ vịnh phú.

Thời Pháp thuộc, nơi đây có bắc cây cầu treo cho xe lửa chạy qua, phải làm cầu treo vì nước chảy quá mạnh, khó bề đặt chân cầu dưới đáy sông.

Cầu treo chỉ có một nhịp nối liền núi đá bên này qua núi đá bên bờ sông Mã.

Cụ Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền một chí sĩ giàu lòng yêu nước đã làm mấy câu thơ sau đây, nhân dịp đến Hàm Rồng:

Muôn thuở ly chân nguyên phước đất,  
Mười năm hồng tuyết dậy tên non.  
Sông hồ tâm sự mây thu lãng,  
Trời đất thanh danh miếng đá còn.

(Bản dịch của Tu Trai)

# VOI TẬP TRẬN

Thuở xưa, voi đóng vai trò quan trọng về mặt quân sự. Chúng ta có thể ví một con voi là một chiếc xe thiết giáp, xông tới phá tan hàng ngũ địch quân. Sức voi rất mạnh, vòi voi quấn vào một người to lớn, đập xuống đất quá dễ dàng. Gặp những chướng ngại vật, voi dùng vòi mà nhô lên, sức mạnh bằng đôi ba chục người.

Đời nhà Nguyễn, voi được chăm sóc cẩn thận, con nào đánh giặc giỏi thì được phong tước.

Nuôi voi, tập dượt cho voi quen đường đi nước bước để ứng phó lúc ra trận mạc là điều khó khăn, đòi hỏi nhiều công phu. Muốn bắt voi rừng, người ta dùng hai con voi cái cho vào rừng. Khi gặp voi lạ, hai con nhà bèn đi cặp hai bên để cưỡng bách đưa về chuồng.

Lúc ban đầu voi rừng còn ương ngạnh, hung hăng. Muốn dạy dỗ, người ta buộc chân voi vào gốc cây to, bỏ cho voi nhịn đói. Bấy giờ người nài<sup>[1]</sup> mới đến gần, cho voi uống nước, ăn cỏ. Lẽ dĩ nhiên, voi bắt đầu có cảm tình với người nài, về sau nó ngoan ngoãn tuân lệnh.

Voi ở nơi đặc biệt, gọi là xưởng tượng. Mỗi xưởng gồm vài trăm quân sĩ giữ trật tự bên vòng ngoài. Số quân sĩ này lo cắt cỏ cho voi ăn, cỏ để trong máng. Voi cũng thích ăn rơm hoặc xác mía.

Hàng năm, nhà vua tham dự cuộc tập trận giả. Trong ngày lễ oai nghiêm ấy, voi sắp hàng, mỗi hàng mười con. Lưng voi mang cái bành khá to, trên bành có ba người mang trường thương (loại gươm dài).

Thằng nài ngồi trên vai voi để đốc thúc cho voi tiến thoái. Đối diện với bảy voi là hàng trăm quân sĩ, bọn này đóng vai tướng của quân thù. Sau lưng quân sĩ là những hình nộm bên bằng rơm, đứng thẳng giống hệt hình người.

Theo lệnh chung, khi ngọn cờ phất lên thì trống chiêng nổi vang rền. Bảy voi đứng sẵn như chờ đợi. Quân sĩ xông tới như để giết đàn voi.

Hội chiêng thứ nhì báo hiệu cuộc tấn công của đàn voi. Thằng nài dùng móc sắt đập vào đầu, vào đuôi voi. Voi xốc tới, mấy người cầm trường thương đứng sẵn trên lưng voi, chỉ mũi về phía trước.

Quân sĩ thấy voi tấn công mãnh liệt bèn giả vờ thua chạy. Tức thì bảy voi đuổi theo. Bấy giờ người ta đốt nhiều đống khói mù.

Quân sĩ bèn ẩn lánh sau làn khói. Tuy nhiên vì quá háng hái, bảy voi chẳng tài nào phân biệt được người thật và hình nộm. Chúng quơ vòi, cuốn lấy hình nộm rồi mang về, như mang một chiến lợi phẩm.

Mỗi lần tập trận, nhiều thớt voi bị thương nặng vì thằng nài ra sức đâm vào da thịt cho voi chạy nhanh. Con voi nào mang được hình nộm chạy trở về trước tiên, để hình nộm dưới khán đài thì được khen thưởng.

1. Nài: người trông nom và điều khiển voi hoặc ngựa.

# ĐÀM TÔM Ở THANH HÓA

Đọc lịch sử Việt Nam, chúng ta hẳn nhớ đến giai đoạn nội chiến lâu dài do chúa Trịnh và chúa Nguyễn gây ra, gọi là Nam Bắc phân tranh.

Về nguồn gốc của chúa Trịnh, dã sử còn chép lại như sau: Người gây thế lực đầu tiên cho chúa Trịnh là Trịnh Kiểm. Thuở nhỏ, Trịnh Kiểm là người hầu bàn, thờ mẹ rất có hiếu. Gặp khi đói kém, ông ta dạo hàng xóm, rình xem nhà nào dư lúa gạo trong nhà. Ban đêm, ông ra tay, đánh cắp thóc gạo về nuôi mẹ. Nhờ xoay trở tài tình, lanh tay lanh chân nên chẳng bao giờ ông ta bị bắt tại trận.

Lắm khi, mẹ già đau yếu, thèm thịt gà, ông cũng dám mạo hiểm đi ăn trộm, đem món ngon về cho mẹ ăn.

Người trong xóm lấy làm bất bình vì mấy năm liên tiếp, ai cũng bị trộm cắp không ít thì nhiều. Một người nọ bèn đưa ý kiến: -Ngày nào mẹ hấn còn sống thì hấn còn ăn trộm. Tại sao ta chưa giết mẹ hấn?

Có kẻ tán thành: -Vậy thì giết mẹ hấn là xong chuyện. Nhưng giết bằng cách nào, kéo “họa hổ bắt thành.”bọn ta ở tù hoặc bị chém về tội sát nhân.

-Đã có cách, thí dụ như trói mẹ hấn, quăng xuống đầm tôm ở cuối xóm. Đầm ấy nước sâu, bờ đầy lau sậy ...

Kế hoạch ấy được thi hành nhanh chóng, trong lúc Trịnh Kiểm đi vắng. Hai người trai làng xông vào nhà, bắt mẹ Trịnh Kiểm trói lại, siết cổ đến chết rồi ném xuống đầm tôm (gọi là đầm tôm vì ở đây có tôm rất nhiều).

Dường như do tiền định nên đêm ấy, khi người mẹ già bị ném xuống là lát sau trời đất rung chuyển, sấm sét vang rền. Mưa tuôn xuống như cầm chỉnh mà đổ.

Sáng hôm sau, hai kẻ sát nhân đến đầm tôm để xem thử, e rằng cái xác nọ nổi lên. Nhưng họ ngạc nhiên trước khung cảnh mới. Nước tràn ngập bờ đầm, và ngay giữa đầm một cái cồn đất nổi lên.

Dân làng đầm ra sợ sệt, chẳng hiểu đó là điềm gì?

Có thầy địa lý Tàu đi ngang qua đó ngắm nghía rồi bàn bạc với những vị bô lão trong làng: - Đây là thiên táng.

Thiên táng nghĩa là ngôi mộ do trời xây nên, giúp cho con cháu kẻ bạc phước được phát đạt về sau.

Mấy vị bô lão nhìn nhau mà cười: -Khó tin quá. Nấm mộ này xây bằng đất bùn như thế kia thì liệu con cháu phát đạt được bao năm? Phải chi là mộ bằng đá, xây trên sườn núi thì lâu bền ít khi bị sụp.

Thầy địa lý đáp: -Bởi vậy con cháu của bà lão này giàu sang không lâu cho lắm. Họ làm chức to, có quyền lợi nhiều, vua không ra vua, quan không ra quan.

Quả nhiên, về sau họ Trịnh áp đảo nhà Lê, xưng là chúa nhưng về nghi lễ thì vẫn dưới quyền vua. Và hơn hai trăm năm sau, họ Trịnh mất tất cả oai quyền.

# HIỀN VƯƠNG GIẾT NGƯỜI ĐẸP

Hiền Vương là vị chúa Nguyễn lỗi lạc nhất, ngài trị vì từ năm 1648 đến 1687. Dưới đời ngài, miền Nam trải qua giai đoạn cực thịnh, chiến thắng chúa Trịnh, lấy sông Gianh làm biên giới, phía Nam thì ranh giới vượt qua Chiêm Thành, ngài lại cho phép người Trung Hoa bại Mãn phục Minh đến khai thác vùng Mỹ Tho, Đồng Nai, Hà Tiên, nhờ vậy mà miền đồng bằng sông Cửu Long sau này trở thành lãnh thổ Việt Nam. Lúc còn là thái tử, ngài đã đích thân điều khiển một trận hải chiến, chống với quân Hòa Lan, đem thắng lợi về vang mặc dầu lúc ấy khí giới rất thô sơ.

Trong hầu thiếp được vào cung điện hầu hạ, lúc ấy Hiền Vương chỉ chú ý đến một người xinh đẹp lộng lẫy, tên là Thừa.

Nàng Thừa hát hay, đàn giỏi, từ Nghệ An vào Kim Long, lúc bấy giờ thủ đô chưa dời qua vùng Huế ngày nay.

Say đắm nhan sắc là việc riêng tư, thuộc về sở thích của ngài, các quan cận thần chẳng một ai dám can gián. Hôm ấy, ngài đọc sử, chú ý đến bộ Ngô Việt Xuân Thu, trong ấy nàng Tây Thi dùng nhan sắc để làm cho vua Ngô Phù Sai quên việc nước, rốt cuộc khi quân thù tràn vào thì không phương chống đỡ.

Ngài tự nghĩ: -Không khéo ta lại phạm vào lỗi lầm Ngô Phù Sai. Lúc này tuy yên tĩnh nhưng biết đâu quân thù đang chuẩn bị tràn qua bờ cõi.

Ngài cương quyết dứt bỏ người đẹp. Nhưng dứt bỏ bằng cách nào? Nếu đuổi nàng thì nàng vẫn còn đó, thỉnh thoảng tới lui, liệu ngài cảm lòng được chăng? Chỉ còn một cách là giết ... Nhưng giết người đẹp, ngài không đủ can đảm chứng kiến điều ấy. Nếu bọn cung phi biết được ngài sẽ mang tiếng ác.

Hôm sau, ngài nghĩ ra một biện pháp. Ngài viết một bức thư, gửi cho ông Nguyễn Cửu Kiên là vị công thần rất được tin cậy.

Viết xong, ngài để phong thư trong cái túi nhỏ, túi ấy lại để trong túi chiếc áo gấm mới tinh. Lát sau ngài gọi nàng Thừa, người cung nữ yêu mến ấy đến: -Nàng đem áo này qua dinh bên kia, trao tận tay quan chưởng dinh nói rằng ta ban cho rồi chờ đợi giây lát.

Rồi ngài truyền cho quân thị vệ xếp chiếc áo gấm để vào hộp sơn son.

Nàng Thừa tuân lời, đích thân mang cái hộp đến gặp quan chưởng dinh Nguyễn Cửu Kiên.

Nhận được món quà và khi nghe nàng Thừa bảo rằng chờ trả lời, quan chưởng dinh lập tức mở hộp ra, xem kỹ chiếc áo gấm. Ông bắt gặp phong thư trong ấy ghi tóm tắt mấy chữ: - Khanh giết nàng Thừa cho ta đừng bận rộn tâm trí. Ta muốn lo việc lớn.

Lập tức, quan chưởng dinh mời nàng Thừa vào trong, cầm giữ lại. Đêm đến, ông ra lệnh cho tên quân thân tín giết nàng, đem xác bỏ ở nơi hoang vắng, trên ngọn sông Hương.

Việc làm trên đây là cử chỉ cương quyết của Hiền Vương, người đời sau không khỏi ngậm ngùi thương xót cho người đẹp bị giết oan ức.

# CON TRĨ, LOÀI CHIM QUÝ CỦA VIỆT NAM

Ở Việt Nam, có loài chim quý nhất thế giới, hiện nay khó tìm. Đó là chim trĩ, gọi nôm na là con trĩ.

Trung Hoa là nước to lớn, đủ loại cầm thú ấy mà vẫn thiếu con trĩ.

Thời phong kiến, trĩ là loại chim quý báu được vua chúa Trung Hoa ưa thích, các phái đoàn Việt Nam đi sứ bên Trung Hoa thường dâng con trĩ. Nếu không có chim trĩ còn sống thì dùng lông trĩ mà thay thế. Dắt lông trĩ sau lưng, trên mào là dấu hiệu sang trọng.

Đời nhà Hán, sử chép rằng ở Cửu Chân, Nhật Nam tức là vùng Thanh Hóa, Quảng Bình xứ ta có nước Việt Thường đem dâng con trĩ lông trắng. Đó là loài trĩ khó kiếm nhất.

Ngoài loại bạch trĩ nói trên, ở dãy núi Trường Sơn xứ ta còn vài loại khác: Bích trĩ, tức trĩ có lông màu vàng và đỏ. Hải trĩ, lông đen hơi xanh. Sơn trĩ, lông có vân. Ty Châu trĩ, ở nơi cổ có vòng đỏ. Phi Thúy trĩ, trên lưng có hình vẽ đều đặn, hoặc vuông, hoặc tròn. Trĩ lông trắng gọi là Hàm trĩ.

Theo truyền thuyết hoàng đường thì nếu con trĩ sống gần đầm nước sâu, lâu ngày có thể hóa ra một loài sò hến.

Vua Minh Mạng cho trạm hình con trĩ vào Cao Đình, tức là cái vạc ba chân tiêu biểu cho uy quyền nhà vua, để tại Thế Miếu, nơi kinh đô Huế.

Các nhà khảo cổ xác nhận: Chim phụng hoàng không bao giờ có thật, người ta đồn rằng phụng hoàng ở núi cao, lâu lắm mới xuất hiện, ít ai thấy! Sự thật là các họa sĩ thời xưa dùng hình dáng con chim trĩ để vẽ ra chim phụng hoàng ... cho thêm vẻ huyền bí.

Chim trĩ quả thật là kỳ quan của nước ta vậy!

# CON TÔM ĐỀN ƠN

Kiến Văn Tùng Thoại là nhan đề một bộ dã sử mới soạn sau này, đời nhà Nguyễn.

Theo tài liệu nói trên thì cách đây hơn trăm năm (1826) ở Đông Hải (tức là Đồng Hới) thuộc tỉnh Quảng Bình có người ra biển đánh cá.

Tình cờ hôm ấy chàng ngư phủ thấy lưới quá nặng nên gọi mấy người bạn: -Anh em kéo lên cho khéo, chắc là gặp cá to.

Cả bọn hì hục kéo lưới. Khi lưới lên khỏi mặt nước thì ai nấy sửng sốt. Một người bạn la hoảng: -Con quái thú xuất hiện.

Chủ ghe trầm tĩnh hơn, nhìn kỹ thì đó là con tôm, dài cỡ chiếc ghe lưới. Anh ta nói: -Đúng là con tôm lớn. Đừng sợ sệt gì hết. Đem lên ghe cho tôi.

Con tôm này thuộc loại đặc biệt, mình mẩy đầy vằn vện như có ai sơn phết ngoài vỏ. Mấy cọng râu càng đáng nể hơn, mỗi cọng to như sợi dây lược, dài tận đuôi tôm.

Lát sau, ngư phủ đem con tôm lên bờ, khiêng đến chợ. Dân chúng bu lại đen nghịt. Có người bàn: -Nguy hiểm, ăn biết có sao không? Rủi ta xúc phạm đến thần thánh. Tôm này là tướng tá của Long vương, rủi đi thất lạc.

Một người Hoa kiều họ Tạ đứng ngắm nghía con tôm hồi lâu rồi nghĩ thầm rằng chắc nó là loại đặc biệt, ăn vào thì bổ khỏe vô cùng. Xưa nay, chưa ai chết vì ăn tôm.

Rốt cuộc, con tôm vào tay họ Tạ. Anh ta đem về nhà, con tôm giãy đành đạch trên mặt đất. Bên cạnh nhà họ Tạ là một người khác, không rõ tên gì, chỉ biết là người họ Dương chạy qua ngăn cản: -Đừng ăn thịt nó.

Họ Tạ vẫn cương quyết, đốt lửa để nấu nước. Họ Dương nài nỉ, mua con tôm ấy với giá gấp đôi rồi thả xuống biển.

Thời gian trôi qua, chẳng ai còn nhớ chuyện con tôm khổng lồ ấy nữa. Họ Dương tiếp tục nghề cũ là mua bán theo đường biển, từ Đồng Hới vào Huế.

Gặp hôm nọ sóng to gió lớn, chiếc thuyền của họ Dương bị lật úp, anh ta tìm cách lộn vào bờ, tình cờ gặp miếng ván khá to trôi lênh bênh trên mặt biển. Nhờ miếng ván ấy, anh ta thoát nạn, vào bờ. Khi đứng trên bãi cát nhìn kỹ thì mới hay rằng đó là con tôm to lớn mà anh đã mua rồi phóng sinh năm trước. Con tôm quơ mấy cọng râu to lên khỏi mặt nước. Họ Dương chấp tay nói: -Hôm nọ ta cứu mi, hôm nay mi cứu ta. Đúng là cứu vật thì vật trả ơn. Ta có lời tạ ơn.

Con tôm bèn lộn vọt ra khơi, mất dạng trong sóng biển muôn trùng.

Từ đó, dân địa phương gọi tôm nọ là “đại hà.” chẳng ai còn gặp lần nào khác nữa.

# NGƯỜI KHUẤT MẶT Ở RỪNG U MINH

Rừng U Minh, thuộc tỉnh Kiên Giang là nơi hoang vu, chưa được khai phá đúng mức, lý do rất dễ hiểu vì cây cối không giá trị, cây tràm để làm củi chứ không quý giá như cây sao, cây dầu.

Đất lại thấp, sau khi phá rừng khó bề làm rẫy, làm ruộng, chỉ một số ít người kiên nhẫn mới ra công biến rừng thành ruộng.

Công việc khó nhọc này đòi hỏi năm mươi năm, lắm khi qua đời cha khai phá, đời con mới được hưởng. Đất rừng nhiều phen, phải tốn công đào kinh rạch, hơn nữa, khí hậu không tốt của rừng U minh khiến nhiều người ốm yếu vì mang bệnh sốt rét kinh niên.

Trước thời Pháp thuộc, cách đây hơn trăm năm, nhiều người từ Mỹ Tho, Tân An tản cư xuống Rạch Giá, đến ven rừng U Minh.

Họ cất chòi, phá vài lổm đất ở ven rừng. Họ thường tụ họp nhau lúc ban đêm để nói chuyện khào cho qua cơn buồn nơi hẻo lánh. Giữa đêm lắm người lắng nghe nhiều tiếng khác thường. Người này nói: -Ở giữa rừng, chớ sửa vắng vắng.

Người khác cho biết: -Đêm qua, tôi nghe tiếng chày giã gạo.

Mùa gặt lúa, đôi khi dân trong làng gặp nhiều bó rơm từ giữa rừng trôi xuống. Ai nấy đều đồng ý nhau ở một điểm: rừng U Minh chưa hẳn hoang vắng.

Vài người thử lên rừng. Đột nhiên, họ gặp vùng đất trống trải, với xóm nhà náo nhiệt. Họ vào xóm. thấy chó chạy, heo kêu, thấy cơm sôi trên bếp nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng người.

Khi trở về, họ đánh dấu để chuyển sau trở lại xem kỹ hơn. Nhưng hồi ôi, những kẻ tò mò ấy mang bệnh nóng lạnh nhức đầu. Và khi tìm cách trở lại chốn cũ thì họ lạc hướng, gặp toàn là lau sậy, ao sen và cây cối thưa thớt. Phải chăng rừng U Minh là nơi cư ngụ của những người khuất mặt? Họ là ai?

Mãi đến hôm nọ, một thằng bé giữ chim mùa lúa chín, ban đêm ngủ trong chòi thế mà mất tích vô cớ. Vài người suy luận: -Chắc là nó bị rắn cắn, hoặc vào rừng bị cọp cắn mất xác.

Nhưng vài năm sau, thằng bé trở về xóm, thuật lại rằng phen đó có ông lão nọ tới chòi, rủ nó vô rừng, gả con gái cho. Vợ chồng sống êm ấm, sinh được đứa con trai. Một hôm, lúc mẹ đi vắng, đứa con khóc. Người chồng dỗ con: -Nín đi, mẹ mày đi chợ mua bánh về,

Người vợ về thấy đứa con khóc, hỏi sự tình thì biết rằng chồng đã nói dối con. Bởi vậy người chồng bị đuổi ra khỏi xóm vì tội nói dối.

Khi về xóm, thằng bé năm xưa buồn rầu, nhớ vợ nhớ con nhưng không tài nào tìm được vị trí cũ. Nghe nó thuật lại, ai nấy phì cười, cho rằng nó bị ma bắt, đem giấu giữa rừng nên bị cuồng trí nói bậy bạ vậy thôi.

Nhưng đêm nọ, trăng sáng mờ mờ, người trong xóm nghe tiếng ồn ào dưới sông. Đó là những đoàn xuồng tản cư, chở theo nào đàn bả, trẻ con, gà vịt. Hỏi thì họ trả lời: -Bọn tôi ở riêng một cõ, ghét những người nói dối. Mới đây, nhiều người ở xa tới, hứa tha tội cho một người ngay thẳng, vậy mà khi người đó đầu hàng thì bọn người bắt lương đó lại giết. Bọn nó gần tới đây rồi. Bởi vậy, bọn tôi đi xa.

Hỏi thêm thì những người tản cư cho biết: -Đi về trên đỉnh núi cao lắm, ở tận trên trời.

Từ đó về sau, phía rừng U Minh im bất tiếng gà gáy, chó sủa. Người đời sau nhắc đến chuyện cũ, gọi đó là những người khuất mặt ở rừng U Minh. Những người này oán ghét thực dân Pháp, vì thực dân đã giết liệt sĩ Nguyễn Trung Trực khi ông này ra hàng, để cứu đám dân vô tội bị bắt làm con tin.

# GƯƠNG VỠ LẠI LÀNH

Trong lời ca, bài hát thời xưa, người ta thường dùng bốn chữ “Gương vỡ lại lành.” để chỉ những trường hợp tái ngộ, giữa đôi tình nhân hoặc vợ chồng.

“Gương.” là miếng đồng đen, hình tròn, một mặt có chạm bông lúa, một mặt thì đánh trơn láng để soi mặt. Thời xưa, lúc chưa tìm ra loại kiếng thủy tinh, các cô thiếu nữ tạm soi mặt để điểm trang nhờ tấm gương bằng đồng, giống như ngày nay chúng ta nhìn vào cái mâm thau chùi sáng thì có thể thấy nhiều chi tiết trên mặt.

Gương bằng đồng tiêu biểu cho lời thề chung thủy, sống chết không rời, đó là món đặc biệt của đàn bà.

Chuyện gương vỡ lại lành nhắc lại mối tình giữa Lạc Xương công chúa và phò mã Từ Đức Ngôn, đời Trần Hậu chúa bên Trung Hoa.

Phò mã và công chúa sống yên vui trong hạnh phúc, thì bỗng đâu nhà Tùy kéo quân đến tàn phá. Trong lúc tán loạn, để dễ bề tẩu thoát khi giả dạng thường dân, hai vợ chồng đành tạm biệt. Nhưng Từ Đức Ngôn vẫn tin tưởng vào ngày đoàn tụ nên bảo rằng: -Công chúa hãy trao cho ta một vật gì để sau này làm tin.

Công chúa Lạc Xương đem tấm gương đồng, đập bể thành hai rồi trao cho Từ Đức Ngôn một mảnh.

-Chàng nên giữ thật kỹ.

Từ Đức Ngôn bèn nghĩ ra một kế: -Rằm tháng giêng năm sau, ta tìm gặp nhau tại Trường An, đem nửa mảnh gương ra bán.

Nói xong, Từ Đức Ngôn tẩu thoát trong khi địch quân tràn vào cung điện, công chúa Lạc Xương bị tướng Dương Tố bắt sống.

Tuy nhiên Dương Tố là người hiền đức, ông ta ăn ở với công chúa, chẳng bao giờ dùng lời lẽ thô bạo. Công chúa sầu thảm vô cùng, nàng vẫn nhớ đến người chồng cũ, không biết sống chết hay lưu lạc phương nào.

Rằm tháng giêng năm sau, Từ Đức Ngôn trở thành kẻ sĩ bán hàn, chàng vẫn đến Trường An, dạo tới dạo lui để mong gặp người vợ hiền. Chàng thất vọng vì không gặp công chúa, nhưng ở cuối chợ có một thiếu nữ ngồi ngóng, để nửa mảnh gương trong cái thúng. Chàng đến gần, xin xem thử mảnh gương. Lúc đầu, thiếu nữ không cho chàng sờ vào và đòi hỏi chàng phải trả giá cao.

Đoán chừng đó là người tín cẩn của công chúa, chàng mời thiếu nữ vào quán thết tiệc rồi yêu cầu nói sự thật. Để chứng minh lòng mình, chàng đưa nửa mảnh gương ra.

Bấy giờ thiếu nữ trao mảnh gương cho chàng, thử ráp lại thì thấy rất khít khao.

Chàng làm bài thơ nhờ thiếu nữ đem về cho công chúa. Công chúa làm thơ đáp lại. Nhận ra người chồng xưa, công chúa Lạc Xương khóc lóc, thân thể hao mòn. Dương Tố hỏi, nàng nói đầu đuôi tự sự: Để tỏ lòng mình là khách hào hoa, Dương Tố nói: -Nàng cứ mời chồng cũ đến đây.

Phò mã Từ Đức Ngôn vào dinh Dương Tố.

Thấy phò mã là người đứng đắn, Dương Tố bằng lòng cho công chúa Lạc Xương và phò mã tái hợp như trước.

Người đời sau khen ngợi Dương Tố là quân tử.

Trên đây là sự tích gương vỡ lại lành. Ở nước ta, theo dã sử thì lúc tầu quốc, vua Gia Long và hoàng hậu đã cùng nhau thề ước, tám gương bị đập làm hai, mỗi người giữ một mảnh.

# NGƯỜI ĐÀN BÀ GHEN TUÔNG

Trong truyện Kiều của cụ Nguyễn Du, có câu:

Cúi <sup>[1]</sup> đầu luồn xuống mái nhà,  
Dấm chua lại tội bằng ba lửa nòng.

Dấm chua là điển tích được thông dụng để ám chỉ người đàn bà ghen quá mực. Nhiều người cho rằng “chua.” là chua chát, chanh chua, tức là nói mỉa mai cay độc. Nhưng có điển tích lý thú như sau, đáng tin cậy hơn: Vua nước Kim có bà hoàng hậu quá ghen. Hằng ngày, vua ấp yêu hai người cung phi xinh đẹp, tươi trẻ. Hoàng hậu không cản ngăn được, vì luật lý thời xưa không cấm đoán việc đa thê.

Khi lâm bệnh nặng, biết mình sắp băng hà, nhà vua nói với hoàng hậu: -Sau này, hoàng hậu phải chôn hai người cung phi ấy bên cạnh ta để săn sóc ta.

Hoàng hậu nhận lời. Khi vua băng hà, bà mừng rỡ vô cùng và xem đó là dịp để giết hai người cung phi. Bà truyền lệnh: -Quân sĩ đem chôn sống hai đứa đó, theo lời di chúc.

Nhưng bà không yên tâm, máu ghen khiến bà suy tính lợi hại: -Nếu ta chôn sống thì hai đứa cung phi sẽ hầu hạ nhà vua, nhà vua sẽ hưởng hạnh phúc riêng với bọn nó mà quên ta.

Nghĩ vậy, bà ra lệnh giết chết hai cung phi rồi lóc thịt, cho hình hài người chết trở nên xấu xí, khiến vong hồn nhà vua chán chê, không yêu nữa.

Lóc thịt xong, hoàng hậu vẫn chưa hết cơn ghen. Bà đề phòng trường hợp những bộ xương này sẽ ... trở nên mập mạp, có da thịt khi xuống âm phủ. Sau rốt, bà truyền lệnh ngâm hai bộ xương nọ vào dấm, loại dấm thật chua để xương tan mất. Sau đó bà đem chôn bên cạnh lăng nhà vua, tin rằng nếu muốn hóa ra người đẹp thì bộ xương nọ đã bị nát rồi, không tài nào đầu thai, hoàn cốt được.

-----  
1. Trong sách chép là: Cuối.

# ĐẠO SĨ NÚI NA

Ở Thanh Hóa có ngọn núi Na, đúng là khu Na Sơn, tức là ngọn núi đuổi ma. Xưa kia, theo lời truyền khẩu thì trong hang động núi nay ma quỷ thường tới lui, quấy rối bọn tiểu phu. Về sau, một đạo sĩ vô danh đến đọc thần chú, ma quỷ biến mất.

Đời nhà Trần, dân chúng đồn đãi rằng: -Trong cái động ở ngọn núi phía tả, thỉnh thoảng một đạo sĩ xuất hiện, ăn mặc thô sơ. Trước kia ông ta là tiểu phu, sau này vào núi tu tiên.

Cuối đời Trần họ Hồ soán ngôi, Hồ Hán Thương (con của Hồ Quý Ly) đi săn, đến núi Na bỗng gặp một người đang ca hát nghêu ngao, đoán chừng là vị đạo sĩ tu tiên mà dân chúng thường đồn đãi. Đạo sĩ hát những lời tao nhã như sau (bản dịch Tú Trai):

Ngọn Na sơn, đá mọc miên man,  
Cây xanh xanh, khói mịt mịt, nước sần sần.  
Sớm ta ra đi, chiều ta lại hoàn,  
Ao ta dệt bằng lá,  
Giày ta kết bằng lau.  
Cửa ta cây xanh che nắng sớm,  
Ruộng ta lúa tốt gọi thác tràn.  
Mặc ai danh lợi,  
Mặc ai xe ngựa.  
Bụi hồng hồng chút tới giang san,  
Triều Tống giáo gươm có lấp.  
Đời Tấn xiêm áo mộ tàn,  
Vương Tà phong lưu, Tiêu Tào sự nghiệp.  
Rút lại từ cổ tới kim khanh tướng, bia đá rêu mòn,  
Sao bằng ta: Ngóc đầu tỉnh dậy, trời đã ba can.

Lời ca biểu lộ tâm trạng của một người không màng công danh, sống đơn giản không xa hoa, tự ví mình là ông tiên nho nhỏ, không lo âu, cứ ngủ tới khi mặt trời mọc ba sào mới thức dậy. Con người bốn ba cho lắm thì tới chết cũng nắm hai bàn tay không.

Hồ Hán Thương biết rằng đó là bậc kỳ tài nên muốn mời ra để hỏi việc nước. Nhưng đạo sĩ nọ đã mất dạng trong động. Hồ Hán Thương gọi cận thần: -Mời đạo sĩ ấy gặp ta.

Cận thần vào hang, thấy trên vách đá có đề hai bài ca, nhan đề là Ái Miên và Ái Kỳ biểu lộ rằng đạo sĩ chỉ thích có hai việc là ngủ thẳng giấc và đánh cờ tướng. Mặc dầu được nài nỉ khẩn khoản, đạo sĩ cương quyết từ chối, bảo rằng chỉ thích sống thung dung với cây cỏ đá hoa.

Hồ Hán Thương không bỏ cơ hội, tìm cách trở lại động, tin rằng đạo sĩ là bậc kỳ tài, chán đời vì quá hiểu đời. Nếu được ông ta giúp một tay thì Hồ Hán Thương biết đâu sẽ thành công lớn lao, khi Lưu Bị gặp Khổng Minh.

Lần sau, Hồ Hán Thương dùng lại an xa, đến núi Na. Đây là loại xe nhẹ nhàng, không gây tiếng động. Mục đích của ông ta là rình gặp đạo sĩ để đàm đạo trực tiếp, chừng đó, đạo sĩ khó từ chối.

Hỡi ôi! Khi trở lại cửa động thì Hồ Hán Thương thấy gai mọc đầy. Trên vách đá hai câu thơ đề sẵn tự bao giờ, đại ý tiên đoán rằng cửa biển Kỳ La và núi Cao Vọng là nơi sâu thẳm (tức là nơi cha con Hồ Hán Thương thất bại). Hồ Hán Thương tức giận truyền cho quan sĩ đốt lửa, xông khói vào trong để đạo sĩ chạy ra. Nhưng trên làn khói, con hạc bay chập chờn

như ca ngợi thú phong lưu, như chọc tức kẻ ham danh lợi.

Đây là chuyện cổ tích, chúng ta đoán rằng do một nho sĩ đặt ra, với dụng ý đả kích Hồ Quý Ly, Hồ Hán Thương đã âm mưu dựng một triều đại mới, khi soán ngôi nhà Trần.

# CÁ THẦN VÀ CÁ MA

Ở Hậu Giang, thỉnh thoảng chúng ta còn nghe truyền tụng nhiều giai thoại về loại cá to ở sông Cái (Hậu Giang).

Tại rạch Cái Tắc (Cần Thơ) có cặp cá vồ cò to lớn khác thường. Thỉnh thoảng cá nổi, cái cò to nhô lên khá cao (kỳ = cò), cá tới đâu là cái cò rẽ nước như nổi sóng. Lát sau, cá lặn mất. Người ta cho rằng cá ở hang ngoài sông Cái, nếu xuất hiện là đem điềm dữ cho dân chúng.

Sở dĩ có sự mê tín ấy vì từ xưa, thiên hạ đồn đãi rằng sông rạch là khu vực do Hà Bá cai quản (cũng như Long vương cai quản ngoài biển cả). Cá to lớn quá mức trung bình phải chăng là binh tướng của Hà Bá? Ai đụng chạm hoặc giết cá nọ thì xúc phạm đến người khuất mặt.

Cặp cá vồ ở Cái Tắc nổi lên, tình cò trong lúc cha con lão nọ vừa quăng chài xuống. Đôi cá dính trong miệng chài, cựa quậy rồi chạy trốn.

Lúc mất bình tĩnh, lão nói với con: -Giữ cái chài, buộc vô ghe!

Thế là đôi cá kéo cái chài và chiếc ghe, dân chúng hai bên bờ đứng xem, ngạc nhiên. Cá quá mạnh kéo chiếc ghe chạy nổi sóng.

Lão chài kêu cứu. Có người đưa sáng kiến: -Chặt bỏ sợi dây. Đừng tiếc cái chài mà mang họa.

Lão làm y lời. Hai con cá nọ lặn xuống đáy sông mất dạng. Về sau, cặp cá này bị bắt, theo lời đồn đãi thì trong bao tử cả có vòng vàng, chuỗi hạt chứng tỏ nó đã ăn thịt người.

Ở Cần Thơ, còn giai thoại khác về cá vồ ma. Ông lão nọ nuôi hai hàm cá, một dành cho các vồ, một dành cho cá trê trắng.

Là người giàu có, ông để bày cá sống nhiều năm, cá lớn thì bán có giá hơn. Gần hai ao này, bấy lâu dân trong xóm đem thân nhân tới chôn cất vì vùng đất trống trải, thuộc về công điền.

Năm mươi năm sau, gia đình ông lão gặp nhiều tai biến xảy ra liên tiếp: vợ chết, con đau ốm. Đêm khuya thanh vắng, nơi ao cá nhiều bóng dáng ma quái chập chờn, kèm theo là tiếng kêu hú.

Một thầy địa lý đi ngang qua, xem kỹ hai hàm cá vồ và cá trê rồi lắc đầu: -Cá đã thành ma, nên bán gấp.

Lái cá đến nơi, chịu giá và chủ nhà bán với giá rẻ mạt. Hôm sau, chủ nhà cho bốn người bện tát nước. Lạ thay, khi nước gần cạn ao thì bao nhiêu cá đều biến mất.

Lái cá nói: -Như vậy là chủ nhà gạt tôi để lấy tiền cọc!

Chủ nhà cãi lại: -Hôm qua, dưới ao cá lội nhung nhúc, tôi bắt lên để làm gì? Làm sao tôi bắt hàng mấy trăm con cá, khi nước còn lênh lãng dưới ao? May rủi thì chú chịu. Tôi cũng chịu lỗi như chú.

Mấy ông kỳ lão nghe chuyện lạ bèn tới nơi rồi bày ra sáng kiến: -Chủ nhà thấp nhang khấn

vái người khuất mặt, họa chăng là bày cá trở về.

Đêm sau, cá trở về đầy ao. Chủ nhà và chú lái vô cùng mừng rỡ. Cá đã xuống ghe nhưng khi tách bến một đôi thì ai nấy la hoảng: -Cá biến mất rồi!

Lại xảy ra chuyện thắc mắc giữa chủ nhà và chú lái. Thắp nhang khấn vái không đem lại kết quả nào cả. Chủ nhà đành tát ao cá trê để bồi thường cho chú lái đến mua cá vồ.

Chuyện “cá vồ ma.” được loan truyền từ đó.

Cá tra, cá vồ, cá hô đều là loại ở sông Cái, từ Biển Hồ (Cao Miên) tràn xuống. Người Việt Nam ta vì ở xa nên chưa gặp những con cá ở Biển Hồ. Ba loại kể trên rất to, nếu sống lâu năm. Chúng tôi xin nêu vài con số:

Cá tra, bễ dài từ sáu tấc tây đến tám tấc tây, bễ cao hai tấc, bễ ngang bai tấc rưỡi hoặc ba tấc. Cá vồ lớn hơn cá tra, dài tối đa là hai thước tây, trung bình là một thước hai hoặc một thước ba. Cá hô, dài từ một thước tám đến hai thước, lúc nhỏ thì đuôi và kỳ màu hường, lớn nhiều năm thì đổi ra màu đen.

Đối với người ở Biển Hồ, thì con các vồ dài non hai thước chẳng có gì là lạ. Ở xứ ta, vài con cá to từ Biển Hồ trôi xuống hoặc lớn nhờ nuôi lâu năm lại trở thành chuyện hoang đường, căn cứ vào giả thuyết “sống lâu năm thành tinh.” từ con cộp, con sấu đến con cá!

# CON RANH, CON LỘN

Mãi đến nay, nhiều bà mẹ khi nổi giận đã không tiếc lời mắng nhiếc con cái trong nhà: -Mày là con ranh, con lộn!

Hoặc là: -Đồ con ranh, con sát!

Đúng ra phải nói đứa bé bất hiếu ấy là con của mẹ ranh Càn Sát, chữ nho gọi là Càn Sát quỷ mầu. Tục truyền rằng năm đó ở tỉnh Hà Đông (miền Bắc) có thằng bé chăn trâu vừa siêng năng, vừa khôn ngoan. Nó thường nói với cha ruột: -Mẹ con mất rồi, con nhớ ông ngoại bà ngoại. Hễ tối sau khi lừa trâu vô chuồng, xin cha cho phép con qua bên ấy.

Người cha thuận cho đứa bé qua làng kế cận mà ngủ ở nhà bà ngoại. Thằng bé đi vắng nhà, sáng trở về lo chăn trâu. Chú của thằng bé thấy vậy thường lên tiếng ngăn cản: -Trời mưa gió, cháu bé vượt qua cánh đồng, rủi mang bệnh hoạn thì tội nghiệp, đó là chưa nói đến tai nạn rắn rít dọc đường. Để tôi qua nói với bà ngoại nó, cho nó ngủ bên này, thỉnh thoảng hãy tới thăm.

Người chú đến gặp bà ngoại thằng bé, chùng nghe hỏi thì bà trả lời sừng sốt: -Mấy tháng rồi, nó đâu có tới đây thăm tôi. Hay là nó chơi hoang với chúng bạn?

Người chú sinh nghi vì thằng bé hơn mười tuổi quá hiền lành ấy chẳng lẽ mê say tửu sắc. Chiều hôm sau, khi thằng bé lên đường, người chú bèn nom theo phía sau. Nó không hay biết, đi thật nhanh đến cây đa cổ thụ ở giữa cánh đồng. Trời tối hẳn, nhờ vậy mà người chú ẩn núp kín đáo ở mô đất, gần gốc cây.

Từ trên ngọn cây đa, một giọng đàn bà gọi the thé: -Con ơ! Mẹ đây nè! Sao về trễ vậy?

Rồi người đàn bà ấy từ ngọn cây nhảy xuống đất gọn gàng, hàng chục đứa bé nhảy theo, đeo trên vai, sau lưng. Trong lòng mẹ ta, một đứa bé đang bú.

Người chú hiểu mẹ nó là ma quái bèn lắng tai để ý nghe đứa cháu trả lời: -Con buồn quá, sớm muộn gì chủ nhà cũng hay biết, mấy tháng rồi, con vắng mặt lúc ban đêm nên họ nghi ngờ. Mẹ nên dẫn con đi xử khác.

Mẹ nó trả lời: -Căn phần chưa mãn, hai ba năm nữa mới dứt được. Con nên chịu cực mà chăn trâu. Tuy vắng mẹ nhưng ai dám ám hại con. Mẹ khuyên con điều này: nếu chủ nhà dọn cá chép hoặc là con ba ba thì đừng ăn mà nguy hại, mẹ con mình khó gặp mặt nhau.

Mẹ nó và thằng bé ngồi gần nhau, mới nhỏ tiếng nên người chú không nghe rõ. Nhưng cần gì! Tất cả bí mật đều bị tiết lộ rồi, người chú chạy nhanh về nhà, không nói lời nào cho cha đứa bé hay biết.

Hôm sau, người chú mua cá chép và ba ba, băm hai thứ đó bỏ vào nồi mà nấu. Đến bữa ăn người chú mời mọc nhưng thằng bé vẫn trả lời một mực: -Cháu no rồi.

Người chú đến gần, dùng tay đè xuống rồi cạy miệng, đổ thịt ba ba và cá chép vào miệng đứa cháu. Nó kêu la, kháng cự. Để trừ khử, người chú hất cả thức ăn lên đầu nó, trét lên đầu.

Chiều tối, thằng bé vội vã chạy ra ngoài đồng vắng, đến gần gốc cây đa. Khi chạy theo để ngóng kết quả, người chú giật mình, vì mẹ già trên ngọn cây quát to: -Đồ bất hiếu. Ta đã dặn đừng ăn những món cấm kỵ đó, mi cãi lời thì còn cách nào cứu vớt được nữa.

Thằng bé òa lên khóc: -Xin mẹ thương con mà tha thứ cho. Họ dùng võ lực để lấn hiếp, con yếu đuối ...

Mụ già cứ chửi mắng. Người chú nổi giận, cầm cục đất mà nạt: -Mụ kia! Đừng hòng tới lui xóm này mà quấy rầy dân chúng. Xem này!

Cục đất ném tới, mụ già và lũ trẻ con biến mất. Rồi không bỏ mất cơ hội, ông về nhà lấy xương cá chép và cái mai con ba ba đem đến gốc cây, ném bừa bãi xung quanh.

Thằng bé về nhà, nằm yên trong mừng. Với thái độ kiêu hãnh, người chú ngồi trong nhà, đốt đèn lên mà uống rượu. Đúng như sự dự đoán, đầu vào khoảng canh tư, mụ già nọ đến trước sân để van nài: -Ông đem xương cá chép với mai ba ba mà bỏ nơi khác. Tôi không nơi nương tựa, nếu ông đuổi thì tôi rời khỏi cây đa, đi lang thang phá tất cả xóm này. Tôi không hại ông nữa đâu.

Người chú ra gốc cây, lượm mấy món cấm kỵ nọ đem quăng xuống dòng sông gần đó.

Thằng bé tiếp tục chẵn trâu, không lén đi ra ngoài gốc đa như trước. Nó lớn khôn, học hành biết đọc, biết viết, nếu ai nhắc chuyện mụ già thì nó trở mặt, không nhớ điều gì cả.

Mụ ấy được gọi là mẹ ranh Càn Sát.

# QUỖ THẦN BẮT TRẮC

Mấy ông bầu gánh hát bội thường khoe khoang: -Ban đêm tôi không bao giờ sợ ăn trộm, đồ đạc cứ để bừa bãi sau khi vẫn hát, sáng ra áo mao đều còn nguyên, nhất là khi hát ở đình làng.

Nếu hỏi lý do thì mấy ông trả lời vu vơ: -Ăn trộm với hát bội thờ chung một tổ!

Tại sao chung một tổ? Theo suy luận của chúng tôi thì kẻ trộm và đào kép hát bội giống nhau ở điểm thay hình đổi dạng, nhất là trong trường hợp kẻ trộm thuộc vào loại “ăn trộm tài.” ở lẫn quần trong xóm. Hắn phải bơi lội, vẽ râu để không có ai nhận được tung tích.

Xưa kia, tại làng nọ có ngôi đình nhỏ, tất cả các món tứ khí (đồ thờ phượng) đều bằng vàng, bằng bạc. Nhiều kẻ động lòng tham, lẻn đến để đánh cắp nhưng hồi ời, sau khi thi hành thủ đoạn bất lương, chẳng ai ra khỏi sân được. Tay kẻ trộm như tê cứng, co rút lại. Hắn đành lê lét, kêu rú rồi bị bắt tại trận vào sáng hôm sau.

Thần thánh linh thiêng, nhưng đôi khi vì bận rộn đi châu Ngọc hoàng nên kẻ trộm vào đình, vợ vét vài món đồ rồi về nhà, bình yên vô sự. Dè đâu hôm sau khi trở về thì thần thánh làm điềm, khiến cho một đứa bé “lên xác.” điềm chỉ đúng danh thủ phạm.

Bởi vậy, suốt mấy năm liền, trong đình không bao giờ mất mát. Đến năm nọ, như thường lệ vào dịp kỳ yên, các vị thần hào và bô lão rước gánh hát đến, hát liên tiếp mấy đêm. Đâu vào khoảng đầu canh tư, tuồng hát tạm chấm dứt, ai về nhà nấy, đào kép nằm xuống ngủ khò, sau khi thay xiêm y.

Một tên trộm nghĩ ra sáng kiến kỳ diệu để lấy trộm những món quý giá trong đình. Hắn đến chỗ đào kép đang ngủ, lấy áo giáp mặt vào mình, lấy mao đội lên đầu. Hắn không quên đeo râu, lấy phấn son tô đầy mặt.

Làm như thế mà hắn vẫn chưa yên tâm. Hắn xuống bờ sông, móc bùn đất dưới bãi mà trét vào chân tay. Đâu đó xong xuôi, hắn cười thầm: -Như vậy thì làm sao thần thánh nhận ra được!

Lát sau, hắn tiến vào chính điện. Công việc đầu tiên là đập đổ chiếc ngai.

Chiếc ngai ngã sập xuống. Hắn nhủ thầm: -Thần linh phải chạy trốn, không còn chỗ ngồi.

Rồi hắn thẳng tay vợ vét mấy chiếc ấm bằng vàng, mấy bộ chén bằng bạc để sẵn trên bàn thờ. Sau cùng, hắn ung dung ra khỏi sân đình vào lúc gà gáy rõ, báo hiệu canh năm.

Trời vừa hừng sáng, viên chính tể bỗng thức dậy, đập xô bàn ghế trong nhà khiến vợ con la hoảng: -Ông làm gì vậy? Đêm rồi uống rượu say mềm về đây ngủ một giấc mà chưa tỉnh hay sao?

Viên chính tể chạy thẳng ra đường cái rồi đến chính điện của đình làng mà quát mắng: -Chúng bây tội nặng lắm. Tại sao không canh chừng, đồ đạc của ta mất hết rồi.

Dân làng tụ họp lại, nghĩ rằng thần linh đã nhập vào xác viên chính tể. Họ kiểm soát lại thấy mất tất cả những món bằng vàng bạc, chiếc ngai thì gãy đổ. Chẳng một ai dám trả lời, cứ quỳ lại để nghe quở mắng.

Hồi lâu, một vị bô lão thử lên tiếng: -Xin thần linh tha thứ cho, từ bao lâu rồi chẳng có đứa

nào dám vào đình. Là người phạm mất thịt, làm sao chúng con biết hình dáng kẻ trộm. Xin thần linh mách bảo, lập tức chúng con đánh nó mềm xác về tội phạm thượng chứ chúng con đâu dung túng.

Thần linh cứ giậm chân mà trả lời: -Đêm rồi, bọn người dâng rượu, dâng xôi thịt cho ta. Ta uống hơi nhiều, phần mệt vì xem hát nên không chú ý. Đưa bắt lương hắt ta ra khỏi ngai.

Vị bộ lão bèn nài nỉ: -Xin thần linh chỉ dạy sơ qua hình dáng đứa gian, mập hay ốm, cao hay thấp, nước da trắng hay đen để chúng con truy tìm.

Thần linh đáp: -Hình dáng đứa ấy lạ lùng quá, đầu đội mào công chúa, mình mặc áo giáp tướng cướp, chân tay đen thui, miệng thì có râu như kẻ nịnh. Phải tìm kiếm, để trể thì ta quở mắng.

Nói xong thần linh “thăng.”khỏi xác. Dân làng theo dõi mãi nhưng để gì biết chính danh thủ phạm là ai. Đúng là kẻ bắt lương đã vào đình, mặc áo mào của đào kép để thay hình đổi dạng.

Rốt cuộc, họ đành góp tiền, mua sắm vài món khác rẻ tiền hơn để đền bù cho thần linh.

Chuyện trên đây chứng tỏ rằng kẻ khôn ngoan có thể làm những chuyện bất ngờ mà thần thánh chẳng đoán trước được. Có người cho rằng kẻ trộm nếu muốn vào đình làng vẫn có thể dùng thủ đoạn khác, khó nhọc hơn: hấn bò ngược, dầy đầu ra ngoài sân, dùng hai chân mà quơ quào, thần thánh chỉ thấy chân chứ không thấy cái mặt của hấn trong bóng tối.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>